

Hạnh Mong Vô Cầu

Lê Huy Trứ, MSEE

tle8464953@aol.com

trule9@Gmail.com



November 24th , 2015

Mục Lục

Lời Nói Đầu	4
1. Nhập Đề	6
2. Duyên khởi của Tự Lực và Tha Lực trong Phật Giáo	10
3. Thuận dòng, Ngược dòng	13
4. Thần Nhân hợp tác cùng với Tự Tha đồng hiệp lực	14
5. Nguồn gốc của Tôn Giáo	17
6. Cầu nguyện trong Phật Giáo	18
7. Ý nghĩa cầu nguyện của con người.....	23
8. Những điều tâm niệm của trở ngại, đừng cầu mong vô ích.....	28
9. Khổ và Nguyên Nhân.....	29
10. Nghịch lý của Luật Nhân Quả và Lý Nhân Duyên.....	30
11. Mũi Tên Độc trong Kinh Điển Phật Giáo Đại Thừa.....	32
12. Những câu hỏi khó giải đáp ôn hòa	36
a. Kẻ ác sống dai, người hiền chết sớm	37
b. Ăn hiền ở lành mà vẫn khổ	37
c. Chỉ cầu được an phận mà không được.....	38
13. Tất cả do tâm tạo.....	40
14. Ta cầu Ta.....	42
15. Biết, Cầu, Làm, Được	44
16. Vận mệnh có thay đổi được không?	46
17. 64 câu Phật học cho cuộc sống đầy mong cầu.....	50
18. Mong cầu của người xuất gia.....	54
19. Mong cầu bao dung và từ bi	56
20. Mong cầu thiện duyên.....	58
21. Lý Cương Nhu	59
22. Đại anh hùng tạo thời thế.....	60
a. Lục Tổ Huệ Năng.....	62
b. Phật Hoàng Trần Nhân Tông	62
c. Những mong muốn cuối cùng rất giác ngộ của Alexander Đại Đế	64
d. Tào Tháo	65
23. Sau đây là những người đã thất bại như cơm bữa.....	66
24. Như Thị Tri Kiến	72
25. Lý Như Thế.....	73
26. Tại sao chúng ta cầu mong mà không được.....	75
27. Phải nên cầu như thế nào?	77
28. Mãnh lực của Mong Cầu.....	78
29. Bí quyết của Cầu Mong	80
30. Luật Cân Bằng của Vũ Trụ	80
31. Đừng cầu mong dễ dàng trên đời.....	81
32. Duy Ma Cật tái sinh	90
33. Bí quyết giàu có, thành công của Napoleon Hill	94
34. Nguyên tắc chính để được may mắn thành công.....	97
35. Bí quyết làm giàu từ hai bàn tay trắng của triệu phú	99
36. Những bí mật để có được mọi thứ trên đời.....	101

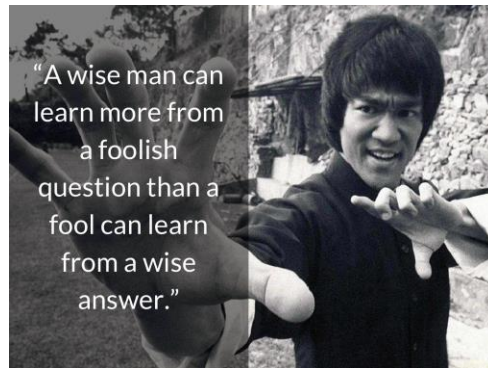
37.	Hạnh Bồ Thí.....	108
38.	Yếu tố may mắn.....	110
39.	Thập nhị nhân duyên của may mắn.....	116
40.	Phân tích của Takahashi về Cầu Bất Đắc Khổ.....	119
41.	Tinh thần trách nhiệm.....	123
42.	Trò chơi của Tâm Thức.....	125
43.	Tâm Vô Cầu.....	127
44.	Tâm Bất Nhị.....	130
45.	Vô Cầu tác ứng nghiệm.....	133
46.	Mong cầu vô công đức.....	136
47.	Tạm Kết.....	139
	Lời Nói Thêm.....	143
	Tài Liệu Tham Khảo.....	146



Lời Nói Đầu

Phàm hữu ngôn thuyết, đô vô thật nghĩa
(Phàm hễ nói bàn, đều không thật nghĩa)

Trong pháp ‘bốn việc y cứ’ (tứ y,) Phật dạy: y pháp bất y nhơn, y nghĩa bất y ngữ. Đây là pháp y cứ thứ hai, y nghĩa bất y ngữ để không rơi vào chỗ thế trí biện thông, tức là “năng thuyết bất năng hành” dùng tài biện bác suông mà không chịu bắt tay thực hành cũng chỉ vô ích mà thôi. Thuyết bất khả hành, hành bất khả thuyết! Thật vậy, tôi là một trong những người ưa ngôn thuyết, ưa nói bàn suông chưa có những hành động cụ thể, thiếu thực tế mà không thực tế là vô nghĩa theo cái nhìn phổ thông của con người. Đơn giản vì tôi thích lợi ngược dòng, thích nói khó hơn làm dễ. Nói điều không thể làm được, làm điều không thể nói được.



Lý Tiểu Long nói: Người có trí học được từ câu hỏi của người ngu muội hơn là người ngu có thể học được từ câu trả lời của người khôn. Ngạn ngữ cũng có câu tương tự, “Thà làm thầy tớ kẻ trí hơn làm thầy dạy kẻ ngu.” Làm thầy tớ kẻ trí còn học được chút khôn chứ làm thầy kẻ ngu thì cũng như đàn gảy tai trâu.

“Tôi không muốn làm Thầy ai cả, nếu muốn thì chỉ làm Thầy chính mình mà thôi... Một vị Thầy thật (chân Sư) là người dạy cho đệ tử nhận ra ông Thầy của chính mình bên trong (le maître intérieur)... Đức Phật là một chân Sư, ngài thành Phật và dạy cho chúng ta khai triển Phật tánh của mình để thành Phật như ngài.” (Thích Trí Siêu, Ngã Tâm Linh)

Đức Phật rất trân trọng pháp mà ngài đã chứng được. Vài tuần sau khi giác ngộ, khi ngài đang thiền định dưới bóng cây Banyan (Bồ Đề,) Phật đã dùng Phật nhãn nhìn khắp thế gian để tìm một thánh nhân, đạo sỹ hay một Bà La Môn nào đáng tôn kính để ngài tôn kính, ấn chứng và phụng sự. Tìm khắp không ra, ngài quyết định hiến dâng đời ngài để ngưỡng mộ, kính trọng và phụng sự cho chân lý viên diệu mà tự ngài nỗ lực chứng được.

Trong Đức Phật, Giáo Pháp và Tăng Già, Etienne Lamotte, Trí Nguyệt lược dịch: Không lâu sau khi giác ngộ, đức Phật lên đường tới Benares (Lộc uyển), giữa đường Ngài gặp Upaka và nói rằng, "Nhu Lai không có thầy, không ai có thể so sánh với Nhu Lai, trong thế giới này chỉ có Nhu Lai là đang toàn giác, Nhu Lai vừa chứng được giác ngộ tối thượng; trong thế gian này Nhu Lai vượt qua tất cả và Nhu Lai là bậc toàn trí, toàn thức, ở đây, không có gì làm ô nhiễm Nhu Lai. Sau khi diệt trừ các thứ phiền não và không còn tham ái, Nhu Lai đã giải thoát; Nhu Lai tự chứng đạt giác ngộ, ai có thể là thầy của Nhu Lai? Không ai giống Nhu Lai, không ai bằng Nhu Lai; Nhu Lai tự điều phục nên đã chứng được giác ngộ. Ta là Nhu Lai, là thầy của chư thiên và loài người, là bậc toàn trí và đầy đủ các lực. Trong thế gian ta là bậc thánh; trong thế giới của chư thiên và loài người, không ai hơn ta; trong những thế giới chư thiên, ta đã chiến thắng ma quân, ta là bậc chiến thắng. Ai đã tận diệt được mọi nhiễm ô đều là những bậc chiến thắng như ta. Ta đã chiến thắng tội ác, đó là lý do tại sao ta là bậc chiến thắng."

Chú thích: Theo Bách Khoa Toàn Thư, Wikipedia, Nhu Lai (zh. 如來, sa., pi. tathāgata) là một danh hiệu của Phật được dịch từ tathāgata của tiếng Phạn. Chiết tự của tathāgata là tathā + āgata, và có thể được hiểu là "Người đã đến như thế" hoặc "Người đã đến từ cõi chân như." Nhu Lai là danh hiệu chỉ một Thánh Nhân đã đến bậc giác ngộ cao nhất, bậc Chính Đẳng Chính Giác (sa. samyaksambuddha). Nhu Lai là một trong mười danh hiệu của một vị Phật. Theo ý nghĩa nguyên thủy thì danh từ Nhu Lai không phải là một "danh hiệu." Phật Thích Ca Cồ Đàm sử dụng danh từ này để tránh sử dụng ngôi thứ nhất "ta," "tôi," trong lúc giảng dạy, thuyết Pháp và đây cũng là một phong cách biểu lộ sự khiêm tốn của Ngài. Với sự phát triển của Phật Giáo theo thời gian, ý nghĩa của danh từ Nhu Lai đã biến đổi. Trong Đại Thừa, Nhu Lai chỉ Ứng Thân (sa. nirmāṇakāya, Tam thân) của Phật. Đó là con người toàn hảo, có thể xuất hiện dưới mọi dạng khác nhau, có Thập Lực (sa. daśabala) của một vị Phật. Nhu Lai cũng là sự biểu hiện cụ thể của Chân Như (sa. Tathatā,) thể tính của vũ trụ, được xem là sứ giả trực tiếp của Chân Như, là gạch nối giữa hiện tượng và bản thể. Trong nhiều trường hợp, Nhu Lai được xem là đồng nghĩa với Trí Huệ (sa. praññā) và tính Không (sa. śūnyatā). Trong Kinh Kim Cương, đức Phật giảng: Nhu Lai là một thực tại như thế, không từ đâu đến cũng chẳng đi về đâu. Ngũ Trí Nhu Lai là 5 vị Phật tối cao của Phật Giáo Tây Tạng và Mật Tông.

Tuy nhiên, trong Tứ Thập Nhị Chương Kinh, Đức Phật đã dạy rằng, "Đệ tử tuy xa ta nghìn dặm, mà luôn nghĩ đến và thực hành giới pháp của ta thì chắc chắn sẽ chứng được đạo quả. Ngược lại, kẻ ở gần bên ta, tuy thường gặp mà không thực hành theo giới pháp của ta, cuối cùng vẫn không chứng được đạo." Đức Phật cũng dạy những người tu hành rằng họ cần phải "văn nhi tư, tư nhi tu, nhi chứng;" nghĩa là phàm nghe rồi thì phải suy gẫm, suy gẫm kỹ rồi thì tu tập theo, và tu tập xong thì chứng đắc. Chớ nên chỉ biết nói suông hoặc chỉ lắng nghe Phật Pháp, mà chẳng áp dụng vào thân. Phải thực hành, ứng dụng thực tiễn thì mới đáng kể.

Riêng tôi thì không bái sư không nhận đệ tử vì tất cả chúng sinh, con người từ ngu cho đến trí, ngay cả vạn vật trên thế gian này đều là sư phụ của tôi, không còn sót lại ai để bái sư hay thu làm đệ tử nữa. Nói theo tinh thần bát nhã: Đầy sư phụ; Không đệ tử! (Full of masters, empty of pupils!) Không còn Thầy để học, không có Trò để dạy!

Bài Hạnh Mong Vô Cầu này được trình bày với mục đích để cùng học hỏi, thảo luận, dìu dắt và giúp đỡ nhau từng bước với mục đích cùng nhau xoay chuyển vòng pháp luân sở cầu này, tức là cùng nhau vén màn vô minh do tam chương - nghiệp chương, báo chương và phiền não chương gây ra.

Nếu cái cầu mong bố **thí pháp** này có vẻ quá xa vời, vọng cầu không thực tiễn thì bài viết này ít ra cũng có mục đích mong cầu được bố **thí vô úy** hay xoa dịu phần nào lo lắng, khổ đau, tạo được một chút hy vọng như một hình thức của bố **thí tài** cho những kẻ hoạn nạn nghèo khổ hay chưa từng khốn nạn khổ đau. Mong vô cầu pháp thí mà được trí tuệ; mong vô cầu vô úy (không sợ hãi, no fear) mà được sức khỏe; mong vô cầu thí tài mà được giàu sang. Thực hành hạnh mong vô cầu mà được cái vô thường: ngọc điện thiên quan, phú quý vinh hoa, phước như Đông Hải, thọ tử Nam San.

Cái công đức vô lượng của chúng ta là đưa nhau từ bờ mê muội tới bến tỉnh giác để cùng được giác ngộ, giải thoát khỏi cầu bất đắc khổ, không còn bị trâm luân trong sanh tử luân hồi để cùng nhau thành Phật. Nhờ công đức tu hạnh bố thí mà chúng ta có thể chứng được quả vị, dứt trừ tam chương, và đồng thời những người có lòng tùy hỷ, ủng hộ chúng ta cũng chứng được quả vị, dứt trừ được tam chương. Tất cả chúng sinh cho dù vô cầu mong đều có phần trong công đức vô lượng này.

1. Nhập Đề

Trước sức mạnh của thiên nhiên và trở ngại trong đời, đa số nhân sinh vì tâm can yếu đuối, luôn giao động vì vậy mà không hoàn toàn làm chủ được bản thân, chưa đủ khả năng tâm thần để hóa giải phiền muộn, lo lắng, khổ đau, chưa đủ sức lực để vượt qua được những nỗi bất an, lo âu và sợ hãi, chưa đạt được trình độ an tâm, tự tại vô ngại. Vì còn vô minh cần dựa vào tha lực, nên thành tâm cầu nguyện vì niêm kinh sẽ có tác dụng hỗ trợ cho mình có đủ thêm tự tin, trí tuệ và dũng lực, để tự mình vững tiến trên con đường giác ngộ, giải thoát.

Nhân sinh tham ái,
Dong ruổi mong cầu.
Nghiệp nơi tâm thức,
Luân hồi khổ đau.
(Lê Huy Trứ)



Đừng bao giờ tự mãn, nên luôn luôn khao khát và không bao giờ hài lòng. Sống hạnh phúc nhưng đừng bao giờ an phận thủ thường.

Ngược lại, có một số người cũng vì vô minh, cho rằng cầu nguyện là mê tín dị đoan, vô ích, không có tác dụng lợi ích thiết thực; mà làm sao có tác dụng được, khi chúng ta lạy lạy, cầu xin ngu xuẩn trước những pho tượng vô tri, vô giác, vô quyền, vô năng?

Những người này rất tự tin, biết suy nghĩ, lại có sức mạnh tinh thần quật khởi, có ý chí mạnh muốn vươn để tự cứu mình thoát khỏi sự chế ngự của thiên nhiên. Với đầu óc khoa học thực tiễn họ tin tưởng con người có thể tự lực, đoạt quyền tạo hóa trong nhiều lãnh vực, chế ngự được thiên nhiên lẫn số mệnh của mình.

Đây là những người trí dũng, họ đưa ra những lý luận rất lạc quan. Họ khẳng định: Chúng ta là chủ nhân của tâm hồn và định mệnh của chính mình. “I am the master of my fate, I am the captain of my soul.” William Ernest Henley. Nếu chúng ta không trị được Ngã thì sẽ bị Ngã trị, “If you do not conquer self, you will be conquered by self.” Napoleon Hill. Cơ hội nằm trong trở ngại. “In the middle of chaos lies opportunity” Bruce Lee. Tương tự, cơ hội đến thường ẩn tàng trong dạng thức của bất hạnh hoặc thua thiệt tạm thời. Napoleon Hill, “Opportunity often comes disguised in the form of misfortune, or temporary defeat.”

Tự mình là vị cứu tinh,
Tự mình nương tựa vào mình tốt thay.
Nào ai cứu được mình đây?
Tự mình điều phục hàng ngày cho chuyên,
Thành ra điểm tựa khó tìm.
(Kinh Pháp Cú, 160)

Nếu người tin tưởng tuyệt đối vào số mệnh, may mắn do trời ban, ‘nhất thực nhất ẩm giai do tiền định,’ thì nên an phận và chấp nhận vì cầu xin cũng vô ích nhưng nếu người tự tin vào đức năng thắng số, tận nhân lực tri thiên mệnh thì họ không hoàn toàn tin vào may mắn, số mệnh định đoạt mà tự tin vào khả năng của chính mình để phấn đấu với đời.

Giữa hai quan niệm trái ngược đó, hoặc là tự lực vùng lên với tinh thần dũng mãnh để tự giải thoát, không cầu mong ở bất cứ ai. Hoặc là nương tựa vào tha lực, tuyệt đối thân phục vào những đấng thần linh, tin tưởng là thần linh có thể ban phúc giáng họa nên giao

phó tánh mệnh, tâm hồn của mình vào tay con tạo xoay vần, không còn tự tin ở tài sức và khả năng trí tuệ của mình nữa.

Ngay cả trong Phật Giáo cũng có hai quan niệm trái ngược. Trong Tịnh Độ Luận:

Lập trường của phái Thiên Tông chủ trương “trực chỉ nhân tâm Kiến tánh thành Phật,” quy tự lực phát huy năng lực sẵn có trong mình chú tâm đạt tới Phật Tánh Chân Tâm của mình.

Lập trường của phái Tịnh Độ Tông và Chân Ngôn Tông, quy về nguyện lực của Chư Phật và Thánh Hiền. Những tông phái này tin rằng: Các vị Bồ tát đã sẵn có lòng từ bi và lập nguyện sâu dày cứu độ chúng sinh, nếu chưa độ tận chúng sinh thoát vòng khổ đau sinh tử, thì các Ngài quyết không thành Phật, cho nên điều dễ dàng nhất là cầu Phật cùng các Bồ Tát có thần lực hơn hẳn mình cứu giúp để được giải thoát.

Cả hai thái độ tiêu cực và tích cực trên có thể tạm tóm gọn theo triết lý trung đạo như sau: Trên mong thành Phật, dưới cầu cứu độ chúng sinh. Người Phật Tử đi chùa là để tu học Phật nhằm chuyển hóa nỗi khổ, niềm đau, thành an vui, hạnh phúc và tin rằng mình làm lành được hưởng phước, mình làm ác chịu khổ đau. Tuy nhiên, tu theo đạo Phật, không phải chỉ có đi chùa, tụng kinh, cúng kiến lễ lạy, van xin cầu nguyện, sám hối, cầu an cầu siêu, cầu được bình an, cầu sang cực lạc, cầu cho sung sướng, cầu được giàu sang mà phải quán sát thân tâm để an tâm kiến thực tánh, thoát ly đau khổ, sanh tử luân hồi thành Phật chứ Phật không thể ban ơn, ban phước cho ai cho được. Phật chỉ là người thầy dạy học trò, dẫn dắt, chỉ cho đệ tử biết được điều hay, lẽ phải qua phương tiện Phật Pháp nhưng phần còn lại là do tự chính tâm ta định đoạt và quyết định.

Cái lý trung đạo ở trên không trực chỉ nhân tâm mà có vẻ quá xa vời khó hiểu cho những khổ đau khẩn thiết của con người. Trên thực tế, bi quan thì chỉ thêm đau, lạc quan có thể bớt khổ nhưng khi mà ‘họa vô đơn chí, phúc bất trùng lai’ thì đa số rồi cũng sẽ quần chí nếu không được giúp đỡ từ bên ngoài. Đó chỉ là vấn đề thời gian vì con người chỉ có sức chịu đựng rất giới hạn, dễ quần chí. Đôi khi, muốn chết cho rảnh nợ cũng không chết được hay muốn muốn sống yên thân cũng không xong. Khi mà cái nợ đời chưa dứt thì phải ngoi ngóp bò lên để trả tiếp nợ khổ đau. Ông trời thật bất công?

Đa số chúng ta không chuẩn bị cho trở ngại trong lúc đang sống trong bình an tạm bợ, chờ nước đến trôn mới nhảy, hay thấy quan tài rồi mới đổ lệ rồi thì cầu van, oán trách. Tâm lý chung của con người là hưởng thụ trước rồi hãy tính sau nhưng khoái lạc qua rất mau mà trở ngại luôn ập tới bất ngờ đưa đến đau khổ triền miên. Nguyễn Công Trứ khuyên: Khi bình yên phải nghĩ tới lúc nguy khốn. Lúc sung sướng, bình an thì nên chuẩn bị cho trở ngại đau khổ. Mong chờ may mắn đến, đã rất khó rồi mà chuẩn bị đối phó với xui xẻo lại còn khó khăn hơn nhiều. Có thể vì vậy mà đa số chúng ta không muốn hay không dám nghĩ tới chỉ mong cầu xui xẻo không bao giờ đến cho mình nhưng chỉ xảy ra cho người khác.

Cho nên, muốn vượt qua biển khổ đau, qua bờ bên kia thì phải tập bơi giỏi để có thể tự cứu mình trước nếu giữa dòng lỡ bị đắm thuyền. Đừng chờ đang lúc vượt biên giữa

dòng đại dương, nhìn xuống con thuyền Bát Nhã, thuyền không đáy, rồi sợ hãi, tâm thần rối loạn, lọt tồm xuống biển, ngộp thở trong khổ đau. Khi đó mới mong tìm thầy dạy cho mình bơi hay bám vào những người đang chết đuối như mình để mong cầu cứu mạng thì quá trễ.

Trước khi nhập Niết Bàn, Đức Phật đã ân cần căn dặn chúng đệ tử, "Này các Tỳ kheo, hãy tự mình thấp lên ngọn đuốc của chính mình, thấp lên với chánh pháp, đừng thấp lên với một pháp nào khác. Hãy tự mình làm chỗ nương tựa của chính mình, nương tựa với chánh pháp, đừng nương tựa với một pháp nào khác". "Tumhechi kiccam atappam akkhatar tathagata," Các con phải cố gắng, các đấng Như Lai chỉ là những vị thầy.

Tinh thần tự lực đòi hỏi lòng dũng cảm vô úy, trí tuệ siêu phàm, để phát triển tâm đại từ đại bi. Tâm từ bi hỷ xả được hiểu như là tâm Phật, nhằm mục đích giác ngộ và giải thoát phiền não, khổ đau, tội lỗi cho chính mình cũng như cho người.

Theo Trường Bộ I: Tâm từ là khả năng hiến tặng niềm vui cho tha nhân. Tâm bi là khả năng làm vui đi nỗi khổ đang có mặt. Tâm hỷ là niềm vui, lòng thanh thản do từ bi đem tới. Tâm xả là thư thái nhẹ nhàng, tự do, không phân biệt.

Trong ‘Mạn đàm về sự sợ hãi trong tông giáo,’ Tâm Hiền diễn tả rất thâm thúy và thực tiễn về đại dụng của tha lực: Thông thường ‘có bệnh thì vái tứ phương’ nhưng Đức Phật lại dạy là mỗi người phải tự thấp đuốc lên mà đi, tự tu hành mà cứu lấy mình. Ngay cả ngài A Nan cầu Phật ban phép Tam Muội còn không được thay, huống hồ là chúng ta. Tuy vậy ta vẫn có Đức cứu khổ cứu nạn Quán Thế Âm Bồ Tát, ta vẫn cầu Ngài Dược Sư Lưu Ly Quang Vương Phật, ta vẫn tụng Ngài Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Phật ... Sự cầu nguyện đó phát tự trong tâm của chúng ta, bằng tấm lòng thành khẩn của chúng ta, bằng tất cả đức tin tuyệt đối của chúng ta, đã mang lại cho chúng ta một niềm an ủi vô biên, rằng ở đâu đó, trong hư không vô tận, có một năng lượng nào đó có thể tức thời vớt chúng ta ra khỏi những đau khổ triền miên, có những tha lực sẵn sàng đến với chúng ta hóa giải những phút cô đơn tột cùng trong kiếp nhân sinh. Các "Ngài" đó ở đâu, Tây Phương hay Đông, Nam Bắc, Thượng Hạ phương hay chính trong Tâm ta, nào có quan trọng gì, miễn là các "Ngài" có đó, hiện hữu, mà ta có thể tâm sự, chuyện trò, cầu xin.. là đủ rồi... Vài dữ kiện trên đây cho ta thấy là trước sự bấp bênh vô thường của cuộc nhân sinh, sự sợ hãi vẫn là cái duyên đầu tiên đưa một người bình thường (tôi không dám đề cập đến các siêu nhân) về với tôn giáo, vẫn là con thuyền giúp ta tiếp tục hành trì tôn giáo, vẫn là nguyên nhân thầm kín giúp ta hành thiện...Sau khi lắng nghe sự sợ hãi của chính mình và của người khác, nỗi đau khổ của chính mình và của chúng sinh, ta phát sinh ý muốn hành động, ta hành động để chấm dứt sự sợ hãi cho kẻ khác, ta hành động để làm vui đi nỗi khổ của kẻ khác; ta lúc đó chính là Tha lực, là "Ngài" của một kẻ nào đó, một chúng sinh nào đó đang đau khổ và đang cầu xin; đó chính là sự chuyển biến năng lượng sợ hãi trong ta (có tính chủ quan) thành năng lượng cứu độ (có tính khách quan) và do hiện tượng phản hồi, Tha lực cứu độ mà ta chấp tay cầu xin có thể trở lui xóa bỏ sự sợ hãi hay nỗi khổ đau trong ta. Lý luận như trên đã gọi là "hàn lâm hóa" vấn đề tu học của đa số quần chúng Phật Tử mới tập tễnh trở về với Đạo; sao ta không giản dị hóa vấn đề là hãy giữ sự sợ hãi như là một động cơ để ta cầu nguyện, để ta hành thiện, chuyển hóa năng lượng sợ hãi thành những động cơ để đến với Đạo lúc sơ khởi, để tiếp tục hành trì

tu tập trong suốt đời với câu kinh giản dị "thề tránh việc ác, nguyện làm việc lành." Cái duyên sợ hãi có thể dẫn ta đến với Ngài Quán Thế Âm Bồ Tát trong việc quán niệm "Ngũ uẩn giai không" để mà diệt trừ mọi khổ ách. Trong các pháp bố thí trong Phật Giáo, không có gì quý hơn là "Vô úy thí," bố thí sự không sợ hãi...

Tâm Hiền đã tuyệt diệu xoay cái tiêu cực (cái duyên sợ hãi) thành ý chí tích cực (lòng không sợ hãi) trong niệm cầu. Tất cả chỉ là phương tiện chứ không phải là cứu cánh.

Những lý luận trên cho thấy, tự lực là bơi ngược dòng khó khăn hơn tha lực thuận dòng mà sông. Tuy Đức Thế Tôn có dạy về tự lực ở trên và dù có hiểu đó là chân lý đi nữa nhưng đa số chúng ta vẫn không làm theo lời Ngài dạy. Tin một đường nhưng làm một nẻo, đa số con người vẫn dựa vào tha lực cho tiện lợi và dễ dàng hơn vì đa số chúng ta không có được bi trí dũng như Ngài và không dễ gì vứt bỏ được cái tập tục, hủ tục, lòng lo lắng, sợ hãi vu vơ từ nhiều kiếp nhân sinh.

2. Duyên khởi của Tự Lực và Tha Lực trong Phật Giáo

Tưởng cũng nên có một chút khái niệm về nguồn gốc của tự lực và tha lực trong Phật Giáo vì đây là một đề tài được tranh luận rất sôi nổi trong tất cả tôn giáo lẫn triết lý của nhân sinh quan. Vào thời kỳ tiền phát triển của Phật Giáo, yếu tố tha lực như Phật lực, Bồ tát lực v.v..., lực khác ngoài lực của tự thân-tự lực, được đề cập đến đầu tiên trong Kinh Na Tiên Tỳ Kheo (Nagasena.) Kinh Na Tiên Tỳ Kheo xuất hiện vào khoảng thế kỷ thứ I Tây Lịch và được truyền sang Tích Lan và các nước Nam phương Phật giáo với tên gọi là Milindapanhà (Di Lan Đà Vấn Kinh, thuộc văn hệ Pàli.) Sau đó, bản kinh được truyền sang Trung Hoa và dịch sang chữ Hán khi Phật Giáo du nhập vào Trung Hoa. Nội dung kinh Na Tiên Tỳ Kheo là giáo nghĩa của Phật Giáo Nguyên Thủy, tuy nhiên kinh có đề cập đến vấn đề tha lực, nên được xem là tư tưởng chuyển tiếp giữa thời kỳ Phật Giáo Nguyên Thủy tức là từ thời Đức Phật còn tại thế cho đến sau khi Phật Niết bàn 100 năm. Sau đó, Phật Giáo phát triển khoảng từ đầu thế kỷ thứ III đến cuối thế kỷ thứ VIII Tây Lịch. Từ khoảng thế kỷ thứ I trước Tây Lịch, tư tưởng Phật Giáo Phát Triển hưng khởi, nhưng đến thế kỷ thứ III Tây Lịch, thời đại ngài Long Thọ, mới thực sự phát triển và hưng thịnh.

Sau Na Tiên Tỳ Kheo Kinh còn nhiều bản kinh của Phật Giáo Phát Triển đề cập đến cảnh giới của chư Phật ở các cõi Tịnh độ và tha lực mà hành giả tu tập có được nhờ dựa vào tín tâm, công phu tu tập và nguyện lực của mình (tự lực.) Nhờ chí nguyện của hành giả tương ứng với bản nguyện của chư Phật, nhờ tự lực kết hợp với tha lực của sự hộ trì, tiếp dẫn của chư Phật, hành giả có thể vãng sinh về cõi Tịnh Độ của chư Phật.

Vào khoảng cuối thế kỷ thứ II Tây Lịch, sau khi Phật Giáo truyền vào Trung Hoa chưa bao lâu, Phật Giáo đến Trung Hoa vào khoảng thế kỷ thứ I Tây lịch, có Đại Sư Chi Lôu Ca Sấm (Lokasema 147-?), còn gọi là Chi Sấm, người nước Đại Nhục Chi đến kinh thành Lạc Dương nhà Đông Hán (Hậu Hán 25-220,) khoảng từ năm 178-189 tham gia vào công việc phiên dịch kinh điển, đã dịch nhiều bản kinh thuộc hệ Bản Duyên, Bát Nhã, Hoa Nghiêm và hệ Bảo Tích, trong đó có bản dịch A Súc Phật Quốc Kinh (2 quyển,) Phật Thuyết Ban Chu Tam Muội Kinh (1 quyển) và Ban Chu Tam Muội kinh (3 quyển.) Với

hai bản dịch Phật Thuyết Ban Chu Tam Muội Kinh và Ban Chu Tam Muội Kinh, Đại sư Chi Lâu Ca Sám được xem là người đầu tiên phổ biến tư tưởng niệm Phật A Di Đà và thế giới Tây Phương Cực Lạc, làm cơ sở cho tín ngưỡng Tịnh Độ sau này (Theo Phật Quang Đại từ điển, 1988, tr.1416B-C.)

Đến đời Tào Ngụy (220-265 T.L.), Đại Sư Khương Tăng Khải (Samghavarman) dịch kinh Phật Thuyết Vô Lượng Thọ (2 quyển;) Đời Ngô Tôn Quyền (222-280) Cư Sĩ Chi Khiêm dịch bộ Đại A Di Đà Kinh; Đời Hậu Tần (384-417,) Pháp Sư Cưu Ma La Thập (Kumàrajiva 344-413) dịch Phật Thuyết A Di Đà Kinh (1 quyển,) còn gọi là tiểu kinh A Di Đà, kinh Tiểu bản A Di Đà; Đời Lưu Tống (420-478,) Đại Sư Cương Lương Da Xá (Kàlayāsa, 383-442) dịch Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Kinh (1 quyển;) Đời Tuyên Võ Đế (499-515,) ngài Bồ Đề Lưu Chi (Bodhiruci, ?-527) dịch Vãng Sinh Tịnh Độ luận (tức Vô Lượng Thọ kinh luận, 1 quyển do ngài Thế Thân trước tác) v.v..

Trên là một số kinh về tư tưởng Cực Lạc Tịnh độ và Đức Phật A Di Đà ở phương Tây được dịch từ Phạn văn sang Hán văn sau khi Phật giáo truyền sang Trung Hoa.

Ở Ấn Độ, thế kỷ thứ III Tây Lịch, Ngài Long Thọ đã phổ biến ba dòng tư tưởng về vãng sinh Tịnh Độ: Thứ nhất là cầu sinh về cõi trời Đâu Suất, nơi Bồ tát Nhất sinh bổ xứ là Di Lặc (Maitreya-Từ Thị) đang giáo hóa chúng sinh; Thứ hai là cầu sinh về cõi Tịnh Độ Diệu Hỷ của Đức Phật A Sơ (Aksobhya-Bất Động Phật) ở phương Đông; Thứ ba là cầu sinh về cõi Tịnh độ Cực Lạc của Đức Phật A Di Đà (Amitabha, Amitayus Vô Lượng Quang, Vô Lượng Thọ) ở phương Tây. (Khởi Nguyên Tư Tưởng Tịnh Độ và Tha Lực, Phan Minh Đức)

Nói đến duyên khởi của Tự Lực và Tha Lực thì cũng nên đề cập một chút về giáo lý Thập Nhị Nhân Duyên trong kinh tạng Nikaya (12 dependent origination.) Lại nữa, trong kinh Đại Duyên Đức Thế Tôn đã bảo tôn giả Ananda, “Này Ananda, chính vì không giác ngộ, không thâm hiểu giáo pháp duyên khởi này mà chúng sanh hiện tại bị rối loạn như một tổ kén, rồi ren như một ống chỉ, giống như cỏ munja và lau sậy babaya, không thể nào ra khỏi khổ xứ, ác thú, đọa xứ, sanh tử. ” Có thể vì vậy mới có mong cầu, tự lực và tha lực.

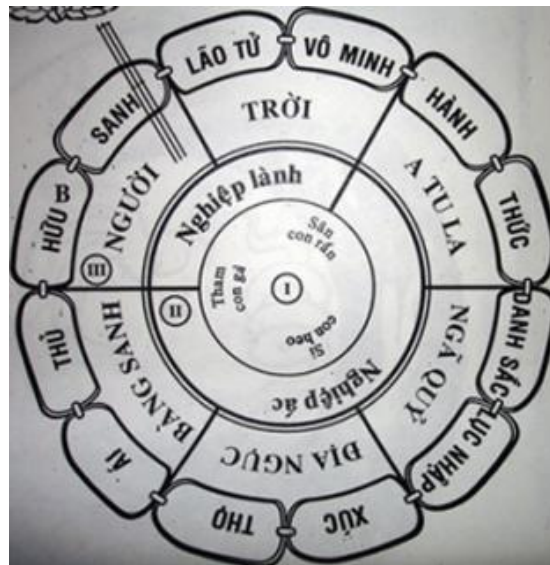
Trong ‘Tìm hiểu về giáo lý Duyên Khởi,’ Tỳ Kheo Minh Chơn viết: Sở dĩ, chúng ta cảm thấy khó khăn khi nghiên cứu tư tưởng Phật giáo là do không nắm được đầu mối hay giáo pháp nền tảng xây dựng nên tòa nhà Phật pháp. Đầu mối này chính là giáo lý Duyên khởi. Sở dĩ chúng ta cảm thấy khó khăn khi nghiên cứu tư tưởng Phật giáo là do không nắm được đầu mối hay giáo pháp nền tảng xây dựng nên tòa nhà Phật pháp. Đầu mối này chính là giáo lý Duyên Khởi.

Duyên Khởi được xem như chiếc chìa khóa mở kho tàng Pháp bảo của Phật giáo. Vì thế, nó có giá trị rất quan trọng trong toàn bộ hệ thống giáo lý của đạo Phật. Những công trình nghiên cứu, bài viết của nhiều vị tôn túc và các học giả đều có đề cập đến vấn đề duyên khởi khi nói về Phật Giáo. Tuy nhiên muốn hiểu rõ lý duyên khởi quả thật không dễ chút nào. Ngày xưa đức Phật còn cảm thấy phân vân khi muốn truyền trao giáo lý mẫu nhiệm này cho đại đa số quần chúng: "Này các tỳ-kheo, rồi ta suy nghĩ như sau: pháp này do ta chứng được, thật là sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, cao thượng, siêu lý luận, vi

diệu, chỉ người trí mới hiểu thấu. Còn quần chúng này thì ưa ái dục, khoái ái dục, ham thích ái dục. Đối với quần chúng ưa ái dục, khoái ái dục, ham thích ái dục, thật khó mà thấy được định lý Y Tánh Duyên Khởi Pháp.”

Thật vậy, giáo pháp Duyên khởi rất thâm sâu. Giáo lý duyên khởi có giá trị đặc biệt trong toàn bộ giáo lý của đức Phật. Chúng ta phải dụng tâm nghiên cứu, tu tập một cách nghiêm túc mới có thể hiểu được. Công trình này không ngoài mục đích thông suốt giáo lý Duyên Khởi, nắm được chiếc chìa khóa vạn năng ngõ hầu tiến sâu vào ngôi nhà Phật Pháp. Đồng thời cũng hỗ trợ cho những ai có quan tâm về vấn đề duyên khởi.

Một người tu sĩ mà chưa nhận ra giáo lý Duyên Khởi thì chưa chính thức trở thành đệ tử chân chánh của đức Phật. Giáo lý Duyên Khởi chưa thông suốt thì chưa biết cách để ra khỏi vòng luân hồi. Lý duyên khởi chưa hiểu thì không thể nắm vững được các giáo lý cơ bản khác của đạo Phật như Vô Thường, Vô Ngã, Nhân Quả, Nghiệp Báo, Tứ Đế, Luân Hồi v.v... Và cũng khó có thể đi sâu vào các hệ thống tư tưởng của Phật Giáo Đại Thừa phát triển về sau như Bát Nhã, Pháp Tướng, Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Niết Bàn v.v... Qua đó chúng ta có thể khẳng định rằng: giáo lý Duyên khởi chiếm một vị trí cực kỳ quan trọng trong toàn bộ hệ thống giáo lý của đạo Phật. Không có giáo lý Duyên khởi thì không có đạo Phật, không thể chấm dứt vô minh ngàn đời và càng không thể ra khỏi khổ đau. Người nhận ra giáo lý Duyên Khởi là người chính thức bước vào đạo lộ của chư Phật, là người đang đi trên con đường giải thoát mọi khổ đau như đức Thế Tôn từng dạy: “Ai thấy được lý duyên khởi, người ấy thấy được pháp; ai thấy được pháp người ấy thấy được lý duyên khởi.” (Tìm hiểu về giáo lý Duyên Khởi, Tỳ Kheo Minh Chơn)



Duyên khởi, tiếng Pali là “Paticcsamuppāda,” có nghĩa là tùy thuộc phát sinh, nương theo các duyên mà sanh. Tất cả các pháp trong vũ trụ sinh khởi theo duyên, theo các điều kiện và không có một pháp nào tồn tại độc lập (independent,) nương vào các yếu tố và điều kiện khác của nhân quả để phát sinh.

Định thức tổng quát nhất của lý duyên khởi được Đức Phật trình bày trong Kinh Tương Ưng Bộ như sau:

Do cái này có, cái kia có,
Do cái này không có, cái kia không có.
Do cái này sinh, cái kia sinh,
Do cái này diệt, cái kia diệt.

Giáo lý Duyên Khởi giúp cho chúng ta có một tầm nhìn bao quát về thế giới vạn tượng vận động theo qui luật duyên sinh, vô thường, vô ngã. Giáo lý Duyên Khởi cũng cho biết nguyên do tạo thành của thân năm uẩn với những hệ lụy lo lắng phiền não lần lượt chuyển vô thường cùng tái sinh đầy đau khổ. Bởi thế, giác ngộ giáo lý Duyên Khởi sẽ biết cách ra khỏi vòng luân hồi, sinh tử, khổ đau, không cần cầu mà đạt.

3. Thuận dòng, Ngược dòng

Trong Tăng Chi Bộ I, chương 4, phẩm Bhandagàma, phần Thuận Dòng, Đức Thế Tôn dạy:

Này các Tỷ kheo, thế nào là hạng người đi thuận dòng? Hạng người thọ hưởng các dục và làm các ác nghiệp gọi là đi thuận dòng.

Thế nào là hạng người đi ngược dòng? Này các Tỷ kheo, có hạng người không thọ hưởng các dục, không làm ác nghiệp, sống phạm hạnh viên mãn thanh tịnh gọi là đi ngược dòng.

Cái thí dụ thuận ngược trên đây của Đức Thế Tôn sao nghe không thuận tai chút nào? Người ta thường nói gió thổi chiều nào thì ngã theo chiều đó, thuận dòng nước mà bơi hay thuận ý trời mà sống thì bớt khổ chứ ai dại gì mà lội ngược dòng đời bao giờ? Điều này cho thấy ngược dòng đời làm tỷ kheo không phải là dễ dàng nhưng làm phạm phu mong cầu thọ hưởng các dục và làm các ác nghiệp là thuận dòng, dễ dàng, tự nhiên hơn?

Theo tôi, lội ngược dòng hay thuận dòng gì rồi cũng đuối sức buông tay chìm đắm trong biển khổ đau cho nên biết sống với lý trung đạo là sống an nhiên:

Tự tại giữa dòng khổ đau,
Ung dung trong vòng ràng buộc.
(Lê Huy Trứ)

*

Ngoài vòng cương toả chân cao thấp,
Trong cõi yên hà cuộc tỉnh say.
(Nguyễn Công Trứ)



Nhãn mặt nhũ mày cầu chi đây?

4. Thần Nhân hợp tác cùng với Tự Tha đồng hiệp lực



Theo tôi, còn một khuynh hướng thứ 4 có thể dung hòa cả 3 quan niệm trên, đó là, “Thần-Nhân hợp tác” hay “Tự-Tha đồng hiệp lực” (Union, Synergisme.)

Lục Tổ Huệ Năng dạy, “Khi mê thì thầy độ, khi ngộ thì tự độ.” Có nghĩa là khi vô minh thì phải nhờ tới tha lực của chư Phật, Bồ Tát và các Cao Tăng, khi ngộ thì tự mình độ mình.

Theo Bí Pháp Câu Nguyên Trong Đạo Cao Đài: Một lời cầu-nguyện chân-thành tha thiết sẽ động-viên được hai nguồn thần lực, một từ bên kia cõi ý-thức, một từ bên trong cõi tâm thức, tương tác với nhau. Ngay trong khi dạy về chấp bút Đức Chí Tôn đã nói rằng, “... Một phần của con , một phần của Thầy hiệp nhứt, mới thấu đáo càn-khôn tinh-thông vạn-vật” (TNHT/ Q1 / Tr.6.) Bí pháp này chả có gì khác với tha lực đồng hiệp lực và thần nhân hợp tác cùng ý khác ngữ.

Để giải thích mối quan hệ giữa lòng tin vào tha lực và trí tuệ của tự lực: người có lòng tin mà không có trí tuệ thì thường làm tăng trưởng vô minh, mê tín dị đoan. Người có trí tuệ mà không có lòng tin thì thường làm tăng trưởng tà kiến, chấp ngã, cao ngạo.

Tương tự như tự lực rèn luyện thể xác, cầu nguyện hay mong cầu là một nhu cầu rèn luyện của tâm linh có năng lực làm lắng dịu các nỗi lo âu, sợ hãi, thất vọng và phiền muộn, khổ đau giúp chúng ta tạm an lòng. Hơn nữa, lúc tuyệt vọng, cầu nguyện vào tha

lực giúp tăng thêm nghị lực, củng cố niềm tin để giúp chúng ta sáng suốt và quyết tâm đi theo con đường lý tưởng cao thượng thay vì quần chí làm càn. Mong cầu cũng là một cách thể hiện những ước mơ thầm kín, niềm hy vọng, niềm tin vào cuộc sống. Tâm sự được với chính mình (nội tâm) lẫn ngoại lực về những vấn đề thầm kín không chia sẻ được với gia đình, với người ngoài. Đó cũng là một cách xả stress có lợi cho sức khỏe bản thân cũng như tinh thần. Nhưng nếu chỉ tâm sự một mình mà không có chương trình hành động để cải thiện thì có thể mắc bệnh tâm thần hồi nào không hay. Người điên với những người phi thường chỉ cách biệt có một gan tấc. Tương tự như giữa bờ vực thẳm của ngộ và tẩu hỏa nhập ma vậy.

Cầu nguyện và mê tín dị đoan là hai vấn đề khác nhau nhưng chúng ta vì vô minh nên tưởng cầu nguyện là mê tín dị đoan vì cả hai có cùng một mục đích nhưng khác hình thức trong hành động. Cho nên, mong cầu không hẳn là mê tín dị đoan mà là một hình thức văn hoá, sáng kiến, tạo tác đem lại niềm tin, ý chí và nghị lực, nhằm chuyển hóa những khó khăn khốn khổ, làm vui bớt nỗi đau bất hạnh cho ta lẫn cho những người khác. Ta chỉ cần có sự thành tâm hướng về mục đích lợi ích cho tha nhân nhiều hơn cho ta, thì sự cảm ứng không thể nghĩ bàn. Còn những nghi thức cúng tế, mê tín dị đoan, vị kỷ thì chúng ta đã nghe và thấy nhiều rồi không cần phải bàn cãi dài dòng ở đây. Từ mê tín đến cuồng tín, chỉ cách một sợi tơ!

Cả hai tín ngưỡng trên thường bị khoa học phủ nhận vì khoa học không thể chứng minh được tuy nhiên khoa học tự nó cũng luôn luôn đổi mới không phải là chân lý vĩnh cửu. Theo kinh nghiệm lịch sử, những gì được con người cho là đúng bây giờ chưa chắc là luôn luôn đúng trong tương lai. Có thể, con người hay đổi ý hay nghĩ sai nhưng tưởng là mình luôn luôn đúng?

Tôi xin đề nghị 3 phương cách tổng hợp để đạt được những điều mình mong muốn trên đời mà yếu tố khoa học và mê tín, vô minh và trí tuệ, được triệt tiêu trong hàm số ‘muốn’ sau đây:

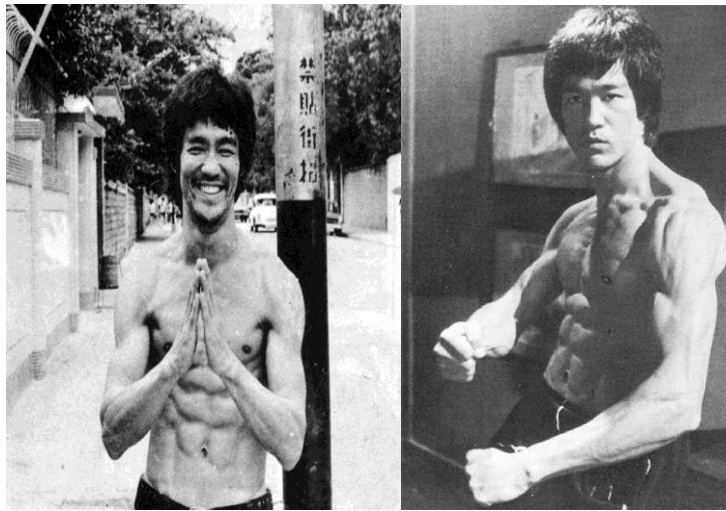
Thượng sách, tự lực cánh sinh. Tự tin muốn là được. Dùng cứu cánh biện minh cho phương tiện. Bá đạo hay chánh đạo, con đường nào cũng được miễn là tới đích thành công.

Hạ sách, cầu nguyện Tha Lực. Người Nam Mỹ (Latin American, Bolivia) có câu ngạn ngữ: Thà làm con gà nuốt dây thun, hèn nhất (chicken shit) mà sống hơn làm người hùng chết. Chấp nhận chúng ta rất yếu hèn cần sự che chở của thượng đế.

Trung bình sách: “In matters of style, swim with the current; in matters of principle, stand like a rock.” Thomas Jefferson or if you want to have a safe life, remember two things – in matters of principle, stand like a rock; in matters of taste, swim with the current. Trên nguyên tắc thì cứng rắn như đá, nhưng trên thực tế thì phải biết thuận theo dòng mà bơi. Bình thường thì tự lực, khó khăn thì dựa vào tha lực. Trong tha lực nghĩ đến tự lực; trong tự lực nghĩ đến tha lực mà hành động với sự hỗ trợ của quyền năng tối thượng trong vũ trụ. Đó là lý cương nhu hay Thần-Nhân hợp tác cùng Tự-Tha đồng hiệp lực!

Đây là 3 vòng cương tỏa của nhân sinh. Một là nếu không phá nổi 3 cái vòng Kim Cô này thì nên thuận dòng mà bơi chơi với trò đời. Hai là ngược dòng mà thoát khỏi vòng kềm tỏa nếu có thể phá được 3 vòng Phục Ma Khuyên này. Không có chuyện, nửa chơi nửa chạy.

Ba kế sách trên có thể áp dụng cho 3 loại người: Người mạnh tự tin, người yếu tín ngưỡng, hay xiu xiu ên ên, không chủ định. Người luôn luôn được may mắn, người toàn bị xui xẻo và người thông thường, may ít xui nhiều. Dĩ nhiên, ai cũng muốn là người may mắn, nhưng không phải ai cũng được như thế. Nhưng nếu biết cách, chúng ta sẽ là người thường được may mắn hơn là luôn bị xui xẻo. Làm bất cứ điều gì miễn là không bị thua thiệt là được. Every which way but lose!



Theo Wikipedia, Tha lực (zh. tālì 他力, ja. tariki) có nghĩa là ngoại lực, thế lực từ bên ngoài, lực của người khác. Nhưng với nghĩa hẹp trong Phật giáo, Tha Lực là Phật Lực của Phật A Di Đà (theo 48 đại nguyện của ngài khi còn là Bồ Tát tên Pháp Tạng.) Vào thời Mạc Pháp - chúng ta đang sống thời kỳ đầu của thời mạt pháp kéo dài 10,000 năm - căn cơ của chúng sinh yếu kém nên khó lòng theo các phương pháp tu khác để giải thoát khỏi vấn đề sinh tử. Hơn nữa, kinh sách Phật dần dần mất hết trong giai đoạn cuối của thời kỳ này. Vào thời kỳ này, kinh nói rằng, chỉ câu Nam Mô A Di Đà Phật duy nhất cũng đủ sức đưa người tu tập khi lâm chung về cõi Cực Lạc của Phật A Di Đà. Có thật là 'kinh sách Phật dần dần mất hết' thay vì còn được suy giải nhiều nghĩa nhiều ý hơn? Mạc Pháp thì có thể nhưng vì vậy mà đưa đến kết luận chỉ vài câu niệm Phật trước khi chết là hết nghiệp quả được về cõi Tây Phương Cực Lạc thì quá ư đơn giản, dễ dàng khó mà tin được. Too good to be true! Thói thường, đa số chúng ta sẽ làm như vậy và gia đình chúng ta cũng sẽ cầu cho chúng ta như vậy trước khi rửa chân lên bàn thờ. Tâm lý chung, cầu nguyện đâu có mất tiền mua. Không được thì chã mất mác gì mà nhờ được thì như là may mắn, phép màu linh thiên, ứng nghiệm thay vì phải đọa vào địa ngục, nếu có địa ngục.

Đôi nghĩa với Tha lực là Tự lực (zh. zìlì), chỉ cơ duyên Phật Thích Ca Mâu Ni thiên định mà đạt giác ngộ. Nhiều bậc đại sư, các Tổ khác cũng thành đạo nhờ thiên định, như

lịch sử Thiên Tông cho thấy. Việt Nam cũng có nhiều vị Thiên Sư nổi danh ngộ đạo do thiên định như các vị Thiên Sư đời Lý, Trần, hay vua Trần Nhân Tông.

Tuy nhiên, trong ‘Tự Lực và Tha Lực là những phương tiện để đạt được cứu cánh,’ Nữ Tu Sĩ Nguyệt Thanh viết: Tự Lực và Tha Lực cũng chỉ là những giả danh đặc trưng cho sự một tổng hợp bắt nguồn từ nhiều nhân duyên của một hoặc nhiều động cơ kết hợp lại. Vì vậy, bản thân của Tự Lực và Tha Lực cũng không có tự tánh, không là trường tồn, không là vĩnh cửu mà luôn chuyển hóa không ngừng. Theo tôi, không có sự phân biệt nhị nguyên giữa tự lực và tha lực. Tự lực là tha lực; tha lực là tự lực. Không có Lực để mong cầu tất cả từ Tâm tạo, do Tâm Tưởng mà ra. Cho nên, nếu vẫn vọng cầu thì nên hướng vào tâm mà cầu nhưng ‘Tâm không ở trong ta, tâm không ở ngoài ta mà ta ở trong tâm’ (Lòng Bò Đè, Lê Huy Trứ)

5. Nguồn gốc của Tôn Giáo

Con người tạo ra tôn giáo, rồi xây chùa, xây nhà thờ, đúc tượng mà thờ cúng với nhiều nghi lễ rườm rà, phiền phức, khó hiểu làm mê muội tín đồ. Tín đồ không sáng suốt để mà nhận rõ là Phật và Thượng Đế không ở trong nhà thờ, trong chùa. Những nguy kinh, nhất là từ Trung Hoa, dạy thế nào để đạt được an lạc và hạnh phúc ngay trong cuộc sống hiện tại bằng cách tụng niệm thần chú, vẽ bùa phép, cầu an, cầu siêu, cầu phước lộc thọ cùng với những cách thức tu tập để mong đạt được phép tắc thần thông và để cầu xin được sinh về các cảnh giới an lành của chư Phật. Nguồn gốc của những hủ tục mê tín dị đoan này khởi đầu từ nhu cầu tâm linh, nhằm xoa dịu bớt nỗi khổ đau bất hạnh cho tha nhân, được khuyến khích và cổ xúch bởi đa số trong bất cứ xã hội nào, bất cứ tôn giáo nào nhưng rồi thì bị lạm dụng quá đáng bởi những tưởng tượng u mê cùng những ý đồ trục lợi, bất chính. Không ngoại lệ, các chùa chiền của Phật Giáo cũng bị xâm nhập mạnh bởi những tư tưởng tà đạo này, cũng rập khuôn những nghi thức mê tín từ những tập quán của hủ tục và từ đó gây nên những hiểu lầm trầm trọng cho đạo Phật ngày nay là đạo của cầu nguyện, van xin lẫn ý lại hoàn toàn vào tha lực đi ngược lại những giáo huấn đầy trí tuệ với những triết lý thâm diệu và đầy tinh thần khoa học của Đức Thế Tôn. Rồi thì vì thiên cận, Phật Giáo bị xếp vào đồng loại với các tôn giáo cổ xúch mê tín dị đoan, phản khoa học, thiếu kiến thức, phi lý và kém trí tuệ.

Chúng ta quá tin vào những điều huyền hoặc vô căn cứ và vì không tự tin vào chính bản thân nên dễ bị người khác mê hoặc bởi những điều giả dối nguy tạo và giảng giải sai lạc về nghiệp quả của chúng sinh. “...we have more faith in what we imitate than in what we originate. We cannot derive a sense of absolute certitude from anything which has its roots in us. The most poignant sense of insecurity comes from standing alone and we are not alone when we imitate. It is thus with most of us; we are what other people say we are. We know ourselves chiefly by hearsay.” Bruce Lee, Tao of Jeet Kune Do

Lão Tử nói, “Ngô sở dĩ hữu đại họa giả, vi ngô hữu thân; Cập ngô vô thân, ngô hữu hà họa.” Tạm dịch theo quan niệm của Phật Giáo, Ta có họa lớn vì có thân (chấp ngã) này, Thân ta chẳng có (vô ngã) thì họa sao còn?

Đa số chúng ta mạnh nói nhưng yếu làm. Nhất là khi trở ngại, đau khổ bất ngờ ập đến với mình, tâm bất an, lòng đau khổ thì không biết làm gì hơn là than thở, trách cứ ông trời bất công, hay ngậm ngùi chấp nhận tài không hơn nổi mệnh. Chúng ta thường thấy rất nhiều kẻ có khả năng nhưng cuộc đời lận đận. Ngược lại, có nhiều kẻ may mắn không cần tài ba mà cũng được thành công. Dĩ nhiên, có tài lẫn mệnh thì sướng nhất trên đời. Chúng ta cố gắng phân tích, nguyên nhân hậu quả, lý luận, giải thích rồi đi tới kết luận cho những công án này nhưng rồi vẫn luẩn quẩn trong vòng vô minh, không có lối giải thích thỏa đáng để xoa dịu nỗi sự thất bại, nạn khổ đau của nhân sinh.

Nếu bác sĩ giải thích cho bệnh nhân bị bệnh ung thư gan phổi thời kỳ thứ 4 là tại vì họ hút thuốc, uống rượu, ... nên bị ung thư thì cũng tạm chấp nhận được chứ giải thích cho nạn nhân của bạo lực, gần chết về luật nhân quả của kiếp trước mà họ không hề hay biết hay nhớ tới thì có vẻ quá tàn nhẫn cho dù đó có thể đúng như vậy. Lối giải thích đây tính cách lý thuyết trên sách vở và từ kinh điển đó cho dù, như thị tri kiến, Phật không tạo ra luật nhân quả lẫn không có can hệ tới duyên nghiệp, cũng không giúp ích chút nào cho nạn nhân mà còn làm cho họ thêm tuyệt vọng, mau chết thay vì giác ngộ. Đạo Phật dạy ta phương pháp phòng bệnh, phòng nạn hơn cứu nạn, chữa bệnh. Chờ đến lúc bị bệnh nặng rồi mới học cách phòng bệnh thì khó mà hữu hiệu. Đa số chúng ta đều biết như vậy nhưng không muốn làm như vậy, hay không dám nghĩ đến như vậy, chỉ mong là nó xảy ra cho người khác thay vì cho mình. Lo lắng, đau khổ là tâm lý chung đáng thương của đa số con người, nó là như vậy, chứ không có chuyện đúng sai để mà tư luận vì những vấn nạn này vượt quá xa tầm hiểu biết cùng khả năng kiểm soát của con người.

Như đã nói ở trên, đa số chúng sinh chưa đủ niềm tin vào chính mình, nên mới có thái độ mong muốn, cầu nguyện, van xin như thế. Cái hủ tục này không bao giờ có thể bỏ được trong xã hội nhân sinh, ngày nào con người, còn đau khổ là còn tôn giáo, còn tôn giáo là còn cầu xin, còn mê tín dị đoan, còn nô lệ tâm linh cho tà giáo. Hay nói cách khác, còn cầu xin, còn mê tín dị đoan thì vẫn còn tôn giáo. Tôn giáo không những là món ăn tinh thần bổ ích, mà còn là cặn bã, ma túy là thuốc độc, là nguồn gốc của chiến tranh, đau khổ của nhân loại. Mục đích sai lầm của tuyệt đại đa số các tôn giáo là diệt khổ, là cứu rỗi. Bệnh đau khổ của nhân loại không phải là cứu cánh. Khổ chỉ là những cái ngọn chứ không phải gốc; nó chỉ là những triệu chứng (symptoms) của căn bệnh trầm kha. Vô minh mới chính là gốc bệnh của khổ đau (Dukka.) Không thể diệt được khổ nếu còn vô minh; còn gốc bệnh vô minh là còn triệu chứng khổ đau. Minh Tâm mới kiến được tánh khổ, biết được bản chất của khổ đau mới có thể tìm ra phương cách để giải thoát được khổ đau.

6. Cầu nguyện trong Phật Giáo

Đức Thế Tôn chỉ xây nền tảng căn bản của Phật Pháp và để tự chúng sinh dựng nên cơ cấu của Phật Giáo. Đức Phật không sáng lập tôn giáo, không viết kinh điển hay thánh kinh để cho tín đồ cầu tụng, tôn thờ và lạy lỵ van xin mình như những tôn giáo khác.

Phật tử cũng quỳ gối trước Đức Phật và các vị Bồ tát thánh hiền, để tỏ lòng tôn kính nhưng không phải để tuyên xưng lòng tin hay tôn vinh quyền uy của Phật và các vị Bồ tát thánh hiền mà chỉ để quán chiếu các đức tính đại từ đại bi của các ngài với lòng khát

khao được hoàn thiện những đức tính đó trong chính tự thân của mình. Bất cứ ai cũng có thể đứng trước Đức Phật với đầy phẩm cách, không phải như quỳ lạy, cầu khẩn, van xin, sợ hãi trước một đấng toàn năng đầy uy quyền thường phật và sinh sát như các tôn giáo khác. Quỳ gối lạy Phật là lạy chính ta với tâm vô ngã mà những hình tượng trước mắt ta chỉ là tượng trưng, vô tri vô giác. Đó là ý nghĩa của Phật tại tâm.

Đức Thế Tôn đã từ bỏ những gì phàm phu ham muốn: ngai vàng, quyền quý, giàu sang để sống ‘màng trời chiếu đất,’ vô gia cư, làm người khát thực, vô ngã để tầm đạo vì không muốn bị câu thúc vào những vòng cương toả của tham, sân, si vô thường đó.

Phật Thích Ca không chủ trương cầu nguyện để mong được phép lạ hay luyện thần thông để biến ra những điều mong muốn. Ngài không dạy chúng sinh niệm thần chú mà ngược lại Ngài đã cảnh cáo các đệ tử của ngài là không nên phô trương hay lạm dụng những năng lực thần thông mà họ chứng đạt được vì những huệ căn này chỉ là những thành công tạm bợ không phải là chân lý tối thượng của Phật Giáo.

Đức Phật không dạy cầu nguyện, tụng kinh, ước muốn, van xin, thờ cúng tha lực bên ngoài để xin cứu rỗi. Đức Thế Tôn lý luận rất thực tiễn, giải thích Phật Pháp rất khoa học dựa trên nền tảng nhân quả và 12 nhân duyên, Tứ Diệu Đế và Bát Chánh Đạo, không có phần ‘chánh tín,’ để hướng dẫn chúng sinh tự mình đạt được trí tuệ với cứu cánh giác ngộ. Ngài cũng dạy chúng ta về đức tánh từ bi, minh tâm kiến tánh để thành Phật như Ngài. Phật dạy, ”Nhu Lai thị chơn ngữ giả, thật ngữ giả, bất dị ngữ giả, bất cuống ngữ giả.” nghĩa là lời nói của Như Lai là chân chính, là thành thật, không trá trở và không bao giờ dối trá.

Thomas Huxley, famous British scientist, " Buddhism is a system which knows no God in the Western sense, which denies a soul to man and counts the belief in immortality a blunder, which refuses any efficacy to prayer and sacrifice, which bids men to look to nothing but their own effort for salvation, which in its original purity knew nothing of the vows of obedience and never sought the aid of secular arm, yet spread over a considerable portion of the world with marvelous rapidity and is still the dominant creed of a large fraction of mankind." Thomas Huxley, khoa học gia nổi tiếng người Anh nói, " Đạo Phật là một hệ thống tư tưởng không chấp nhận Thượng đế theo nghĩa của Tây phương, phủ nhận con người có linh hồn và sự tin tưởng sai lầm vào trường sinh bất tử, cho rằng cầu nguyện cúng tế chẳng có hiệu quả gì, và trong sự trong sạch nguyên thủy chẳng thế nguyện trung thành và tìm đến với sự giúp đỡ nào của tha lực trên đời. Tuy vậy Đạo Phật đã được phổ biến một cách mau lẹ trên một phần rộng lớn đáng kể của thế giới và đang là tôn giáo chế ngự phần lớn nhân loại." (BuddhaSasana website, Science and Buddhism, Khoa Học và Phật Giáo, Liễu Pháp trích dịch.11/1999, <http://www.budsas.org/uni/u-vbud/vbpha014.htm>)

Phật Giáo là tôn giáo duy nhất không dựa vào tín ngưỡng mà tự giác. Tuy vậy, tụng kinh, niệm Phật, cầu nguyện, nghi lễ của các đệ tử của Ngài truyền lại sau này trông có vẻ như tín ngưỡng, chánh tín, nhưng không phải là hoàn toàn vô ích nếu chúng ta trì được cái ý trong kinh điển Phật Giáo để không bị vô minh che lấp đưa đến mê tín dị đoan rồi thì một bước đến cuồng tín, có thể đưa đến những hành động cực đoan.

Trong tựa đề ‘Ý nghĩa của cầu nguyện, cầu an và cầu siêu,’ Thích Nhật Từ viết, “Đạo Phật không dạy ta sống với những ước muốn hay cầu nguyện suông, trái lại dạy ta các phương pháp cụ thể để biến niềm mơ ước chân chánh và cao đẹp trở thành hiện thực.”

“Cầu nguyện vì thế chính là phương pháp nhìn lại con người thật của mình, quan sát tâm mình và trừ khử khát vọng phàm tình, ích kỷ, ý lại, yếu đuối. Cầu nguyện là một cách định tâm định ý để chuyển hóa lòng mình, lòng người” (Thích Tịnh Từ).

“Cầu nguyện là tiến trình làm phát khởi trạng thái cao thượng nhất là Phật tính của chúng ta. Một tiềm năng mà mọi người đều sở hữu bình đẳng như nhau. Phật tính là năng lượng sống căn bản và yêu thương vốn có trong vũ trụ. Cầu nguyện là tiến trình chuyển hóa những xung lực ham muốn ích kỷ thành tình thương vị tha.”

(www.sgi.org/buddhism/buddhist-concepts/prayer-in-buddhism.html)

Tôn giáo nào, đạo nào cũng có những thành phần kém kiến thức, cuồng tín, ngu muội mà Lão Giáo cũng không ngoại lệ. Lão Giáo cũng có những triết lý cao siêu thoát tục, khó truyền đạt cho nên bị thoái hoá bởi sự bành trướng mạnh hơn của Khổng Giáo và Phật Giáo trong xã hội Trung Hoa thời đó. Triết lý của Lão Tử bị những kẻ này hiểu sai lạc, và vì muốn sống còn nên họ cố tình len lỏi vào Phật Giáo rồi ngụy tạo ra những kinh điển đại thừa đầy tính chất thần thoại, hoang đường, đi ngược với chính pháp. Họ cố tình sát nhập hai tôn giáo này lại với nhau, làm Phật Giáo lẫn Lão Giáo bị hiểu lầm sai lạc là tôn giáo mang đầy tính chất mê tín dị đoan. Ngược lại, có nhiều kinh điển Đại Thừa được các Tổ dựa vào những kinh điển Nguyên Thủy của Phật thuyết nhưng diễn đạt theo văn chương bác học, rất giá trị cho những người học Phật và nhất là cho những người Âu Mỹ. Nhờ nhân duyên đọc được những triết lý cao siêu đó mà họ muốn tìm hiểu, nghiên cứu thêm và rất tán phục triết lý Đông Phương, nhất là của Phật Giáo. Tuy có người cho những kinh điển Đại Thừa là ngụy kinh, 30% Phật thuyết, 70% rác rưởi, nhưng theo tôi chừng 30% Phật thuyết, 20% có thể là rác rưởi vì tôi chưa hiểu tới ý Tổ, và 50% là triết lý thâm diệu của văn minh Trung Hoa thời đó được các Tổ truyền lại, dựa vào ý của Phật thuyết, như thị Ngã văn và qua chứng đắc, kiến tánh, của chính họ.

Lời hay ý đẹp, chân lý tự nó có tính thuyết phục trừ khi mình dùng nó, tự nhận nó là của mình với ý định đen tối thì dù là chính Phật thuyết hay Tổ nói cũng trở thành tổ trác và ngụy tạo. Trên thực tế tất cả thánh kinh của các tôn giáo khác cũng như rất nhiều kinh điển Đại Thừa là ngụy tạo và được giảng dạy sai lạc vì người giảng thì ngu dốt, gian trá và tín đồ thì ngu xuẩn, hậu quả đưa đến cuồng tín và dị đoan mê tín. Các giáo sĩ và sư hô mang còn thao túng được quần chúng vì họ biết được cái nhu cầu cần thiết của con người - đa số con người chỉ muốn nghe điều mình muốn nghe, hiểu điều mình muốn hiểu cho ích lợi cá nhân. Cái mà con người mong cầu nhất, sợ hãi nhất là khổ đau. Họ chỉ muốn chữa cái triệu chứng khổ đau chứ không muốn trị tận gốc khổ đau vì không thể từ bỏ những thói quen, tật xấu khác cho dù biết đó chính là nguồn gốc của khổ đau. Như người nghiện ngập ma túy, họ chỉ muốn dùng ma túy trị ghìên ma túy chứ không muốn cai ma túy, chữa dứt bệnh nghiện ngập. Có thể vì đó mà họ thích và nghiện thuốc phiện an thần của mê tín dị đoan hơn là đối diện với vô minh để giác ngộ, tự giải thoát. Bản tính của con người vốn yếu đuối, sợ hãi nghịch cảnh, sợ đau, sợ khổ cho nên thuốc an thần cầu

mong không phải là hoàn toàn có hại, có thể tạm dùng như là phương tiện của tâm lý để chữa bệnh khổ đau, trừ khi lạm dụng nó thái quá để bị nghiện ngập và bị nó sai khiến.

Có một vị Phạm Chí hỏi Đức Phật, “Đệ tử của Ngài sau khi chết có thể cầu nguyện cho họ được lên thiên đàng hay không?” Đức Phật nói, “Không thể được!”

Rồi Phật hỏi lại vị Phạm Chí, “vậy những người tu theo Ngài sau khi chết lỡ đọa địa ngục, ngài có cầu cho họ được lên thiên đàng không?” Vị Phạm Chí khẳng định, “Được!”

Phật đưa ra một câu hỏi, “Thí dụ, có một tảng đá lớn đem xuống giếng, ông cho tất cả người Phạm Chí đến cầu nguyện để tảng đá được nổi lên có được hay không?”

Vị Phạm Chí nói, “tảng đá nặng đương nhiên phải chìm dưới nước, dù có cả ngàn người cầu cũng không thể nào làm nổi lên được?”

Phật bảo, “Cũng vậy, một người khi đã tạo mười nghiệp ác thì không thể cầu cho họ lên thiên đàng được.”

Để làm sáng tỏ thêm tinh thần cầu nguyện, Phật hỏi tiếp, “Thí dụ như, dầu đem đổ xuống nước, ông cho ngàn người đến cầu cho dầu bị chìm xuống nước được không?”

Phạm Chí nói, “Dầu nhẹ hơn nước làm sao cầu cho nó chìm xuống được?”

Phật bảo, “Cũng vậy, khi một người đã làm mười nghiệp thiện, dù cả ngàn người có cố cầu cho họ xuống địa ngục cũng không thể được”.

Vị Phạm Chí nói, “Hay thay, Cồ Đàm đã khai mở tâm trí cho con, xin cho con được quy y Phật, Pháp, Tăng, và con nguyện trọn đời theo Phật học đạo”.

Câu chuyện phổ thông trên đây là một trong những mẫu đối thoại giữa một vị Phạm Chí và Đức Thế Tôn. Vị Phạm Chí này là một trong nhiều người may mắn được Đức Phật đích thân cảm hoá và điểm ngộ riêng vì họ đã có căn bản tu hành từ trước. Những cơ hội đối thoại hãn hữu này được các đệ tử của ngài đúc kết lại thành những bài kinh ngắn gọn, súc tích, nhưng đầy đủ giá trị thiết thực cho chúng sinh; thể hiện tinh thần làm chủ bản thân qua triết lý nền tảng của nhân quả, mình làm việc thiện lành tốt đẹp sẽ được hưởng quả báo an vui, hạnh phúc; mình làm việc xấu xa, tội lỗi thì bị sa đọa, khổ đau. Đi ngược lại các truyền thống từ xa xưa, Đạo Phật ra đời nhằm trả lại quyền tự chủ của con người, họa hay phúc đều do mình tạo lấy, không ai có thể ban phúc, giáng họa cho mình được.

Ngược lại với lý luận ở trên, trong ‘Tư tưởng tha lực trong kinh Na Tiên Tỳ Kheo’ Phan Minh Đức viết:

“Tư tưởng Phật lực trong kinh Na Tiên Tỳ Kheo được xem là khởi nguyên tư tưởng tha lực trong giáo nghĩa các kinh của Phật Giáo Phát triển sau này. Ở đây chúng ta cũng nên xem qua tư tưởng tha lực mà kinh Na Tiên Tỳ Kheo đề cập đến như thế nào.”

Nội dung kinh Na Tiên Tỳ Kheo ghi lại những lời vấn đáp giữa Tỳ kheo A La Hán Na Tiên (Nāgasena-người Trung Ấn, có nơi nói Tây Bắc Ấn Độ, vào khoảng nửa cuối thế kỷ thứ II trước Tây lịch) và vua Di Lan Đà (Milinda) tại thủ đô Sa Yết La (Sākāla, cũng viết là Sāgala) thuộc vùng thượng lưu Ngũ Hà. Trong phần nói về “Nhân ít, quả nhiều,” vua Di Lan Đà hỏi Tỳ Kheo Na Tiên như sau:

-Bạch Đại Đức, các sa môn trong hàng ngũ của Đại Đức bảo rằng những kẻ có quá khứ không tốt, đã từng làm ác, nhưng đến khi lâm chung biết nghĩ tưởng đến Phật thì được sinh lên các cõi trời. Quả thật trăm không tin được điều đó.

Tỳ Kheo Na Tiên hỏi ngược lại nhà vua:

-Giả sử có kẻ cầm một hòn đá nhỏ ném xuống nước, hòn đá ấy nổi hay chìm?

- Thừa chìm.

-Bây giờ, có kẻ đem một trăm hòn đá lớn chắt vào một chiếc ghe lớn đủ sức chở hàng ngàn tảng đá lớn thì trăm hòn đá ấy có chìm không?

-Thưa không?

-Đá không chìm là nhờ ghe chở. Cũng giống như thế, người làm ác khi chết biết tưởng nhớ đến Phật, được Phật lực nâng đỡ nên không đọa vào địa ngục mà lại sinh lên các cõi trời. Hễ ai tin Phật và tưởng nhớ đến Phật thì khi lâm chung đều được Phật tiếp độ (Kinh Na Tiên Tỳ kheo, Cao Hữu Đỉnh soạn thuật, Tỉnh hội Phật giáo Thừa Thiên-Huế ấn hành, 1996).

Những biện luận trên đây nghe có vẻ logic, thực tiễn nhưng không thể áp dụng cái lối Tam Đoạn Luận này cho tâm linh được. Tất cả hai lý luận tự lực và tha lực ở trên đều là phân biệt nhị nguyên, phân biệt thiện ác, thiên đường, địa ngục chứ không phải bất nhị.

Có những kinh điển cũng chú thích là kim khẩu của Đức Thế Tôn, Phật nói, Phật dạy, riết rồi không biết đâu để kiểm chứng. Không lẽ Phật lại tự mâu thuẫn với Phật? Đức Thế Tôn và các Đại Đệ Tử nói một đường làm một nẻo, đầy thiên vị lẫn lạm dụng thần thông đầy mê tín dị đoan để độ những kẻ ác thay vì ưu tiên cho những người xứng đáng được cứu độ trước? Cho nên, người Phật Tử phải đề cao cảnh giác, biết nhận xét để đọc hiểu được ý kinh mà hành trì không thì đại oan cho Phật, đại hại cho mình lẫn cho người.

Chẳng hạn, có khá nhiều điển tích thần thoại trong Tiểu Bộ Kinh Tập II – Thiên Cung Sự cho thấy kết quả thoát sinh lên Thiên Giới của những chúng sanh hữu tình lẽ ra bị đọa vào ác đạo đều do sự tác ý (ý muốn) của Đức Phật hoặc Thánh Đệ tử như Mục Kiền Liên, Ma Ha Ca Diếp, Xá Lợi Phất. Sau đây là ba trong nhiều tích truyện bút giả trích dẫn từ Tiểu Bộ Kinh – Tập II (Tạng Pali) chứng minh Phật Lực hoặc Thánh Lực được họ cũng gọi là ‘bất khả tư nghị’ (không được ‘phép’ bàn cãi) của Đức Phật và Thánh đệ tử.

Ba câu chuyện đó là Lâu đài do cúng mè (Tiladakkhina-Vimàna,) Lâu đài của nàng Chiên-Đà-La (Candali-Vimàna,) và Chuyện thí dụ phước điền (Khattupama) có những đặc điểm chung là cả ba chúng sanh hữu tình đều có những ác nghiệp, sắp chết và bị đọa vào địa ngục và cả ba đều được sinh lên thiên giới nhờ Tha Lực của Phật hoặc Thánh. Cả ba trường hợp nhân quả đồng thời: cúng mè, đánh lễ Thế Tôn là nhân. Kết quả sinh thiên là nhờ Phật Lực hay Phước điền của Phật và Thánh đệ tử. Tương tự trong Hán Tạng, nguyện Lực của Phật A Di Đà tiếp dẫn chúng sanh Niệm Phật: Niệm Phật là Nhân, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc là quả. Quả Vãng sanh là do Phật Lực của Phật A Di Đà đã thành tựu 48 đại nguyện độ khắp chúng sanh quyết định. Ba trường hợp sinh thiên này tương đồng với những lời kinh trong Quán Vô Lượng Thọ Kinh: khi một người sắp chết do nghiệp lực bị đọa ác đạo nhưng sẽ được đởi nghiệp vãng sanh nếu kẻ ấy may mắn được thiện trí thức khuyên bảo niệm thánh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật tương tục mười niệm thì nhờ nguyện lực của Phật Di Đà kẻ ấy được vãng sanh Tây Phương cực lạc quốc. (Tha lực trong kinh tạng Pali và Hán tạng, Tâm Tịnh)

Nếu thật sự ứng nghiệm linh thiên như vậy thì tôn giáo nào cũng làm được, như họ thường hứa hẹn, và Đức Thế Tôn không cần phải mất công bỏ hết những giàu sang, quyền quý làm kẻ vô gia cư để tầm đạo cứu độ chúng sinh. Có nghĩa là tu tâm hành thiện không cần thiết cho con người vì trước khi chết chỉ cần ‘tương tục mười niệm thì nhờ nguyện lực của Phật Di Đà kẻ ấy được vãng sanh Tây Phương cực lạc quốc’ khỏi cần xin VISA.

7. Ý nghĩa cầu nguyện của con người



Thói thường, đa số chúng ta những khi sung sướng, cuộc đời đang may mắn thành công, chỉ biết hưởng thụ lợi lộc, chìm đắm trong hoan lạc của ái dục. Đến khi phước hết, họa đến, thân bại danh liệt, thì than trời oán đất. Bây giờ mới nghĩ đến chuyện cầu nguyện, khẩn vái thần linh, cầu xin Bồ Tát, chư Phật gia hộ, ban cho phước báo, hy vọng thay đổi vận mệnh tốt hơn.

Đối với cá nhân, khi lâm vào hoàn cảnh bức bách, khổ đau, bất trắc, bất như ý, con người thường cầu nguyện cho tai qua nạn khỏi, mong cầu tìm lại sự bình yên trong tâm hồn. Cầu nguyện, lúc gặp khó khăn trên đời, về mặt tâm lý để giải tỏa các âm ức nội tại, nhất là trong tình trạng lo lắng căng thẳng cao độ không còn lối thoát dễ đưa đến tuyệt vọng chán đời. Cầu nguyện có thể làm giảm bớt các áp lực căng thẳng, nặng nề ấy. Mặt khác,

cầu nguyện là mong muốn, hy vọng được may mắn, thay đổi, nhằm được đời sống tốt hơn, giúp tạo thêm sinh lực và niềm tin cho mình trong lúc đau khổ, bất hạnh. Tuy nhiên, những lời cầu nguyện này chỉ giúp tâm trí được bình yên tạm thời chứ không bảo đảm phép lạ sẽ xảy ra tức khắc.

Trước khi đi sâu vào hạnh mong vô cầu tưởng cũng nên biết qua về cầu nguyện của những tông phái khác lẫn của các bậc thánh nhân và những thiện tri thức.

Lời nguyện cầu kinh điển về Tứ Vô Lượng Tâm tự nhiên và miên mật như nhịp đập của con tim:

Từ: Nguyện cầu hết thảy chúng sinh được hạnh phúc và đầy đủ nhân duyên của hạnh phúc.

Bi: Nguyện cầu hết thảy chúng sinh thoát khỏi khổ não và những nguyên nhân đưa đến khổ não.

Hỷ: Nguyện cầu hết thảy chúng sinh luôn sống trong yên vui không có khổ đau.

Xả: Nguyện cầu hết thảy chúng sinh xa lìa tất cả chấp trước, oán ghét, an trú trong tịch tịnh.

Trong *Prayer in Buddhism (Cầu nguyện trong Phật giáo)* của G.R. Lewis, theo Tịnh Độ Chân Tông Nhật Bản. “Sự cầu nguyện trong Phật giáo là một phương pháp để thức tỉnh những năng lực bi, trí, dũng vốn tiềm ẩn trong chúng ta hơn là thỉnh cầu những năng lực bên ngoài nhờ vào sự kính sợ, sùng tín và lợi lộc thế gian hay thần thánh nào. Cầu nguyện của Phật giáo là một hình thức thiền, đó là một phương pháp tu chỉnh nội tâm. Cầu nguyện Phật giáo thay thế cái tiêu cực bởi cái đức hạnh, và hướng chúng ta đến những cái tốt đẹp của đời sống.”

Sau đây là một đoạn trích từ Daisaku Ikeda, chủ tịch Quốc Tế Sáng Giá Học Hội (Soka Gakkai International - SGI) và là người đứng đầu truyền thống Phật Giáo Nhật Liên Tông, một truyền thống thực hành tụng đọc như một hình thức chính của thiền thay vì tịnh tọa:

“Những lời kinh nguyện là một thực thể cụ thể trong cuộc sống của chúng ta. Cầu nguyện là đối thoại, là trao đổi với vũ trụ. Khi chúng ta cầu nguyện là khi chúng ta ôm lấy vũ trụ bằng đời sống và quyết tâm của chúng ta. Cầu nguyện là một cuộc tranh đấu để trải rộng cuộc đời của chúng ta.

Cầu nguyện không thuộc lãnh địa của logic hay trí óc. Nó vượt lên trên những thứ đó. Cầu nguyện là một hành vi trong đó chúng ta biểu lộ những ước muốn khẩn thiết và mãnh liệt tự trong sâu thẳm của chúng ta và mong ước chúng được thành tựu.”

“Niềm tin của chúng ta được phản ánh trong cuộc sống hàng ngày của chúng ta, trong môi trường thực tế. Những lời cầu nguyện của chúng ta không thể được đáp lại nếu chúng ta không nỗ lực thích đáng với hoàn cảnh.”

Trích dẫn từ Deborah Guthrie, một hành giả sở tại của truyền thống này. Bà ấy nói, “cầu nguyện trong Phật Giáo Nhật Liên Tông là sự thực hành tụng đọc. Những lời kinh cầu có

thể là những lời thỉnh cầu một thứ gì đó cụ thể, chẳng hạn đó là sự bảo hộ tài chính; hoặc trừu tượng, như hạnh phúc; thế nhưng sự cầu nguyện được xem như một sự chú tâm hay kiên quyết hơn là một sự cầu xin. Những lời cầu nguyện được tụng lên với sự hiểu biết rằng những phước lợi đó sẽ giúp họ tiến bước trên con đường hướng đến sự giác ngộ, để họ có khả năng giúp đỡ những kẻ khác cùng tiến bước trên con đường đạo. Những lợi ích tinh thần được xem là cái quan trọng nhất trong quá trình này, chứ không phải những lợi ích vật chất, chẳng hạn đó là sự tăng thêm an lạc, từ bi và trí tuệ.”

Theo truyền thống Phật Giáo Lamrim của Tây Tạng, “Đức Phật dạy rằng vạn pháp tùy tâm, vì thế, nếu chúng ta muốn xây dựng một thế giới yên bình, trước hết chúng ta phải thiết lập sự bình an từ trong tâm của chúng ta.”

Những Mật Chú mà Mật Tông, Tịnh Độ Tông thường tu niệm chẳng hạn như *Oṃ maṇi padme hūṃ* (Sanskrit: *ओं मणिपद्मे हूं*, IPA: [õ:: məṇipəḍme: hũ:]) hay Nam Mô A Di Đà Phật, Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát,... do các Tổ hay các chư tăng Đại Thừa Trung Hoa trước tác, nhân cách hóa, có dụng ý tâm lý để giúp chúng ta an tâm qua cái âm lực (sound) huyền diệu của nó. Tương tự như quán niệm hơi thở trong thiền định chỉ là bí quyết để giúp thiền sinh chú tâm, giảm bớt tâm viên ý mã, mong đạt được vô tâm, giác ngộ.

Theo Mật Tông, Chư Phật, chư Bồ tát hoặc các vị thần linh khác khởi từ tâm chân thật, bởi lòng thương xót chúng sinh mà nói ra “Chú” để cứu độ. Nguyên Thần Chú còn là âm thanh kết nối giữa bản ngã trong ta với vũ trụ, vì mỗi con người chúng ta là một tiểu vũ trụ. Những mật chú này được xem như là tín hiệu của Phật, ngôn ngữ của Bồ Tát, phương tiện truyền tin và cũng được tin tưởng có khả năng ‘thần thông’ như mật khẩu, email addresses, user’s ID, password, và số cell phones để liên lạc thẳng với chư Phật và Bồ Tát trong vũ trụ, nhanh như sátna (2 seconds) thay vì thư từ qua lại qua bưu điện lâu lắc và dễ bị thất lạc.

Khi niệm Phật liên tục đạt tới trạng thái vô tâm, vô niệm thì những mật chú này có tha lực vô biên giúp ta an tâm, phát triển trí tuệ để đánh thức cái tự tánh vô úy, kiến được bản ngã dũng mãnh, Kim Cương Bất Hoại trong ta. “*OM! GATÉ GATÉ PARAGATÉ PARASAMGATÉ BODHI SVAHA*” là câu thần chú nổi danh trong Bát Nhã Tâm Kinh. Có ý nghĩa giúp ta vượt biển khổ đau, đi từ bến mê (vô minh) qua tới bờ giác ngộ. Theo ngụ ý, câu mật chú này cũng còn có nghĩa là cầu cho – ‘qua đi qua đi những cơn mê,’ đau khổ hay sung sướng.

Trong Tử Bách Lão Nhân Tập của Đại Sư Tử Bách Đạt Quán đời Minh, Sư hỏi vị tăng Hải Châu: “Niệm Phật có thường gián đoạn chăng?”

Tăng đáp: “Hễ nhắm mắt ngủ liền quên mất”.

Sư nghiêm mặt, quở: Nếu nhắm mắt liền quên thì niệm Phật như vậy dù có niệm một vạn năm cũng vô ích! Từ nay trở đi, ông cần phải trong lúc ngủ cũng niệm Phật chẳng gián đoạn thì mới có phần thoát khổ nổi!

Sư này nói cũng như không nói vậy, ai nói cũng không được. Chính Sư chỉ giới quở chứ có biết cách nào ‘lúc ngủ cũng niệm Phật chẳng gián đoạn’ không hay chính Sư cũng ‘hễ

nhắm mắt ngủ liền quên mất'? Mà lúc ngủ quên niệm Phật liên tục là đã đi vào trạng thái vô niệm tâm thức rồi cần gì niệm nữa?

Theo Ngẫu Ích Đại sư, “Người đã tin sâu, nguyện thiết niệm Phật, nhưng lúc niệm Phật, tâm nhiều tán loạn thì sinh ở hàng Hạ phẩm hạ sinh. Tín sâu, nguyện thiết niệm Phật, nhưng lúc niệm Phật tán loạn giảm thiểu thì sinh ở hàng Hạ phẩm trung sinh. Tín sâu, nguyện thiết niệm Phật, nhưng lúc niệm Phật lại chẳng tán loạn thì sinh ở hàng Hạ phẩm thượng sinh. Niệm đến Sự nhất tâm bất loạn, chẳng khởi tham, sân, si thì thuộc vào ba phẩm Trung sinh. Niệm đến Lý nhất tâm bất loạn, đoạn Kiến tư hoặc hay Trần sa hoặc và cũng hàng phục được vô minh thì thuộc vào ba phẩm Thượng sinh. Vì thế, Tín-Nguyện trì danh niệm Phật có thể sinh trong chín phẩm, thật đích xác và rõ ràng.” (Thích Định Thông, Ngẫu Ích Đại sư - Hành trạng và Pháp ngữ)

Thích Nghi và Chưởng Tán Loạn là phương thức thứ 8th và 1st trong 10 cách thức tu luyện Tinh Tấn trong kinh “Bồ Tát Thiện Giới,” Bồ Tát luôn điều phục các căn (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý,) điều phục các thức (nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức,) ăn uống vừa đủ, cuối đêm thức dậy, dốc lòng chẳng loạn, chẳng để phóng túng, nghiêm cẩn suy cứu, phát sức tinh tấn, siêng tu nghĩa thật, tâm không điên đảo, tùy thuận đường tu... Đó là Tinh Tấn Chưởng Tán Loạn. Phương thức thứ 1st, Thích Nghi: Bồ Tát tùy bệnh, để dùng đúng thuốc. Khi tham dục nổi lên, tu quán bất tịnh (quán sự ô nhiễm.) Khi giận hờn nổi lên, tu quán từ bi. Khi tâm si mê nổi lên, quán mười hai nhân duyên. Khi tâm tán loạn nổi lên, tu quán sở tức (hơi thở) và quán Giới phân biệt để phá kiêu mạn.

Niệm cho đến ‘nhất tâm bất loạn’ cũng đạt được vô niệm nhưng hiệu quả khác với niệm cho đến lúc ‘nhất tâm vô bất loạn.’ Trong Tây Du Ký, Đường Tam Tạng lòng thường bất an, lo sợ đường đi khó khăn đầy khổ nhọc, không đến được Tây Trúc để thỉnh kinh nên hay thúc hối các đệ tử mau lên đường không nên lơ là chậm trễ. Tôn Ngộ Không hỏi: Thầy có biết niệm Bát Nhã Tâm Kinh không? Tam Tạng: Ta là thầy chùa, ngày nào cũng tụng niệm kinh sao không nhớ. Đọc ngược còn được. Trư Bát Giới bắt bẻ Tôn Hành Giả: Vậy thì Sư Huynh có nhớ thì thử đọc nghe coi? Tôn Ngộ Không không trả lời. Tam Tạng (tri thức) hiểu ra nhanh hơn Trư Ngộ Tịnh (nhục thân) nhưng chậm hơn Tôn Ngộ Không (trí tuệ,) liền nói: Nó không trả lời là nó đã thuộc hết rồi, thôi chúng ta lên đường thôi. Đó là thí dụ hay nhất khi niệm kinh với tâm bất loạn, tâm phan duyên, vọng niệm thì sẽ câu bất đắc ngộ hay với tâm bất loạn, vô tâm, vô niệm thì sở cầu tất ứng ngộ.

Quán cái energy, thấy những màu sắc của quang phổ, lắng nghe lực rung động của âm thanh, mà quán Tâm là yếu chỉ của tam muội trong pháp môn niệm Phật chứ không phải cốt niệm cho nhiều mà tâm chẳng rõ. Đó mới chính là cái tâm ý trong câu hỏi của Tôn Ngộ Không: Thầy có biết niệm Bát Nhã Tâm Kinh không? Khi bị Trư Bát Giới hỏi ngược lại thì Tôn Ngộ Không im lặng không đáp. Đó là một trong 84,000 pháp môn thâm diệu của Đức Thế Tôn vì cái câu hỏi đơn giản như vậy mà Tam Tạng lẫn Bát Giới còn chưa giác được thì giải thích thêm về quán tâm kinh cũng vô dụng. Lắng nghe nhịp Tâm (quán âm) càng rõ sức tam muội càng tự tập trung, tự thanh tịnh. Thanh tịnh càng rõ ràng càng tăng trưởng trí tuệ, càng an tâm.

Tam muội cũng gọi là nhất tâm, cũng có nghĩa là chánh định. Chánh định trong niệm Phật đã gồm chánh kiến, chánh niệm, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh ngữ, chánh tinh tấn, kể cả chánh tư duy trong Bát chánh đạo. Đặc biệt, niệm Phật tam muội bao trùm các căn cơ, trình độ nào tu cũng được, hoàn cảnh nào áp dụng cũng được.

Niệm cho đến lúc nhất tâm bất loạn rồi tới mức vô niệm là đã có được huệ căn, mới được vãng sanh. Nhưng chớ nên khởi tâm cầu nhất tâm bởi nhất tâm là do công phu tự lực tinh tấn chuyên nhất vào pháp môn chứ không thể do cầu mà được. Kế tiếp là niệm Phật đến chỗ vô niệm nghĩa là niệm mà không còn biết mình đang niệm tức là tâm ấy chính là tâm Phật rồi. Đó là, “Lục tự Di Đà vô biệt niệm” thì mới có “Hoa khai kiến Phật ngộ vô sanh.” Hoa khai kiến Phật tức là Minh Tâm Kiến Tánh và Ngộ Vô Sanh nghĩa là không còn sinh không còn diệt tức là chứng được Vô Sanh pháp nhãn. Đó mới chính là mục đích của niệm vô niệm, vô cầu, vô tâm.

Trong Đức Phật A Di Đà là ai? Cư Sĩ Truyền Bình viết, “Trong cuộc sống hàng ngày của dân gian, chúng ta rất quen thuộc với nhóm từ “Nam mô A Di Đà Phật” Vậy nhóm từ đó có ý nghĩa là gì ? **Muốn hiểu tường tận ý nghĩa nhóm từ đó, chúng ta phải có một trình độ [kiến thức] khá cao về khoa học [lĩnh trí tuệ bác học. THL]**

Nam mô có nguồn gốc là từ Namah (tiếng Phạn) hoặc Namo (tiếng Pali) có nghĩa quy y, kính lạy, quy phục, đem mình về với. Nam mô A Di Đà Phật (南無阿彌陀佛, chú ý chữ 無 phải đọc là mô chứ không phải vô) là Hán dịch từ tiếng Phạn Namah Amitabhaya buddhaya có nghĩa là quy y Đức Phật A Di Đà.”

Những niệm Phật đó, Truyền Bình viết tiếp, chỉ là một thứ Hóa Thành Dụ (một tòa thành ảo giả lập để dẫn dắt người tu vào tạm trú vì đường đi quá xa) chứ không phải cứu cánh đích thực, bởi vì ngay danh xưng A Di Đà đã cho thấy chỗ đến là tâm giác ngộ cùng khắp không gian thời gian, **A Di Đà không phải là ai xa lạ, chính là bản tâm của mỗi người.** Tương tự, Quán Tự Tại Bồ Tát là Quán Thế Âm Bồ Tát và cũng là Tự Tánh, hay Bản Lai Diện Mục sẵn có của chúng ta. *Tự Tánh tức là Quán Thế Âm Bồ Tát, Quán Tự Tại Bồ Tát tức là Bản Lai Diện Mục.*

Trong Bản Lai Diện Mục (Mặt Mũi Xưa Nay,) Thiền sư Bankei, Anh Ngữ: Peter Haskel, Việt Ngữ: Thích Nữ Trí Hải: Cái được gọi là bản lai diện mục cũng không khác gì Tâm Phật Bất Sinh. Cái mà bạn thừa hưởng của cha mẹ từ lúc mới sinh chỉ là Tâm Phật Bất Sinh, không gì khác. Đây là từ ngữ mà một bậc Thầy ngày xưa đã đặt ra cốt làm cho người học nhận ra rằng Tâm Phật Bất sinh chính là mặt mũi nguyên ủy của mình, hay bản lai diện mục. Ngay danh từ cha hay mẹ cũng là những gì đặt cho cái đã sinh ra. Con người thực chứng được Tâm Phật thì ở tận ngọn nguồn của cha và mẹ, đó là lý do ta nói đến một cái “hiện hữu trước cả khi cha và mẹ ra đời.” Cái đó không gì khác hơn là cái Bất sinh; bởi thế Tâm Phật cũng chính là Bản lai diện mục của bạn...

Thiền Sư Chân Nguyên (tục danh là Nguyễn Nghiêm) diễn tả trong sách Thiền Tông Bản Hạnh.

Thuở xưa trời đất chưa sanh
Cha mẹ chưa có thật mình Chân Không

Chẳng có tướng mạo hình dung
Tịch quang phổ chiếu viên đồng thái hư.

Danh từ phiên âm A Di Đà (zh. 阿彌陀) có gốc từ hai chữ trong tiếng Phạn là amitābha và amitāyus. Amitābha dịch nghĩa là vô lượng quang – ánh sáng vô lượng, amitāyus có nghĩa là vô lượng thọ – thọ mệnh vô lượng. Cũng như các Phật và Bồ Tát khác, **A Di Đà được thể gian hình tượng hóa thành vị Phật** của thế giới Tây Phương Cực Lạc, nơi chỉ có vui mà không có khổ. A Di Đà chính là Tâm, Tâm chính là A Di Đà. Tâm là Phật, Phật là Tâm. Một vị Phật và mỗi vị Bồ Tát được những học giả tiên nhân hệ thống hoá rất khoa học như là những toa thuốc, những tên thuốc, vị thuốc với 84,000 phương cách trị liệu để chữa trị tâm bệnh của mỗi cá nhân, tùy lúc tùy thời, tùy nơi tùy chốn, tùy duyên tùy phận để mà bắt mạch, kê thuốc và dạy cách dùng thuốc.

Quy y Phật A Di Đà là kính lạy mình, quy phục mình, đem mình về với cái bản lai diện mục vô ngã của mình tương tự như kiến tự tại, kiến tánh, Phật ở trong nhà thôi tìm kiếm, Phật tại tâm mà niệm Nam Mô A Di Đà Phật là hướng nội để tự mình cầu chính mình vậy. Đại khái, **quy y Phật là quy y giác ngộ, quy y Pháp là quy y trí tuệ và quy tăng là quy y lực căn thanh tịnh của bản tâm**. Không có gì là mê tín dị đoan hay phản khoa học cả chỉ vì đa số chúng ta, ngay cả có một số tỷ kheo vì vô minh, chấp ngã không hiểu được thâm ý của tiên nhân và các Tổ nên hiểu sai, áp dụng sai, cầu niệm sai, chuộng hình thức bên ngoài, y ngữ không y ý cho nên luôn luôn cầu bất đắc khổ rồi cho là bị Tổ trác.

8. Những điều tâm niệm của trở ngại, đừng cầu mong vô ích

Sau đây là những điều Tâm Niệm của trở ngại, đừng cầu mong vô ích. Tôi xin phóng tác từ trong 10 Điều Tâm Niệm, những điều khuyên này không biết xuất xứ từ Không Tử, Phật Giáo Đại Thừa hay thượng tri thức vô danh?

Đừng cầu không bệnh khổ, đừng cầu không khó khăn hoạn nạn, đừng cầu không khúc mắc, đừng cầu được đền đáp.

Đừng mong không bị ganh ghét, phá hoại, đừng mong dễ thành công, đừng mong lợi riêng mình, đừng mong tất cả đều thuận theo ý mình.

Đừng cầu mong những điều trên không bao giờ đến với mình vì nếu cứ cố chấp mong cầu thì bảo đảm sẽ được, ghét của nào trời trao của nấy, cầu tắc ứng nghiệm. Tốt hơn là cầu cho chúng nó đến với mình rồi mong nó sẽ không bao giờ đặng - cầu bất khả đắc chí. Điều này rất dễ chứng minh, cứ đi mua vé số rồi cầu Trời cầu Phật đừng cho mình trúng số thử xem thế nào?

Hiểu được triết lý trên thì dù ở trong chướng ngại cũng vượt qua tất cả, không bị bất ngờ, dễ kịp chuẩn bị, đối phó. Nên chấp thuận trở ngại thì thông suốt, mà mong cầu thông suốt thì sẽ bị trở ngại. Đó là ý nghĩa, sống ‘thuận dòng’ của kẻ phàm phu và sống ‘ngịch dòng’ của đáng bỏ tất mà Phật đã thuyết trong kinh điển Phật Giáo.

Đức Thế Tôn thực hiện huệ giác Bồ Đề ngay trong sự trở ngại, như Ương Quật hành hung, Đề Bà quấy phá, mà Ngài giáo hóa cho thành đạo cả. Lấy chống đối làm sự thuận lợi và lấy phá hoại làm sự tác thành. Đó cũng là nguyên tắc cương nhu trong võ học: Mượn sức đánh sức; tứ lạng đả ngàn cân. Thay vì lấy mạnh chọi mạnh, lấy cứng chọi cứng, lấy trứng chọi đá, lấy chống đối/phá hoại chống lại phá hoại/chống đối. Người học đạo, trước hết phải dẫn thân vào mọi sự trở ngại, kinh nghiệm với trở ngại để khi trở ngại đến thì sẵn sàng biết cách ứng phó. Có kinh nghiệm và chiến thắng trở ngại mới bảo vệ được Chánh Pháp chí thượng.

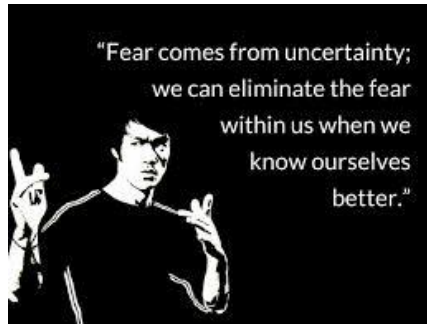
9. Khổ và Nguyên Nhân

Theo quan niệm của Phật giáo, Khổ (zh. 苦, sa. duḥkha, pi. dukkha) là cơ sở quan trọng của Tứ Diệu Đế.

Chúng ta thường nghe nói, “Đời Là Bể Khổ.” Phật Giáo phân loại Khổ rất luận lý khoa học: Tam Khổ (Khổ khổ [sa. duḥkha-duḥkha,] Hoại khổ [sa. vipariṇāma-duḥkha,] và Hành khổ [sa. saṃskāra-duḥkha.] Ngoài ra còn có Bát khổ. Sinh – Lão – Bệnh – Tử gọi là tứ khổ. Cộng thêm 4 cái khổ khác nữa là: Ái biệt ly khổ - 愛別離苦 (あいべつりく) : Yêu nhau mà chia lìa nhau là khổ vậy. Cầu bất đắc khổ - 求不得苦 (ぐふとくく) : Cầu mà không được chính là khổ vậy. Oán tắng hội khổ - 怨憎会苦 (おんぞうえく) : Ghét mà phải ra vào gặp mặt hàng ngày là khổ vậy. Ngũ ấm xí thịnh khổ - 五蘊盛苦 (ごうんじょうく) : No com ấm cật quá cũng khổ.

Không phải chỉ là những cảm thụ khó chịu của nhục thể mới là Khổ. Khổ dùng để chỉ tất cả mọi hiện tượng vật chất và tâm thức, xuất phát từ Ngũ Uẩn, chịu dưới quy luật của sự thay đổi và biến hoại của vũ trụ. Như thế, tất cả những điều an lạc đang có cũng là khổ vì chúng cũng sẽ ra đi. Khổ xuất phát từ chấp Ái (sa. tṛṣṇā) mà con đường thoát khổ là Bát Chánh Đạo.

Bài này tuy chỉ chú trọng đến cầu không được khổ, cầu được cũng khổ nhưng nếu chúng ta kinh nghiệm khổ hàng ngày, tưởng không ai biết khổ bằng chính mình, mà không biết phân tích kỹ chữ khổ này thì khó mà hết được khổ. Tất cả tôn giáo đều cố gắng giải thích và bán thuốc an thần cho triệu chứng cứu khổ này nhưng chưa tôn giáo nào có thể phân tích với luận lý và khoa học của gốc khổ đau được như Phật Giáo. Phật Giáo còn đưa ra phương pháp, chữa khổ đau, bớt đau khổ, phòng khổ khổ, và cuối cùng là diệt khổ. Đơn giản, vì vô minh, không quán được thân tâm nên lo âu sợ hãi rồi sinh ra bệnh khổ đau. Chữa được cái nguyên nhân vô minh của hậu quả khổ đau thì không bao giờ khổ nữa. Cho nên khổ chỉ là một trong 84000 triệu chứng (symptoms) của bệnh vô minh chứ khổ không phải là căn bệnh. Nếu chúng ta hoang mang, lo lắng mong cầu hết đau hết khổ tức khắc rồi nghe theo lang băm, dùng thuốc an thần mê tín dị đoan, để chạy chữa triệu chứng (ngọn) thì không bao giờ chữa lành chính (gốc) bệnh được. Chúng ta chính là lương y đang thực tập chữa bệnh cho chính mình. Hiểu nguồn gốc căn bệnh của mình qua kinh nghiệm bản thân và đã chiến thắng được bệnh sợ hãi khổ đau mới có thể tự tin và có khả năng để chữa bệnh cho những người khác được.



Trong Tương Ứng Bộ kinh (Thiên Sáu Xứ, Tương Ứng Sáu xứ, Năm Mười kinh thứ hai, 53 Vô Minh) nói tới việc loại bỏ vô minh. Chúng ta thấy có cuộc đối thoại giữa một vị tỳ kheo và Đức Phật về chủ đề này:

Do biết như thế nào, bạch Thế Tôn, do thấy như thế nào, vô minh được đoạn tận, minh được sanh khởi?

Đức Thế Tôn dạy: Do biết, do thấy mắt là vô thường, vô minh được đoạn tận, minh được sanh khởi. Do biết, do thấy các sắc là vô thường, vô minh được đoạn tận, minh được sanh khởi... nhãn thức... nhãn xúc... Do duyên nhãn xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ hay bất khổ bất lạc; do biết, do thấy cảm thọ ấy là vô thường, vô minh được đoạn tận, minh được sanh khởi.

Cũng tương tự như vậy về các thực tại liên quan đến tai, mũi, lưỡi, thân và ý. Tất cả các pháp này đều cần được tìm hiểu để có thể biết chúng là như vậy.

10. Nghịch lý của Luật Nhân Quả và Lý Nhân Duyên

Luật Nhân Quả và Lý Nhân Duyên là hai triết lý căn bản rất quan trọng trong Phật Giáo. Chúng ta thường nghe: gieo nhân; gặt quả. Gieo gió; gặt bão. Rồi từ đó nhiều giảng sư suy rộng ra: Gieo nhân thiện; gặt quả thiện. Gieo nhân ác; gặt quả ác. Nhưng khi được hỏi: Tại sao người hiền luôn gặp tai ương, thất bại còn người ác thì bao giờ cũng may mắn, thành công? Ông trời bất công mà những gì cổ nhân nói: thiên bất dung gian, lưới trời lồng lộng khó thoát chỉ thấy ít khi linh ứng thì các bậc giảng sư lúng túng chỉ nhắm mắt dựa vào kinh điển và lập lại những gì học được từ sư phụ của mình, rồi thì giảng đi giảng lại, lòng vòng, dài giòng: vì vô lượng kiếp trước mình gieo nhân ác, không hành thiện nên bây giờ gặp quả xấu, và vì kẻ ác bây giờ được giàu sang sung sướng vì được hưởng quả tốt từ kiếp trước tích lũy nhiều điều thiện nhưng kiếp sau phải trả nghiệp ác của hiện tại. Rồi thì họ kết luận, ráng mà chịu đựng, niệm Phật, gắng tu hành, sám hối, ăn năn, không làm điều ác, cố làm điều thiện để mong kiếp sau bớt khổ. Họ cũng chứng minh rất logic và khoa học: Muốn biết kiếp trước mình gieo nhân gì thì cứ nhìn vào quả hiện tại; nếu biết kiếp sau mình gặt quả gì thì cứ nhìn vào cái nhân mình đang gieo bây giờ. Những lối giải thích này cũng tương tự những tôn giáo khác đã cố gắng giải thích cho những tín đồ của họ, chẳng hạn như là tội tổ tông, sinh ra là đã có tội di truyền rồi. Phải năng đi nhà thờ, cầu xin, đọc kinh, xin rửa tội nhưng rồi thì chả có thần nào cứu được họ cả. Chả thấy bớt họa, khổ vẫn khổ, thôi thì chấp nhận đó là ý thần giáng họa, ban khổ thay vì sáng mắt ra để biết mình bị các giáo sĩ lừa bịp bấy lâu nay.

“Bổn bề công nợ eo sèo,
Chỉ vì một nỗi tội nghèo mà thôi.
Tôi làm tôi chẳng có chơi,
Nghèo đâu nghèo mãi, trời ơi hồi trời!”

Đa số con người đang lúc khổ đau nghe như vậy thì an lòng lúc đó vì cố tin thầy, giáo sĩ cho bớt đau, bớt khổ nhưng sau khi về nhà liếm vết thương lòng thì đau khổ vẫn hoàn khổ đau, chẳng thấy gì khác hơn. Người hiền thì khóc thầm, vái xin; người dữ thì chửi tăng trách Phật, chửi trời, oán đất. Những kẻ cứng đầu, nhất là những người Âu Mỹ, thích suy luận, luôn lạc quan phần đầu không thể hiểu được để chấp nhận lối giải thích tiêu cực của nhân quả, luân hồi. Cho nên, họ khó có thể thỏa mãn được những câu trả lời của Phật Giáo mà họ cho là dị đoan, yếm thế không thích hợp với kiến thức lẫn suy luận của họ.

“Van nợ lắm khi trào nước mắt
Chạy ăn từng bữa toát mồ hôi.”
(Trần Tế Xương)

Theo suy luận thông thường, người hiền chết thành ma hiền, người ác chết thành ma dữ (nếu chúng ta tin là có ma.) Hay nói một cách khác, nếu chúng ta tin vào luân hồi, thì con người hiền khó mà làm nổi việc ác trong một sớm một chiều (ngay trong hiện tại hay trong một kiếp nhân sinh trong vị lai,) ngược lại người ác khó mà làm nhiều điều thiện dù cho họ có thành tâm hối cải. Sự thay đổi, tích lũy thiện ác đó không thể một sớm một chiều mà thực hiện được. Cho nên, giải thích vì kiếp trước chúng ta không hành thiện, không bố thí cho nên kiếp này chúng ta nghèo khó, lận đận thì cũng tạm chấp nhận là có lý đi nhưng nếu nói vì kiếp trước vì chúng ta tri hành hạnh bố thí, tích lũy nhiều phước thiện nhờ ăn hiền, ở lành rồi bây giờ chúng ta được quả tốt nên kiêu căng làm những điều ác thì nghe không thuận tai chút nào cả? Vì vậy mới có câu hỏi đầy triết lý, “Nhân chi sơ tính bản thiện hay bản ác?” Không Giáo trả lời là bản thiện. Đạo Thiên Chúa tin là bản tội, sinh ra là có tội tổ tông, cần phải rửa tội. Đạo Phật quan niệm, không thiện, không ác. Có một điểm tương đồng là cả 3 tôn giáo trên lẫn những tôn giáo khác đều khuyến khích bố thí để bớt tội nghiệp. Tuy tương đồng nhưng khác mục đích và cái định nghĩa ‘bố thí’ này khác nhau rất xa. Bố thí theo đa số hiểu là cứ ‘cho ra’ càng nhiều rồi sẽ nhận lại được nhiều hơn. Điều này có thể ứng nghiệm nếu chúng ta không có mong cầu, vọng chấp.

Trở lại cái vấn đề cầu bất khả đắc ở trên, đa số những lãnh đạo tôn giáo tự chính họ cũng không có câu trả lời, không biết trả lời, không tìm ra được câu trả lời chính xác, thích hợp với nghịch cảnh vì chính họ cũng mang tật cầu xin, mang bệnh đau khổ, không thắng nổi nghịch cảnh. Họ cũng mong cầu riêng cho mình mà không được. Chữa cho mình còn chưa xong, mong gì chữa cho tín đồ, con chiên, nên phải vọng ngôn. Nhưng họ khác xa với tín đồ vì họ được tổ chức và huấn luyện để lừa bịp, dẫn dắt con chiên đại khờ tới bờ... vực thẳm. Chỉ có Đức Phật và những bậc giác ngộ đã có đầy đủ trí tuệ, đủ tha lực để chiến thắng vô minh mới đầy đủ kinh nghiệm và đủ tư cách giải thích cái nghịch lý tầm thường, đơn giản của cầu xin này thôi.

Nhà học giả Nhật Bản Kimura Taiken trong cuốn "Đại thừa Phật Giáo Tư Tưởng Luận (bản dịch của TT. Thích Quảng Độ, Tu thư Vạn Hạnh, 1969) nhận định: Vấn đề duyên sinh tuy có thể diễn tả theo nhiều cách, song điểm phát xuất của nó vẫn không ngoài Tâm,

nếu lìa Tâm thì ra thì [luật nhân quả, THL] và lý duyên sinh sẽ vô căn cứ. Bởi thế nói một cách rọt ráo thì Tâm là nguồn gốc [của nhân quả,] của Duyên Sinh Quan. Cho nên, [những cái phương tiện thuyết gọi là pháp, là nghiệp quả,] lẫn duyên sinh rọt cuộc cũng không ngoài cái Tâm tướng biến hiện của ta. Đó là điểm căn bản độc nhất của Phật Giáo, Tiểu Thừa cũng như Đại Thừa. Điều phục lấy Tâm đã trở nên một phương châm tu dưỡng quyết định trong Phật Giáo. Do đó, khi nói đến duyên khởi, tất nhiên ta phải đề cập đến Tâm, vì giữa hai điểm ấy có một mối quan hệ rất mật thiết và nếu ta muốn hiểu rõ dụng ý căn bản của Phật Giáo, ta không thể quên điểm hệ trọng đó."

Trong Kinh Kim Cang, Đức Phật dạy: Quá khứ tâm bất khả đắc, hiện tại tâm bất khả đắc, vị lai tâm bất khả đắc. Chuyện quá khứ qua rồi đừng luyến tiếc, đừng nhớ nghĩ làm gì cho bận tâm, chỉ gieo thêm nghiệp chướng chứ chẳng ích lợi gì. Chuyện hiện tại rồi cũng qua mau, cố níu kéo cũng chẳng được, có lo âu phiền muộn cũng chẳng ích lợi gì. Chuyện tương lai chưa đến, lo lắng, ưu tư, sầu muộn cũng chẳng ích lợi gì. Cho nên, điểm tâm là giữ gìn tâm trí được như như, bình tĩnh, thản nhiên. Đó chính là nghiệp quả, nghiệp báo, quả báo mà ra. Chuyện gì phải tới nó sẽ tới, lo sợ cũng chẳng ngăn cản được đâu. Cứ bình tĩnh mà run!

Hiểu sâu được luật nhân quả, chúng ta sẽ bình tĩnh thản nhiên chấp nhận quả báo xảy đến. Nếu không muốn có quả báo xấu, chúng ta phải chấm dứt gây nghiệp nhân xấu, tức là chấm dứt tâm tham sân si, tức là dừng ba nghiệp thân khẩu ý bất thiện. Trong kinh sách gọi là dừng nghiệp và chuyển nghiệp. Thấy thì dễ, nói dễ, hiểu dễ nhưng hành mới khó! Mấy người chúng ta làm được những điều Phật dạy này?

11. Mũi Tên Độc trong Kinh Điển Phật Giáo Đại Thừa

Trong Kinh Đại Bát Niết Bàn, quyển thứ 15, phẩm thứ 8 (phẩm Thánh hạnh), câu chuyện 'người bị trúng mũi tên độc' mà đa số chúng ta điều biết và được rất nhiều người giảng giải. Có thể các tổ mượn ý Phật, tương tự như thí dụ cụ thể về nắm lá trong bàn tay của Đức Thế Tôn so với đám lá trên rừng nhưng cái thí dụ mũi tên độc này có vẻ phi lý hơn. Trên thực tế, chúng ta có thấy ai bị thọ tên độc, sắp chết mà không lo lắng chạy chữa cấp thời thay vì muốn tìm cái nguyên nhân của cái quả thọ tiền?

Tôi xin tu chỉnh lại cái thí dụ mũi tên độc này cho nó thích hợp với sở tại: Ngày nay có một người bị trúng mũi tên độc, vết thương thâm tím. Những thân nhân của người ấy vội vã kêu 911 đưa ông ta vào nhà thương cấp cứu, bất kể ông có muốn hay không. Mà ông mong muốn là cái chắc, vì ai không sợ chết? Khi xe cứu thương chở ông ta tới chỗ cấp cứu của bệnh viện thì văn phòng nhập bệnh hỏi ông ta có bảo hiểm và có tiền trả công cấp cứu không trước khi đưa vào phòng cấp cứu. Trong khi đó thì cảnh sát tới điều tra nguyên nhân của tội phạm trước khi cho bác sĩ cứu chữa. Chưa xong, bác sĩ muốn biết mũi tên này mang thứ thuốc độc gì để mà trị liệu trước khi cấp cứu. Những thí dụ trên này đã tự nó trả lời cái nghịch lý nguyên thủy của chuyện mũi tên độc trong kinh Đại Niết Bàn của Phật Giáo Đại Thừa. Cái vô lý là nạn nhân chỉ mong được cứu mạng cấp thời chứ không có đòi hỏi gì khác hơn. Chỉ có ban quản lý bệnh viện, cảnh sát và bác sĩ là muốn biết nguyên nhân của tai nạn trước khi cứu chữa. Ở những nước văn minh, trong lúc khẩn cấp họ sẽ cứu người trước rồi đặt câu hỏi, điều tra sau, đó là luật. Văn phòng

bệnh viện sẽ bổ túc thủ tục sau, bác sĩ sẽ thử nghiệm và thảo luận với bệnh nhân, với đồng nghiệp cách trị liệu và cảnh sát sẽ thẩm vấn và điều tra sau khi nạn nhân tỉnh lại.

Kinh Tịnh Danh nói, “Trực tâm thị Đạo Tràng, trực tâm thị Tịnh Độ.” Có nghĩa, lòng ngay thẳng là Đạo Tràng, lòng ngay thẳng là Tịnh Độ. Theo Pháp Bảo Đàn Kinh của Huệ Năng Lục Tổ thì căn bản của “tự ngộ tu hành” là pháp Thiền Định và Trí Huệ, thường nói tắt là Định Huệ (Tuệ.) Lục Tổ Huệ Năng nói rằng, “Chư thiện tri thức, chuyên ròng một hạnh Chánh Định nghĩa là trong cả thầy các chỗ đi, đứng, ngồi, nằm, thường giữ một lòng ngay thẳng. Cơ sở của Chánh Niệm ở trong Chánh Định mà Chánh Định tức là Nhất Hạnh Tam Muội. Có lẽ Hòa Thượng Nhất Định lấy pháp “Nhất Hạnh Tam Muội” đặt cho chú điệu Nguyễn Xuân Bảo là Thích Nhất Hạnh?”

“Tôi là em bé mười hai, bị làm nhục nhảy xuống biển sâu. Tôi cũng là người hải tặc sinh ra với một trái tim chưa biết nhìn biết cảm.” Bài thơ ‘Hãy gọi đúng tên tôi’ của người xưng mình là Thiền Sư Nhất Hạnh viết vào năm 1976 khi ông hay tin một cô gái 12 tuổi, một trong số rất nhiều thuyền nhân Việt Nam vượt biên tỵ nạn Cộng Sản đã tự trầm mình vào lòng đại dương sau khi bị những tên cướp biển Thái Lan hãm hiếp tập thể, thà chết còn hơn sống ô nhục. Đó là chưa kể có rất nhiều người đàn bà và con gái khác ngay cả trẻ con mới lên có 8 tuổi cũng bị ô nhục vì tiết hạnh bị xâm phạm bằng bạo lực, bị hãm hiếp nhiều lần rất dã man trước sự chứng kiến bất lực của những nhân chứng, thân nhân như chồng, con, anh em của họ mà họ vẫn phải sống với nỗi ô nhục, oan nghiệt đó suốt đời không bao giờ quên được. Vậy mà chỉ sau mấy tiếng đồng hồ thiền quán an toàn trong căn phòng tiện nghi với máy điều hòa không khí ở Làng Mai, Paris thay vì trên thuyền vượt biên, ‘Thiền Sư’ Nhất Hạnh dễ dàng nhận thấy và phán một câu rất là ‘ngộ’ (ngộ này có nghĩa là ngụy tặc, kỳ quái, quái lạ): “Tôi không thể hòa theo mọi người để kết án tên cướp. Tôi nhận thấy rằng nếu tôi phải sinh ra trong ngôi làng của hắn và lớn lên trong hoàn cảnh tương tự, tôi có thể trở thành như chính hắn.”

Lời tuyên bố của ông “su ông” Nhất Hạnh này quá cao siêu nên tôi ngu muội hiểu rằng: Nếu tôi, Nhất Hạnh, sinh ra trong hoàn cảnh như những tên hải tặc này thì tôi cũng ‘theo hòa nghiệp quả, nhân duyên’ để ăn cướp, giết người, hãm hiếp đàn bà, con gái lẫn con nít như hắn thay vì ‘theo hòa với mọi người để kết án hắn?’ Nên nhớ, Thái Lan là một nước 90% sùng đạo Phật và nếu ông ta sinh ở đó thì ông ta sẽ chọn tỷ số 10% làm hải tặc, hãm hiếp, cướp giết thay vì 90% không dám làm những điều đại gian ác đó.

Câu tuyên bố “đầy giác ngộ cao siêu của ông thiền sư ‘bất nhất hạnh’” này làm cho bài ‘thơ tuôn chảy theo niềm đau khổ’ ấy mất hết giá trị. Cho dù ông ta khẳng định và đệ tử của ông ta ca tụng, tâng bốc đó là bài thơ ‘có thể được xem như một sự thực tập thiền định hay nguyện cầu và phản ánh **thơ mộng** sự hòa hợp của vạn pháp đang hiện hữu.’

Tôi không phải là thiền sư, chưa giác ngộ để hiểu biết được nhân quả của những nạn nhân trên lần nghiệp quả của những tên hải tặc ác ôn đó trong quá khứ. Có thể cô bé 12 tuổi bị hãm hiếp tập thể dã man này và những nạn nhân của hải tặc đó kiếp này phải trả quả báo của họ và những tên cướp biển là những nạn nhân trong kiếp trước nay đòi lại công lý? Oan oan tương báo, không bao giờ dứt. Thay vì ‘ngậm mỏ’ mà thiền, cái lối giải thích láo lếu không hợp thời, hợp lý, tàn nhẫn và quá vô minh của ác khẩu sư này không xoa

dịu được những khổ đau của những nạn nhân trong lúc đó mà có vẻ như cùng đồng tình với kẻ ác hơn là thông cảm với nạn nhân.

Tàn nhẫn hơn nữa là cô bé bị hãm hiếp tập thể nhiều lần rất dã man bởi hải tặc lần cướp bóc, là một trong 600,000 nạn nhân khác bị chôn vùi tức tử trong vịnh Thái Lan đa số vì bị hải tặc cướp, hiếp và giết không phải là vợ con, kẻ thân thuộc của ông Nhất Hạnh hay chính ông ta là nạn nhân. Nhất Hạnh an ổn ở Pháp, lập ra Làng Mai ăn tiền cúng tế của những tín đồ, thiên vài giờ rồi đại ngôn vọng ngữ, viết ra những cái điều mà nhiều người cho là cao siêu. Tuy đa số những tác phẩm của ông ta có giá trị trên lý thuyết nhưng ông ta chưa đủ tư cách lẫn trình độ đạo đức của một thiên sư, cao tăng đắc đạo để trả lời dùm cho những kẻ ác đó và nhất là cô bé và những nạn nhân khác. Chỉ có những nạn nhân và cô bé đó mới đủ tư cách để tha thứ hay oán hận những kẻ đã đem đến khổ đau khủng khiếp lẫn những kinh nghiệm đau đớn của bản thân và đau khổ tinh thần không tương tượng nổi cho họ. Những nạn nhân này mới có đủ tư cách để nói câu: lấy tha thứ trả oán, oán tiêu tan. Dĩ nhiên, khi biết tha thứ cho người và người biết hối lỗi tội mình thì có thể oán sẽ tan bớt đi nhưng nghiệp quả cũng phải trả tiếp cho đến khi oán tiêu tan.

Ông Nhất Hạnh này cũng đã từng làm những điều tương tự như vậy, bênh vực và đồng cảm với kẻ ác trong chiến tranh Việt Nam và ngay sau khi khủng bố tấn công nước Mỹ trong 9/11. Khi mà nước Mỹ và cả thế giới đang đau buồn cho hơn 3,000 nạn nhân dân sự, công dân của thế giới không phải chỉ dân Mỹ, bị chết vì khủng bố thì ông ta dẫn đám đệ tử tới New York để dạy cho dân Mỹ bài học về từ bi và tha thứ thay vì cầu nguyện lẫn thông cảm những khổ đau. Ông ta không bao giờ có được cái dũng để đi qua những xứ Trung Đông của những kẻ khủng bố để dạy họ thương yêu, tha thứ, xóa bỏ thù hận, chấm dứt giết chóc hay can đảm cùng với những kẻ cuồng tín đó khiêu vũ trên đường để ăn mừng tội ác sau khi dám tuyên bố với thế giới: Tôi không thể hòa theo mọi người để kết án những tên khủng bố. Tôi nhận thấy rằng nếu tôi phải sinh ra trong ngôi làng của hắn và lớn lên trong hoàn cảnh tương tự, tôi có thể trở thành như chính hắn.

Tương tự, Đức Dalai Lama đã cho một lời khuyên **‘khôn ngoan rất khác thường’** để đối phó với cuộc khủng bố tại Paris hôm thứ Sáu [13 Nov. 2015] vừa qua. Ngài nói với công ty phát hình Deutsche Welle rằng đừng cầu nguyện cho Paris mà hãy xây dựng hòa bình. Vị lãnh đạo tinh thần nói rằng “Chúng ta không thể giải quyết vấn đề này chỉ bằng cầu nguyện. Tôi là một Phật tử và tôi tin vào sự cầu nguyện. Nhưng mà chính con người đã tạo ra vấn đề này, rồi bây giờ lại xin God giải quyết nó. Thật không logic chút nào cả. Chắc là God sẽ nói rằng các người hãy tự giải quyết lấy vì chính các người đã tạo ra nó mà.” Chữ Thượng Đế này không phải chỉ có ám chỉ riêng Chúa (God) mà đúng ra cũng phải được ám chỉ là Allah (God) nữa mới công bằng. Có thể Đức Đạt La Lạc Ma cũng có ẩn ý đó.

Những điều Đức Dalai Lama nói **‘tuy ngoan nhưng không khôn và hoàn toàn rất khác thường,’** rất dễ bị hiểu lầm. Nó không đúng lúc, đúng chỗ để nói nhất là chỉ khuyên nhủ nên chấp nhận nguyên nhân hậu quả một chiều cho những nạn nhân thay vì dạy cho phía sát nhân bài học từ bi, đạo đức. Thông thường là nên an ủi chia sẻ niềm đau và thông cảm với nạn nhân ngay trong lúc bây giờ thay vì đi tìm nguyên nhân của ‘mũi tên độc’ có giải thích nhân quả cho họ để mong giúp họ giải quyết đau khổ hiện tại. Hành động này

chẳng có xoa dịu được khổ đau mà có thể làm họ thêm thất vọng. Đức Phật đã dạy về thái độ tâm lý này trong chuyện ngụ ngôn ‘mũi tên độc.’

Deutsche Welle: Ai sẽ là người kế nhiệm vị trí Đạt Lai Lạt Ma của Ngài?

Đạt Lai Lạt Ma trả lời tiếp: Tôi không quan tâm đến vấn đề này. Năm 2011, tôi đã chính thức tuyên bố là mọi thứ sẽ tùy thuộc vào người Tây Tạng có muốn tiếp tục duy trì thể chế Đạt Lai Lạt Ma hay không. Nếu mọi người nghĩ rằng thể chế này không còn phù hợp nữa thì nó sẽ bị xóa bỏ. **Tôi đã không còn liên quan đến các vấn đề chính trị. Tôi chỉ quan tâm đến hạnh phúc và lợi ích của Tây Tạng.**

Dalai Lama nên tự nhận thấy điều này hơn 50 năm về trước để **‘không còn liên quan đến các vấn đề chính trị. Mà chỉ quan tâm đến hạnh phúc và lợi ích của Phật Giáo Tây Tạng.’** Đây cũng là lý do mà Đức Thế Tôn từ chối lời đề nghị truyền ngôi của vua cha là Đức Phật có thể vừa làm vua vừa làm Phật cùng một lúc.

Dalai Lama cũng nói: Chúng ta là một. “We are one people.” Nếu Trung Cộng và Tây Tạng là một thì Ngài lưu vong làm gì? Câu tuyên bố trên của Ngài cũng là câu giải thích **‘khôn ngoan rất khác thường’** cho dân tộc Tây Tạng của Ngài: “Nhưng mà chính con người [Tây Tạng] đã tạo ra vấn đề này, rồi bây giờ lại xin [Ngài] giải quyết nó. Thật không logic chút nào cả. Chắc là [Ngài] sẽ nói rằng các người hãy tự giải quyết lấy vì chính các người [dân Tây Tạng] đã tạo ra nó mà.” Cũng có thể ý Ngài là cầu xin vào tha lực không thể giải quyết những nghiệp quả của con người mà phải chính con người tự lực giải quyết lấy những trở ngại đó. Ngài nói đúng vì vấn đề Tây Tạng bị Trung Cộng xâm lăng đến bây giờ vẫn không được con người giải quyết ổn thỏa qua cầu nguyện.

“The Dalai Lama offered unusually sage advice for dealing with the terrorist attack on Paris on Friday. Don’t pray for Paris — work for peace, he told Deutsche Welle (DW,) a German broadcasting company. “We cannot solve this problem only through prayers,” the spiritual leader said. “I am a Buddhist and I believe in praying. But humans have created this problem, and now we are asking God to solve it. It is illogical. God would say, solve it yourself because you created it in the first place.” He added his hopes that the record violence of the 20th Century doesn’t continue to bleed into the current one. “We need a systematic approach to foster humanistic values, of oneness and harmony,” he said. “If we start doing it now, there is hope that this century will be different from the previous one. It is in everybody’s interest. So let us work for peace within our families and society, and not expect help from God, Buddha or the governments.” In what the Friendly Atheist described as sounding like Humanism, the Dalai Lama also said that much of the violence is over superficial matters. “Furthermore, the problems that we are facing today are the result of superficial differences over religious faiths and nationalities,” he told DW, “We are one people.” He also said he was leaving it up to the people of Tibet whether they wanted to continue having Dalai Lamas serve as leaders in the future. “If the people think that this institution is no longer relevant, it should be abolished. I am no more involved in political matters,” he said, “I am only concerned about Tibet’s well-being.” Nguồn <http://www.rawstory.com/2015/11/dalai-lama-stop-praying-for-paris-humans-created-this-problem-and-humans-must-solve-it/>”

Cùng một lời giảng nhưng bật chân tu biết lúc nào, trường hợp nào, thí dụ nào và nói như thế nào như Hòa Thượng Tịnh Không thuyết pháp, “Trong duyên nghiệp có thiện, có ác. Chúng ta hiểu được thông suốt thì nhất định phải biết đoạn ác, tu thiện. Ta thiếu nợ người nhất định phải trả. Người khác lừa gạt ta, xâm phạm ta, cướp đoạt của ta, ta đều phải nghĩ là đang trả nợ, trong lòng ta sẽ dễ chịu và cảm thấy tự tại. Họ gạt ta, trộm cắp, cướp đoạt của ta, vì sao họ không đi lừa gạt, cướp đoạt của người khác? Vì trong đời quá khứ người khác không có cái duyên này với họ. Nói cách khác, chúng ta trong đời quá khứ đã từng lấy, đã từng ăn cắp, đã từng cướp đoạt của họ, hôm nay gặp được nhân duyên tương ngộ, vẫn là dùng phương pháp này họ lấy đem đi, được dịp chúng ta đã trả nợ. Cho nên, chúng ta phải hoan hỉ cùng với tất cả chúng sanh kết thiện duyên, không kết ác duyên, cho dù gặp phải ác duyên, quyết cũng không để trong lòng.”

Nghe để mà nghe cho bùi tai chứ khi nó thật sự xảy ra cho chính mình hay gia đình mình mà làm được như trên thì một Ta là bật Thánh Nhân hay Ta là một kẻ Đại Ngu và có thể Đại Hèn. Có ai thật sự biết và thấy sự thật nhân quả như vậy không? Nên nhớ trong Phật Giáo ngoài Bi ra còn Trí và Dũng nữa. Quan niệm yếm thế này tương tự như “lỗi tại tôi” (Mea Cupa!) khác với nhẫn nại và cam chịu. Tự mình mang lấy mặc cảm tội lỗi làm cho mình càng thiếu tự tin và chìm đắm trong vô minh đau khổ. Trên thực tế, đa số chúng ta điều bị lọt vào trong cảnh đoạn trường không lối thoát này.

Nếu tôi có được quyền năng thưởng thiện phạt ác và nếu tôi cũng là thiên sư thì tôi sẽ: xướng tụng bùa, niệm Ngã Phật Từ Bi, lần này bản tăng phải đại khai sát giới trừng trị kẻ ác trước đã. Hay sẽ đưa những ác nhân này tới thăm thượng đế của họ càng sớm càng tốt cho an ninh hòa bình của thế giới. Thà mình mang lấy nghiệp báo diệt trừ gian ác còn hơn là đồng tình với kẻ ác. Nếu tôi không thông cảm nỗi với nạn nhân thì tôi nhất quyết không thể đồng tình với kẻ ác vì tôi không phải là luật sư ăn tiền biện hộ cho họ và không muốn biện hộ cho họ trừ khi họ bị cáo gian.

Tóm lại, con người trong lúc quá khổ đau, thân đau hay/và tâm khổ, muốn sống cũng không được, muốn chết cũng không xong như người sắp chết đuối chỉ mong câu được vớt lên ngay tức khắc chứ không còn hồn, còn tâm đâu nữa mà nghe luật nhân quả, lý nhân duyên, tứ diệu đế, bát chánh đạo và phải ăn năn sám hối để diệt khổ đau hay cầu xin để được thượng đế cứu rỗi, tha tội. Tất cả những câu trả lời và giải thích đó trong lúc nguy nan này, một là sự dối trá tàn nhẫn. Tốt nhất là ‘không nên nói thiệt’ để cho nạn nhân (bệnh nhân) bớt tuyệt vọng, rồi thì may thầy, phước chủ. Cả hai điều đó không thực sự xoa dịu được cái khổ đau cấp bách của nạn nhân. Đây là vấn nạn mà con người chưa tìm ra được phương cách giải quyết thỏa đáng. Rất tiếc là tôi chưa thấy trong kinh điển Phật Giáo hay bất cứ thánh kinh của tôn giáo nào chỉ dạy rõ ràng để kẻ quá khổ đau có thể đối diện trực tiếp với vấn nạn của mình. Người dạy lẫn kẻ nghe đều mang đồng bệnh khổ đau như kẻ ngu dạy người dốt, người đang chết đuối dạy kẻ khác bơi.

12. Những câu hỏi khó giải đáp ôn hòa

Sau đây là những câu hỏi thường thức nhưng khó giải đáp ôn hòa:

a. Kẻ ác sống dai, người hiền chết sớm

“Tại sao kẻ ác sống dai, người hiền chết sớm?”

Đúng rồi, chết sớm rãnh nợ, sống dai vì trả chưa hết nợ, đời là bể khổ. Cho nên, kẻ hiền chết sớm là sướng rồi, than van gì nữa? Còn những người ác sống dai, trời đánh không chết, cũng sướng luôn, đời đẹp như mơ, than van gì nữa? Đúng không? Không hẳn là sai nhưng chưa chắc là đúng.

Thoạt mới sinh, thì đã khóc chóc,
Đời có vui sao chẳng cười khi?
(Nguyễn Công Trứ)

*

Trắng răng đến kẻ bạc đầu,
Đều mang tiếng khóc ban đầu mà ra.
(Ôn Như Hầu)

b. Ăn hiền ở lành mà vẫn khổ

Vậy thì như thế này, “Tại sao tôi ăn hiền ở lành mà nghèo khổ, bệnh hoạn, tật nguyên, xấu xí, cô độc, không được hạnh phúc, bị người khinh khi xa lánh. Trong khi đó những kẻ ác thì quyền quý, giàu sang, hạnh phúc, đẹp đẽ khoẻ mạnh, lắm người thân cận, hầu hạ, giúp đỡ?”

Câu trả lời ngắn gọn là nếu mà sống mà khổ nạn như vậy thì câu sống làm chi cho khổ xác; nên chết phứt để dành đất cho những kẻ ‘ác’ thọ hưởng. Xin đừng vội nổi cơn sân rồi hành hung tôi mà tội nghiệt vì bạn đã chứng minh cái “ăn hiền ở lành của bạn rồi.” Nếu bạn đổi 2 chữ trong câu hỏi của bạn ở trên thì tự nó sẽ trả lời: Đổi chữ **Hiền** thành chữ **Ngu** và chữ **Ác** thành chữ **Khôn** thì sẽ thấy ngay chân lý.

Trời sao trời ở không cân,
Kẻ ăn không hết người lần không ra.
Người thì mớ bảy, mớ ba,
Người thì áo rách như là áo tôi.
(Cao dao Việt Nam)

Chỉ có kẻ kém trí mới thấy và tưởng một người hiền lành, cẩn thận, dễ bảo và thật thà mà vội cho là thiện (hiền) nhân có thể dung nạp. Trong khi đó, vị trí nhân dùng người thì lại khác, tùy người tùy việc, thà dùng một kẻ đầy mưu sĩ, công cuồng, cao ngạo, quật cường, can đảm, thông minh, mưu trí, có tài cán biết mạnh dạn tiến thủ còn hơn thâu dụng cả ngàn người ngu để dễ sai bảo. Người hiền lành, cẩn thận, dễ bảo và thật thà, tuy ở đời ai cũng ưu thích cho là tốt là hiền, nhưng dưới con mắt thánh nhân họ không có chí khí hướng thượng, phần đầu chỉ biết an phận, vâng dạ không hiểu rõ đạo lý nên có phần không lợi cho đại cuộc. Đa số chúng ta có mắt không trông, ngay cả những nhà chính trị gia, các nhà kinh doanh, và các nhà giáo dục hiện đại, cũng thường dễ phạm phải sai lầm ấu trĩ như vậy, người giỏi thì không dùng, người xấu thì không đuổi đi. Ý kiến và lời nói của người tài tuy có thể ngang tai nhưng nếu dựa vào người chẳng có thực tài, khéo nịnh

bọ, sẽ dẫn đến thất bại, tạo thành nguy cơ nghiêm trọng cho tổ chức, lúc ấy có hối cũng không kịp nữa. Bởi thế, cho nên quan niệm và tiêu chuẩn phân biệt của người phàm phu về thiện ác, tốt xấu, ngu khôn thực rõ ràng khác biệt, tương phản với thánh nhân vậy.

c. Chỉ cầu được an phận mà không được

Có nhiều người chỉ mong cầu được yên thân mà sống qua ngày chứ không dám vọng cầu nhưng rồi những trở ngại, cái khó, cái khổ đau vẫn ùn ùn đeo đẳng lấy họ. Họa vô đơn chí, phúc bất trùng lai. Theo Phật Giáo, cầu an cũng là vọng cầu, không cầu cũng là cầu, khác xa với vô cầu. Ngạn ngữ có câu: Ghét cửa nào trời cho cửa nấy! Cầu cái mình thích thì không dễ có nhưng cái ghét dù không cầu nó cũng lặn xả vào thân. Chưa thấy ai giải thích ổn thỏa những khổ nạn này. Chúng ta thường được khuyên nhủ: Nên chấp thuận trở ngại thì thông suốt, mà mong cầu thông suốt thì sẽ bị trở ngại. Thay vì tằn nhằn nói thẳng: ráng mà chịu, chấp nhận trở ngại rồi đời sẽ qua, không qua thì chết phức đi cho hết khổ. Bill Gates thành thật: Đời bất công; phải ráng quen với nó.

Lời khuyên thông thường mà chúng ta thường nghe: Chúng ta nên nhìn xuống để cảm nhận hạnh phúc vì có biết bao nhiêu người khác không bằng mình. Lúc đó, chúng ta sẽ phát tâm từ bi bố thí, cứu người, giúp đời, tạo phước báu. Vì nếu chúng ta nhìn lên sẽ thấy có biết bao nhiêu người hơn mình, cho nên không cảm nhận được hạnh phúc. Tóm lại, khi tâm cảm thấy biết đủ, chúng ta sẽ cảm nhận được hạnh phúc. Đây cũng như đau thì cho thuốc an thần (pain medication) cho bớt đau chứ chẳng thật sự cứu giúp được gì cho bệnh nhân trong cơn ngặt nghèo, nguy nan, và khốn cùng. Ai cũng nói được, nhất là để tạm khuyên nạn nhân đang đau khổ mà chính mình cũng chẳng làm gì được cho họ. Lời nói không mất tiền mua nhưng nó chỉ là ‘cảm nhận’ rất tâm lý.

Chưa có ai khuyên: Thử cầu khó khăn, cầu trở ngại xem. Có thể cũng không được? Mong cầu mau chết, cầu khổ đau, cầu nghèo nàn cũng không dễ gì mà được. Số chưa chết, nghiệp chưa tận thì dù muốn chết cũng không chết được; đang an tâm tự tại dù cầu khổ, khổ cũng không đến liền; đang giàu có dù có cầu nghèo cũng không một sớm một chiều mà nghèo mạt rệp được. Cho nên, đôi khi thất vọng vì cầu bất đắc cũng không đến nỗi quá tệ như ta tưởng.

Cần đảm và dũng cảm hơn, nếu cầu trở ngại không được thì đi tìm kiếm nó trước để mà đối phó thay vì chờ nó đến với mình như Lý Tiểu Long nói, trên lý thuyết. Đây có thể là một phương thức hữu hiệu để ngăn ngừa bệnh khổ đau? Nhưng có mấy ai muốn tập sống khắc khổ, phòng bệnh khổ đau, bằng cách đi tìm trở ngại bao giờ?

Trong bài thơ Vịnh Cây Thông, Nguyễn Công Trứ đã từng đắng cay với cuộc sống nghèo khổ, thăng trầm hoạn lộ nên than, “Kiếp sau xin chớ làm người, làm cây thông đứng giữa trời mà reo.” Nếu chán làm người, mong cầu kiếp sau được làm cây thông thì phải gieo nhân ‘quả thông thiện hay ác’ gì để được gặt quả làm cây thông? Mà trước khi được làm cây thông thì phải cầu chết trước đã. Uy Viễn Tướng Công còn nói: Không công danh thà mục nát với cỏ cây. Thử thực tập thiền định về cái chết của mình, thử tưởng tượng là mình đang chết hay nghĩ đến ngày mai mình sẽ chết, thời gian còn lại, mình nên làm những điều gì trước khi chết – lo sợ khổ đau, cái gì mang theo cái gì để lại? Thử tập chết

mỗi ngày để xem thử cái cầu bất đắc này khổ tới đâu? Có thể đây là một đáp số tạm thời để giải quyết khổ đau ập đến bất ngờ mà ít ai đã thử nghiệm?

Làm chủ được ngoại cảnh rất khó, làm chủ chính mình còn khó hơn. Cái khó ít còn đối phó không nổi thì mong gì đối phó nổi cái khó hơn? Tuy nhiên, chúng ta không nên quá yếm thế, quá thất vọng mà ảnh hưởng đến sức khỏe và tinh thần một cách vô ích. Chúng ta **phải** có hy vọng để mà sống, quăng bỏ gánh lo để bớt khổ đau.

Sự lai tác ứng, sự khứ tác tĩnh.
(Việc tới thì ứng phó, việc đi thì điềm tĩnh.)

Nếu quá tuyệt vọng khổ đau thì cứ nguyện cầu, cứ đọc kinh, đọc thần chú, cúng tế, bói toán, rồi thì cứ đấm ngực than trời trách đất cũng không sao miễn là những hành động này làm cho mình tạm an tâm để có hy vọng mà vươn lên may ra hết khổ? Đây cũng là một phản ứng tự nhiên của con người, là bản năng sinh tồn để tự làm giảm đi áp lực tâm thần lẫn thể xác (stress relieved mechanism.) Đôi khi dị đoan mê tín mà không hại mình, hại người lẫn hại vật chỉ tiền mất tật mang, hay phước thầy may chủ cũng không đến nổi quá tệ. Đòi khổ là cái chắc nhưng đau là sự lựa chọn! (Suffering is certain but pain is optional!)

Đây là câu trả lời cuối cùng mà tôi tri được ý vì tìm đọc nơi không có chữ (vô tự) trong kinh điển Phật Giáo Đại Thừa: thiện ác, xấu tốt, trúng sai, sướng khổ, thương ghét chỉ là nhị nguyên, chỉ ứng dụng cho con người vô minh chứ nó không phải là phương trình khoa học của nhân quả (cause and effect.) Những lý luận nhị nguyên này không ứng dụng cho tất cả chúng sinh trong vũ trụ. Chỉ có con người suy luận nhị nguyên, đặt ra luật lệ thưởng phạt rồi thì áp dụng những dữ kiện sai lầm này vào công thức nhân quả cho nên khi giải, ra đáp số sai đưa đến kết quả trật. Vũ trụ, thiên nhiên tự nó không thiện không ác, không xấu không tốt, không trúng không sai, không sướng không khổ, không thương không ghét.

Vũ trụ và thiên nhiên (mother nature) không biết những điều nhị nguyên đó. Khi thiên tai, bệnh dịch đến thì chúng sinh chết, không phải vì thiên nhiên vui buồn hay phẫn nộ, thương thiện hay phạt ác. Dù chúng sinh có chết hàng triệu hay chết hết, bị diệt chủng như khủng long, cũng không bận tâm thiên nhiên, nếu thiên nhiên có tâm. Tuy nhiên, những dữ kiện nhân duyên có thể phỏng đoán và giải thích được khi nào thiên nhiên tới hỏi thăm sức khỏe lẫn mạng sống của chúng ta bởi những phương tiện của khoa học hiện đại. Như đã nói ở trên, thiên nhiên và vũ trụ không biết may mắn, giàu nghèo, yếu khỏe, sướng khổ, ái ó, vô minh, ngu muội, thiện ác, trí tuệ, lẫn giác ngộ của con người là gì cho nên không thể cho con người những cái thứ rác rưởi đó được. Tuy luật nhân quả, lý nhân duyên là luật của vũ trụ nhưng thiện ác là luật phân biệt của con người. Vũ trụ không biết những điều luật mà con người tự đặt ra cho chính mình. Cho nên, ‘gieo nhân gặt quả’ hay có thể là ‘gieo gió gặt bão’ (theo nghĩa đen) nhưng không hẳn là ‘ác đã ác báo’ mà có thể ‘ác đã thiện báo’ hay cũng có thể ‘thiện đã ác báo.’ Tùy theo kết quả và nhân duyên mà con người gặt được dù muốn hay không muốn.

Nếu mong cầu đúng cách, vũ trụ sẽ cho ta tất cả những gì chúng ta mong muốn sau khi chúng ta quét sạch hết những cái quả rác rưởi ở trên. Vấn đề là làm sao mong cầu đúng cách? Khi KHÔNG Có gì nữa thì sẽ CÓ cái Không Có! Đó chính là ý nghĩa rất ráo của chữ Không (Emptiness) trong Bát Nhã Ba La Mật Tâm Kinh, “Sắc (form) chẳng khác không (emptiness,) không chẳng khác sắc, sắc tức là không, không tức là sắc.”



Động đất ở Nepal, April 2015

13. Tất cả do tâm tạo

Cư Sĩ Truyền Bình viết, “Trước hết và quan trọng nhất là Đức Phật đã phát minh ra Tâm. Tâm còn nhiều tên gọi khác, mỗi tên gọi nhấn mạnh vào một khía cạnh: ví dụ nhấn mạnh vào khía cạnh giác ngộ thì gọi là Phật Tánh (chữ Phật Buddha có nghĩa là giác giả hay người giác ngộ,) nhấn mạnh vào khả năng biết khắp cùng vô tận thì gọi là Chánh Biến Tri, nhấn mạnh vào tính bất biến không chuyển động thì gọi là Như Lai (không đến không đi,) nhấn mạnh tính không có số lượng thì gọi là Bất Nhị, nhấn mạnh tính không có thời-không hay thời gian vô cùng và không gian vô tận thì gọi là A Di Đà (vô lượng quang vô lượng thọ,) nhấn mạnh tính không sinh không diệt thì gọi là Niết Bàn.

Cũng như trường lượng tử, Tâm Không có thể sản sinh thiên hình vạn trạng sắc thể, Tánh Không giữ vững chúng ra và có khi thu hồi chúng lại.

Trong bài thuyết giảng Upanishad:

Trong tĩnh lặng, hãy cầu khẩn Nó,
Nó là tất cả, suối nguồn xuất phát,
Nó là tất cả, nơi chốn trở về,
Nó là tất cả, trong đó ta ở.

Người tu hành theo Phật Giáo nhắm mục đích là tự mình chứng ngộ và vận dụng cái Tâm đó. Tâm là chung cho cả pháp giới, tất cả chúng sinh đều chung một Tâm đó (Bất Nhị) nhưng biểu hiện thì vô cùng, thế giới có 7 tỉ người thì có 7 tỉ tâm hồn, cá tính, số mệnh khác nhau. Bậc giác ngộ thì hiểu sự khác nhau vô cùng đó, chỉ là ảo không phải thật, nó giống như đại dương có vô số bọt biển, mỗi chúng sinh là một cái bọt biển sinh diệt mãi mãi, vô thường tạm bợ, còn chúng sinh mê muội thì tưởng là thật. Thích Ca phát hiện Tâm chính là nguồn gốc của vũ trụ vạn vật và chúng sinh. Đó là phát minh cực lớn xứng

đáng để bầu chọn Thích Ca là nhà khoa học vĩ đại nhất mọi thời đại. Vũ trụ vạn vật muôn loài trong đó có loài người thông minh với tất cả khám phá phát minh vô tận của nó cũng chỉ là biểu hiện của Tâm mà thôi. Đóng góp lớn nhất của Phật Giáo cho hạnh phúc nhân loại, đó chính là sự An Tâm, trong bất cứ hoàn cảnh nào cũng an tâm. Thế giới chỉ là ảo hóa, thực chất của các pháp là vô thường, vô ngã, cái ta là không thật...Nhân vô ngã, pháp vô thường, tất cả chỉ là ảo hóa, đó là điều mà Phật Giáo dạy cho chúng sinh để chúng an tâm và không còn khổ nữa. Tu hành theo Phật Giáo thực chất chỉ là từ bỏ các thói quen mê lầm mà thuật ngữ Phật Giáo gọi là tập khí...”

Cư Sĩ Truyền Bình đã chứng tỏ, diễn tả rõ ràng và rất tuyệt diệu về cái Tâm Vô Ngã - không có cái Tâm của Ta lẫn Tâm của Tha Nhân mà chỉ có Tâm Bất Nhị, Tâm Không, tất cả chỉ như là hàng tỷ tỷ bọt biển trong đại dương. Tuy nói An Tâm chứ Tâm Không không bao giờ bất an để mà an, đại dương luôn luôn an tịnh chỉ có bọt sóng biển động. Nói theo, Hòa Thượng Thích Duy Lực, cái nhà không có quay nhưng chúng sinh nhắm mắt xoay quanh cái nhà rồi tưởng cái nhà xoay động. Theo tôi vạn vật trong vũ trụ xoay quanh chính nó và xoay chuyển theo nhau chỉ có chúng sinh vì quá bé nhỏ không thấy được chỗ sở trụ của mình và ngay chính mình cùng đang quay trong vũ trụ. Đơn giản hơn, tất cả vạn vật đều quay ngay cả vũ trụ cũng không tĩnh, ngoại trừ Bồ Đề Tâm tĩnh.

Theo Hòa Thượng Tịnh Không: Tâm của mình rất thanh tịnh, chẳng chút mong cầu, công đức phước báo này là không có hạn lượng. Thế tại sao chúng ta ở trong đời sống thường ngày, vẫn có rất nhiều những chuyện bất như ý vậy? Từ những sự thật này mà quan sát, thì chúng ta có thể tỉnh ngộ ra thôi, do thời gian tu tích công đức của chúng ta quá ngắn, còn thời gian tùy thuận theo phiền não tập khí quá dài.

Trong bài ‘Tập quán có ý nghĩa thế nào đối với vũ trụ vạn vật,’ Cư Sĩ Truyền Bình đã phân tích rất chi tiết: “Thói quen có tác dụng rất lớn và rất sâu xa. Nói cho cùng chính thói quen tạo ra vũ trụ vạn vật. Vũ trụ vạn vật phát sinh là do vô minh, vô minh tạo ra các thói quen nhìn nhận vật chất và phi vật chất theo một hướng nào đó, thói quen càng lâu dài thì vật chất càng kiên cố. Đến thế kỷ 20th thì các nhà khoa học khi khảo sát lượng tử [khi sóng (wave) khi không bị quan sát, khi là hạt (particle) lúc bị quan sát] mới chợt nhận ra là ý thức góp phần quyết định nhận thức vật chất. Nói cách khác vật chất là sản phẩm của tâm thức [thay vì khoa học cổ điển hiểu ngược lại.]” Những điều này Hindu và Phật Giáo đã biết hơn 3000 năm trước.

Vạn vật do tâm tạo! Tâm tạo ra vũ trụ. Nghĩ đến thì nó sẽ xảy ra. Nghĩ thế nào, ra thế nấy. “As you think, so shall you become.” Bruce Lee

The Buddha put it this way (Phật nói?), “All that we are is the result of what we have thought. The mind is everything. What we think, we become.” (Michael Brown)

Phân tích rõ ràng hơn chúng ta có thể sáng tạo ra tôn giáo và cấu tạo ra rất nhiều vật chất chung quanh chúng ta nhưng thật ra tất cả do Tâm chỉ dạy cho chúng ta, cho chúng ta thấy, cảm, nghĩ và tưởng nó hiện hữu như thật vậy. Ngắn gọn hơn, vũ trụ lẫn chúng sinh đều do tâm tạo. Một niệm là có thể hiện hữu hay không hiện hữu. Be or not to be!

Theo Nho Giáo: Mệnh do chính tâm tạo và phúc cũng do tự mình cầu được; Đức năng thắng số. Kinh thư minh huấn làm lành được phúc, làm ác bị giảm phúc. Mạnh Phu Tử nói những điều mình cầu mong mà có thể đạt được là do chính ở nội tâm mình nghĩ đủ sức làm được như vậy. Thí dụ, như muốn trở thành một người có đạo đức, nhân nghĩa thì tận tâm, tận lực tu tập thì sẽ được. Nhưng còn như công danh phú quý là những điều ở ngoài thân tâm thì mình thì làm sao mà cầu được?

Lục Tổ Huệ Năng đã nói: Tất cả phúc điền đều không rời tâm địa của con người, từ nơi tâm mình mà tìm cầu thì mọi sự đều được cảm ứng. Cho nên, tìm cầu ở ngay nội tâm của mình thì không những chỉ được đạo đức, nhân nghĩa mà công danh, phú quý cũng được nữa, đó là nội ngoại song đắc, trong nội tâm cũng như ở ngoài thân tâm đều cùng được cả bởi lẽ khi mình đã là người có đạo đức, nhân nghĩa thì người đời sẽ trọng vọng mình, công danh, phú quý không cầu cũng tự nhiên được. Tất cả pháp giới đều ở trong tâm, tự trong nội tâm của mỗi người vốn đã đầy đủ, nếu khéo vận dụng công phu tu hành chúng ta sẽ có tất cả mà không mong cầu ai ban cho. Chỗ hữu ích của việc tìm cầu là đạt được giá trị của tâm linh. Cho nên, cầu may mắn được may mắn, cầu phú quý được phú quý, cầu nam nữ được nam nữ, cầu hạnh phúc được hạnh phúc, cầu thông minh được thông minh, cầu trường thọ được trường thọ nhưng tất cả điều mong ước này chẳng qua chỉ là ảo tưởng vô thường từ ngũ uẩn mà thành vật chất và tâm linh. Trong kinh điển Đại Thừa đã có nói như trên: cầu gì được nấy là ý như vậy chứ không phải chư Phật, chư Bồ Tát, chư Tổ vọng ngôn, nói láo lừa bịp để dụ chúng ta theo đạo Phật. Tuy nhiên, tham cầu, vọng cầu, chạy theo vật chất hiện hữu thì càng thất vọng, càng đau khổ vì cầu bất đắc làm chúng ta càng ngu muội, càng mê tín dị đoan, lay lục van xin, kém trí tuệ, và mất nhân cách. “The more we value things, the less we value ourselves” Bruce Lee

14. Ta cầu Ta



Trong nhà thiền có một giai thoại, Tô Đông Pha cùng đi dạo với Thiền sư Phật Ấn. Thấy tượng Bồ tát Quán Thế Âm có cầm chuỗi chuỗi trên tay, Tô Đông Pha liền hỏi, “Bồ tát là người cho chúng ta lễ bái, có sao trên tay còn cầm chuỗi niệm Phật?” Ngài Phật Ấn thẳng thừng, “Đó phải hỏi chính ông.” Tô Đông Pha ngỡ ngác, “Làm sao con biết niệm ai?” Ngài Phật Ấn nhẹ nhàng, “Thì niệm Bồ tát Quán Thế Âm chứ ai!” Tô Đông Pha chưng hững, “Sao lại phải niệm mình?” Ngài Phật Ấn chỉ điểm, “Vì cầu người không bằng cầu mình.” “Cầu mình” tức nhờ vào tự lực của mình là chính!

Cầu chư kỹ, bắt cầu chư nhân;
Cầu nội, bắt cầu ngoại.

(Cầu ở mình, chứ cầu ở người;
Tìm ở trong, chứ tìm ở ngoài.)

Bên trong, niệm niệm phải tỏ ngộ, phải sáng suốt, phải hướng về Tâm Bồ Đề. Niệm niệm không xa rời tự tâm, niệm niệm đều thể hội nguồn tâm của mình, đều biết rõ bản thể của tự tâm; và tuyệt nhiên không truy cầu, tìm kiếm bên ngoài. Được như thế thì tự nhiên sẽ đạt được thành quả rất lớn lao.

“Phật ở trong ta, cứ cầu là được” cũng có thể áp dụng cho cầu tài, cầu phước nhưng phải cầu đúng phép đúng lý, nhà Phật gọi đó là “bồ thí.” Nói một cách dễ hiểu hơn là muốn cầu tài cầu phước, trước hết phải biết trồng cây phước đức. Bồ thí là nhân, cầu tài, cầu phước là quả. Kinh Phật nói, “từ bi hỷ xả (xả)” thì trong đó xả là “nhân,” đắc (được) là “quả,” phải mất trước mới có sau, được và mất chỉ là một mà thôi. Được không khác mất, mất không khác được. Nói cụ thể hơn, tài mệnh, phước đức của mình là do mình may mắn làm ra, chẳng Phật nào cho cả. Đó là ý nghĩa của “Mệnh do mình tạo ra, phước do mình tự cầu.”

Lục tổ Huệ Năng dạy, ”Pháp này phải đến trong tánh Phật mà cầu, chứ hướng ngoài thân mà cầu, tự không có bản tâm. Phải tự thấy bản tâm, mê thì làm chúng sinh còn giác tức là Phật.”

Chúng ta phải tự cầu chính tâm mình. Tâm mình tự ban cho chính mình những thứ mong muốn đó chứ không có Trời, Phật, Bồ Tát, Thần, Chúa nào có thể ban được cho chúng ta cả. Người Pháp có câu ngạn ngữ: Vouloir c'est pouvoir! Literally means, “Wanting is being able to or where there’s a will, there’s a way.” Tôi tạm dịch theo ý mình, “Muốn là được!” Tương tự, “you reap what you sow,” theo tôi định nghĩa, “giao nhân, gặt quả.”

Lý Tiểu Long tuyên bố, “Bạn hãy chờ xem, tôi sẽ là minh tinh Á Đông thượng thặng nổi tiếng nhất thế giới.” (You just wait. I'm going to be the biggest Oriental super star in the world. Bruce Lee)

My Definite Chief Aim
I, Bruce Lee, will be the first highest paid Oriental super star in the United States. In return I will give the most exciting performances and render the best of quality in the capacity of an actor. Starting 1970 I will achieve world fame and from then onward til the end of 1980 I will have in my possession \$10,000,000. I will live the way I please and achieve inner harmony and happiness.

Ông ta nói: Niềm tin mãnh liệt vào chính khả năng và tâm thức của mình sẽ bảo đảm thành công vì tâm thức là nguồn gốc tạo ra vật chất hiện hữu. “The consciousness of self is the greatest hindrance to the proper execution of all physical action.” Bruce Lee

Theo Phật Giáo: Tất cả từ Tâm mà ra. Lý Tiểu Long biết rất chính xác mình muốn gì, biết làm sao để đạt được và khi nào mình sẽ được như ý. Nếu ông ta còn sống đến bây giờ thì những những mục tiêu mà ông đã vạch ra ở trên thật quá khiêm nhường so với tài năng vượt bậc của ông ta. Chắc chắn, ông đã không những đạt được những mục tiêu đó mà còn đạt được nhiều hơn là ông mong muốn. Điều này chứng minh là chúng ta muốn gì được nấy. Đôi khi cầu mong những cái vật chất tầm thường, vô thường nhưng lại sẽ được những cái khác cao thượng hơn.

Những điều bứt sa như đinh đóng cột, mong muốn trên của Lý Tiểu Long là mong cầu đạt được danh vọng và giàu sang để không còn bị phôi bởi tài chánh và tham vọng nữa. Sau đó, ông ta mong muốn sẽ đạt được an tâm kiến tánh, an lạc và hỷ xả. Cũng như đa số chúng ta cầu cho được giàu sang, quyền lực, muốn gì làm nấy, rồi sẽ tu Tâm, và sống trong hạnh phúc lâu dài. Họ Lý nói, “I will live the way I please and achieve the inner harmony and happiness.” Ông đã được toại nguyện, đạt được cái mục đích mong muốn cao quý nhất: Tâm thân an lạc sớm hơn dự định. Ông đã chiến thắng được vòng nhân sinh, thay vì phải trải qua ải Lão và Bệnh, Lý Tiểu Long một bước xuyên qua cửa Tử để có được cái tái Sinh.

Luân hồi sanh tử mới chính là cứu cách tối thượng chứ những điều ông ta mong muốn ở trên không cần thiết nữa, không phải quan trọng vì không ai mang theo được, sau khi đã đạt được cái tử. Âu Mỹ có câu: Coi chừng điều mình ước (Be careful what you wish for!) Theo tôi thì Tâm sẽ cho mình điều mình cần thiết chứ không cho mình điều mình tham muốn. Tâm cho ta cái nhu cầu cần thiết hiện tại và sẽ lấy lại cái không cần thiết khác. Phải có voi rồi mới đầy được; không thể chêm thêm nước vào ly còn đầy tràn nước được. Muốn chất thêm gánh hàng nặng trên một chiếc xe, nhỏ bé, yếu đuối thì phải bớt đi những gánh nặng khác không cần thiết nhất thời trong lúc hành trình đầy gian khổ trước mắt. Thói thường, chúng ta không nỡ bỏ được cái sở hữu đã có bên lề đường, mà khi phải bỏ lại, biết mình sẽ mất nó đi, thì rất đau đớn lòng. Mà không xả bỏ nó thì còn đâu có chỗ để chất thêm những điều mà mình đang mong ước. Muốn có trí tuệ thì phải xả bỏ (empty) cái đầy vô minh (full of fool) trước. Phải hết ngu dốt, mới được trí khôn. Muốn có được ‘đầy’ trí tuệ (full of wisdom) thì trước hết phải xả hết ‘lậu’ để không còn cái ‘đầy’ vô minh (emptiness of full ignorance) nữa. Lục Tổ gọi là “An Tâm, Kiến Tánh!” Mà Xả có nghĩa là buông bỏ (non-attach) không bám trụ nữa, “Vô Sở Vô Trụ, Nhi Sinh Kỳ Tâm.”

15. Biết, Cầu, Làm, Được

Theo Hòa Thượng Tuyên Hóa: Chúng ta niệm Quán Thế Âm Bồ Tát tức là niệm Quán Thế Âm Bồ Tát của chúng ta chứ không phải niệm Quán Thế Âm Bồ Tát của người khác. Thế nào gọi là Quán Thế Âm Bồ Tát của ta? Chính là ta với Quán Thế Âm Bồ Tát là cùng một thể, niệm như vậy, nghĩa là ta cũng có đức từ bi, cũng có hỷ xả của Quán Thế Âm Bồ Tát, và cũng đầy đủ "bảy nạn, hai cầu," cũng ba mươi hai ứng thân như Ngài

Quán Thế Âm Bồ Tát. Nay chúng ta chuyên tâm một lòng niệm Ngài Quán Âm Bồ Tát, vậy ta cũng phải niệm Ngài Quán Âm trong tự tánh của chúng ta. Chúng ta phải nghĩ rằng ở bên ngoài có cái gì, bên trong cũng có cái đó, như ở bên ngoài có Quán Thế Âm Bồ Tát thì bên trong cũng có Quán Thế Âm Bồ Tát. Bởi vậy, khi niệm Ngài Quán Âm thì ta phải làm sao niệm cho trong và ngoài là một, không phải hai. Chúng ta niệm Quán Thế Âm Bồ Tát, chẳng phải là niệm cho chúng ta, mà là niệm cho các nạn nhân, vì cảnh khổ của họ mà chúng ta niệm. Với tông chỉ như vậy, thì công phu niệm của chúng ta nhất định sẽ mang lại cảm ứng rất nhiệm mầu.

Theo Hòa Thượng Tịnh Không: Phải hiểu được cái đạo lý mong cầu, phải biết được cái phương pháp tìm cầu. Phải như lý như pháp mà cầu, thì sẽ cầu được. Quan trọng nhất của cầu là phải dùng tâm (chân không hư vọng,) thành (một niệm không sanh) để quán thông không gian duy thứ.

Trong Phật pháp nói một vọng niệm cũng không có thì gọi là chân thành, tâm chân thành chính là bản tánh của chúng ta, cũng chính là chân tâm của chúng ta. Thế, xuất thế gian nhất thiết pháp đều từ trong chân tâm bản tánh biến hiện ra. Ta tìm ra được chân tâm bản tánh thì sao có đạo lý cầu không được? Hòa Thượng Tịnh Không đã bác bỏ đạo lý cầu bất đắc. Không có cầu bất đắc! Theo kinh nghiệm của chính bản thân, ngài khẳng định: có cầu tức có ứng.

Hòa Thượng Tịnh Không nói tiếp: Tôi cầu là như pháp, nếu mà cầu đúng như lý như pháp thì chân thật là hữu cầu tất ứng. Cho nên tôi đối với sự chỉ dạy của thầy, đối với điều được nói trên kinh điển là tin sâu không nghi. Tòng tâm nhi mệnh, cảm vô bất thông, tám cái chữ này chính là đạo lý và phương pháp của hữu cầu tất ứng vậy. Cầu từ trong tâm thì không chỉ đạo đức nhân nghĩa, mà ngay cả công danh phú quý cũng có thể cầu được, trong ngoài đều được, cầu như vậy mới hữu ích vì cầu được vậy. Chúng ta phải phát tâm cầu việc thiện, không được cầu việc ác, như vậy mới tốt.

Kinh văn viết: Nhược bất phản cung nội tỉnh, nhi đồ hướng ngoại trì cầu, tác cầu chi hữu hữu đạo, nhi đắc chi hữu mệnh hĩ, nội ngoại song thất, cố vô ích. Nếu không hướng nội phản tỉnh mà chỉ biết hướng ngoại tìm cầu, thì cách cầu như vậy chỉ đạt được những cái trong số mệnh vốn có mà thôi, trong ngoài đều mất, cho nên vô ích vậy.

Những lời Đại Sư Tịnh Không khai thị, từng câu từng chữ đều vô cùng quan trọng. Chúng ta muốn cầu, bất luận là hạnh phúc bên trong hay tài vật bên ngoài, chính là những nhu cầu tất yếu vật chất lẫn tinh thần trong cuộc sống. Nếu chúng ta không biết phản cung nội tỉnh để cầu; cái phương pháp cầu này còn gọi là phản tỉnh, hồi đầu. Nhà Phật thường nói “hồi đầu thị ngạn-quay đầu là bờ,” chúng ta cần phải quay lại nội tâm mà phản tỉnh. Nếu hướng nội mà tìm cầu nhất định chúng ta sẽ cầu được. Nếu như chúng ta không thể phản tỉnh, không thể vun bồi cho thiện duyên của mình, mà chỉ biết hướng ngoại phan duyên thì “cầu chi hữu đạo, đắc chi hữu mệnh,” nghĩa là, “phương pháp của chúng ta, nếu có cầu được, chỉ là do trong số mạng [may mắn] đã sẵn có.”

“Đạo” là chỉ phương pháp mà chúng ta cầu, lý luận mà chúng ta dùng. Chúng ta thường thấy trên thế giới có những doanh nhân rất thành công, đã viết ra những bài học kinh nghiệm cho sự nỗ lực thành công trên thương trường của họ, để mọi người lấy làm tham

khảo và áp dụng theo. Nếu như chúng ta phỏng theo những phương pháp lý luận trong đó của họ để tìm cầu, đạt được thành công, thì đó là do định mạng của chúng ta đã được an bài, đại phú do thiên, nếu số mệnh của chúng ta không có, thì vẫn là không cầu được. Tại sao vậy? Bởi vì chúng ta không từ trong chân tâm để cầu, không từ trong tâm tánh để cầu. Phương pháp cầu như vậy thật đúng là “trong ngoài đều mất, nên vô ích.”

Đại Sư Tịnh Không còn muốn nhắc nhở chúng ta về tha lực của số mệnh khác với tự lực của tâm tánh. Ngài còn đề cập đến phương pháp cải tạo vận mệnh. Trong đó, chúng ta nhất định phải biết tập tục, làm lã của bản thân, chân thật phản tỉnh, tìm cho ra căn nguyên của chúng để xoay chuyển thế cơ và tạo nên thời thế cho mình, cho người.

Khi Đại Sư Tịnh Không giảng thuyết về triết lý mong cầu này tại Đài Loan thì có một vị sư già nói với đại sư: Cầu được một cái tủ lạnh (refrigerator) mà còn không có. Đại sư Tịnh Không trả lời: Tôi cầu có được những kinh Phật hiếm hoi để đọc và luôn cầu được ứng nghiệm. Cầu mong của vị sư già và Đại Sư Tịnh Không đúng như trường hợp của tôi: Tôi cầu tiền không có mà có kinh để vọng ngôn. Cầu một đường, được một nẻo. Khác với Đại Sư Tịnh Không, tôi không cầu kinh mà bị kinh cầu. Tôi không cầu được cái tủ lạnh tầm thường như vị sư già. Tôi không muốn làm triệu phú Mỹ, tôi chỉ muốn trở thành tỷ phú Mỹ vậy mà vẫn chưa thấy cái giàu nó lã xả vào thân. Có thể nó chưa lã vào chứ chưa phải là chưa được? Luật nhân quả vượt không gian lã thời gian - cầu tất ứng. Ngày mai hay vài trăm năm nữa?

16. Vận mệnh có thay đổi được không?

Đại khái, theo “Vận mệnh con người có thay đổi được không?” Phong Thủy Huyền Không viết: Mệnh là cái cố định, vận thì vận hành tuần tự theo thời gian nhất định, mệnh và vận trên thực tế là một quy luật khách quan của sự vận động sự sống. Vì thế có người sẽ hỏi, “Vận mệnh đã là một quy luật khách quan thì sao có thể điều chỉnh được?”

Theo thuyết thiên mệnh: Năm, tháng, ngày, giờ sinh cùng với tuế vận (quỹ đạo và chu kỳ thời gian,) tất cả những phạm trù đó thuộc về “Thiên Định” (cũng có nghĩa là thời gian – Tiên Thiên) chúng ta không thể thay đổi được, mà dân gian hay gọi là “Định Mệnh.” Quả thật những phạm trù thuộc về “Thiên Định” chúng ta không thể thay đổi được, nhưng trong cuộc sống có rất nhiều yếu tố chúng ta có thể lựa chọn được, thay đổi được, chúng ta sẽ tạm gọi những phạm trù đó là “Nhân Định.”

Các nhà Chiêm Tinh Gia đều cho rằng khoa Chiêm Tinh là khoa quan trọng nhất trong các khoa học, đó là một nghệ thuật chân chính. Đến hiện nay, thiểu số ở Tây Phương và phần đông ở Đông Phương vẫn còn tin vào khoa chiêm tinh này tuy bị đa số cho là mê tín.

Trong “Từ Vi: Định Mạng hay Tự Do?” Thu Giang, Nguyễn Duy Cần, giáo sư Triết Học Đông Phương tại Đại Học Văn Khoa và cũng là một chuyên gia Từ Vi. Ông chứng tỏ rằng con người tuy có số mạng định sẵn, nhưng cũng có thể tự lực để sửa đổi số mạng của mình. Ngoài Mệnh đã định, lá số Từ Vi còn nêu rõ đủ các chi tiết của Thân, tiềm thức ý chí của con người cùng chỉ đường cải tạo để thay đổi số mạng của mình.

Theo GS Nguyễn Duy Cần: Khoa Chiêm Tinh chẳng những xem Người là một tiểu vũ trụ trong đại vũ trụ, và cũng là một sản phẩm chịu vô số ảnh hưởng của các vì tinh tú cũng như của cả vũ trụ, như tất cả mọi sự vật hiện hữu trên đời vì mỗi người có hấp lực tập trung các ảnh hưởng ấy để kết thành một thể trạng, một tâm trạng, một thần trạng riêng biệt của mình. Mặc dù thể xác, thần trí và hoàn cảnh có thể bị ảnh hưởng của các tinh tú nhưng bậc hiền giả có trí tuệ vẫn làm chủ được vận mạng của mình.

Khác với một số nhà bác học, có một số đông các triết gia và thi sĩ Tây Phương khác, trong đó có Roger Bacon và Shakespear cũng rất quan tâm đến các khoa Chiêm Tinh. Cả Thiên Chúa Giáo cũng không thoát khỏi ảnh hưởng của nó, trong thánh kinh đã ghi rõ, số dĩ các vị Thánh Đông Phương tìm đến bái yết Jesus lúc mới sinh trong máng cỏ là cũng nhờ tiên tri, theo dõi ngôi sao sáng của Bethleem. Khi Đức Thích Ca sinh ra, vua cha cũng mời những nhà Chiêm Tinh Gia tới để lấy lá số cho Thái Tử, và họ đã tiên đoán sau này Ngài sẽ thành, hoặc sẽ là một bậc đế vương toàn cõi thế gian, hay là một vị Phật. Vì họ đã tiên đoán dựa vào căn cứ trên thân mình Thái tử, họ thấy hiện lên đủ 32 dấu ghi rõ sự nghiệp phi thường sau này của Thái tử, đó là những dấu hiệu ghi lại công phu của vô lượng kiếp của Ngài ở tiền thân tương tự như đã ghi rõ trên lá số Tử Vi của mỗi chúng ta vậy. Đây là những thần thoại hóa của những kẻ xu thời hay những giáo sĩ ngụy tạo đây mê tín dị đoan để mê hoặc tín đồ sau này chứ ngay cả Jesus lẫn Tất Đạt Đa (Sidhartha) cũng không biết được tương lai của mình trước khi được thành Phật, thành Chúa?

Nhưng Thái Tử Sidhartha đã tự quyết định, bỏ con đường công danh phú quý, lựa con đường tu hành quyết tâm thành chánh quả. Tự do, tự lực của con người là chính ở chỗ đó. Mình là “vật thọ tạo” mà cũng là “Đấng Tạo Hóa” của chính mình.

Sư rằng, “Họa phúc đạo trời”
Cội nguồn cũng ở lòng người mà ra
Có Trời mà cũng có Ta...
(Kim Vân Kiều)

Theo GS Nguyễn Duy Cần, “Người có tính tham gian bạc ác là vì có nhiều chủng tử gian tham bạc ác huân tập nơi tiềm thức (alava,) và khi mình quyết tâm sửa đổi, mình phải cố tạo ra những “thiện nhân bố thí” tức là tự tạo ra những “tương vi nhân” để mà tiêu giảm hoặc tiêu trừ cái sức tàn phá của những “ác nhân” trong túc nghiệp (nghiệp quá khứ.) Nhất là khi mình từ chối không tạo những “tiếp thụ nhân” (nhân thụ lãnh,) thì các nhân khác cũng khó lòng mà kết hợp để tạo thành ác nghiệp. Bởi vậy, tôi mới nói trên đây: con người là đấng Tạo Hóa (Le Créateur) của chính mình mà cũng là vật thọ tạo (La Créature) của chính mình.

Theo nhà Phật, luật Nhân Quả không bị hạn chế bởi thời gian: có cái đời trước trồng Nhân, nhưng cũng đến đời hiện tại mới gặp duyên mà thành Quả. Có cái đời trước trồng nhân, mà mãi đến đời sau và đời sau nữa mới thành Quả. Có cái đời này trồng Nhân, lại thành Quả ngay trong đời này, người ta gọi là Quả báo Nhân tiền. Ta cần phải xem những duyên cớ, coi nó có đầy đủ hay không, mà đoán định sự mau chậm.

Bởi không rõ lẽ ấy, cho nên mới có kẻ thấy có người kiếp này tu nhiều Nhân tốt, tu nhân tích đức, nhưng lại bị tai họa đau thương. Còn kẻ, kiếp này làm nhiều điều ác, lại được nhiều may mắn hạnh phúc nên mới kêu rằng luật Nhân Quả sai lầm. Họ nào có dè: ác báo hay phúc báo đều do tạo nhân ở kiếp trước mà đến kiếp này mới hưởng được, còn những nhân ác tạo ở kiếp này chưa đủ thời gian để thành “Quả” ác.

Tóm lại, động lực chính của sự tạo nghiệp là ý thức. Ý thức có một tác dụng vô cùng mạnh mẽ, nó chi phối tất cả mọi thứ khác, lại có quyền sáng tạo và thay đổi cả một cuộc đời của con người. Trong giai đoạn hiện tại, cá nhân phải gánh chịu tất cả những quả báo của nghiệp quá khứ và nghiệp hiện tại. Nhưng ý thức với sự phụ họa của các thức khác trong giai đoạn sống hiện tại, lại cũng có quyền năng tạo nghiệp mới, để làm động lực cho sự phát sinh số mệnh sau này.” Thì cũng ráng tin như rứa cho đỡ khổ chứ có ai biết nó có thiệt như rứa mô?

Theo nhà Phật, nghiệp quá khứ là nguyên nhân động lực của cái kiếp sống hiện tại, nó chỉ huy tất cả, con người lẫn vạn vật chỉ thụ động và bị chi phối bởi một định mệnh vô hình từ vô lượng kiếp. Nếu chúng ta chấp nhận thuyết Big Bang thì vũ trụ nguyên thủy chỉ là một vi hạt cực nhỏ có đường kính là 10^{-33} cm mà bây giờ đã có đường kính là 93 tỷ quang niên là cái nghiệp đầu tiên trong quá khứ (original cause) và big bang là sức bùng nổ bởi một năng lượng cực kinh khủng tạo ra vạn vật và vũ trụ giãn ra vô tận với một tốc độ cực nhanh và khi hết sức thì vũ trụ sẽ rơi xuống bởi sức hút (gravity.) Thì tạo nghiệp thiện trong hiện tại tuy cũng phá được phần nào nghiệp báo của quá khứ nhưng vẫn bất lực trước một định mệnh khắt khe đó là vì nghiệp lực giãn nở của nó vẫn còn cực quá mạnh.

Đánh tan nghiệp ác

Tuy vậy, nghiệp mới tạo lại có nhiều ảnh hưởng đến sinh mạng của nhiều cá nhân khác nên trong nghiệp riêng (tiệm nghiệp) cũng được hưởng về nghiệp chung (cộng nghiệp) do mình tạo nên và nhờ vậy cũng phá tan được nhiều nghiệp chướng do ác tập gây nên. Bởi vậy, người ta thường nhận thấy những ai gây được nhiều công đức xã hội, như gieo rắc mầm tư tưởng “tự bi hỷ xả,” giúp con người phá được tà kiến, gây được lòng yêu thương trong loài người, là người tích chứa được nhiều thiện nhân thiện đức cho nên dù có gặp tai họa gì cũng được qua khỏi một cách mâu nhiệm. Đó là nhờ cái công “tự biến” đã gieo được nhiều chủng tử cho mình và cho chung quanh nên đã gây được một tự nghiệp và cộng nghiệp tốt đẹp, đánh tan được cái mũi tên độc của nghiệp quá khứ (nhân nghiệp) của mình.

Tóm lại, chúng ta có thể tự tạo ra những nhân quả trong quá khứ, hiện tại lẫn tương lai. Nếu cứ gieo mãi những mầm mống tư tưởng giải thoát thì sẽ tiêu trừ được tất cả các chủng tử tập nhiễm.

Đã mang lấy Nghiệp vào thân,
Cũng đừng trách lẫn Trời gần, Trời xa
Thiện căn ở tại lòng ta...
(Nguyễn Du)

Cái nhìn của Tử Vi

Nghiên cứu số Tử Vi, với một lối nhìn siêu hình, hình nhi thượng học như trên, lá Tử Vi của ta có thể giúp ta nhìn rõ cái nghiệp quá khứ của ta, biết được ta phải làm gì cho hiện tại, để chuyển mê khai ngộ, chuyển bại thành thắng, chuyển ác vi thiện chứ không phải tin vào số mệnh một cách thụ động như nhiều người lầm tưởng.

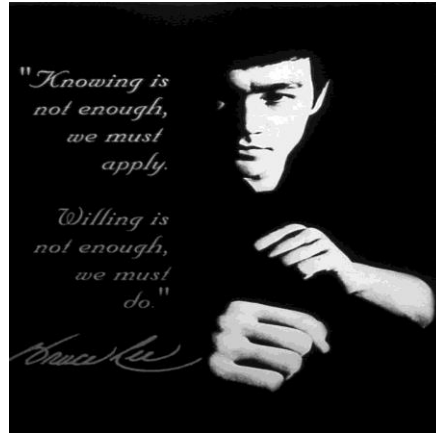
Con người đã tự tạo lấy nghiệp chướng cho mình, và tự giam lấy mình trong khám cung chật hẹp, đó là số mạng do mình tạo nên. Lá số Tử Vi giúp ta thấy rõ con người là tiểu vũ trụ trong đại vũ trụ, tương quan vô cùng mật thiết. Ảnh hưởng liên quan giữa cá nhân và xã hội, gia đình, ảnh hưởng, chi phối cả bạn bè, kẻ dưới người trên... đều được ghi rõ ràng trong lá số của mỗi cá nhân. Nhìn vào lá số Tử Vi, người sành sỏi và am hiểu tận tường phép đoán, không bao giờ nhìn từng cung mà đoán vì tất cả 12 cung đều chẳng chịt quan hệ, bổ khuyết và ảnh hưởng lẫn nhau.

Thí dụ, nhìn ở cung Thân để biết tinh thần tự lực của mình đã đến đâu, đồng thời phải nhìn ở cung Mệnh để biết tha lực vô thức của mình như thế nào. Rồi phải nhìn qua cung Thiên Di, cung Quan, cung Tài (Tam hợp, Nhị hợp), các cung Thê, Tử, Huynh Đệ và Nô Bộc. Nhìn cung Giải Ách để xem thiện nhân hay ác nhân cũng như xem ở cung Phúc để tìm hiểu túc nghiệp. Các vì sao Giải Ách luôn là những phúc tinh, như Thiên Quang, Thiên Phúc, Ân Quang, Thiên Quý, Nguyệt Đức, Lộc Tồn, thường là những vì sao tượng trưng cho những thiện đức của lòng ta.

Để giải đáp vấn đề này trước hết, chúng ta cũng nên hiểu thêm một chút về thuyết vận mệnh trong tử vi đầu số về cơ chế cấu thành vận mệnh. “Mệnh” tức là Bát Tự hay còn gọi là Tứ Trụ, do Thiên Can, Địa Chi tạo thành, “Vận” tức là đại tiểu vận, lưu niên,...cũng do các Thiên Can, Địa Chi tạo thành. Bởi vậy “Vận Mệnh” đều do can chi tổ hợp mà thành mà can chi là những ký hiệu đại diện của ngũ hành vì thế vận mệnh thực chất là sự tổ hợp của ngũ hành. Vì vậy sự cát hung của vận mệnh suy cho cùng là ngũ hành của Thân có cân bằng hay không hoặc có thuận nghịch hay không trong trạng thái thời gian và không gian nhất định. Do đó, muốn thay đổi vận mệnh, chỉ cần điều chỉnh được sức mạnh ngũ hành là có thể đạt được mục đích. Ví dụ, ngũ hành của 10 Thiên Can, Giáp Dương Mộc, Ất Âm Mộc, Bính Dương Hỏa, Đinh Âm Hỏa, Mậu Dương Thổ, Kỷ Âm Thổ, Canh Dương Kim, Tân Âm Kim, Nhâm Dương Thủy, Quý Âm Thủy; Ngũ Hành 12 Địa Chi gồm Tý Thủy - Ngọ Hỏa - Mão Mộc - Dậu Kim; Thìn - Tuất - Sửu - Mùi thuộc Thổ;...

Tôi xin bàn thêm, vận hành của ngũ hành cũng tương tự như duyên nghiệp của ngũ uẩn, muốn thay đổi phần nào thì phải dựa vào tha lực của ngũ hành hay ngũ uẩn, rồi phải biết tự tin vào tự lực của mình mà điều chỉnh cho đúng mục đích mong muốn. Bằng cách, tổng lực của tự tâm. Trước tiên, phải biết chính xác phân biệt giữa những gì mình muốn và cần, thực hiện được những điều mình cần trước rồi sẽ được những điều mình muốn. You must exactly distinguish between what you want and what you need and work toward what your immediate need first then you will get what you want. (Tru Le) Khi

mà tha lực và tự lực lu hỏa thuần thanh, tâm khí thần hội tụ, cùng trở thành một thì phép mầu sẽ xảy ra, thay vì được những điều ta cần lại được điều ta muốn, dĩ nhiên lúc đó thì những điều ta cần trở nên không cần thiết nữa. Những tâm nguyện của chúng ta phải thật quyết tâm, đầy dũng mãnh, rất lớn lao mới siêu việt được nghiệp lực, trong nhà Phật gọi là “thừa nguyện tái lai,” nguyện lực lớn mạnh hơn nghiệp lực thì vận mệnh của chúng ta sẽ chuyển biến 180 độ, chắc chắn thành công.



Biết chưa đủ, phải áp dụng. Muốn chưa đủ, phải làm

Tuy nhiên, cơ hội không bao giờ đến hai lần, nếu bỏ phí quá nhiều thời giờ suy nghĩ về mong ước mà không bắt tay vào để thực hiện những điều đó thì không bao giờ có kết quả mong muốn được. “If you spend too much time thinking about a thing, you'll never get it done.” Bruce Lee

17. 64 câu Phật học cho cuộc sống đầy mong cầu

Dưới đây là những câu Phật học được sưu tầm trong nhân gian, viết bởi những thiện tri thức. Trước khi cầu mong, chúng ta nên duyệt lại danh sách này xem thử chúng ta đã ở trong trường hợp nào, đã đối phó đúng theo những lời khuyên từ kinh nghiệm của những bậc thánh nhân dưới đây, hiểu tường tận ý thánh và gốc rễ vấn đề rồi thì chú tâm vào những điều mình muốn cầu để hành động và thực hiện.

1. Sở dĩ chúng ta đau khổ chính vì mãi đeo đuổi những thứ sai lầm.
2. Nếu không muốn rước phiền não vào mình, thì người ngoài cũng không cách nào gây phiền não cho bạn được.
3. Mở lòng khoan dung lượng tha thứ những ai đem đến nghịch cảnh cho mình.
4. Khi vui cũng như khổ, phải nghĩ rằng niềm vui, nỗi khổ này không phải là vĩnh hằng.
5. Sự chấp trước của ngày hôm nay sẽ là niềm hối hận cho ngày mai.

6. Có thể có ái nhưng đừng nên luyến, vì chia ly là lẽ tất nhiên.
7. Đừng lãng phí sinh mạng của mình trong những chôn mà nhất định mình sẽ ân hận.
8. Khi nào thật sự buông xuống thì lúc ấy sẽ hết phiền não.
9. Mỗi một vết thương đều là một sự trưởng thành.
10. Người cuồng vọng còn cứu được, người tự ti thì vô phương, chỉ khi nhận thức được mình, hàng phục chính mình, sửa đổi mình, mới có thể thay đổi người khác.
11. Đừng có thái độ bất mãn, phải quay về kiểm điểm chính mình. Bất mãn người ngoài là chuốc khổ cho chính mình.
12. Tự đáy lòng không thể tha thứ cho kẻ khác, thì lòng sẽ không bao giờ được thanh thản.
13. Trong tâm chứa đầy cách nghĩ và cách nhìn chủ quan thì sẽ không bao giờ nghe được tiếng lòng người khác.
14. Hủy diệt người chỉ cần một câu, xây dựng người lại mất ngàn lời, “Đa khẩu hạ lưu tình.”
15. Không cần quay đầu lại xem người nguyên rửa mình là ai. Không nhận nguyên rửa, để kẻ nguyên rửa tự họ ngửa mặt lên trời mà ngậm máu phun lên và rớt xuống ngay trên chính mặt họ.
16. Đừng bao giờ lãng phí một giây phút nào để hận những người mà ta không hề yêu thích. Hận thù người khác là một mất mát lớn nhất đối với mình.
17. Đem lòng từ bi và thái độ ôn hòa để bày tỏ những nỗi oan ức và bất mãn của mình, có như vậy người khác mới khả dĩ tiếp nhận.
18. Cùng một mảnh tâm tại sao chúng ta phải chứa đầy những nỗi phiền như vậy?
19. Những thứ không đạt được, chúng ta tưởng là nó đẹp đẽ, chính vì chúng ta hiểu nó quá ít, chúng ta không có thời gian được nó để hiểu nó hơn.
20. Sống một ngày là có diễm phúc của một ngày, nên phải trân quý.
21. Tồn thêm một chút tâm lực để chú ý người khác chỉ bằng bớt một chút tâm lực phản ‘tĩnh tĩnh’ chính mình.
22. Mỗi người ai cũng có mạng sống, nhưng không phải ai cũng hiểu được điều đó, thậm chí trân quý mạng sống của mình hơn mạng sống người khác.

23. Tính chấp là nguyên nhân của khổ não, buông tính chấp mới được tự tại.
24. Đừng khẳng định về cách nghĩ của mình quá, như vậy sẽ đỡ phải hối hận hơn.
25. Khi thành thật với chính mình, thế giới sẽ không ai lừa dối mình được.
26. Che đậy khuyết điểm của mình bằng thủ đoạn tổn thương người khác là đê tiện.
27. Âm thầm quan tâm chúc phúc người khác, đó là một sự bố thí vô hình.
28. Đừng gắng sức suy đoán cách nghĩ của người khác, nếu bạn không phán đoán chính xác bằng trí huệ và kinh nghiệm thì mắc phải nhầm lẫn là lẽ thường tình.
29. Muốn hiểu một người, chỉ cần xem mục đích đến và xuất phát điểm của họ có giống nhau không, thì có thể biết được họ có thật lòng không.
30. Chân lý của nhân sinh chỉ là giấu trong cái bình thường đơn điệu.
31. Danh tiếng và tôn quý đến từ sự chân tài thực học. Hữu xạ tự nhiên thơm.
32. Thời gian sẽ trôi qua, để thời gian xóa sạch phiền não.
33. Cố xem những chuyện đơn thuần thành nghiêm trọng, như thế sẽ rất đau khổ.
34. Người luôn e dè với thiện ý của người khác thì hết thuốc cứu chữa.
35. Nói một lời dối gian thì phải bịa thêm mười câu không thật nữa để lấp vào, cần gì khổ như vậy?
36. Sống một ngày vô ích, không làm được chuyện gì, thì chẳng khác gì kẻ phạm tội ăn trộm.
37. Quảng kết chúng duyên, chính là không làm tổn thương bất cứ người nào.
38. Im lặng là một câu trả lời hay nhất cho sự phi báng.
39. Cung kính đối với người là sự trang nghiêm cho chính mình.
40. Có lòng thương yêu vô tư thì sẽ có tất cả.
41. Đến là ngẫu nhiên, đi là tất nhiên. Cho nên cần phải “Tùy duyên mà hằng bất biến, bất biến mà hằng tùy duyên.”
42. Từ bi là vũ khí tốt nhất của chính mình.
43. Chỉ cần đối diện với hiện thực, mới vượt qua hiện thực.

44. Lương tâm là tòa án công bằng nhất của mỗi người, đối người khác được nhưng không bao giờ đối nổi lương tâm mình.
45. Người không biết yêu mình thì không thể yêu được người khác.
46. Có lúc chúng ta muốn thăm hỏi chính mình, chúng ta đang đeo đuổi cái gì? Chúng ta sống vì cái gì?
47. Đừng vì một chút tranh chấp mà xa lìa tình bạn chí thân, cũng đừng vì một chút oán giận mà quên đi thâm ân của người khác.
48. Cảm ơn đời với những gì mình đã có, cảm ơn đời những gì mình không có.
49. Nếu có thể đứng ở góc độ của người khác để nghĩ cho họ thì đó mới là từ bi.
50. Nói năng đừng có tánh châm chọc, đừng gây thương tổn, đừng khoe tài cán của mình, đừng phô điều xấu của người, tự nhiên sẽ hóa địch thành bạn.
51. Thành thật đối diện với mâu thuẫn và khuyết điểm trong tâm mình, đừng lừa dối chính mình.
52. Nhân quả không nợ chúng ta thứ gì, cho nên xin đừng oán trách nó.
53. Đa số người cả đời chỉ làm được ba việc: Đối mình, đối người, và bị người đối.
54. Tâm là tên lừa đảo lớn nhất, người khác có thể dối bạn nhất thời, nhưng nó lại gạt bạn suốt đời.
55. Chỉ cần tự giác tâm an.
56. Khi trong tay nắm chặt một vật gì mà không buông xuống, thì chỉ có mỗi thứ này, nếu chịu buông xuống, thì mới có cơ hội chọn lựa những thứ khác. Nếu một người luôn khư khư với quan niệm của mình, không chịu buông xuống thì trí huệ chỉ có thể đạt đến ở một mức độ nào đó mà thôi. Empty your cup!
57. Nếu có thể sống qua những ngày bình an, thì đó chính là một phúc phần rồi. Biết bao nhiêu người hôm nay đã không thấy được vàng thái dương của ngày mai, biết bao nhiêu người hôm nay đã trở thành tàn phế, biết bao nhiêu người hôm nay đã đánh mất tự do, biết bao nhiêu người hôm nay đã trở thành nước mất nhà tan.
58. Mỗi người có một nhân sinh quan của riêng của mình, không dính dáng gì tới nhau.
59. Hy vọng nắm được sự vĩnh hằng thì cần phải không chế hiện tại.

60. Ác khẩu, mãi mãi đừng để nó thốt ra từ miệng chúng ta, cho dù người ta có xấu bao nhiêu, có ác bao nhiêu. Càng nguyên rửa họ, tâm mình càng bị nhiễm ô, nếu có thể, hãy nghĩ, họ chính là thử thách của mình.

61 Nhất định phải giữ một bản tánh hoàn chỉnh và một tâm hồn thanh tịnh.

62. Nếu một người chưa từng cảm nhận sự đau khổ khó khăn thì rất khó cảm thông cho người khác. Muốn học tinh thần cứu khổ cứu nạn, thì trước hết phải chịu đựng được khổ nạn.

63. Thế giới vốn không thuộc về mình, vì thế không cần vứt bỏ, cái cần vứt bỏ chính là những tánh cố chấp. Vạn vật đều cung ứng cho ta, nhưng không thuộc về ta.

64. Bởi chúng ta không thể thay đổi được thế giới xung quanh, nên chúng ta đành phải sửa đổi chính mình, đối diện với tất cả bằng lòng từ bi và tâm trí huệ.

18. Mong cầu của người xuất gia



Trong Tứ Thập Nhị Chương Kinh, Đoạn Dục Tuyệt Cầu (Trừ Dục Vọng, Dứt Mong Cầu,) Phật ngôn, "Xuất gia sa môn giả, đoạn dục khứ ái, thức tự tâm nguyên, đạt Phật thâm lý, ngộ vô vi pháp. Nội vô sở đắc, ngoại vô sở cầu, tâm bất hệ Đạo, diệc bất kết nghiệp. Vô niệm vô tác, phi tu phi chứng, bất lịch chư vị, nhi tự sùng tối. Danh chi vi Đạo."

Đức Phật dạy, "Những người xuất gia làm Sa Môn đoạn dục, khứ ái, nhận biết nguồn tâm của mình, thông đạt đạo lý thâm sâu của Phật và tỏ ngộ pháp vô vi. Họ trong không sở đắc, ngoài không sở cầu; tâm không, ràng buộc nơi Pháp, và cũng chẳng kết nên nghiệp. Họ không nghĩ họ làm, chẳng tu chẳng chứng, không trải qua các quả vị mà tự nhiên lại cao tột bậc. Đó gọi là Đạo!" Thiên Tông có câu, "Thấy Phật giết Phật, thấy ma giết ma," ý nghĩa là không chấp trước. Nếu chấp trước thì gặp Phật cũng thành ra ma, nếu chẳng chấp trước thì gặp ma cũng biến thành Phật. Đó cũng là câu hỏi vừa đầy giác ngộ và vừa

pha chút châm biếm của Tôn Ngộ Không hỏi Phật Quan Âm trong Tây Du Ký: Bồ Tát là yêu quái hay yêu quái là Bồ Tát?

Nhưng khi đã ‘Phá Chấp’ thì không phân biệt nhị nguyên, bất nhị (non-dualism,) không Ma không Phật cho nên thấy Ma hay Phật điều giết cả. “Giết” đây có nghĩa là “không chấp trước,” là diệt chấp ma lẫn phá chấp Phật chứ không phải là “giết.” Giết không phải là giết cho nên giết là giết! (Kill is not kill therefore Kill is kill! Logic of Quantum Negation, Lê Huy Trứ) Tóm lại, tu học Phật là cầu giải thoát, cầu tự tại, tức là không còn bị ngũ dục trói buộc, nhờ vậy mới vượt ra khỏi được bờ tam giới, đến được bến cõi tịnh độ, gạn gủi chur Phật và các vị Bồ Tát.

Hòa Thượng Tuyên Hóa giảng: Các bậc Sa Môn ‘trong không sở đắc,’ về mặt nội tâm họ không thấy có cái gì để đạt được - "vô trí diệt vô đắc" (cái "trí" cũng không có và cái "đạt được" cũng không hiện hữu.) Đối với ngoại cảnh, ngoại vật, thì các ngài ‘ngoài không sở cầu,’ chẳng có mong cầu gì cả. "Trong không sở đắc; ngoài không sở cầu" là Vô Vi Pháp.

Tri sự thiếu thời phiền não thiếu,
Đáo vô cầu xứ tiện vô ru!

(Sự đời biết ít, phiền não ít,
Đạt đến "không cầu" tất hết lo!)

Giữ bề chân thật, là thiện. Tuyệt đối không hề tạo nghiệp, nhất là gây ra các nghiệp dữ. Không nhất thiết cần phải tu Đạo; song lúc nào cũng dụng công tu hành và cũng chẳng kết thêm nghiệp.

Khi đạt đến cảnh giới vô tâm "trong không sở đắc, ngoài không sở cầu," thì an nhiên tự tại. Lúc này, không còn bất cứ vọng niệm nào cả, mà chỉ có thuần một thứ chánh niệm mà thôi. Không nghĩ, không làm! Bởi ngay cả một vọng niệm cũng không còn, nên gọi là "không nghĩ," và vì một hành vi giả dối là nhỏ nhặt cũng chẳng có, nên gọi là "không làm."

Vô tu, vô chứng (chẳng tu, chẳng chứng!) Bây giờ, những việc cần làm đều đã làm xong, mức độ tu hành đã đến cực điểm; cho nên, không còn gì để tu học nữa, do đó gọi là "chẳng tu." Đã đạt được bản thể của Đạo, đã chứng đắc quả vị, nên không cần phải chứng đắc lại nữa; vì thế gọi là "chẳng chứng."

Theo Hòa Thượng Tuyên Hóa: Các bậc thánh nhân này, không trải qua các quả vị mà tự nhiên lại được tôn sùng tột bậc. Không nhất thiết phải tuần tự trải qua những quả vị Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa. Các ngài thoát nhiên vượt qua hết thấy, và quả vị họ đạt được lại cao cả nhất.

Đức Phật dạy, "Tịnh tâm, thủ chí, thì có thể hiểu thấu Đạo cao tột. Ví như lau gương, chùi hết cấu bẩn thì còn lại vẻ sáng; dứt lòng tham dục, không còn mong cầu, tất sẽ đắc Túc Mạng."

Đức Dalai Lama nói, "Nếu một người tu mà trải qua bao tháng năm hành đạo không thấy mình tầm thường hơn, giản dị hơn và khiêm tốn hơn thời gian ban đầu, thì có lẽ là người tu đó đã đi lạc rồi! " Đi lạc nên không gặp được Đạo nên không hiểu được Đạo, bởi đã lạc hướng thì càng chạy chỉ càng cách xa thêm mà thôi. Thực hành Đạo, giữ bề chân thật tức là giữ gìn chân lý, chứ không giữ cái pháp hư vọng, không thật. Tu hành thì phải hiểu rõ chân lý. Không hiểu chân lý thì không phải là giữ bề chân thật. Giữ được sự chân thật của vô ngã là điều tốt đẹp nhất.

Tuy nhiên, nhiều người mặc dù đã xuất gia rồi nhưng vẫn còn nặng nghiệp chưa dứt trừ được dục lạc vì họ không có sự soi xét ở nội tâm, không có sự thể nghiệm Phật Pháp, không có đạo lực nên không tiêu trừ được những cảm dỗ bên ngoài, dễ bị mê hoặc bởi những tiền tài, danh vọng, thú vui trần tục, thay vì họ đạt được an vui trong chánh pháp lại luân quần trong trầm luân đau khổ. Thân mặc áo cà sa nhưng tâm mặc áo giầy.

Những thượng mạn tăng này rất chuyên nghiệp trong việc truyền bá tà ma ngoại đạo, mê tín dị đoan mà chúng ta thường thấy nhan nhản trong thời mạt pháp, cho nên quy y tăng với mấy ông sư hồ mang đó thì còn lâu mới lên được niết bàn chỉ tiền mất, khổ mang. Đại khái, Phật Tử quy y Tăng có nghĩa là trở về với 6 căn thanh tịnh, vô úy, cũng như quy y Pháp là trở về với Trí Tuệ và quy y Phật là trở về với Giác Ngộ.

Cho nên, Phật Tử chân chánh cần phải thẳng tay thanh trừng môn hộ, can đảm quét sạch những kẻ gian tà và dối trá này ra khỏi chùa, khỏi miếu. Muốn nhận diện những gian tăng này rất dễ dàng qua lối giảng kinh của họ, cách ăn mặc, phương tiện di chuyển của riêng họ, điệu nói, lối nhìn, vấn đề quảng cáo gây quỹ, ... Họ là những người dung túng dị đoan, mê tín trong chùa cho tư lợi cá nhân. Họ cầu nguyện cho chính họ còn chưa xong, họ có tư cách tư cách, đạo đức, tha lực gì để cầu an, cầu phước cho mình và cho những người khác?

Ngược lại, người xuất gia chân chính phải trì chí, nỗ lực tu hành để trước là được an trụ thân tâm, phát tâm từ bi hỷ xả và sau là đạt được giác ngộ rốt ráo, trước mong cầu thành Phật, sau cầu mong cứu độ chúng sinh. Bớt đầu tiên là buông bỏ mọi khen chê, thị phi, vinh nhục, hăng sống với tâm bỏ dè, không mong cầu, không chấp được mất, như thế mới có thể an tâm kiến tánh mà đắc đạo để cứu độ chúng sinh. Đây mới thật sự là những thánh tăng hiếm có trên đời mà chúng ta ít được may mắn, khó được cơ duyên để quy y tăng với họ, rồi cùng được theo họ tu học Phật trong thời mạt pháp hiện nay. Hiếm nhưng không phải là không có. Cứ chuyên cần trì Tâm rồi khi duyên cơ đã chín mùi, mình sẽ tìm được họ, hay họ sẽ tìm đến mình để ấn chứng.

Quán tự tại để tự giác ngộ. "Satori - in the awakening from a dream. Awakening and self-realization and seeing into one's own being - these are synonymous." Bruce Lee, Striking Thoughts: Bruce Lee's Wisdom for Daily Living.

19. Mong cầu bao dung và từ bi

Đối với người phạm tục thì nên nhớ ngạn ngữ có câu, "Biết đủ thường vui, hay nhịn tự an. Người biết đủ nằm dưới đất cũng như ở thiên đường. Người không biết đủ tuy ở chốn

thiên đường mà như ở địa ngục.” Hay, Nguyễn Công Trứ tả về cái nhàn, “tri túc tiện túc hà thời túc. Tri nhàn tiện nhàn hà thời nhàn.” Biết đủ là đủ, biết nhàn là nhàn.

Sống trong từ bi và bao dung là sống giản dị, biết đủ, sống hòa hợp, vì người, vì mình thì lúc nào lòng cũng cảm thấy hạnh phúc, an vui với hiện tại. Đó là những người có đầy đủ tất cả, những người này được xem là giàu có.

Những người quyết chí xuất gia, chân tu theo Phật, nhờ có được sự thể nghiệm trong công phu tu hành, có được sự chứng ngộ ở nội tâm nên tự nhiên không hướng ra ngoài để mong cầu. Người xuất gia phải có tâm từ bi, khoan dung và nếu có thể nên xem tất cả chúng sanh là mình, cả thế giới đều là chính bản thân mình, thì trên đời này sẽ không còn nhị nguyên phân biệt. Người xuất gia nếu chưa làm được Phật sự lớn lao, lại chưa có khả năng và trình độ để thuyết pháp, giảng kinh nhưng vẫn có thể nói được những câu vui vẻ, chân thành không tham cầu đó cũng là Phật sự nhỏ. Người tu hành chân chính dù là ở chùa hay tại gia không cầu nguyện cho riêng mình mà cho chúng sinh. Chúng sinh được thì mình cũng được vì mình cũng là chúng sinh. Trong lòng mình có sự bao dung nhiều hay ít, thì mình sẽ nhận lại được công đức như vậy để rồi hồi hướng vô lượng công đức này lại cho chúng sinh. Lòng (tâm) Bồ Đề chứa cả vũ trụ.

4 Vô Lượng Tâm (từ, bi, hỷ, xả) là những đức tính cần thiết mà người tu hành chân chính cần phải luôn luôn trau dồi và phát triển trên đường tu tập. Mong muốn được vậy ta cần phải khởi lên trong tâm bằng cách phát nguyện thường xuyên rồi những lời nguyện này sẽ từ từ tạo thành những tha lực mãnh liệt để hướng dẫn ta thực hành đúng theo chiều hướng từ, bi, hỷ, xả của Phật Đà đó là:

1. Nguyện cho chúng sinh được an vui hạnh phúc, hay tạo hạnh lành.
2. Nguyện cho chúng sinh thoát ly mọi đau khổ phiền não, ngưng tạo điều ác.
3. Nguyện cho chúng sinh có tâm hoan hỷ, không oán ghét lẫn nhau.
4. Nguyện cho chúng sinh có tâm bình đẳng, không phân biệt, kỳ thị lẫn nhau.

Đại Trí Độ Luận quyển 40, Đại Bát Niết Bàn Kinh bản Bắc Phạn quyển 15 có ghi, Từ Bi có 3 loại:

1. Sinh duyên từ bi, còn gọi là hữu tình duyên bi, chúng sinh duyên bi. Tức xem tất cả chúng sinh như con đò mà ban vui trừ khổ, đó là từ bi của phàm phu, thuộc Tam thừa (Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát.) Loại này là từ bi ở mức sơ cấp, cũng gọi là tiểu bi.
2. Pháp duyên từ bi, chỉ từ bi dựa trên các pháp khai ngộ và lý vô ngã, là từ bi thuộc hệ vô học (A La Hán) và của hàng nhị thừa và sơ địa Bồ Tát trở lên, còn gọi là trung bi.
3. Vô duyên từ bi, xa rời kiến giải phân biệt, là từ bi bình đẳng tuyệt đối của tâm vô phân biệt. Đó là đại bi chỉ Phật mới có, hàng phàm phu và nhị thừa không thể phát khởi, vì vậy đặc biệt gọi là Đại Từ Đại Bi (tiếng Phạn Maha Maitrya Maha Karuna), gọi tắt là Đại Từ Bi.

Cư Sĩ Truyền Bình viết: Như vậy đại từ đại bi của Phật là không có người ban phát tình thương, không có người tiếp nhận tình thương được ban phát, và cũng không có cái tình thương ở giữa người ban và kẻ nhận. Từ bi chỉ là tánh Không bình đẳng tuyệt đối. Đó mới là thực tế của từ bi.

20. Mong cầu thiện duyên

Như đã nói ở trên, có thể Phật đã dạy: không nên hướng ra ngoài tìm cầu. Nếu chúng ta có tâm nguyện tốt, khi thì ân thì không mong được trả ân. Khi gặp điều bất như ý, ta tự xét lại mức độ tham sân si trong lòng mình. Quán chiếu xem trong mỗi nhân duyên giữa ta và người có phải từ thiện duyên dù thiện duyên lớn hay thiện duyên nhỏ mà ra hay không? Nếu biết rộng kết thiện duyên cho dù là duyên thiện nhỏ với mọi người thì đâu không mong cầu việc thiện thì việc thiện cũng đến với chúng ta.

Đạo Phật còn dạy tín sự, tín lý:

Chư ác mạc tác
Chúng thiện phụng hành
Tự tịnh kỳ ý
Thị chư Phật giáo

Nghĩa là tất cả những việc ác chớ có làm, ngay cả những việc ác nhỏ. Chúng sinh nên làm tất cả những việc thiện cho dù đó là một việc thiện nhỏ. Nhiều việc thiện nhỏ sẽ tích lũy thành việc thiện lớn và những việc ác nhỏ sẽ cộng lại thành quả đại ác.

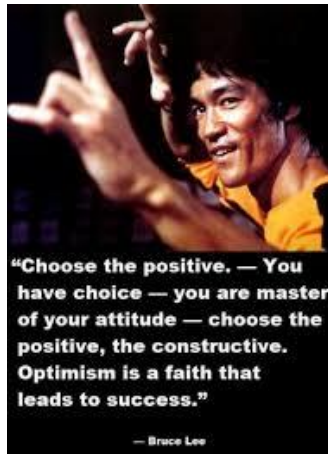
Lưu Bị trấn trời, khuyên con là Lưu Thiện: Sở dĩ ta đặt tên con là Thiện là vì muốn con luôn nghĩ đến những điều thiện, nếu không làm được điều thiện lớn thì cố gắng làm nhiều điều thiện nhỏ.

Trung tuần tháng 4, Lưu Bị bệnh tình nguy kịch, lập tức viết di chiếu cho Thái tử Lưu Thiện ở Thành Đô, cùng đưa trước cho Gia Cát Lượng và Lý Nghiêm xem. Toàn văn như sau: “Trẫm lúc đầu mắc bệnh lạ, sau chuyển bệnh khác, xem tình hình bệnh không khỏi. Người ta 50 tuổi đã không gọi là chết yếu, nay ta đã hơn 60, chẳng có gì ân hận, bởi thế chẳng lo lắng cho mình chỉ nghĩ đến tương lai của anh em các người. Nghe thừa tướng Gia Cát Lượng nói, người có khí chất lớn, tiến bộ rất nhanh, vượt quá mong mỏi của ông ta, nếu như thực sự như thế ta còn phải lo gì, hy vọng người cũng phải nỗ lực, chớ làm một điều ác nhỏ, cũng chớ không vì điều thiện quá nhỏ mà không làm. Tất cả phải lấy cầu hiền, cầu đức làm mục tiêu, khiến cho thần dân có thể đối với người tâm phục hoàn toàn. Phụ thân, của người vẫn bạc đức, không nên phỏng theo. Lưu Bị biết con mình không có tham vọng, không có chí khí của kẻ đại trượng phu cho nên chỉ khuyên con làm điều thiện nhỏ để được an toàn lấy thân. Tương tự, Napoleon Hill, “If you cannot do great things, do small things in a great way.” Tất cả các pháp trên thế gian này nếu chúng ta có cái nhìn không tham cầu nhiều ít, lớn nhỏ cho riêng mình thì chúng ta sẽ có cái phong phú vĩ đại.

21. Lý Cương Nhu

Những người lãnh đạo quốc gia nếu mong muốn quốc thái dân an, đất nước phú cường lần phục vụ nhân sinh thì phải hiểu lý duyên khởi này, “Năng nhu năng cương, quốc gia ắt sẽ ngày mỗi thêm uy tín, năng nhược năng cường thì quốc gia ắt sẽ có thể lực hùng mạnh; thuần nhu thuần nhược thì quốc gia ắt sẽ bị xâm lược; thuần cương thuần cường thì quốc gia dễ bị suy vong.”

Đối với những người phàm phu như chúng ta, biết được lẽ cương nhu trong đời sống thì khi bị trở ngại sẽ biết cách hành xử thích ứng để an toàn cho bản thân cũng như cho gia đình. Xa hơn nữa, nếu biết khôn ngoan áp dụng ‘cương nhu’ trong đời sống cũng như trong chính trường, thương trường, tình trường, nghề nghiệp, hay trong giao tế thì chúng ta có thể đạt được thành công mong muốn hay ít ra cũng biết xử thích ứng, để đối phó với trở ngại hay nắm giữ được cơ hội may mắn đến với mình trong đời sống.



Trong Thái Công Binh Pháp, theo truyền thuyết thì Hoàng Thạch Công đã truyền cho Trương Lương, trong đó đặc biệt chương Tam Lược, đầy sắc thái thần bí. Bộ binh pháp truyền thống giàu có trí tuệ của Trung Quốc này đã trực tiếp đề cập sách lược lấy nhu khắc cương, lấy nhược khắc cường. Nó nhắc đến câu sấm ngôn trong binh pháp Thái Công, “Nhu có thể chế cương, nhược có thể chế cường.” Tiếp đó, thuyết minh rõ ràng: Bởi vì nhu là loại đức tính, dễ bao dung thân cận, cũng dễ được cảm tình và chấp nhận. Cương là loại cứng rắn, nguy hiểm dễ sát thương người khác cũng thường bởi thế mà bị người ta muốn trừ hại. Kẻ nhược tiêu dễ được sự đồng tình và giúp đỡ của người khác, kẻ hùng cường thường bị người ghét sợ, tránh xa.

Kẻ lãnh đạo hùng cường bắt người phục tùng, kẻ lãnh đạo nhu thuận được người tùng phục. Cả hai điều có cái ưu và cái khuyết điểm khác nhau (same difference.) Nhưng kẻ nhu nhược dễ bị coi thường dễ bị hủy diệt, lật đổ, hèn nhát dễ bị khinh khi bởi thế trong nhu vẫn nên có cương, từ nhược ắt nên chuyển thành cường thịnh, kiêm đủ những yếu tố ấy tùy thời thế mà vận dụng thích hợp ắt sẽ thành công.

Hoàn cảnh sống và quan niệm sống của mỗi người thường khác nhau vì thế sự khác biệt đối chọi nhau trong cuộc sống là khó tránh khỏi. Đa số, con người rơi vào vòng xoáy của

tranh đấu thường hay mạnh đoạt lý mà quên công bằng, như thế nếu có thắng cũng tạo thêm thù ghét thay vì khâm phục; có thắng đó nhưng rồi có thể sẽ bị trả thù và ám toán lên. Cho nên, phải xem chỗ nào nhu được thì nhu, không nên chỉ cương cường biết ép người một cách thái quá, phải biết cho người ta một lối thoát, vấn đề ở đây không chỉ là cho người ta con đường sống, quan trọng hơn là cho chính mình một đường lùi, đây cũng là con đường sáng suốt để xã hội hài hòa.

Trong Khổng Minh Gia Cát Lượng Đại Truyện, Chương VIII, Tranh Giành Bá Quyền ở Kinh Châu, Trần Văn bình luận: Cương nhu tinh tế, cương nhược hỗ tương, hành động biến hóa tự do, không dễ nắm bắt, cũng như sự biến hóa vô thủy vô chung của đại tự nhiên, là chỗ mà trí tuệ của nhiều người còn chưa dễ thấu hiểu được. Lý cương nhu tương tự như bi trí đứng trong Phật Giáo, đó là vũ khí rất hữu hiệu có thể giúp chúng ta tự lực chiến thắng mọi thử thách, đạt để được giác ngộ.

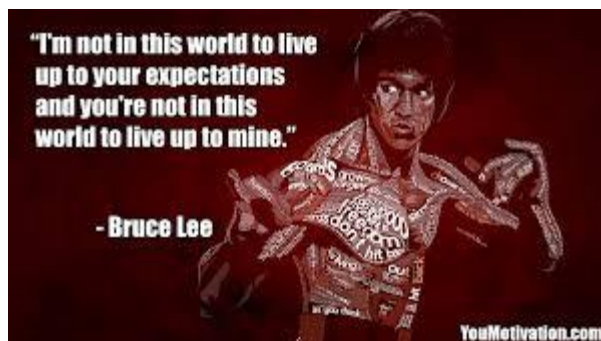
22. Đại anh hùng tạo thời thế

Như đã nói, phàm con người vì vô minh nên tâm còn vọng tưởng chưa được thanh tịnh để đạt được vô tâm thì chung cuộc vẫn bị chi phối bởi số mệnh và ràng buộc bởi luật nhân quả. Những người làm việc cực thiện cũng như cực ác không bị số mệnh, hay nghiệp quả câu thúc họ mãi được, tự họ có thể đổi được số mệnh lẫn nghiệp quả, bởi làm nhiều điều thiện **có thể** đương nghèo hóa giàu, còn trái lại làm nhiều điều cực ác **có thể** đương giàu sang phú quý trở thành nghèo hèn. Ngược lại, làm nhiều điều cực thiện **có thể** đương cực nghèo hóa cực mực, còn trái lại làm nhiều điều cực ác thì **có thể** đương giàu sang phú quý trở thành quyền uy tột đỉnh, vinh hiển tột cùng, toàn quyền sanh sát. Vì vậy sách mới có câu: nếu không lưu danh vạn cổ được thì cứ lưu xú vạn niên. “The key to immortality is first living a life worth remembering.” Bruce Lee. Hay là, “Thà một phút huy hoàng rồi sụp tối, còn hơn le lói suốt canh thâm.” Cả hai thái cực đoạn này đều tạo ra kết quả mong muốn.

Những người phi thường này trong lịch sử nhân loại chỉ đếm được trên đầu ngón tay, họ có thể thay đổi được số mạng lẫn nghiệp quả của chính họ và của cả nhân loại. Họ là những người mà nhân loại hoặc hoàn toàn tôn sùng hay cực kỳ khiếp sợ như là đại gian, đại hùng hay đại hiền, đại trí, vài trăm năm mới có một. Họ được hàng triệu người tôn thờ và/hay hàng triệu người chết vì họ. Cho dù sau khi họ chết cả tỷ người vẫn còn tin thờ hay còn nhớ đến mà sợ hãi cho cái oai dũng, tàn bạo mà họ đã gây ra trong lịch sử nhân loại. Họ tạo ra thời cuộc, tạo ra lịch sử, tạo ra định mệnh, và tạo ra nghiệp quả ảnh hưởng to tác tới nhân loại.



Chúng ta có thể coi họ là đại thiện hay đại ác, xấu hay tốt nhưng với họ những phân biệt nhị nguyên của phàm phu không có nghĩa lý gì đối với họ vì họ đứng ngoài những cái thiện ác, nhị nguyên đó. Tóm lại, đối với họ không có thiện, không có ác.



Trong cuốn Binh Thư Lục Thao hay Lược Thao (giản thể: 六韬) hay Thái Công Lục Thao (太公六韬), Thái Công Binh Pháp (太公兵法) là một tác phẩm binh pháp tương truyền do Khương Tử Nha đầu đời nhà Chu sáng tác. Đây được coi là một trong những bộ binh pháp đầu tiên của Trung Quốc thời cổ đại và là một trong vũ kinh thất thư hay bảy bộ binh pháp kinh điển của Trung Quốc được công nhận rất giàu chất trí tuệ Trung Quốc, ở phần mở đầu, có ghi hỏi đáp giữa Chu Văn Vương và Khương Thái Công về cai trị thiên hạ, như sau:

Chu Văn Vương mong muốn, “Phải làm thế nào mới có thể khiến trăm họ thiên hạ theo về?”

Khương Thái Công đáp, “Thiên hạ chẳng phải một người mà có vạn người mới thành thiên hạ. Cùng mỗi lợi với người thiên hạ thì được thiên hạ. Nếu độc chiếm mỗi lợi thiên hạ vào riêng một người, ắt sẽ mất thiên hạ. Nắm được biến hoá bốn mùa của trời đất không làm trái nông nghiệp, với những của cải tàng chứa trong lòng đất cùng hưởng với mọi người, là hiểu được đạo nhân ái của bậc quân vương, thì thiên hạ sẽ theo về. Khiến mọi người sống vui vẻ, có khó khăn thì kịp thời ra tay chi viện, lúc cấp bách cũng lập tức giúp đỡ họ, chính là hiểu được lễ đức chính của bậc quân vương. Có thể với mọi người cùng lo, cùng vui, cùng hay, cùng dở là hiểu được nghĩa lý của bậc quân vương. Mọi người không thể không chán ghét chết chóc, thích được sống hạnh phúc, song cũng đều muốn theo đuổi tìm kiếm một không gian sinh tồn công bằng và no đủ, khiến mọi người

đạt đến mục đích ấy, là hiểu được suy nghĩ lý tính của bậc quân vương, thiên hạ ắt sẽ theo về.” Câu vấn đáp trên cũng tương tự như những người thành công lớn phải có nhiều người làm việc cho mình, với mình chứ không thể làm một mình mà thành công đại phú được. Hay những người thành tâm tu Phật trước mong cầu giác ngộ để sau đó phổ độ chúng chúng sinh. Làm được như vậy thì mình mới mau tự giác ngộ và chúng sinh sẽ tin theo mình, tạo nên tha lực dũng mãnh để cùng vượt bể khổ đau cùng nhau tới bờ giác ngộ.

Sau đây là vài trường hợp điển hình của những cao nhân phi thường, tự làm chủ nghiệp quả của mình của người trong lịch sử nhân loại.

a. Lục Tổ Huệ Năng

Lục Tổ nói khi an được tâm thì ngay cả lúc giữa trận tiền múa kiếm cũng kiến được tánh. Lục Tổ đã chứng minh được điều này khi đưa cổ cho thích khách Trương Hành Xương chém mà không hề hấn gì vì ngài đã đạt tới hỏa hầu của kim cương bất hoại thể. Trước khi ngài chính thức xuất hiện để thuyết pháp, ngài đã sống ẩn dật, chung đụng với những kẻ phàm phu như người bình thường mà vẫn an tâm kiến tánh.

Tuy nhiên, tự cổ chí kim trong lịch sử của nhân loại, tôi chưa bao giờ nghe là bất cứ ai có thể an tâm kiến tánh giữa trận tiền, trong lúc mà tướng sĩ, quân lính mình đang giao tranh, công thành, đoạt lũy, sống chết với địch quân. Người chủ soái, đại nhân đại nghĩa, trong khi bài binh bố trận, và trước khi thấy quân sĩ vào nơi hiểm nguy đều đã âm thầm ứa nước mắt chứ không phải chờ đến lúc công phá thành trì thấy tướng sĩ của mình hy sinh hàng loạt mới rơi lệ. Chiến tranh là trò chơi sinh tử của con người, người chủ soái đại thiện, đại đức không thể là danh tướng được tụy trong quân sự cũng có những danh tướng tài đức vẹn toàn nhưng cái đức độ, tài đức này khác với đại đức, đại thiện của đạo. Mà an tâm kiến tánh, giác ngộ giữa chốn binh đao, đang lúc thúc quân sát phạt thì chưa nghe đến bao giờ?

Điều khó giải thích được là có những người rất thiện mà lại đầu thai vào chốn binh hung, chơi trò sanh sát? Có thể vì cái tiệm nghiệp của họ bị cái cộng nghiệp chi phối? Cho nên, người múa kiếm giữa trận tiền mà vẫn kiến được tánh và người tu hành nơi an toàn đạt được kiến tánh, tuy có thể có cùng kiến tánh, nhưng khác nhau ở cái an tâm. Nên hiểu, an tâm khác với chú tâm (focus.) Kiến tánh giữa trận tiền khó gấp vạn lần kiến tánh tại chùa lẩn tại gia; chưa nghe nói đến cũng chưa thấy ai đạt được.

b. Phật Hoàng Trần Nhân Tông

Đức Thế Tôn tầm đạo để tránh làm vua, khỏi ‘phải bị’ cầm quyền trừng phạt lẫn sanh sát thần dân. Ngài đã đạt được giác ngộ thành Phật, thoát khỏi nhân quả luân hồi. Khác với Đức Thế Tôn, Vua Trần Nhân Tông từ bỏ ngai vàng đi tu, rồi khoát chiến y vì nước vì dân đánh quân ngoại xâm, Mông Cổ, và sau khi dành lại độc lập cho đất nước, thiên hạ được thái bình, Ngài trở về lại với Phật Pháp. Có thể ngài là người “múa kiếm giữa trận tiền mà vẫn an tâm kiến tánh?” Khác với Đức Thế Tôn không muốn thể theo ý phụ hoàng, ở lại hoàng cung, vừa làm vua, vừa làm Phật, Vua Trần Nhân Tông đã là hoàng đế rồi từ bỏ ngai vàng để đi tu trở thành Đầu Đà Giác Hoàng Điều Ngự, rồi sau đó, khoát

chiến bào lãnh đạo quân dân chống xâm lăng và sau cùng, ngài đã thành lập thiền phái Trúc Lâm Yên Tử, trở lại với Phật Pháp, tu hành, giác ngộ. Ngài cũng là một trong rất ít người mà định mệnh, nghiệp quả không có nhiều ảnh hưởng lâu dài với họ được như đã nói ở phần trên. Dưới đây là những công đức của ngài đã làm, có tác dụng vĩ đại với chúng sinh và lịch sử. Những kẻ phi thường này vài trăm năm mới có được vài người, những kẻ phàm phu không thể bì kịp.



Trần Nhân Tông (chữ Hán: 陳仁宗; 7 tháng 12, 1258 – 16 tháng 12, 1308), là vị hoàng đế thứ 3 của nhà Trần trong lịch sử Việt Nam. Ngài trị vì 15 năm (1278 – 1293) và làm Thái Thượng Hoàng 15 năm.

Vua Trần Nhân Tông được sử sách ca ngợi là một trong những vị hoàng đế nổi tiếng anh minh trong lịch sử Việt Nam, có vai trò lãnh đạo quan trọng trong chiến tranh Nguyên Mông-Đại Việt lần 2 và lần 3. Lúc này, quân đội Đại Việt dưới sự chỉ huy trực tiếp của Hưng Đạo Vương, Trần Quốc Tuấn, đã đánh tan tác quân đội hùng mạnh của Nhà Nguyên, bảo vệ bờ cõi Đại Việt trước vó ngựa nổi tiếng vô địch của người Mông Cổ. Ngay sau khi dẹp yên quân giặc, Ngài cho giảm thuế, phát lương chẩn, tích cực khôi phục các công trình đã bị quân Nguyên hủy hoại, mau chóng sau đó quốc gia hồi phục, Đại Việt dần lấy lại sự hưng thịnh và phát triển cực thịnh thêm nữa.

Năm 1293, Vua Trần Nhân Tông thoái vị, nhường ngôi cho Thái tử Trần Thuyên (陳烱) kế vị, tức Anh Tông hoàng đế, ông lui về làm Thái thượng hoàng, chuyên tâm vào nghiên cứu Phật giáo. Ông là người đã thành lập Thiền Phái Trúc Lâm Yên Tử nổi tiếng. Sau khi nhường ngôi, ông thường hay lấy pháp hiệu là Đầu Đà Giác Hoàng Điều Ngự.

Bên cạnh là một vị hoàng đế tài năng, Nhân Tông còn nổi tiếng là một nhà thơ xuất sắc của triều đại nhà Trần. Thơ ông có sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa cảm quan triết học và cảm quan thế sự, có tinh thần lạc quan, yêu đời, tấm lòng vị tha của một nhân cách cỡ lớn và sự rung động tinh tế, lòng yêu tự do tự tại của một nhà nghệ sĩ. Ở đây cũng thể hiện sự hoà hợp khó chia tách giữa một ngòi bút vừa cung đình vừa giản dị, có cả những kiến thức sách vở uyên bác lẫn với sự từng trải lịch lãm. Vua Trần Nhân Tông lúc cùng dân quân giết giặc Nguyên xâm lăng nhưng vì ngài đã kiến tánh giữa trận tiền. Dù mệnh lệnh của ngài đã làm chết tới hàng vạn sinh mệnh nhưng ngài giết mà không giết. Không có người giết không có kẻ bị giết, chỉ có cùng đua nhau đi qua cửa tử. Phật Hoàng vì đã giác ngộ nên không bị nghiệp quả ảnh hưởng tới ngài.

c. Những mong muốn cuối cùng rất giác ngộ của Alexander Đại Đế

Trước khi chết, Alexander Đại Đế cho triệu tập các quan trong triều đình đến để truyền đạt ba ý nguyện cuối cùng của mình. Ngài phán rằng:

- 1 - Quan tài của Ngài phải được khiêng đi bởi chính các vị Ngự y (Bác sĩ) giỏi nhất của thời đó.
- 2 - Tất cả các báu vật của Ngài (vàng, bạc, châu báu,...) phải được rải dọc theo con đường dẫn đến ngôi mộ của Ngài.
- 3 - Đôi bàn tay của Ngài phải được để lác lư, đong đưa, thò ra khỏi quan tài để cho mọi người đều thấy.

Một vị cận thần của Ngài, rất đỗi ngạc nhiên về những điều yêu cầu kỳ lạ này, và đã hỏi Ngài Alexander lý do tại sao Ngài lại muốn như thế.

Đại Đế Alexander đã giải thích như sau:

- 1 - Ta muốn chính các vị Ngự Y giỏi nhất phải khiêng quan tài của ta để cho mọi người thấy rằng: một khi phải đối với cái chết, thì chính họ là những người y sĩ tài giỏi nhất cũng không có tài nào để cứu chữa.
- 2 - Ta muốn châu báu của ta được vung vãi trên mặt đất để cho mọi người thấy rằng: của cải, tài sản mà ta gom góp được ở trên thế gian này, sẽ mãi mãi ở lại trên thế gian này một khi ta nhắm mắt xuôi tay từ già cõi đời.
- 3 - Ta muốn đôi bàn tay của ta đong đưa, để cho mọi người thấy rằng chúng ta đến với thế giới này với hai bàn tay trắng, và khi rời khỏi thế giới này chúng ta cũng chỉ có hai bàn tay trắng.



The last wishes of Alexander the Great

On his death bed, Alexander summoned his generals and told them his 3 ultimate wishes:

1. The best doctors should carry his coffin;
2. The wealth he has accumulated (money, gold, precious stones) should be scattered

along the procession to the cemetery, and

3. His hands should be let loose, hanging outside the coffin for all to see.

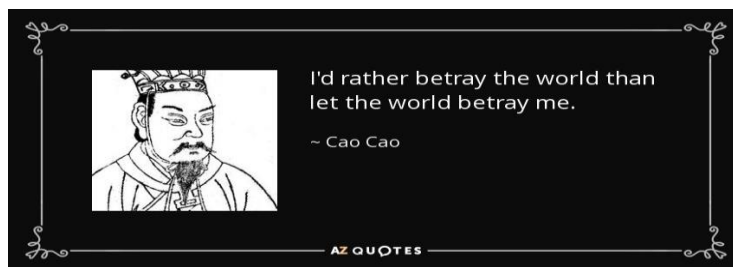
One of his generals who was surprised by these unusual requests asked Alexander to explain.

Here is what Alexander the Great had to say:

1. I want the best doctors to carry my coffin to demonstrate that, in the face of death, even the best doctors in the world have no power to heal.
2. I want the road to be covered with my treasure so that everybody sees that material wealth acquired on earth, stays on earth.
3. I want my hands to swing in the wind, so that people understand that we come to this world empty handed and we leave this world empty handed after the most precious treasure of all is exhausted, and that is TIME.

d. Tào Tháo

Trong tiểu thuyết lịch sử, Tam Quốc Chí Diễn Nghĩa, tác giả La Quán Trung thiên vị về Thục Hán không theo chính sử, chê Tào Tháo là đại gian hùng. Nên biết, thời đó Trung Hoa chia ra 3 nước tranh hùng, người nước nào thì khen anh hùng của nước nấy chứ không ai khen địch chê phe mình. Chỉ có những người quân tử, anh hùng hào kiệt, bạt mưu trí mới biết Tào Tháo là Thiên Hạ Đệ Nhất Tuyệt. Là một đại gian hùng, hùng tâm đại lược, đứng trên xa anh hùng hào kiệt. Tào A Man trên hà hiệp thiên tử, dưới lẩn áp quần thần; mượn danh thiên tử chinh phạt, sai khiến chư hầu. Mọi chuyện làm theo ý mình dùng cả hai phương tiện vương đạo lẫn bá đạo để đạt được mục đích mong muốn. Tào Tháo uy uyển hiền hách, danh vọng tột đỉnh lúc sống, khi chết được mồ yên mã đẹp và được con mình thụy phong hoàng đế. Đây là một ví dụ điển hình của ‘kẻ ác’ lại được tất cả những điều mà ít người có được. Tào Tháo được đại điểm phúc vì kiếp trước khéo tu nên kiếp này làm kẻ đại gian hùng? Vậy thì theo Phật Giáo, cái bản lai diện mục đại phú quý của Tào Tháo nhờ vào đâu mà có được? Bẩm sinh hay nhờ vào hành đại thiện hay làm đại ác từ nhiều kiếp trước?



Cho nên cái danh dự ‘Đại Gian Đại Ác Đại Hùng’ hay ‘Đại Thiện Đại Đức’ này trên lịch sử nhân loại chỉ đếm được trên đầu ngón tay. Những kẻ phi thường này sinh ra để làm chủ được định mệnh của mình lẫn của thiên hạ được lưu danh vạn cổ hay lưu xú vạn niên.

23. Sau đây là những người đã thất bại như cơm bữa

Business Insider và những tạp chí Mỹ khác đã tập hợp và giới thiệu một danh sách gồm nhiều người nổi tiếng thuộc các lĩnh vực khác nhau. Những tạp chí này khẳng định: Họ đều là những tấm gương thành công nhờ nghị lực, cương quyết không cam chịu thất bại, không bị khó khăn làm cho khuất phục. Điều thú vị hơn, không ít người trong số này khi còn bé từng bị chê là kém tài, dốt nát, thậm chí là thiếu khả năng và thất bại dài dài.

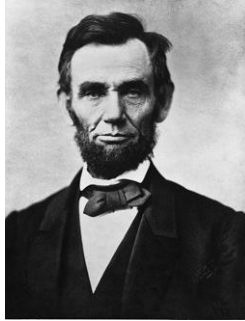
Đứng đầu danh sách của những người thất bại này chính là Tôi mà cũng có thể là bạn. Bạn không nên mang mặc cảm tự ty rồi trở thành ‘tự tôn’ vì lần đầu tiên trong đời, mình đã không cầu mà được, bỗng nhiên trở thành hạng nhất so với những nhân vật nổi danh trên thế giới dưới đây. Quan trọng hơn, bạn cũng nên nhớ điều này: Bạn KHÔNG ‘thiếu nghị lực, cương quyết không đầu hàng thất bại, kém tài, dốt nát, thậm chí là thiếu khả năng’ hơn những người thất bại dưới đây. Họ không phải là thánh nhân hay siêu nhân hay có CÁI gì đặc biệt hơn bạn cả nhưng họ chỉ có một CÁI mà bạn thiếu kém hơn họ đó là CÁI MAY MẮN (Lucky.) Nếu bạn có được CÁI NÀY thì bạn cũng như họ mà thôi.

Nói theo quan niệm Phật Giáo mà tôi hiểu một cách méo mó là số mệnh của những người này do từ nghiệp quả và nhân duyên của tiền kiếp bắt họ bị thất bại ê chề trong đời này trước khi họ được ‘**may mắn trúng số**’ và thành công vẻ vang. Nên nhớ, những người này ít khi tự họ thật tâm thổ lộ cái bí mật này trước công chúng, và trước báo chí mà họ chỉ im lặng không cải chính chỉ để công chúng si mê ca tụng cái tự lực của cá nhân họ. Im lặng của họ cũng để ra vàng, làm cho họ thành công nổi tiếng hơn. Có thể đó cũng là một trong những bí quyết thành công của chính họ - ngậm miệng ăn tiền?



Đây là tôi: *Vua thất bại. Thiên thượng thiên hạ duy ngã độc bại.*

Tôi chỉ có một CÁI thất bại là do tôi không phù hợp với những CÁI thành công? Tôi đang tìm một nơi phù hợp với tâm mình.



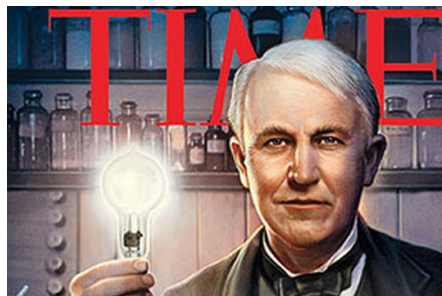
Abraham Lincoln, Tổng thống thứ 16 của Hoa Kỳ đã từng thất bại với 2 công ty và 8 lần bầu cử những ngày đầu khởi nghiệp. Đau lòng hơn, khi kết hôn với Mary Todd, ông đã có 4 người con nhưng 3 trong số đó bị chết vì bệnh tật - gây ra cho Lincoln chứng trầm cảm nghiêm trọng. Đến năm 1860, Lincoln trúng cử tổng thống và chính sách giải phóng nô lệ da màu đã đưa tên tuổi của ông thành một mốc son chói lòa trong lịch sử nước Mỹ.

Cựu Thủ tướng Anh Winston Churchill



Winston Churchill từng bị đúp năm lớp 6. Ông cũng bị đánh bại ở tất cả các vị trí trong những cơ quan chính phủ mà ông xin vào. Churchill là một sĩ quan đã từng xua binh sĩ Anh xung phong và quân lính ông đã bị gục ngã hàng loạt trước họng súng của quân Thổ Nhĩ Kỳ mà không chiếm được mục tiêu trong thế chiến thứ I. Tuy nhiên, tới năm 62 tuổi, Churchill đã trở thành Thủ tướng lừng danh của Anh, nhất là trong thế chiến thứ II. Ông tự nhận mình là "một người bi quan luôn thấy sự khó khăn trong mọi cơ hội" và "một người lạc quan luôn tìm thấy cơ hội trong mọi khó khăn."

Nhà phát minh vĩ đại Thomas Edison



Thầy giáo của Edison từng mắng ông là "dốt tới mức không thể học được bất cứ cái gì." Edison đã mang chuyện này kể lại với mẹ. Mẹ ông nghe xong liền nổi giận. Bà dùng đòn dũa con trai tới trường và bảo với thầy giáo của Edison rằng, "trí óc của nó còn hơn ông đây. Tôi sẽ giữ nó tại nhà và dạy lấy, vì tôi đã là giáo viên, để ông thấy rằng sau này nó sẽ ra sao!"

Ông già "gà chiên" Harland David Sanders



Kentucky Colonel Harland David Sanders qua hình ảnh quen thuộc của gà chiên KFC với hình ảnh của một ông già lịch lãm trong bộ vest trắng, chòm râu bạc và cà vạt đen. Đó chính là người lập nên KFC. Ngày nay, KFC đã nổi tiếng toàn cầu và có mặt trên 100 quốc gia, nhưng thuở ban đầu, Sanders đã không bán được món gà của mình. Hơn 1000 nhà hàng đã từ chối mua món Kentucky Fried Chicken (KFC) của ông ta.

Tỷ phú xe Soichiro Honda



Soichiro Honda từ biệt thế giới vào năm 1992, nhưng người đời còn nói nhiều về ông, mỗi khi nghĩ tới một điển hình của “thiên tài không bằng cấp.”

Soichiro Honda từng tâm sự rằng, “đối với tôi, thành công có thể chỉ đạt được khi đã trải qua nhiều thất bại và nghiền ngẫm. Trên thực tế, trong tất cả những việc ta làm, thành công chỉ chiếm 1%, 99% khác là thất bại.” Tinh thần làm việc, nghị lực và lòng say mê với khoa học là chìa khoá đưa Honda đến thành công.

Ông trùm hoạt hình Walt Disney



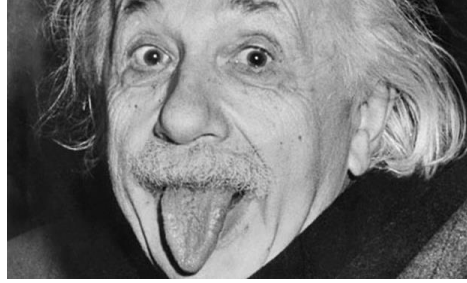
Walt Disney qua đời năm 1966, nhưng tên tuổi của ông vẫn luôn được nhắc đến bởi hàng triệu người đã từng xem những bộ phim, các chương trình truyền hình và đến các khu vui chơi giải trí của Walt Disney. Tuy nhiên không phải ai cũng biết Walt Disney từng bị biên tập một tờ báo sa thải vì "thiếu trí tưởng tượng và không có ý tưởng hay ho." Ông cũng nếm mùi phá sản nhiều lần trước khi sáng tạo nên Disneyland.



Nhà sáng lập hãng xe Ford



Henry Ford đã từng lập rồi suy sụp ba công ty. Công ty thứ nhất mang tên Detroit nhưng nhanh chóng phá sản do Henry Ford chỉ tập trung thiết kế xe mà không kinh doanh. Công ty thứ hai mang tên ông chuyên về xe đua, nhưng sau đó chính Henry Ford bị các nhà đầu tư buộc rời khỏi công ty. Doanh nghiệp thứ ba thì bị phá sản do doanh thu đi xuống.



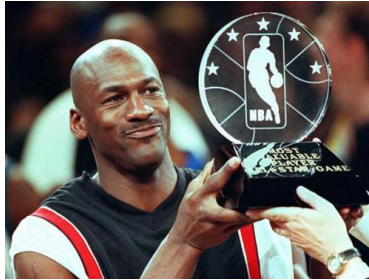
Einstein không thể nói cho đến khi gần 4 tuổi, và giáo viên của ông nói rằng ông sẽ "chẳng bao giờ làm nên công trạng gì."



The Beatles bị từ chối bởi hãng thu âm Decca, vì Decca cho rằng "*Chúng tôi không thích âm nhạc của họ... họ không có tương lai trong ngành này.*"



Lucille Ball từng là nữ diễn viên thất bại khi bị sa thải ít nhất hai lần và thậm chí khi đến Hollywood để ký hợp đồng với hãng Metro-Goldwyn-Mayer, cô cũng chỉ được tham gia các phim hạng B. May mắn thay, nữ diễn viên hài nổi tiếng đã tìm ra con đường khác để chinh phục khán giả thông qua phát thanh và truyền hình. Cùng với chồng, Lucille đã xây dựng chương trình "I love Lucy" trên đài CBS, sau đó nó trở thành một trong những series ăn khách và kéo dài nhất trong lịch sử.



Michael Jordan là tuyển thủ bóng rổ vĩ đại nhất mọi thời đại, không được nhận vào đội tuyển của trường đại học vào năm thứ hai, vì lùn (1m80.) Tuy nhiên, bằng nỗ lực tập luyện đáng kinh ngạc, Jordan đã cao thêm tới hơn chục cm và sở hữu những kỹ năng điêu luyện trên sân đấu, giúp anh lọt vào đội bóng ở trường năm thứ 3 và thu hút sự chú ý của các tuyển trạch viên NBA, để rồi từng bước trở thành một huyền thoại trong lịch sử bóng rổ.



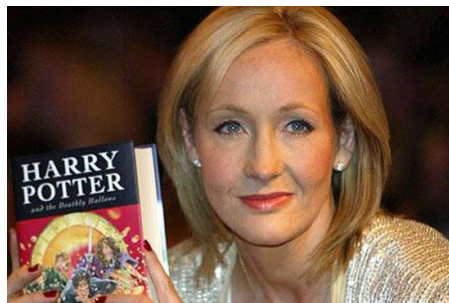
Ở tuổi 30, **Steve Jobs** bị khủng hoảng tinh thần sau khi bị áp lực phải từ chức một cách thâm lặng khỏi công ty mà mình sáng lập.

Bà hoàng truyền thông Oprah Winfrey



Oprah Winfrey được mệnh danh là "bà hoàng truyền thông" của Mỹ. Tuy nhiên, để có được vị trí như ngày nay, bà đã phải nỗ lực hết mình vượt khó vượt khổ. Bà từng bị từ chối, vì không phù hợp lên sóng truyền hình, nhưng Winfrey đã tìm cách vươn lên. Sự nghiệp của Oprah vươn tới đỉnh cao khi bà làm chủ chương trình "The Oprah Winfrey Show."

Nhà văn "phù thủy" J.K. Rowling



Trước khi trở thành nhà văn được nhiều người yêu thích, **Rowling** là một phụ nữ thất nghiệp, ly hôn và nuôi con bằng trợ cấp xã hội. Với 7 tập Harry Potter, Rowling nổi tiếng khắp thế giới và là người đầu tiên trở thành tỷ phú nhờ viết sách.



Eminem bỏ học phổ thông, là nạn nhân của nghiệp ngập và nghèo khổ sau khi tự tử không thành.

24. Như Thị Tri Kiến

Nhân quả tự nó không thiện không ác, không xấu không tốt chỉ có 'nếu cái nhân này duyên khởi thì có cái kết quả kia; cái kết quả kia duyên khởi thì có cái kết quả kế tiếp, trùng trùng duyên khởi, vô thủy vô chung, vô sinh vô diệt từ vô lượng kiếp' tương tự như

những chuỗi dây chuyền của phản ứng hóa học, vật lý vũ trụ, và phương trình toán. Kinh điển Phật Giáo Đại Thừa gọi là như thị tri kiến, thấy vậy biết vậy.

Đạo lý rốt ráo của Phật Thừa tuy được các Tổ và các bậc Thiện Tri Thức giải thích với 84000 đường lối, phương tiện, tưởng như là những nguy ngôn được ghi trong những “Đại Thừa Ngục Kinh” với những ngôn ngữ khác nhau nhưng chỉ là một ý, vẫn không bao giờ có thể vượt qua nổi, ra ngoài được kim khẩu nguyên thủy của Đức Thế Tôn, dù vô tình hay cố ý. Những điều mà tôi mạo muội viết ra đây cũng không ngoại lệ, cho dù tôi cố tình giải khác ý Phật, cố tình chứng tỏ mình cao siêu hơn Phật cũng không thể nào làm được vì tôi không thấy tôi viết, tôi không viết, tôi đã nhiều lần tự nhủ là không muốn viết nữa, vậy mà vẫn phải gõ cái điều mà chính mình cũng không hiểu nổi mình gõ cái chi, viết cái gì? Ôn đi thì hiểu nghĩa như vậy, luyện lại thì thấy vậy mà không phải như vậy, mà nó như vậy, càng đọc càng đâm ra nhiều nghĩa khác, lúc sáng lúc tối tùy lúc tâm động hay tâm an. Cái triết lý Đại Thừa ‘ni, rằng mà ngục tặc dữ sợ.’ Mong cầu các bậc thánh Tăng, thần Ni, và Thiện Tri Thức chỉ giáo dùm không thì có ngày, không cầu mà bị Tâu Hòa Nhập Ma lúc nào không hay.

Lý Tiểu Long diễn tả cái bất khả tư nghi này như sau: Tôi cảm thấy trong tâm mình có một sức mạnh của sáng tạo và tâm linh lớn hơn niềm tin, tham vọng, tự tin, kiên cường, tiên kiến mà tất cả những điều đó cộng lại, là một. Đầu óc ông trở thành như nam châm với cái sức mạnh quyền uy mà ông ta có thể cầm lấy nó ở trong tay. “As long as I can remember I feel I have had this great creative and spiritual force within me that is greater than faith, greater than ambition, greater than confidence, greater than determination, greater than vision. It is all these combined. My brain becomes magnetized with this dominating force which I hold in my hand.” Bruce Lee. Vậy thì, đó là cái gì? Phật Giáo gọi đó là Tâm Bồ Đề, là giác ngộ. Tâm là vũ trụ. Tâm là Phật, Phật là Tâm.

25. Lý Như Thế

Đạo Phật là đạo của trí tuệ (wisdom,) của giác ngộ (enlighten) chứ không phải là đạo của niềm tin (faith,) của cứu rỗi (salvation.) Trước khi gõ cửa vô môn quan của Phật giáo, người muốn tìm hiểu về Triết Lý Phật Giáo phải hiểu, thấy, biết, thử rồi mới nghe theo. Đức Thế Tôn cũng đã nói: Đừng vội tin vào những gì ta hay bất cứ những bậc thánh nhân nói mà phải chiêm nghiệm trước khi thực hành. “Trust but verify!” President Reagan.

Muốn tu học Phật, điều kiện tiên quyết là phải phát triển tinh thần từ bi, trí tuệ, và dũng lực để giúp chúng ta cố gắng dụng công tu hành, không phải đến với đạo Phật bằng cách cầu khẩn, van xin cho tham vọng của riêng mình. Ngoài tinh thần cầu nguyện chân chánh vì lợi ích cho nhân loại, để ta mau được thăng tiến trên con đường giác ngộ, giải thoát, ta cần phải phát nguyện và hồi hướng công đức cho đến khi nào được đầy đủ từ bi và trí tuệ, phước đức viên dung, công tròn quả mãn. Cao hơn nữa, với tâm nguyện Bồ Tát, là trên cầu thành Phật, dưới cứu độ chúng sinh. Bồ Tát thành tựu cứu độ chúng sinh đều thành Phật đạo. Cầu nguyện cho thế giới Ta Bà này không ai còn khổ đau trong luân hồi sinh tử và mọi người đều được thành Phật. Có tâm nguyện như vậy, thì trước sau gì cũng thành tựu; có được dũng lực để viễn ly tham sân si và từ đó có đủ tha lực mà giúp

đỡ nhiều người; có trí tuệ để dứt trừ phiền não và vô minh; và có từ bi lẫn hỷ xả để sống an vui, cho người, cho ta và để cùng nhau giải thoát.

Muốn mong cầu để đạt được tâm thân an lạc, điều tiên quyết là phải kiên tâm hành trì để có được tha lực thâm hậu, phải có ý thức quán chiếu rằng vạn vật lẫn Pháp tướng là do duyên giả, duyên hợp rồi duyên tan như điện như ảnh. Còn dong ruổi mong cầu, còn bám víu vào ngũ dục, còn mong sở trụ vào vô thường của duyên giả thì càng trầm luân trong biển khổ đau. Đức Thế Tôn răn dạy, “Các pháp hữu vi là vô thường, hãy tinh tấn, chớ có phóng dật” (Kinh Đạt Bát Niết Bàn)

Thân ngũ uẩn chỉ là phù vân tụ tán
Hợp rồi tan trong vũ trụ bao la
Sự diệt sinh, sinh diệt vô cùng
Nó hiện hữu với thời gian vô tận...
(Huyền Giác Thiền Sư)

Nên tịnh tâm để thấy rằng:

“Tịnh tâm quán niệm kiếp vô thường
Thân người giả tạm ví hạt sương
Kiếp người chỉ sống trong hơi thở
Thức tỉnh tu tâm, khỏi đau thương...”

Hay,

Thân như bóng chớp chiều tà
Cỏ xuân tươi tốt thu qua rụng rồi
Sá chi suy thịnh việc đời
Thịnh suy như hạt sương rơi đầu cành.
(Sư Vạn Hạnh)

Nên ‘tri kỷ, tri bỉ’ (biết đủ là đủ) để được thân tâm an lạc.

“Bước đi giữa chốn hồng trần
Tiền tài, danh vọng phù vân ở đời
Ví như sóng biển ngoài khơi
Hôn vào bãi cát, hợp rồi lại tan
Bao năm gói mỗi lang thang
Nay dừng chân nghỉ nhẹ nhàng an vui”.

*

Vậy thì,

Hãy lái thuyền “Tù” xa cõi mộng
Quay về bến Giác để thông dong
Quán pháp vô thường do duyên khởi
Tài sắc đam mê, rớt cả lòng!
(Trí Giải)

Nên nhớ, Đức Thế Tôn không sáng tạo ra luật nhân quả và lý nhân duyên mà ngài chỉ dạy ‘lý như vậy,’ như thị tri kiến, dựa vào quy luật tuần hoàn tự nhiên trong vũ trụ.

Ngài không cần làm vua hay làm giáo chủ của Phật Giáo và cũng không bận tâm để sáng tạo ra thượng đế với quyền năng tuyệt đối để thưởng thiện phạt ác những ‘hạt bụi chúng sinh’ trong vô lượng vũ trụ. Tuy nhiên, ngài đã giải thích rất rõ ràng về nguyên nhân và hậu quả của luật nhân quả và lý nhân duyên mà ngài đã giác ngộ được. Ngài đã chẩn được căn bệnh vô minh, chấp ngã và đã khẳng định đó chính là mầm mống của mọi khổ đau của con người. Xa hơn nữa, ngài đã đưa ra những pháp môn hành trì để con người tự mình giải thoát qua phương tiện Tứ Diệu Đế và Bát Chính Đạo. Khi được nghe qua những quan niệm trên, người yếm thế thì an phận, đành chấp nhận nhưng người lạc quan thì phấn đấu, muốn biến cải. Mà dù chúng ta có chấp nhận hay không chấp nhận, đồng ý hay không đồng ý với ‘lý như vậy’ thì nó cũng như vậy, same different!

Trong Kinh Pháp Hoa phẩm Phương tiện thứ hai có nêu rõ 10 Như Thị để quán chiếu sự vật như sau:

Tướng như vậy, tánh như vậy
Thế như vậy, lực như vậy
Tác như vậy, nhơn như vậy
Duyên như vậy, quả như vậy
Bảo như vậy, trước sau rốt ráo như vậy.

Trong Kinh Tạng Nikaya, Phần 7, Dùng Chánh Pháp Làm Ngọn Đèn, ngay cả nhục thân của Đức Thế Tôn cũng không tránh được đau bệnh nhưng ngài không có khổ:

Một thời, Thế Tôn trú tại Vesali, làng Veluva, gọi các Tỳ kheo: Này các Tỳ kheo, hãy an cư vào mùa mưa, chỗ nào có bạn bè, có người quen biết. Ta sẽ an cư mùa mưa tại làng Veluva này. Trong mùa an cư ấy, Đức Phật lâm bệnh trầm trọng tại ngôi chùa Veluvana, tuy bị bệnh trầm trọng, cảm thọ đau đớn khốc liệt nhưng Thế Tôn vẫn chánh niệm, tỉnh giác, không than vãn. Khi ấy, Đại đức Mahācunda đến hầu đánh lễ Đức Phật, Ngài truyền dạy Đại Đức Mahācunda tụng bài kinh thứ ba (tatiyagilānasutta) có 7 pháp giác chi, mà Đức Thế Tôn đã từng thuyết giảng. Sau khi, Đức Thế Tôn lắng nghe Đại Đức Mahācunda tụng bài kinh đó rồi Ngài vô cùng hoan hỷ, cho nên bệnh của Đức Thế Tôn khỏi hẳn ngay tức khắc.

Theo Phật Giáo Nguyên Thủy, 7 pháp giác chi không những là linh dược màu nhiệm, chữa trị được bệnh tâm vô cùng hiệu nghiệm, mà còn như là linh dược màu nhiệm có khả năng đặc biệt chữa trị được cả bệnh nhục thân nữa.

26. Tại sao chúng ta cầu mong mà không được

Đơn giản, tại vì chúng ta không biết cách cầu hay cầu không đúng chỗ. Tuy nhiên, đời không có đơn giản như vậy nếu chúng ta không hiểu được cái nguyên nhân (root causes) phức tạp của vấn đề đề mà ứng phó hay chấp nhận là nó như vậy. Có được cũng vậy, không có được cũng vậy mà vô sở, vô cầu thì sẽ được ứng nghiệm. Tục ngữ cũng có câu, “Người đạt vô cầu, phẩm chất tự cao.” Thiên Tông, luyện tâm an lạc để đạt tới vô cầu

mong. Không truy cầu theo đuổi sở trự vào bất cứ điều gì vì cầu không được thì khổ, mà cầu được cũng khổ. Vô cầu, vô chấp là đã gần tới tâm không.

Chúng ta cầu cái này nhưng lại được cái khác, ngược lại với cái cầu mong của chúng ta. Chẳng hạn chúng ta cầu cho giàu sang thì được cái ngược lại. Nếu thử cầu cho nghèo khổ thì bảo đảm chúng sẽ được toại nguyện. Thêm nữa, có những thứ nếu chúng ta thử mong cầu thì chắc chắn sẽ được, đó là sinh, lão, bệnh, tử, không mong cầu nó đến, nó cũng tới viếng bất ngờ không hẹn trước (no prior appointment.) Nó đến không báo, đi không từ biệt như ánh như điện, như thị tri kiến. Cái đó gọi là cầu là được, cầu tất ứng nghiệm. Cho nên, coi chừng những điều ta cầu mong. Be careful what you wish for. You asked for it; you get it.

Chúng ta không bao giờ sống đời mình muốn sống; làm điều mình muốn làm. Chúng ta không bao giờ được điều mình muốn; không bao giờ muốn điều mình được; không bao giờ có điều mình thích; không bao giờ thích điều mình có; **không bao giờ có điều mình có**. Tuy nhiên, chúng ta vẫn sống; vẫn yêu, vẫn hy vọng. Đời không bao giờ được như mong muốn! C'est la vie!

We're never be what we want to be; do what what we want to do. We never get what we want; never want what we get; never have what we like; never like what we have; **never have what we have**. However, we still live; we still love; we still hope. Life is never be as we expected. That's life! (Tru Le)

"I FAILED in some subjects in exam, but my friend PASSED in all. Now he is an engineer in Microsoft and I am the owner of Microsoft"



Đời luôn luôn không công bằng; phải tập quen với nó! (Bill Gates: Life is not fair; get use to it!) Bill Gates đã từng ‘bị’ đời đối xử rất bất công cho ông. Ông ta tâm sự, “Tôi thi RỐT nhiều môn nhưng bạn tôi thi ĐẬU tất cả. Bây giờ, anh ta là một kỹ sư của Microsoft và tôi là chủ nhân ông của Microsoft.” Cho nên, đừng ganh tỵ với Bill Gates; ráng mà chịu.

Cái tâm nguyện của đa số con người là mong cầu công danh, quyền lực, giàu sang phú quý, bằng cấp cao, mong cầu được xinh đẹp, thông minh trí tuệ, mong cầu hạnh phúc, khỏe mạnh sống lâu để được ăn ngon, mặc đẹp, và nhất là luôn luôn được luyến ái, thỏa mãn dục tình, thế nhưng chưa ai, hay rất ít người, có thể đạt được tất cả những mong cầu đó. Tuy nhiên, như đã nói ở trên nếu biết cầu thì ắt có ứng. Cầu quyền lực được quyền lực, cầu giàu sang được giàu sang, cầu phú quý được phú quý, cầu thi đậu được đậu bằng cấp cao, cầu người tình lý tưởng được người tình lý tưởng, cầu con cái được con cái, cầu hạnh phúc được hạnh phúc, cầu khỏe mạnh, xinh đẹp được khỏe mạnh, xinh đẹp, cầu trường thọ được trường thọ, không có bất cứ thứ gì trên đời này cầu mà không được nếu biết cách cầu, biết nơi để cầu. Con người thường lòng tham không đáy, cầu được điều

này thì mau chán, muốn cầu thêm điều khác không bao giờ thoã mãn, không biết “tri túc tiện túc hà thời túc, tri nhân tiên nhân hà thời nhân” như Nguyễn Công Trứ và cũng không lý tới cái luật cân bằng của vũ trụ - được cái này thì sẽ mất cái khác, tương đương. Rồi thì khư khư ôm chặt cái có; luyến tiếc cái mất; khổ vẫn hoàn khổ.

Thử nghiệm ý nghĩa của câu, “**Không bao giờ có điều mình có!**” Chúng ta có thể mất điều mình đang có chứ chúng ta không thể ‘có có’ điều mình đang có. Đó là cái chìa khóa của vấn đề. Có được rồi thì mau chán; bỗng nhiên trắng tay, mất đi, thì lại luống tiếc khổ đau. Cho nên càng ít cầu, thì sẽ bớt nhiều phiền não. Càng tham cầu, càng nhiều thất vọng đưa đến khổ đau nhiều hơn. Niềm an lạc là không mong cầu mà được cái **không** mong cầu.

27. Phải nên cầu như thế nào?

Trong Phật pháp kinh điển đã khẳng định, “Phật thị môn trung, hữu cầu tất ứng.” Vọng ngữ là đại giới trong nhà Phật, vậy thì căn cứ vào đâu mà chư Phật Bồ Tát sao có thể nói lời không thực tế như vậy?

Mạnh Tử nói, “cầu tắc đắc chi, thị cầu tại ngã giả dã. Đạo đức nhân nghĩa, khả dĩ lực cầu, công danh phú quý, như hà cầu đắc?” Nghĩa là: cầu mà được bởi vì điều cầu đó có ở trong tâm ta. Nhưng đạo đức nhân nghĩa thiện lương ở trong tâm có thể tự lực tìm cầu hay sửa đổi được; còn công danh, phú quý, giàu sang là những điều ở ngoài thân, làm sao cầu được? Lục Tổ nói: Tất cả phước điền đều không rời tâm. Từ nơi tâm mình mà cầu thì mọi sự đều cảm ứng. Tìm cầu ở ngay nội tâm của mình thì không những chỉ cầu được đạo đức, nhân nghĩa; mà ngay cả công danh, phú quý cũng cầu được; trong ngoài đều được; cầu như vậy mới hữu ích vì cầu mà được vậy.

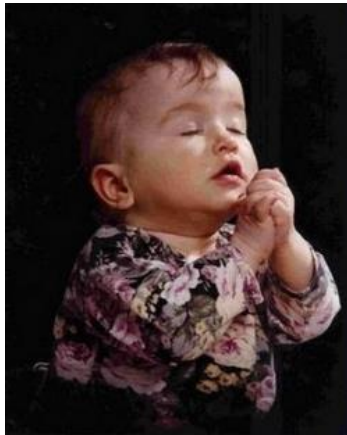
“Câu này ở trong Lục Tổ Đàn kinh: Nhất thiết phước điền, bất ly phương thốn. “Phương thốn” chính là chỉ cho tâm địa của chúng ta. Cát hung họa phước là từ trong tâm chúng ta biến hiện ra, bất ly phương thốn. Tòng tâm nhi mệnh cảm vô bất thông, chúng ta cầu cảm ứng, cầu cảm ứng thì từ chỗ nào mà cầu? Từ chân tâm mà cầu. Cho nên cầu phú quý được phú quý, cầu trai gái được trai gái, cầu sống lâu được sống lâu. Cho nên, bạn phải hiểu được cái đạo lý tìm cầu, phải biết được cái phương pháp tìm cầu. Nếu bạn như lý như pháp mà cầu, có điều gì bạn không cầu được chứ. Thế xuất thế gian khó nhất là thành Phật, thành Phật mà còn có thể cầu được thì hà huống gì là công danh, phú quý thế gian.” (Hòa Thượng Tịnh Khônggiảng.)

Hướng vào trong tự tánh mà cầu thì liền hữu cầu tất ứng, hướng ra bên ngoài mà cầu chưa chắc sẽ có ứng. Đa số chúng ta vì vô minh nên thường ngoài tâm mà cầu pháp, hướng đến bên ngoài (ngoại tâm) mà cầu. Đó là cầu ngoại đạo. Nếu ngoài tâm mà cầu pháp, thì Phật Pháp Tăng đều biến thành bên ngoài. Vừa thọ tam quy thì tức khắc thành ngoại đạo. Bồ Tát Đại Thế Chí dạy chúng ta phương pháp niệm Phật, “Gom nhiếp sáu căn, tịnh niệm liên tục,” đó là tự tánh tam bảo. Nếu như gọi đó là phương pháp thì đó là pháp bảo, nếu như gọi đó là bản thể thì đó là bản lai diện mục của Phật bảo với đầy đủ tự tánh tam bảo. Phật dạy chúng ta như vậy mà quy y, không phải quy y tam bảo bên ngoài.

Quy y tam bảo bên ngoài, không hiểu được tam bảo bên trong thì biến thành ngoại đạo. Ngoại đạo này không có nghĩa là tôn giáo khác mà là ngoài vòng kim cương phục ma khuyển.

Nếu không biết hướng về nội tâm, mà chỉ mưu đồ hướng ngoại tìm thì thật không hợp đạo lý mà chỉ được những nhân quả hay những điều định mệnh đã an bài. Số mệnh đã định thì chẳng phải phí công phí sức, dù cầu hay không, tự nhiên rồi sẽ có. Ngược lại số không có, lại không biết phương pháp hướng nội tâm mà cầu thì dù có trăm phương ngàn kế mưu đồ cũng không được gì cả, chỉ mất công vô ích mà thôi, vì ở trong thì tâm trí thao thức không yên, ngoài thì chẳng được gì cả, đó là nội ngoại song thất. Thuyết thiên mệnh, số mệnh không phải là quan niệm của Phật Giáo nhưng số mệnh mà tôi muốn nói đây là không thay đổi được nghiệp quả nếu chúng ta không biết cách cầu.

28. Mãnh lực của Mong Cầu



Trừ khi chúng ta không bao giờ biết đau khổ trên đời thì chúng ta không cần phải mong cầu giác ngộ. Muốn hay không, giác ngộ là phương thuốc duy nhất để chữa bệnh khổ đau của con người. Nếu chúng ta chịu được khổ đau, ưa thương thức thú đau thương thì không cần thuốc an thần giác ngộ. Không có phương thuốc nào tốt hơn là giác ngộ, dùng thuốc giác ngộ chính gốc (Rx) của Phật Giáo hay thuốc bào chế tương tự (generic) từ các Tôn Giáo khác cũng được miễn là chữa bớt khổ đau cho đến ngày mình lên thiên đàng, tới cõi Tây Phương Cực Lạc hay xuống địa ngục rồi hãy tính sau nếu mình vẫn còn đó để mà tính. Tốt nhất là phải tính trước: Giải pháp tốt nhất là luôn luôn hy vọng, lạc quan, kiên trì và trầm tĩnh để có thể bình tâm, sáng suốt mà suy nghĩ chính chắn. Có như vậy, mới mong tìm ra giải pháp thích ứng để cứu mình lẫn cứu người. Cầu mong cho mình luôn tiện cũng mong cầu cho người bớt khổ đau là điều mình có thể làm được cho chính mình và cho tha nhân trong cuộc đời này. Cái tha lực của mong cầu là cùng nhau nguyện cầu cho một ước muốn chung, đây từ bi, hỷ xả, vị tha lẫn bác ái để cùng nhau thoát khỏi vẩn nạn, khổ đau trong cuộc sống tạm bợ này.

Nếu chúng ta chân thật học Phật, hành trì có được chút thành tựu (huệ,) thì chúng ta có thể có tự lực để cải biến vật chất, và có thể thay đổi luôn nghiệp lực. Tự thân thay đổi, thay đổi tâm lý, thay đổi thể chất, thay đổi lối nhìn sai lệch lẫn cách suy nghĩ nhị nguyên.

Đó là lúc chúng ta bắt đầu viễn ly nhân quả lần duyên khởi, có được ngũ thần thông trừ Lộ Tận Thông để có thể tự tạo ra vật chất ảo, khởi cần phải cầu xin như ngoại đạo, Phật Giáo gọi là Đắc Pháp Lục Thông của các bậc Thanh Văn hay Độc Giác. Lục Thông là thanh tịnh 6 căn trong kinh Phật: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Khi tâm bị ô nhiễm thì 6 căn là lục tặc, là 6 tên giặc làm tâm xao động, vọng tưởng. Nhưng khi đã chế ngự 6 căn không bị ô nhiễm, tâm không động, không khởi vọng tưởng thì Lục Tặc trở thành Lục Thần Thông. Đắc Pháp này không phải do Phật thọ ký hay Bồ Tát ban cho nhưng vì Tâm của chúng ta càng ngày càng thanh tịnh, càng ngày càng chân thành, càng ngày càng từ bi, tương tùy tâm chuyển, có đủ sức chuyển lực để thay đổi lòng tham muốn. Đó chỉ là bước đầu tiên của tự Được (chứng đắc, đạt được như ý.)

Theo Bí Pháp Cầu Nguyện Trong Đạo Cao Đài: “Khi cầu thành ‘tâm nhất,’ mỗi lời cầu nguyện mãnh liệt nhất, mỗi ám-ảnh thường-xuyên nhất, đều có cơ khai triển sự hoạt động của luồng hoá xà. Luồng hoá xà (Kundalini) nằm cuộn khúc ở đốt xương sống của con người ở vùng eo lưng của cơ-thể tương-đương với đám rối thần-kinh vùng huyết mạng môn của khoa châm cứu học. Con rắn lửa này nhờ thiền định, cầu nguyện sẽ thức tỉnh nó trường lên lần lần cho đến đỉnh đầu, thì con người sẽ đạt được sự minh triết thiêng liêng, lúc ấy một luồng năng lượng khủng khiếp sẽ tràn dâng trong khắp cơ thể, khiến con người có được những quyền năng siêu phàm mà khoa học duy lý không thể giải thích được. Cũng có những người không hề tu luyện, bỗng dưng bị một tai nạn, đưa tới một thương tật, làm cho họ đạt được những phép thần thông kỳ diệu.

Luồng hoá xà này có thể gọi là Thần lực hay điểm Linh quang của Thượng Đế ban cho con người. Nên sự đáp ứng của những lời cầu nguyện ngoài quyền năng thần lực từ cõi trên, nó còn được hỗ trợ trực tiếp của Thượng Đế nằm ngay trong con người. Vì mỗi người ví như một giòng nước, một con sóng, trong cái đại dương vô biên của tri thức và quyền năng. Nên có thể nói những khát vọng và nhu cầu chính đáng, phát xuất nơi con người, thì phương tiện thoả mãn cũng chính ở nơi con người. Bởi thế chúng ta thường thấy đối với một bệnh nhân được lành bệnh nhờ lời nguyện cầu tại một đền điện nào đó. Sự chữa lành này không chỉ nhờ thần lực của Thượng Đế hoặc Thần linh từ cõi trên, xúc động một cách quá dễ dãi trước lời nguyện cầu vì mục đích cá nhân của họ, mà ra tay ban phép lành tế độ cho họ lành bệnh, mà chính yếu là do điểm linh quang của Thượng Đế, hay có thể nói chính Thượng Đế ngự từ bên trong họ, theo Yoga là cái năng lực vô biên của luồng Hoả xà trong họ đã được lay tỉnh bởi cường độ mãnh liệt của đức tin phát xuất từ tâm linh của chính họ, toát ra trong lời nguyện cầu của họ đã độ trì phù hộ cho họ.”

Mới nghe có vẻ mê tín dị đoan nhưng ngày nay có rất nhiều sách vở Yoga đã giải thích về năng lực này từ lâu rồi. Võ học gọi là chân khí đã thông kỳ kinh bát mạch, Phật Giáo gọi là thiên nhãn hay con mắt thứ 3. Mở được thiên nhãn là đạt được lục hòa thuần thanh, tinh khí thần hội tụ tại nhất điểm và có thể thấy được chiều không gian thứ 4.

Napoleon Hill, “Man, alone, has the power to transform his thoughts into physical reality; man, alone, can dream and make his dreams come true.” Ngạn ngữ cũng có câu, “Nhất nghệ tinh, nhất thân vinh.” Nếu chúng ta nhất tâm vào bất cứ một vấn đề gì, chẳng hạn nghề nghiệp, tu học thì trước sau gì cũng đạt được trí huệ, thành công (vinh thân.) Khổng Giáo cũng có câu, “Đức năng thắng số,” hay “tận nhân lực, tri thiên mệnh.” Cứ dùng hết sức mình rồi mới đổ thừa cho số mệnh sau. Đức độ có thể cải được số mệnh. Cho nên,

chúng ta nên xem những mong ước trên đời chỉ là mục đích để chúng ta nhắm tới, mà cái mục đích này nó di động, biến hiện từng sátna, tạm bợ, vô thường không nên bám, không nên sở, không nên trụ vào nó mà đánh mất cứu cánh rốt ráo đó là giác ngộ. Đó là ý nghĩa của ‘Vô sở vô trụ, nhi sanh kỳ Tâm.’

29. Bí quyết của Cầu Mong

Như chúng ta thường nghe, cuộc đời khó khăn và đầy đau khổ là từ dục vọng tham sân si của con người, nhân sinh thường vẫn mong muốn theo đuổi sự thành công của mình mà rất ít có thể kiên trì, nhẫn nại đến cùng trong lúc thất bại, khổ đau. Kiên trì, nhẫn nại trong lúc suy nhược là bí quyết gìn giữ sự sống, đây cũng là trí tuệ rất quan trọng của thánh nhân, của bậc giác ngộ, trước sau nắm chắc được biến hoá của luật nhân quả và lý nhân duyên của vạn vật, tự nhiên sẽ có hành động thích hợp nhất hay ít ra cũng biết tự mình, ẩn thân, tránh bớt đi cái họa khổ đau.

Nếu biết hành động biến hoá phù hợp, giống như sự biến hoá của tự nhiên, trong biến có thường, trong thường có biến, lấy trí tuệ siêu việt mà suy diễn biến hoá của vạn vật. Biết nắm chắc những biến hoá ấy mới có thể không bị câu nệ ở tâm thế hình thức mà ứng phó được với những hoàn cảnh thích ứng.

Người nắm được bí quyết ấy khi đắc chí thì thi thố với thiên hạ, khi không được như ý thì ẩn dấu tung tích của mình, để chẳng thể bị hại thân và bị nhiều trầm luân trong bể khổ. Người có được tấm lòng từ bi cao cả lẫn với kiến thức phi thường như thế, lúc xuất xử mới có thể làm chủ lấy thiên mệnh, thu phục chúng sinh, an bình thiên hạ, khiến thế giới bình lặng và giữ được hòa bình thế giới. Bậc thánh nhân có mưu lược phi phạm như thế có thể làm thầy của các đấng đế vương. Nếu mà xuất gia tu Phật thì sẽ dễ dàng mau đạt được giác ngộ, thành Phật để cứu độ chúng sinh trong Tam Giới. Đó là nguyên lý xuất xử của hạnh cầu mong mà tôi chưa có nhân duyên và may mắn tìm thấy trong những kinh điển Phật Giáo.

30. Luật Cân Bằng của Vũ Trụ

Nên nhớ, cầu mong được cái này thì sẽ mất cái khác ta đang có. Đó là luật cân bằng trong vũ trụ. Ta cầu được điều tốt thì ta sẽ phải mất đi một cái tốt tương đương với cái ta được. Nếu cầu được điều xấu thì ta sẽ cũng sẽ mất một cái xấu tương đương mà ta đang mang. Có điều được cái gì, mất cái gì, lúc nào thì chúng ta chưa có đủ thần thông để biết được. Có lúc cầu điều này được điều khác, tốt hơn hoặc xấu hơn vì chúng ta chưa đủ nội lực để tạo ra nó.

Nên tiếp tục, thí nghiệm nhiều lần, với nhiều phương pháp như những nhà khoa học gia thường làm may ra có thể tìm ra kết quả mong muốn. Cái nhân của thành công trong bất cứ vấn đề gì là một kết quả mà mọi kết quả đều có nguyên nhân của nhân duyên. Khi chúng ta lập đi lập lại cùng những nguyên nhân thì chúng ta sẽ có cùng những kết quả. Nếu chúng ta đang thực hiện bất cứ việc gì ứng dụng cùng một phương cách mà không luôn tạo ra cùng những kết quả như nhau, thì chúng ta chưa tìm ra các nguyên nhân. Nếu chúng không biết cái nhân duyên gì tạo ra một kết quả và chúng vẫn tiếp tục làm, chúng

ta biết sẽ không bao giờ tạo ra cái kết quả mà chúng ta mong muốn, thì đúng là chúng ta vô minh, kém trí tuệ, và đừng ngạc nhiên khi chúng ta không thành công quả.

Theo như suy luận trên, nếu chúng ta kiên nhẫn lập đi lập lại 10,000 lần thí nghiệm, như Edison đã khám phá ra bóng đèn điện sau 9,999 thử thách thất bại, mà không thay đổi phương pháp, bất cứ vấn đề, việc gì, thì hoặc là chúng ta sẽ đầy kinh nghiệm tuyệt kỹ và sẽ thành công mỹ mãn hay sẽ tuyệt đối hoàn mỹ cái kết quả sai lầm của mình (perfect your error.) Lý Tiểu Long nói: Tự tâm chứng nghiệm, thay vì lập đi lập lại như người máy. "Be self aware, rather than a repetitious robot" Bruce Lee



Cho nên, phải cẩn thận; đừng lạm dụng cầu xin hay lệ thuộc vào cầu xin. Như đã nói ở trên, nếu chúng ta biết cầu đúng cách, biết chỗ để gõ đúng cửa thì muốn gì được nấy. Còn nếu cầu sai thì phải can đảm nhận là mình tham cầu. Nếu biết được chính xác mình cầu gì, cầu cách nào, dùng phương cách nào để mà có, thì trước sau gì chắc chắn nó sẽ xảy ra.

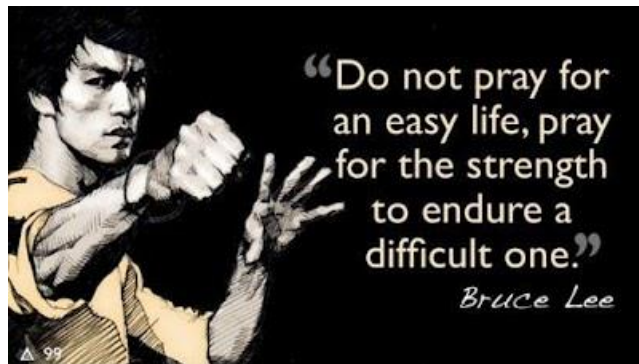
Nhưng cũng nên nhớ, cái được này chỉ là vô thường, cái có vật chất đó cũng chỉ là ảo. Dễ tạo, dễ mất, phù du, vô thường như điện như ảnh. Tuy nhiên, cái vật chất hữu hình này được xem là hiện hữu, hữu thường vì được chính chúng ta sáng tạo ra và cũng được chúng ta thụ hưởng tạm bợ. Nên biết, hữu thường luôn thay đổi vì nằm trong vô thường mà ít người để ý đến nguyên lý này. Chúng ta cần và phải có cái hữu thường đó để hiện hữu trong vô thường. Tóm lại, mong cầu chỉ để thỏa mãn nhu cầu cần thiết, cấp thời mà được hay không được cũng chỉ là tạm bợ của có không, không có. Khi lòng không cầu mong, tâm không vọng tưởng, thì mọi chuyện trở nên không quá lo, vạn sự vô quái ngại. Có cũng được không cũng được, đến đi cũng vậy, không nên cố chấp thái quá để rồi thất vọng, bám vào khổ đau, đưa đến tuyệt vọng chán đời.

31. Đừng cầu mong dễ dàng trên đời

Trong Tứ Thập Nhị Chương Kinh, Chương 12 Cử Nan Khuyên Tu (Nêu Ra Sự Khó Để Khuyên Tu): Phật 'noái' tiếng Tàu, "Nhân hữu nhị thập nan: 1) Bàn cùng bố thí nan; 2) Hào quý học Đạo nan; 3) Khí mạng tất tử nan; 4) Đắc đồ Phật kinh nan; 5) Sanh trị Phật thể nan; 6) Nhẫn sắc, nhẫn dục nan; 7) Kiến hảo bất cầu nan; 8) Bị nhục bất sân nan; 9) Hữu thể bất lâm nan; 10) Xúc sự tâm nan; 11) Quảng học bác cứu nan; 12) Trừ diệt ngã mạn nan; 13) Bất khinh vị học nan; 14) Tâm hành bình đẳng nan; 15) Bất thuyết thị phi nan; 16) Hội Thiện-tri-thức nan; 17) Kiến tánh học Đạo nan; 18) Tùy hóa độ nhân nan; 19) Đồ cảnh bất động nan; 20) Thiện giải phương tiện nan."

Đức Phật nói tiếng Việt: "Người ta có hai mươi sự khó: 1) Bần cùng mà bố thí là khó; 2) Hào quý mà học Đạo là khó; 3) Bỏ thân mạng ắt chết là khó; 4) Được thấy kinh Phật là khó; 5) Sanh gặp đời có Phật là khó; 6) Nhịn sắc, nhịn dục là khó; 7) Thấy tốt mà chẳng mong cầu là khó; 8) Bị sỉ nhục mà chẳng tức giận là khó; 9) Có thể lực mà không lạm dụng là khó; 10) Gặp việc mà vô tâm là khó; 11) Học rộng, nghiên cứu nhiều là khó; 12) Dẹp trừ tánh ngã mạn là khó; 13) Chẳng khinh người chưa học là khó; 14) Thực hành tâm bình đẳng là khó; 15) Chẳng nói thị phi là khó; 16) Gặp được Thiện-tri-thức là khó; 17) Học Đạo, thấy được tánh là khó; 18) Tùy duyên hóa độ người là khó; 19) Thấy cảnh mà không động là khó; 20) Khéo biết phương tiện là khó."

Lý Tiểu Long nói đơn giản, dễ hiểu hơn, "Đừng mong cầu một cuộc sống dễ dàng." Nếu chúng ta biết áp dụng những triết lý võ học này của Lý Tiểu Long vào trong cuộc sống của chính mình thì chúng ta sẽ đủ tha lực để bứt được những vòng xiềng xích, kim cang phục ma khuyển, của nhân quả cùng thập nhị nhân duyên. Một xích bị phá vỡ thì tất cả điều vỡ, không còn điều gì lo lắng, sợ hãi, khổ đau nữa để mà cầu, mà mong. Khi mà đã giác ngộ, viễn ly tham sân si, không còn khổ đau, thoát khỏi vòng luân hồi, nhân quả và duyên nghiệp thì không có còn gì nữa để đáng mong, để đáng cầu. Đó là vô cầu là cầu. Cầu là vô cầu.



Câu nói đầy giác ngộ của Bruce Lee rất có ý nghĩa và thiết thực được dịch như sau:

"Đừng mong cầu một cuộc sống dễ dàng, hãy mong cầu có sức mạnh để chịu đựng những khó khăn." Lý Tiểu Long

"Do not pray for an easy life, pray for the strength to endure a difficult one" Bruce Lee

Sức mạnh ở đây không hẳn chỉ là những sức mạnh vật lý, sức mạnh thể chất, nội lực, mà còn là sức mạnh về mặt tinh thần và tâm linh.

Như chúng ta đều biết, Lý Tiểu Long là một nhân tài võ học hàng trăm năm mới có một. Đó là nhận xét của những cao thủ võ lâm thời ấy. Đa số chúng ta chỉ biết ngưỡng mộ 'Lý Tam Cước' về những thành tích, những thế võ, cú đấm đá thần tốc mà không biết, không hiểu tới những triết lý nhân sinh của ông để lại. Ngay từ những trang đầu trong sách của Lý Tiểu Long, chúng ta đã thấy được ẩn tượng của chữ ngộ qua câu: Cách tốt nhất đối phó với những trường hợp bất ngờ là không bất ngờ.

Thoáng nghe qua có vẻ như vô nghĩa, không có gì liên quan đến Phật Giáo, nhưng thực chất rất thiền, rất chí lý. Chúng ta cần phải luôn luôn tự rèn luyện bản thân mình lẫn tâm trí để sẵn sàng đối phó với mọi tình cảnh, luôn luôn đề phòng và chuẩn bị đón nhận mọi thứ bất ngờ có thể xảy ra với mình. Một câu nói rất thực tế, bạn không thể ngồi một chỗ cầu xin và trông chờ nó đến. Bạn cần phải có một quá trình và rèn luyện bản thân, tâm trí để tìm đến nó, hay biết nó đến để ứng phó. Nguyễn Công Trứ cũng có câu tương tự, “lúc bình an phải nghĩ tới nguy khốn.” Phải biết tất cả sẽ thay đổi (động,) vô thường, để đối phó với đổi thay, ngoài mong muốn. Biết thích ứng với thời cơ.

Trên võ đài, Lý Tiểu Long đã áp đảo đối thủ một cách toàn diện, địch càng mạnh thì mình càng mạnh và nhanh hơn, theo sát đối thủ như bóng với hình. Như có ngũ thần thông, đọc trước được nhất cử nhất động của đối thủ. Có một vị sư hỏi Lý Tiểu Long.

Sư: Khi thượng đài, con thấy thế nào?

Lý Tiểu Long trả lời: Con thấy **không** có đối thủ.

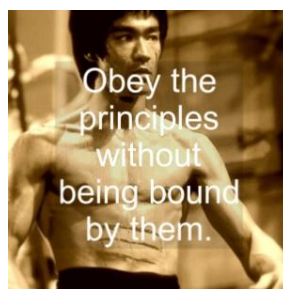
Khi nghe đến đây chúng ta có cảm tưởng ông ta là một người quá cao ngạo. Tuy nhiên khi nghe tiếp.

Sư: Vì sao?

Lý Tiểu Long trả lời: Vì không có **tôi**.

Sở dĩ có ngoại cảnh đối thủ vì chúng ta đang phân biệt nhị nguyên giữa đối thủ với chính mình. Vì thế mà chúng ta dễ dàng bị chi phối và có thể bị lôi cuốn theo đối thủ, chúng ta không giữ được tỉnh táo để có cái nhìn khách quan, để dùng nguyên tắc của tĩnh chế động, dùng động chế tĩnh, dùng vô chiêu thức thắng hữu chiêu, và mượn sức đánh sức. Trong động vẫn an để mà mình tâm kiến tánh. Mà Tánh Không (emptiness) là đạo của vô thủy vô chung, vô lượng vũ trụ không có giới hạn bởi không gian và thời gian.

Tôn trọng nguyên tắc nhưng không nên bị bó buộc bởi nó. “Obey the principles without being bound by them.” Bruce Lee



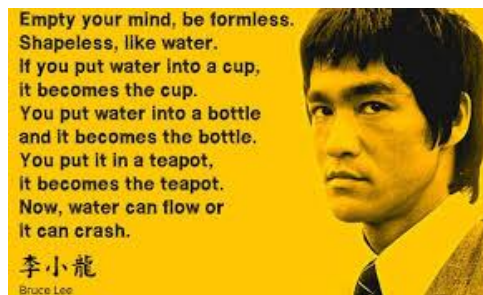
“Using no way as a way, having no limitation as limitation.” Bruce Lee, Tao of Jeet Kune Do

Khi không có ta, vô Ngã, không có đối thủ, khi mà ta với đối tượng là một, như hình như bóng thì không bao giờ còn chuyện thắng bại. Cái tánh Không này bao trùm vũ trụ, nó vô sanh vô diệt, vô thủy vô chung thì làm gì có chuyện bại. Nước có thể bị đông đặc

thành thể cứng hay bốc hơi. Lý Tiểu Long (Bruce Lee) nói: mềm như dây thừng, là (be water) nước len lỏi qua khe hở . Đó là nguyên tác cương nhu trong võ học hay sắc bất thị không; không bất thị sắc trong Bát Nhã Tâm Kinh. Ông còn đi xa hơn: Tâm sáng như đài gương, thuận theo âm thanh mà phản ứng thích hợp. Khi tâm ta không bị giao động thì cơ hội trước mắt sẽ mở ra cho ta. Ta không động thì địch sẽ động. Như gương, như nước khi địch bắt đầu động thì ta động trước, khi cương khi nhu, khi có khi không, khi ẩn khi hiện.

“Moving, be like water. Still, be like a mirror. Respond like an echo.” Bruce Lee

“Be like water making its way through cracks. Do not be assertive, but adjust to the object, and you shall find a way around or through it. If nothing within you stays rigid, outward things will disclose themselves.” Bruce Lee



Đạt được trình độ võ công như vậy thì đối thủ không có thể chạm được tới mình, không xâm nhập được nội Tâm mà là ngược lại. Chuck Norris, USA quán quân hạng nặng, bất bại trong kick boxing, đã từng đóng phim chung với Lý Tiểu Long nói: Tôi chưa bao giờ thấy người nào nhanh và mạnh như Bruce Lee. Chuck Norris chỉ thấy tới bên ngoài của Lý Tiểu Long mà chưa thấy được cái nội lực và sức mạnh tiềm tàng của tâm linh, và giác ngộ võ đạo của họ Lý nên chỉ thấy được cái nhanh, cái mạnh nhưng không giác được cái đạo, đạt được lưu hòa thuần thanh như Lý Tiểu Long.

So với Chuck Norris, Lý Tiểu Long chỉ là hạng muối, Lý Tiểu Long chỉ có nặng 135 pounds, cao 5.7 feet nhưng thân hình toàn là bắp thịt. Thân thủ của Lý Tiểu Long còn nhanh hơn tốc độ của cái máy quay phim thời đó, cho nên có những lúc Camera không ghi nhận kịp là ông ta đã kết thúc cái hành động của ông ta nhanh hơn cái chớp mắt. Có những lúc họ phải yêu cầu ông ta đánh chậm lại để cho họ có thể thấy từng thế mà quay cho rõ vì không thể chiếu thấy ông ta rung chân chưa đá mà địch thủ KO, trên thực tế thì ông ta đã đá 3 cước như điện chớp rồi. Vì vậy, người ta gọi Lý Tiểu Long là Lý Tam Cước.

“In 1966, production started on “The Green Hornet.” The filming lasted for six months, the series for one season, and that was the end of it. Bruce’s take home pay was \$313 a week, which seemed like a lot of money at the time. When they first started filming, the cameras were not able to record the fight scenes clearly because of Bruce’s speed. They asked him to slow down to capture the action. Bruce’s gung fu moves thrilled audiences, and the series became a sought-after collector item in later years.”

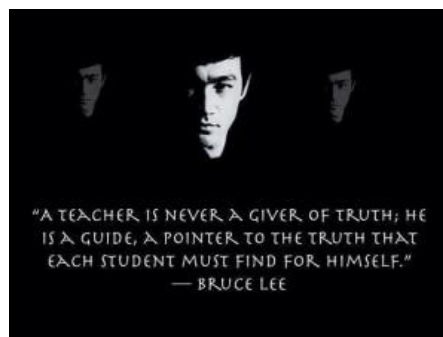
Lý Tiểu Long vừa là diễn viên vừa là đạo diễn, viết kịch bản những cuốn phim của ông ta thực hiện, chứng minh triết lý vô Ngã của ông ta qua phương tiện võ nghệ siêu quần nhờ vì rèn luyện công phu mà đạt được lưu hũa thuận thành. Võ Tàu rất công phu, múa may đẹp mắt rất bổ ích cho sức khỏe, làm cho thân thể uyển chuyển, linh động nhưng không thực lực khi phải tranh đấu với những môn võ nghệ khác như Muay Thai, Boxing, hay Karate vào thời đó. Mỗi bài quyền có hơn cả trăm thế rất phức tạp, mà múa sai một chút cũng không được chấp nhận, tập luyện cả trăm lần cũng rất khó mà hoàn hảo nhưng trong mấy trăm thế hoa mỹ đó chỉ có 4, 5 thế là tạm xài được, thêm nữa võ sư thường dẫu nghề không thật tâm phân thế chỉ dạy cho đồ đệ. Vì vậy mà tam sao thất bản, những chân lý, tinh thần, công phu thực dụng của võ học bị thất truyền chỉ còn nghệ thuật múa may đẹp mắt mà ngày nay được gọi là Martial Arts thay vì ứng dụng để phòng thân, bảo vệ gia đình, làng xóm, phò vua, cứu dân, giúp nước như thời xa xưa.

Cũng như những tôn giáo thánh kinh và kinh điển Phật Giáo, đa số học, đọc, tu, giảng, và tụng như con vẹt, rồi tự mà hiểu lầm sai lạc, không dám nghi vấn sợ phạm tội. Phạm tội phạm thượng vì dám hỏi câu hỏi mà thầy và giáo sĩ cũng bí tí.

Có một thiền sinh người Huế hỏi thiền sư người Huế: Răng mà Đạt Ma Lão Tổ không đi về phía Tây mà truyền đạo mà ngài lại đi về phía Đông? Thiền sư: Mi ra hỏi cái chửi ở ngoài cươi bên tê tê. Thiền sinh: Cái chửi bên nớ nó làm răng mà biết noái được? Thiền sư: Tau cũng không biết. (Cái chửi tiếng Huế là cái chối, răng là tại sao, bên tê tê là bên kia kia, bên nớ là bên đó, noái là nói, và ngoài cươi là ngoài sân.) Thầy không biết thì phải can đảm nhận là không biết; thầy cũng là người đang tu đâu phải biết hết mọi chuyện trên đời.

Ít ai được các minh sư hết lòng chỉ dạy, ít ai đạt được tha lực để được tâm truyền tâm. Ít ai may mắn có được nhân duyên để gặp được minh sư vì cả người học lẫn kẻ dạy, đa số là vô minh. Minh sư thời nào cũng có nhưng những kẻ đủ tha lực để được ấn chứng như lá mùa Thu.

“A good teacher protects his pupils from his own influence.” Bruce Lee



Rất ít nhân tài như Lý Tiểu Long hiểu được những đạo lý trên. Sau khi nhứt tâm rèn luyện công phu, Lý Tiểu Long đã giác ngộ, biết loại bỏ những ‘rác rước’ trong võ Tàu. Lý Tiểu Long ngộ được ý mình, đọc được ý người, biết dùng lực người, lực mình, mạnh yếu đúng lúc, đúng chỗ, đúng thế.

Thắng người dễ, thắng mình mới khó. “For it is easy to criticize and break down the spirit of others, but to know yourself takes a lifetime.” Bruce Lee, Striking Thoughts: Bruce Lee's Wisdom for Daily Living

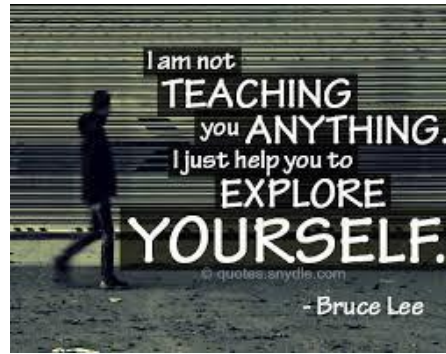
Ông ta học bất cứ điều gì cũng rèn luyện cho đến lúc kỹ thuật đó trở nên tuyệt đối hoàn hảo hơn xa người đã dạy ông ta, rồi thì tự mình lọc ra những thế võ có thể ứng dụng thực tiễn cho việc tranh đấu, tiến thủ theo một đường phái sáng tạo riêng của chính mình. Tương tự, nếu đa số chúng ta học Phật mà mong cầu giỏi hơn thầy dạy thì là một đại nhân duyên cho Phật Giáo.

Những võ đường Triệt Quyền Đạo dù được những đệ tử, may mắn được ông ta chỉ dạy đôi chút, hay trao đổi võ thuật, kinh nghiệm bản thân với họ, nhưng không được thịnh hành sau khi Lý Tiểu Long chết bởi vì những đệ tử này chưa bao giờ học hết nổi cái võ đạo của họ Lý. Hơn nữa, họ chưa bao giờ chứng minh được tài năng thực thụ của riêng mình trên võ đài. Sau này, có rất nhiều người đã học theo triết lý võ học của ông ta rồi họ biết phối hợp (cross training) những thế võ thực dụng của các môn phái khác, biết huấn luyện với những phương cách tân thời, dùng võ đài tranh đấu, thi đua để rút tĩa kinh nghiệm làm võ học đạt được tới trình độ thực dụng, tinh vi và cao cường hơn ngày xưa rất xa.

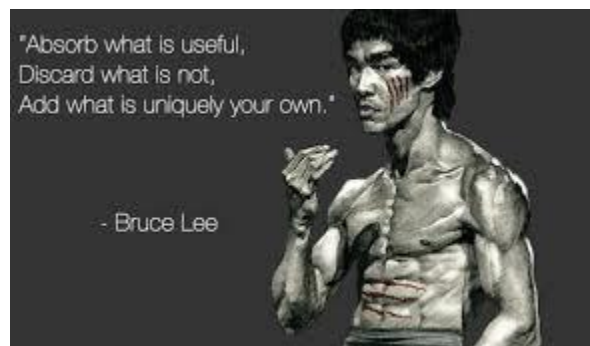
Lý Tiểu Long cũng đã tiên đoán trước được những thay tiến bộ này rồi. Ông khuyên chúng ta nên năng rèn luyện để sẵn sàng thích ứng với những hoàn cảnh đổi thay và để đối phó hữu hiệu với những trở ngại bất ngờ. Theo ông tất cả trở ngại chỉ là cơ hội thử thách mà mình mong muốn tìm nó, thay vì chờ nó tới tìm mình một cách bất ngờ.

“When you're talking about fighting, as it is, with no rules, well then, baby you'd better train every part of your body!” Bruce Lee





Như Lục Tô Huệ Năng ‘không biết chữ’ nhưng sau khi nghe kinh thì ngài tức khắc ngộ và giảng được ý kinh, Lý Tiểu Long chỉ cần mới nhìn qua những thế võ của các môn phái khác là ngộ được đạo lý, lý thuyết căn bản lẫn nguyên tắc vận hành, biết được cách phá giải và biết dùng “gậy ông đập lưng ông” ngay tức khắc. Ông ta biết thích ứng dùng cái thực dụng, loại bỏ cái vô dụng cộng thêm cái sở trường riêng của mình. Đó cũng là chân lý mà ông ta áp dụng lúc dạy võ. Ông để tự học trò, phát triển tự nhiên, tùy vào khả năng, trình độ và năng khiếu riêng của từng người.

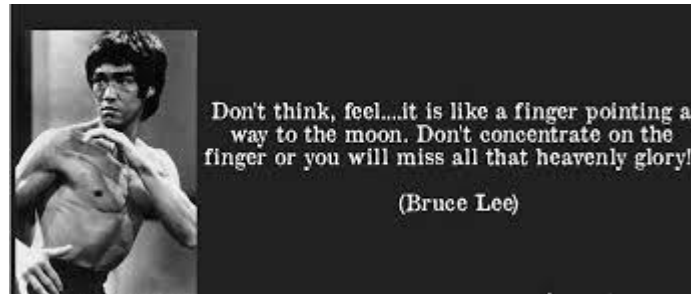


Ngay cả trong lúc chiến đấu, đối thủ ra đòn mới lạ thì ông ta cũng biết nương theo đó mà ứng phó mới lạ hơn để kèm chế đối phương như dây thừng dai ngâm nước để mà thuận thủy lôi châu. Tương tự, nếu không đủ tha lực, không chuẩn bị tư tưởng thì khi đối đáp chân lý với ngoại đạo hay phải trả lời những thách thức của Phật Tử, ta sẽ lúng túng, khó mà được tự tin để mà giáo huấn người được. Luôn luôn linh động và thích ứng như ‘thuận thủy lôi châu’ để đạt được thành công, thắng lợi nhưng không hại người, và hại lẫn luôn chính mình.

“The idea is that flowing water never goes stale, so just keep on flowing.” Bruce Lee

Phật Pháp qua kinh điển Đại Thừa, Tiểu Thừa, hay Nguyên Thủy cũng chỉ là phương tiện để đạt tới cứu cách rốt ráo, chỉ là ngón tay chỉ đạo, chứ không phải đạo. Lý Tiểu Long cũng đã mượn triết lý ngón tay chỉ mặt trăng này trong cuốn phim cuối cùng với tựa đề rất ý nghĩa thiền tông: Du Hí Tử Vong (The game of death.)

“It’s like a finger pointing away to the moon. Don’t concentrate on the finger or you will miss all that heavenly glory.” Bruce Lee, Striking Thoughts: Bruce Lee's Wisdom for Daily Living



Có thể lúc đó Lý Tiểu Long đã bắt đầu từ tiệm ngộ đến đốn ngộ nhờ nhân duyên tiếp xúc với Phật Pháp cho nên ông ta mới đóng vai cao đồ Thiếu Lâm Tự trong phim ông ta đạo diễn. Có thể đây là lúc võ nghệ ông ta đạt được hoả hầu tối cao, rồi thì không mong cầu mà ông ta được du hí với tử vong, không màng sinh tử.

Lý Tiểu Long đã hiểu thấu cái chân lý muốn là được, không điều gì có thể giới hạn được mình, nếu mình quyết tâm. Ông ta đã muốn tìm trước tử thần để đùa dờn trực tiếp với nó thay vì chờ tử thần tìm đến mình. Có chết thì thôi (If it kills you, it kills you,) Lý Tiểu Long. Ông đã phá được vòng luân hồi (sinh, lão, bệnh, tử,) thoát khỏi lão và bệnh già, đạt được tử. Đúng như là đã nói: mong cầu cái này thì được cái khác hơn.

Tử là cái bí ẩn, thâm diệu nhất mà con người vì vô minh nên không biết được. Vì không hiểu được tử nên lòng luôn luôn lo sợ, tâm thì bất an, trí não hồi hộp cầu mong là tử không bao giờ đến. Muốn có sanh thì phải có tử trước đã. Muốn có thì phải 'không có' trước đã. Không có không có thì không có có. Đó là ý nghĩa huyền diệu của Bát Nhã Tâm Kinh.

"...if you always put limits on what you can do, physical or anything else, it'll spread over into the rest of your life. It'll spread into your work, into your morality, into your entire being. There are no limits. There are plateaus, but you must not stay there, you must go beyond them. If it kills you, it kills you. A man must constantly exceed his level." Bruce Lee



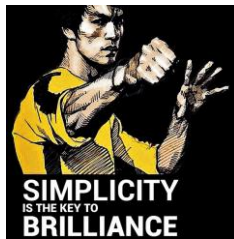
Trở lại câu nói của Lý Tiểu Long:

Đừng mong cầu một cuộc sống dễ dàng, hãy mong cầu cho sức mạnh để chịu đựng những khó khăn.

“Do not pray for an easy life. Pray for a difficult on with the strength to endure it.” Bruce Lee

Những bước thăng trầm trên cuộc đời của Lý Tiểu Long. So sánh với nhiều người khác thì nó cũng không có gì là quá khổ dù ông ta từ nghèo, thất bại, bị kỳ thị, bị người khác ăn cắp sáng kiến của mình, rồi nhờ cơ hội may mắn để trở thành nổi tiếng trên thế giới. Tuy nhiên, cái điều mà chúng ta nên học từ ông ta là cái kiên nhẫn, quyết tâm, biết chắc chắn mục đích lẫn phương cách chính xác để đạt được cứu cánh mà ông đã áp dụng trong võ học vào cuộc đời. Cái ý chí siêu phàm của 10,000 lần đấm trên đời này để có mấy ai bì kịp? Nếu chúng ta thử niệm bất cứ câu thần chú nào, tụng bất cứ cuốn kinh nào cho dù là ngụy kinh, 10,000 lần liên tục thì chắc sẽ có huệ quả. Điều này cho biết, cái Tâm tạo ra tất cả những gì ta mong muốn. Quý vị thử xem, chứ tôi không muốn thử vì sợ nó xảy ra cái mình không mong cầu mà được.

Mong cầu một cuộc sống dễ dàng, muốn gì được nấy, là một điều kém thực tế. Cuộc sống của chúng sinh luôn bị chi phối và tương tác bởi nghiệp quả, tiệp nghiệp lẫn cộng nghiệp, cùng nhiều yếu tố duyên khởi khác từ bên ngoài rất đa dạng, phức tạp và phong phú từ vô lượng kiếp. Vì vậy mà không ai thể có được một cuộc sống đơn giản, dễ dàng, luôn luôn được an thân, không bao giờ sóng gió như mong ước. Còn việc, có được một tinh thần linh mẫn trong một thân thể khỏe mạnh là điều mà chúng ta có thể làm được, có thể công phu rèn luyện được như Lý Tiểu Long và nhiều người khác đã chứng minh.



Phấn đấu và rèn luyện bản thân là thử thách đầy ý nghĩa mà chúng ta phải luôn luôn xem đó là điều ưu tiên trên đời, không bao giờ được xao lãng. Kinh nghiệm chịu đựng khổ đau, gánh nổi khó khăn đối với mỗi người, mỗi cá nhân khác nhau. Có những thử thách đối với đa số chúng ta là cả một trời chịu đựng, khó khăn nhưng đối với những người khác nó lại là bình thường, giản dị. Cho nên, đừng bao giờ cố gắng hết sức mong cầu vào sự dễ dàng sẽ đến mà hãy làm gì đó để mong cầu có được cái không dễ dàng đó đến càng sớm càng tốt. Nếu cái khó khăn, trở ngại không đến sớm với ta như ta mong cầu thì đó chính là “Cầu Bất Đắc” nhưng không khổ đau vậy. Nên tự tại đối ăn khác uống, mệt nghỉ, cái gì đến sẽ đến, cái gì đi sẽ đi, không mong không ngóng. Lo lắng, suy nghĩ quá cũng vô ích mà có hại cho sức khỏe mà thôi.

Khi đề cập đến vấn đề sức khỏe tương cũng nên tìm hiểu về nguồn gốc của sự sống trên vũ trụ đó là nước (H₂O.) Trên vũ trụ, đâu có nước là có sự sống (life,) dĩ nhiên cũng tùy thuộc vào những yếu tố nhân duyên khác nữa nhưng nước là nơi sự sống của chúng sinh

bắt đầu, là yếu tố quan trọng nhất trong ngũ uẩn. Chúng sinh kể cả con người theo tiến trình biến hóa (evolution) từ nước, từ những dạng cá trở thành người khi bò lên trên cạn mà ra, từ hàng triệu năm cho nên nước là sự sống, năng lực và căn bản chủ yếu cho sự sống và sức khỏe của chúng sinh lẫn vạn vật. Khoa học đã chứng minh và cho thấy năng lực của sự cầu mong có ảnh hưởng với nước vì nước là chất cấu tạo 70% cơ thể con người. Do đó nếu biết cầu nguyện, nói cách khác là khởi lên những tư tưởng lành và lời nói tốt, an được tâm thì chúng ta có thể cân bằng và thay đổi được những hóa chất của nước trong cơ thể, có thể từ bệnh hoạn trở nên bình phục, khỏe mạnh. Ngược lại, nếu chúng ta khởi lên những tư tưởng xấu cùng lời nói ác, bị tâm phan duyên chi phối lo lắng, khởi ác tâm sôi sục thù hận, ghét thương, gian tham làm xáo trộn những hoá chất trong cơ thể đưa đến phản ứng hóa học độc hại thì đương nhiên sẽ di hại khôn lường cho sức khỏe của chính mình.

“In Buddhism, there is no place for using effort. Just be ordinary and nothing special. Eat your food, move your bowels, pass water and when you're tired go and lie down. The ignorant will laugh at me, but the wise will understand.” Bruce Lee, Tao of Jeet Kune Do.

32. Duy Ma Cật tái sinh

Duy Ma Cật tuy là cư sĩ tại gia, nhưng ngài kính giữ luật hạnh thanh tịnh của bậc sa môn, tuy ở tại nhà, mà chẳng vướng vào trần tục. Ngài thị hiện có vợ con nhưng tu hạnh thanh tịnh; phục sức sang trọng, dùng đồ quý báu nhưng dụng các tướng thánh nhân là để trang nghiêm thân mình, lấy niềm vui hành thiền làm món ăn tinh thần. Vẫn thọ học các đạo khác, mà chẳng bỏ chánh tín. Thông thái sách vở thế gian và hâm mộ pháp Phật. Tham gia kinh doanh làm ăn lợi lộc thành công giàu có mà chẳng bận tâm, lấy đó làm quan trọng. Dụ vào việc chính trị mà vẫn cứu hộ tất cả chúng sanh. Thậm chí vào chôn lâu xanh, để chỉ rõ chỗ tội lỗi của sắc dục, đến nơi cờ bạc đề độ người, vào quán rượu, nơi ma túy để hướng thiện cho những người nghiện ngập...

Tu tại gia khó khăn hơn tu tại chùa chỉ làm lần một chút là đi lệch chánh pháp lúc nào không hay. Con người dễ bị trói buộc vào các thứ ái ô trần tục đó mà khi đã sa ngã rồi thì khó có thể thoát bỏ được. Từ 2600 năm trước cho đến bây giờ, không có mấy người cả tục lẫn tăng, ngay cả tất cả các đại đệ tử của Phật Thích Ca thời đó dám so bì được với tuệ giác thâm diệu lẫn thân thông của cư sĩ tại gia Duy Ma Cật.

Geshe Michael Roach, tương tự như Huệ Năng dấu mình sống với đám thợ săn hay Duy Ma Cật, dấu mình là nhà sư dưới hình dạng của một thương gia thành công. Ông ta đã viết cuốn sách Năng Đoạn Kim Cương (Diamond Cutter) để chia sẻ cùng độc giả. Sau khi trải qua những thử thách trong đời, ông đã thành công trong thương trường với tài sản kiếm được trên 100 triệu Mỹ Kim mỗi năm và với hơn năm trăm nhân viên tại các văn phòng ở khắp thế giới, nhờ vì ông biết cách ứng dụng trí tuệ Phật Giáo vào nghiệp vụ thương mại, quản trị kinh doanh và nhất là đời sống của chính mình và tha nhân.

Geshe Michael Roach viết: Suốt thời gian tôi làm doanh nghiệp kim cương (hột xoàn,) tôi đã sống một cuộc sống đôi. Bảy năm, trước khi vào ngành kinh doanh này, tôi đã tốt nghiệp đại học Princeton với hạng danh dự và trước đó tôi đã vinh hạnh nhận được ‘huy chương học tập của Tổng Thống’ do Tổng Thống Hoa Kỳ tặng và phần thưởng học bổng

Mc Connell của Học Viện Quốc Tế Vụ Woodrow Wilson của Princeton. Một tài trợ của học viện này đã cho phép tôi sang Châu Á để học với các Lạt Ma Tây Tạng tại trú sở của Đức Đạt Lai Lạt Ma. Việc học hành của tôi về trí tuệ cổ xưa của Tây Tạng đã khởi đầu như thế và kết thúc vào năm 1995, khi tôi trở thành người Mỹ đầu tiên hoàn tất hai mươi năm học tập kiên trì và hoàn tất các kỳ sát hạch cần thiết để nhận được văn bằng Geshe hay Thạc sỹ Phật học. Tôi đã sống trong nhiều tu viện Phật giáo cả ở Hoa Kỳ lẫn Châu Á từ khi tôi tốt nghiệp Princeton và vào năm 1983, đã phát nguyện của người tu sĩ Phật giáo. Khi tôi đã đạt được một căn bản vững chắc trong việc đào tạo Tăng Sĩ, vị thầy chính của tôi - Khen Rinpoche, hay "Quý Hoà thượng" - khuyến khích tôi vào lĩnh vực kinh doanh. Ngài bảo tôi rằng dù tu viện là một nơi lý tưởng để học những tư tưởng lớn của Trí Tuệ Phật Giáo, một văn phòng nhận nhip của Mỹ cũng có thể cung cấp một "phòng thí nghiệm" toàn hảo để thực sự trải nghiệm những lý tưởng này trong đời sống thực tế.

Lúc đầu, tôi không chấp thuận lời khuyên ấy vì ngại phải rời bỏ sự yên tĩnh của tu viện nhỏ của chúng tôi, và bối rối về hình ảnh các nhà doanh nghiệp Mỹ vẫn ám ảnh tâm trí tôi: tham lam, tàn nhẫn, phóng dật. Nhưng một hôm, sau khi nghe được một buổi nói chuyện đầy cảm hứng của thầy tôi trước một số sinh viên đại học, tôi nói với ngài rằng tôi thuận theo lời ngài dạy sẽ tìm kiếm một công việc trong kinh doanh. Vài năm trước, trong lúc thiền định hàng ngày tại tu viện, tôi đã có một cái gì đó về sự thấy và từ lúc ấy tôi biết tôi sẽ chọn doanh nghiệp nào để theo đuổi: chắc chắn tôi sẽ vào ngành kim cương. Tôi chẳng có kiến thức nào về các thứ đá quý này và quả tình chẳng có dính dấp gì đến ngành kim hoàn; chẳng có ai trong gia đình tôi từng được vào ngành kinh doanh hột xoàn này. Cho nên, giống như anh chàng Candide ngây ngô, tôi bắt đầu viếng thăm một cửa hàng kim hoàn khác sau khi đã xin việc tại một cửa hàng trước đó, hỏi xem có ai chịu nhận tôi làm người tập sự không. Hầu hết các xí nghiệp chỉ thuê con, cháu hay anh em tín cẩn trong gia đình họ chứ không bao giờ thuê một anh chàng Ireland cù bơ cù bất ưa chơi với kim cương. Tôi nhớ rằng tôi đã viếng chừng mười lăm cửa hàng để xin một chỗ quèn, rồi đều bị đuổi ra tức khắc.

Cố gắng vào việc kinh doanh kim cương theo cách này cũng gần như toan tính gia nhập tổ chức Mafia: việc mua bán kim cương thô thuộc một hội nhóm rất kín đáo và riêng biệt, thường chỉ giới hạn trong thành viên gia đình. Vào thời ấy, những người Bỉ kiểm soát các kim cương cỡ lớn - những viên một cara hay hơn nữa; những người Israel cắt hầu hết những viên đá nhỏ; và những người Do Thái Hassid ở Quận Diamond của New York, đường 47th nắm giữ phần lớn việc mua bán sỉ trong nội địa Mỹ.

Một quy định mà vị thầy Lạt Ma Tây Tạng của tôi nêu ra cho tôi về việc đi làm trong một cơ sở doanh nghiệp bình thường là tôi phải giữ kín rằng tôi là một tu sĩ Phật giáo. Tôi phải để tóc dài như bình thường (thay vì phải cạo nhẵn) và mặc y phục bình thường như thể tục. Bất cứ nguyên tắc Phật Giáo nào mà tôi sử dụng trong công việc cũng phải được áp dụng một cách thâm lặng, không rêu rao kèn trống. Bên trong, tôi phải là một bậc hiền nhân Phật Giáo và bên ngoài tôi phải là một doanh nhân Mỹ bình thường.

Với số tiền lương tối thiểu lại thường được trả chậm vì ông chủ Do Thái tên Ofer phải vay mượn thêm từ các bạn bè của ông ta ở London để trả công cho tôi nhưng rồi ít lâu sau tôi cũng dành dụm được chút tiền đủ để tự sắm cho mình một bộ y phục của các nhà doanh nghiệp mà tôi vẫn mặc hàng ngày trong suốt nhiều tháng. Chúng tôi thường làm

việc đến quá nửa đêm, và tôi phải đi bộ suốt một quãng dài về căn phòng nhỏ của tôi tại một tu viện nhỏ trong cộng đồng Phật Giáo Châu Á ở Howell, New Jersey. Thời gian về tu viện của tôi mất gần hai giờ, và vì vậy tôi phải về nhà khoảng 1 giờ sáng, và đến 6 giờ sáng phải thức dậy để lên xe vào lại thành phố. Ngủ được vài giờ cho lại sức, tôi lại phải thức dậy và vội vã đáp chuyến xe buýt đi Mahattan, New York để làm việc. (Năng Đoạn Kim Cương, ebook: Nguyễn Kim Vỹ, Trần Tuấn Mẫn dịch thuật)

Cuốn sách sống ung dung giữa đạo và đời: Năng Đoạn Kim Cương (Diamond Cutter, Geshe Michael Roach) là những kinh nghiệm thành công ở thương trường của Tỳ Kheo Michael Roach vì ông ta biết ứng dụng Phật Pháp và hành thâm Bát Nhã Ba La Mật Đa Kinh. Đó là cuốn sách có niên đại xưa nhất thế giới, được in ấn chứ không phải được viết ra bằng tay. Viện bảo tàng London hiện giữ một bản đề năm 868 sớm hơn bản in cuốn Kinh thánh Gutenberg 600 năm. Còn được gọi là Kinh Kim Cang (Cương) là bản ghi chép một giáo lý do Đức Phật dạy cách đây hơn 2500 năm. Khởi đầu, nó được truyền giảng bằng miệng, và rồi khi ra đời chữ viết - nó được ghi trên những ngọn lá bói dài. Trên thân lá bói bền dai, người ta dùng kim để vạch chữ vào, rồi dùng bụi than chà lên các chỗ kim vạch ấy. Các sách được làm theo cách này vẫn còn được tìm thấy ở Nam Á và vẫn rất dễ đọc.

Những ngọn lá bói rời được giữ lại với nhau bằng một trong hai cách. Đôi khi người ta dùng một lỗ xuyên chính giữa một chồng lá, rồi cho một sợi dây xuyên qua để giữ các trang lại với nhau. Cách hai dùng vải bọc lại. Kinh Kim Cương nguyên gốc do Đức Phật giảng dạy thì bằng Phạn ngữ (Sanskrit), là ngôn ngữ cổ của Ấn Độ ra đời cách đây chừng bốn ngàn năm. Khi quyển kinh này đến Tây Tạng (cách đây khoảng một ngàn năm), nó được dịch ra Tạng ngữ. Qua nhiều thế kỷ, kinh này được khắc vào những phiến gỗ (mộc bản), và được in lên bằng giấy dài làm bằng tay bằng cách phủ mực lên phiến gỗ rồi ấn giấy vào đó bằng một con lăn. Những băng giấy dài này được cất giữ trong vài bóng màu vàng nghệ hay màu nâu sậm, trong giống như hồi kinh được lưu giữ bằng lá bói. Kinh Kim Cang cũng được phổ biến rộng rãi tới các nước lớn của châu Á gồm Trung Quốc, Nhật Bản, Triều Tiên và Mông Cổ. Suốt hai mươi lăm thế kỷ qua, nó đã được in lại không biết bao nhiêu lần bằng các ngôn ngữ của nước này và trí tuệ của nó được truyền thừa theo một dòng mạch vững bền từ miệng của các vị thầy đến các học trò của thế hệ kế tiếp ở Mông Cổ, quyển kinh quan trọng đến nỗi mỗi gia đình đều giữ một bản, cẩn thận đặt trên bàn thờ trong nhà. Một hay hai lần mỗi năm, người ta mời các nhà sư ở địa phương đến nhà và đọc lớn bản kinh cho cả gia đình nghe để được ban phát trí tuệ của kinh. (Năng Đoạn Kim Cương, ebook: Nguyễn Kim Vỹ, Trần Tuấn Mẫn dịch thuật)

Trường hợp của Tỳ kheo Michael Roach rất đáng cho chúng ta suy nghiệm. Vì duyên lý nào mà vị thầy chính của ông ta đó là Khen Rinpoche khuyến khích ông ta đi vào lãnh vực kinh doanh? Theo ông kể lại thì Thầy ông giải thích với ông rằng dù tu viện là một nơi lý tưởng để học những tư tưởng lớn của Trí Tuệ Phật Giáo, một thương trường cũng có thể cung cấp một "phòng thí nghiệm" toàn hảo để thực sự trải nghiệm những lý tưởng của Phật Giáo trong đời sống thực tế. Rồi chính tự ông trong lúc thiền định hàng ngày tại tu viện, ông đã có một cái gì đó (huệ) về sự thấy (giác) được cái duyên nợ, định mệnh của chính mình và từ lúc ấy ông biết ông sẽ chọn doanh nghiệp nào để theo đuổi đó là ngành kim cương. Geshe Michael Roach vừa là Tỳ Kheo vừa là một nhà thương gia thành công như Duy Ma Cật ngày xưa. Vậy thì Geshe Michael Roach được số mệnh đưa đẩy hay là

trong kiếp này, ông ta còn mang nghiệp kinh doanh lẫn quả tu sĩ cùng một lúc? Cái nhân quả và lý nhân duyên nào đã đưa ông đi từ nhân phàm nhân, nhà khoa học trí thức đến vị tu hành rồi quả thành công, giàu có trong ngành thương mại kim cương? Vì số mệnh, may mắn hay vì nhân duyên, nghiệp quả? Tại sao sự phụ của ông đã thấy được tương lai, duyên nghiệp để khuyên ông làm bỏ tất cả mình trong chốn thương trường và phải thành công giàu có?

Người xưa thường nói: Tài không hơn được mệnh! Có nghĩa là số không được may mắn thì làm gì cũng lận đận, gian nan dễ thất bại dù có tài cỡ nào cũng vậy. Ngược lại sinh ra có được số mệnh may mắn thì không làm gì cũng được người dâng phước, tài lộc ngay cả thọ lẫn hạnh phúc tới miệng. Đại phú do thiên như trúng số độc đắc chẳng hạn không cần phải có tài mà chỉ nhờ may mắn hay được phước đức sinh vào một gia đình quyền quý, giàu sang. Nhờ thiên định ông ta biết được cuộc đời của ông để mà đi thuận dòng hay vì nhờ thiên định mà ông ta chụp bắt được chân lý của may mắn và muốn chứng minh là tất cả do tâm tạo? Ông ta sẽ làm gì với những thành công trong thương trường mua bán, cắt hột xoàn với số tiền hàng trăm triệu Mỹ Kim mỗi năm đó cho đạo và cho đời? May mắn trên đời là một công án được rất nhiều người bàn đến nhưng những giải thích vô căn cứ từ trước đến nay không thật sự làm thỏa mãn tâm lý luận của con người. Vạn sự trên đời chỉ cầu mong vào may mắn mà thôi? Vậy thì làm sao để có được may mắn, tự nó đến với mình hay phải đi tìm lấy nó?

Tôi xin mượn ý của Geshe Michael Roach, tóm lược phỏng theo ý của bài Năng Đoạn Kim Cương (Diamond Cutter) của ông ta để chúng ta cùng nhau mong cầu hiểu được chút nào về nguyên tắc và phương pháp làm việc đạt đến thành công của ông ta. Tuy không thấy ông ta đề cập tới yếu tố may mắn nhưng chúng ta thấy rõ ràng cuộc đời của ông là một chuỗi nhân duyên vô sở vô trụ không phải lúc nào cũng tự mình chọn lựa.

Theo Geshe Michael Roach, nguyên tắc thứ nhất là phải đạt được mục đích bằng cách kế hoạch, sắp xếp đường lối, thực hiện với một tài năng, kiên quyết và hiểu biết để gặt hái kết quả mong muốn. Vấn đề chính là làm sao để nó tiếp tục đến và chúng ta vẫn giữ được một thái độ lương thiện về nó hay không.

Nguyên tắc thứ hai là những mong muốn đó không khiến chúng ta hao mòn cả về thể xác lẫn tinh thần đến nỗi khi thành công đến, chúng ta không thể giữ được để hưởng thụ và chia sẻ với đồng sự. Người kém trí tuệ, không tự mình giữ gìn thể xác lành mạnh lẫn tâm hồn minh mẫn trong khi trường đời, sẽ làm tiêu tan mục đích chính của sự thành công mà mình mong muốn.

Nguyên tắc thứ ba là khi nhìn lại những gì mình đã mong muốn, đã thực hiện, thành công cũng như thất bại, chúng ta cần phải biết mình phải sống thế nào để có ý nghĩa lâu dài cho mình và cho chúng sinh.

Theo Phật Giáo, những người có được trí tuệ của Bát Nhã là những người có sức mạnh nội tại của tâm linh, có tha lực để nắm bắt và thực hiện bất cứ điều gì trên thế gian. Kim cương (cang) bất hoại biểu hiện một năng lực tiềm tàng trong tất cả các sự vật. Năng lực này thường trở đến sự "trống rỗng" (tính không, emptiness.) Một doanh nhân, một chính trị gia, một bậc thiện trí thức nếu hiểu biết trọn vẹn năng lực này sẽ nhờ đó mà hiểu được

nhân sinh quan lẫn vũ trụ quan. Đó là cái chìa khóa chính yếu để mở cửa vô môn quan, đạt tới thành công về tâm linh, danh vọng, tiền tài, sức khỏe và hạnh phúc trong an lạc. Để được như vậy, chúng ta phải biết những nguyên tắc đằng sau việc sử dụng tiềm năng này để vận dụng cho thích ứng. Tất cả các sự việc phát xuất từ chính chúng ta, vạn vật do tâm tạo. Do đó, chúng ta có thể sử dụng cái tha lực tiềm ẩn này để có lợi ích cho chúng ta.

Tóm lại, mọi nỗ lực trong cuộc sống, trong kinh doanh, quản trị, chính trị, tu hành để được tâm thức trí tuệ của con người chỉ có một mục đích duy nhất là đạt được thành công, thịnh vượng, hạnh phúc, vui mạnh với mình với người. Muốn thành công lớn, muốn có được tất cả những gì mình từng mong muốn và cũng muốn những người khác có được tất cả những gì mà họ từng mong muốn, hãy gieo những tâm ấn bố thí này trong tiềm thức của mình lẫn tha nhân bằng cách nuôi dưỡng tâm lòng từ bi hỷ xả và hạnh bố thí cho chính mình lẫn chúng sinh.

33. Bí quyết giàu có, thành công của Napoleon Hill

Napoleon Hill đã từ bi hướng dẫn và hỷ xả chia sẻ rất chi tiết với vô lượng công đức qua kinh nghiệm thành công của chính bản thân trong cuốn sách *Think and Grow Rich* (1937.) Những điều trong cuốn sách nổi tiếng này cho thấy, con người bất cứ ở nơi đâu, bất cứ tôn giáo nào, bất cứ hoàn cảnh, dù khác biệt phong tục và tập quán cũng có những suy nghĩ, quan niệm, lo lắng rất tương đồng: sợ nghèo khổ và nhất là đều mong muốn được thành công và hạnh phúc trên đời, cho mình cho người.

Napoleon Hill không chấp nhận thành công trên đời là nhờ vào yếu tố may mắn hay từ thượng đế ban cho. Ông ta đã khẳng định yếu tố tiên quyết của thành công trên đời hoàn toàn tùy thuộc vào ý chí của chính chúng ta. Ông đã chứng minh những điều này qua kinh nghiệm của bản thân và qua những cuộc phỏng vấn những người thành công và nổi danh khác rồi đúc kết và đưa ra một kế hoạch vững chắc để đạt thành công. Cuốn sách *Think and Grow Rich* này không phải giấc mộng và sáng kiến riêng của ông ta mà nó được kết tập từ những bí quyết thành công của hàng trăm đại phú thương người Mỹ trong thời 1930s chẳng hạn như vua thép Andrew Carnegie người đã dạy cho ông ta cái bí quyết của sự thành công và viết thư giới thiệu cho ông ta gặp gỡ và phỏng vấn những ông vua giàu có khác về những bí quyết thành công của họ đó là Henry Ford, Thomas Edison, and FW Woolworth. Nhờ kiên trì, thành tâm và may mắn gặp gỡ những đáng bô tát thương gia này mà ông ta cũng trở thành triệu phú thời đó (1930s) qua cuốn sách *Think and Grow Rich* cùng những cuốn sách kế tiếp lẫn những buổi thuyết trình trên khắp nước Mỹ của ông ta. Cuốn sách *Think and Grow Rich* này bán được 15,000,000 cuốn trong vòng 60 năm hơn và được dịch ra nhiều thứ tiếng trên hoàn cầu.

Tiền and Tâm Thức

Ông thú nhận, lý do và mục đích mà ông ta phải viết ra cuốn sách này là vì hàng triệu người lo sợ cái nghèo khổ. “The fact that millions of men and women are paralyzed by the fear of poverty.” Dĩ nhiên, nghèo đi liền với khổ nhất là trong lúc khủng hoảng kinh tế trên thế giới thời đó (1930s.) Ở các nước tây phương thời đó, nạn thất nghiệp gia tăng trầm trọng, con người không đủ ăn, mất cửa, mất nhà vậy mà cuốn sách của ông ta, xuất

bản thời đó, không những dám chỉ cho họ cách chấm dứt nghèo đói mà còn dám thách thức lòng tham của họ, hướng dẫn cặn kẽ, phương cách để giúp họ được thành công, giàu có. Cuốn sách này có thể được coi như là một cuốn kinh điển của tham vọng (greed manual) cho người muốn vươn lên để thành công với hạnh phúc chiến thắng khổ đau. Cái lý luận vững chải rất logic và thực tế từ kinh nghiệm bản thân và của người đã lồi cuốn số đông độc giả và đã giúp được rất nhiều người nếu không thành công lớn thì cũng có được tự tin để phấn đấu với đời.

Cái tương quan của vòng (link) nhân duyên giữa làm tiền và giá trị tâm linh (spiritual values) là quan niệm khó để cho người Mỹ với đầu óc lý luận thực tiễn có thể chấp nhận hay nghĩ tới được trong đời sống đạo đức và tín ngưỡng của họ. Theo ông, Tâm (linh) tạo ra giàu có đó là tổng hợp giữa lý trí, trí tưởng tượng, quyết chí đưa đến thành công, giàu có lẫn hạnh phúc.

Sau đây là tóm tắt những điểm chính trong cuốn sách Think and Grow Rich của Napoleon Hill:

Lòng Mong Muốn (Desire)

Trong Phật Giáo gọi là lòng tham. Nếu chúng ta không có lòng tham (greed) thì một là chúng ta đã giác ngộ hay là điên, không cần đọc tiếp những điều sau đây nữa.

Lòng tham phải cực kỳ mãnh liệt như lửa đốt, (burning desire.) Chỉ có một con đường, chân cứng đá mềm, đi từ trở ngại tới thành công, không có đường quay lại. Trước nhất là qua cầu đốt cầu, vượt qua biển nghèo khổ đau tới bến là đánh đắm thuyền để quyết tâm tìm lấy sự thành công. Đây là điều tiên quyết để đạt được kết quả chắc chắn.

Ông khuyên chúng ta không nên sợ người khác cho mình là điên cuồng. Bạn của Marconi đưa ông này vào nhà thương điên vì Marconi tin tưởng là ông ta có thể gửi tín hiệu xuyên không gian (send a messages through the air.) Marconi là người khám phá ra Radio (he invented radio.)

Tương tự như trong Phật Giáo: Vạn vật do tâm tạo! Câu tuyên bố nổi tiếng của Napoleon Hill là, những gì tâm trí con người tưởng tượng đến và tin tưởng vào, tâm có thể đạt được. "Whatever the mind can conceive and believe, it can achieve."

Trí tuệ vô lượng (Infinite intelligence)

Biết được quyền lực của vũ trụ là thấy được cái nguồn của thành công, giàu có. Ông ta biết Tâm (lòng Bồ Đề) không ở trong trí não mà Tâm là vũ trụ, là God là Tri Kiến Phật. Đó là nguồn của trí tuệ, thần thông và sáng tạo của vạn vật. Ông ta đề cập đến lối quán âm quang, quán tự tại hay cái thiên của Edison với ngũ thần thông vượt ngoài quan niệm của thông thường không gian và thời gian.

"A defining feature of this classic is its respect for the ineffable, being possibly the first of this century's prosperity classics to suggest that mental attunement with 'Infinite Intelligence' (the Universe, or God) is the source of wealth. Hill realized that

consciousness was not confined to the brain; rather, the brain was an element of the great unified Mind. Therefore, to be open to this larger mind was to have access to all knowledge, power and creativity.

He mentions Edison's retreats to his basement where, in the absence of sound and light, he would simply 'receive' his ideas. A person receptive to this realm is likened to a pilot flying high above where normal people work and play. Such vision allows them to see beyond the strictures of regular space and time.”

Ông ta đã mô tả và đưa ra thí dụ về thiên nhĩ thông (radio receiver and broadcasts) mà ngày nay nó quá tầm thường đơn giản, chẳng có gì là thần thông, mê tín hay điên rồ đối với chúng ta qua Tâm. Hãy viết ra những điều mình mong muốn rồi Tâm sẽ cho ta tất cả những gì mình mong muốn nếu biết cách tiếp xúc với Tâm.

“The subconscious and our connection to Infinite Intelligence

Hill illustrates the concept of Infinite Intelligence through analogy to a radio receiver. Just as we can receive important messages if we are tuned in, thoughts we hold about ourselves are effectively beamed out to the world through the subconscious, boomeranging back as our 'circumstances'. By understanding that our experiences matter only because of how we perceive them, and becoming the master of our own thoughts, we can control what filters into our subconscious. It becomes a better reflection of what we actually desire, and 'broadcasts' to the infinite realm clear messages of those desires. Since all thought tends to find its physical equivalent, we create the right conditions for manifesting our desires. This is why it is important to write down the exact figure of how much money we want to possess. This amount, once entrenched in our subconscious, is removed from the conscious mind and its doubts, and helps to shape our actions and decisions towards its realization.”

Ông cũng biết cái khổ của cầu bất đắc vì không biết cách cầu hay không kiên trì. Theo ông cái CÓ đó ở ngoài ta, theo tôi thì nó là viên ngọc Mani đã có sẵn trong túi trí tuệ của ta mà chúng ta không biết, vẫn đi ăn mày ngoài cửa vô môn quan.

“The concept extends to prayer. Most people give up on prayer because it doesn't work for them, but Hill believed this to be essentially a failure of method. Whatever we seek through prayer has slim chances of eventuating if it is just a heartfelt wish, muttered through the conscious mind. What we desire cannot remain at this level - it must become part of our unconscious being, almost existing outside of us, for it to really have effect.”

Đây chỉ là những phần nhỏ bé, khiêm nhường áp dụng cho chủ đề mong cầu. Hill còn chi tiết hơn về lòng tin, kiên trì, quyết định, tính khát lân và ý sáng tạo của những chủ nhân của tâm trí chung quanh chúng ta. Đó là những năng lực (energy,) bỏ tất hay thần tài có thể giúp mình thành công lớn. Think and Grow Rich vượt qua cả tiền tài mà theo ông thành công, giàu có kể cả có được - tri kỷ tri bỉ (quality friendships,) hạnh phúc gia đình (family harmony,) cải thiện ái dục (The mystery of sex transmutation, which argues that

the energy behind all great achievement is sexual,) liên hệ tốt đẹp với nhân sinh (good work relationships,) và tâm linh an lạc (spiritual peace.)

34. Nguyên tắc chính để được may mắn thành công

Tôi xin tóm lược những nguyên tắc chính để được may mắn thành công trong cuộc đời qua chia sẻ kinh nghiệm của những người đã thành công như sau:

Đời sống là một trò chơi của đổi thay

Bài học kinh nghiệm là người xui xẻo thường không nhận thấy được cơ hội hay bỏ lỡ cơ hội vì họ quá bận rộn, quá tập trung vào những gì đang làm, không biết hay dám thay đổi. Trong khi đó, người may mắn luôn biết nhận ra những gì khác biệt hơn là những gì họ tìm kiếm, dám thay đổi, chấp nhận thử thách. Cho nên, thần tài, may mắn thường gõ cửa những người có đầu óc sáng tạo và luôn biết cải cách, chỉnh đốn và thay đổi môi trường xung quanh mình.

Dùng Trực tính

Theo khảo sát của LinkedIn, gần một nửa số người được hỏi công nhận rằng sử dụng trực giác là một nhân tố quan trọng giúp đem lại may mắn.

Nếu ta có linh tính về một điều gì đó, hãy chú ý ghi nhận và làm theo sự chỉ bảo của nó. Các nhà nghiên cứu gọi đây là hiện tượng suy nghĩ “phản thực” (counter-factual.) Những người may mắn là người biết biến sự xui xẻo thành cảm giác may mắn. Chính quan điểm ấy giúp họ có một cuộc sống tràn đầy tự tin và hy vọng. Họ luôn lạc quan ngay cả khi khó khăn nhất.

Tập Lạc quan

Lạc quan và suy nghĩ tích cực, luôn tạo cho mình cảm giác sẽ gặp may trong cuộc sống. Hằng ngày hãy bắt óc nghĩ ngợi vài lần về những điều tốt đẹp mà ta đang chờ đón. Yêu tố cần thiết đầu tiên để thành đạt đó là luôn lạc quan và suy nghĩ tích cực trước mọi việc, một trong những bí quyết để thành công trong cuộc sống là vượt qua được những hạn chế của bản thân, cách đối diện với khó khăn chính là một trong những yếu tố quyết định sự thành đạt. Mục đích của luyện tập này là rút ra những kinh nghiệm và thói quen có thể giúp chúng ta tìm thấy nhiều sự may mắn hơn.

Có đầu óc quan sát

Đừng nghĩ rằng mọi thứ do số phận xếp đặt, thay vào đó hãy tập quan sát và thường xuyên quan sát để nắm lấy cơ hội. Người may mắn thường thích quan sát hơn. Họ để ý đến những thứ mà người khác bỏ qua. Kết quả là, họ có thể phát hiện những cơ hội không nằm trong sự chú ý của những người khác. Những người khác có thể có cùng trải nghiệm, nhưng chỉ những người này mới có thể nhận ra cơ hội trước mắt họ.

Nếu bình tâm thì chúng ta có thể cảm thấy được trong những cái quả xèo, họa vô đơn chí đó, có ngậm cái nhân may mắn mà khi thấy được cái mầm may mắn này rồi thì phải luôn luôn quan sát, theo dõi nó không rời. Thấy được, cảm được tuy trừu tượng nhưng nó làm cho chúng ta thêm hy vọng và lấy lại tự tin để có thể tức khắc nắm bắt được cái may mắn, phúc bất trùng lai đó. May xui như một chuỗi tín hiệu của digitals on/off hay 1/0, 10001000010001....hay đen đen đỏ, đỏ đỏ đen đen vậy.

Làm thế nào ta có thể thành một người biết quan sát hơn? Viết ra mục đích mình mong muốn rồi thảo hoạch chương trình, chi tiết, từng bước một, để đạt tới mục đích. Bắt đầu với những dự án nhỏ. Có những dự án nhỏ cho phép chúng ta khám phá những điều mới mẻ trong một cách thực tiễn. Trong một dự án như vậy, chúng ta tạo ra thứ gì đó thực sự nhưng không phải bỏ hết công việc thường ngày để dành thời gian cho nó. Thiên định sẽ giúp ta quan sát được thực tướng của vấn đề để mà đối phó hay giải quyết những vấn nạn.

Thử những điều mới

Việc thử những điều mới mang đến cho ta những kinh nghiệm mới lẫn những cơ hội bất ngờ. Chúng ta chẳng bao giờ biết được những cơ hội nào có thể đến với mình thông qua những dự án tay trái.

Gặp những người mới

Tương tự với việc thử những điều mới mẻ, việc gặp gỡ những người mới mở ra những cánh cửa chào đón cơ hội đến. Những người mới có thể mang cho chúng ta những ý tưởng mới và những nối kết để biến chúng thành hiện thực.

Dung hòa giữa công việc và cuộc sống

Thành đạt không chỉ là sự thành công trong công việc, mà còn là sự thành công trong việc dung hòa giữa công việc và cuộc sống. Do đó nếu chúng ta đã sở hữu một nền tảng nghề nghiệp ổn định, hãy dành sự quan tâm của mình nhiều hơn nữa cho tình yêu, gia đình và bạn bè.

Chú trọng sức khỏe

Sức khỏe chính là một thứ tài sản quý giá nhất của mỗi con người, “Sức khỏe là vàng,” “có sức khỏe là có tất cả,” cần phải biết dùng nó đúng cách khi đang sở hữu nó, khi mất đi rồi mới thấy tiếc nuối. Đừng lạm dụng sức khỏe của mình, mà phải thường xuyên chăm chút cho nó. Những cách tiêu sài sức khỏe một cách phung phí như lười vận động, làm việc quá sức, ăn uống thất thường... đều là những nguyên nhân phổ biến khiến cơ thể dễ mắc bệnh như đau bao tử, béo phì, stress, suy nhược cơ thể.... Vì vậy, hãy chú trọng đến sức khỏe ngay khi còn đang trẻ trung, khỏe mạnh, đó chính là bí quyết để thành đạt. Ăn uống điều độ kết hợp với việc chăm chỉ luyện tập thể dục thể thao, thiên định là việc nên làm thường xuyên hàng ngày.

Không để tiền bạc chi phối quá mức

Tiền bạc rất quan trọng, nhưng không phải là tất cả, kiếm tiền để phục vụ cho những nhu cầu của cuộc sống chứ không phải để làm nô lệ cho tiền bạc. Người thành đạt có khi không nhất thiết phải là một tỉ phú, mà là người thành công trên con đường sự nghiệp của mình và biết kiểm soát tiền bạc do chính mình làm ra. Chỉ nên coi tiền bạc là kết quả lao động của mình tạo ra chứ không phải là mục đích của cuộc sống.

Tạo niềm vui cho cuộc sống

Bị bao vây bởi rất nhiều thứ vật chất phải lo toan trong cuộc sống, không tránh khỏi có nhiều lúc chúng ta quên mất việc tạo niềm vui tinh thần cho chính mình. Rất nhiều người thành đạt có những thú vui rất giản dị, nhưng lại góp phần làm cho đời sống tinh thần của họ đa dạng hơn, như chơi cây cảnh, đi câu, đọc sách, xem phim, xem ca nhạc hay thiền định. Đời sống tinh thần có phong phú thì sự thành đạt mới trở nên vẹn toàn hơn.

Nếu bạn đã thử qua những điều trên mà nó không đem đến thành công cho bạn thì cũng đừng quá thất vọng nản chí, kiên nhẫn để tôi chia sẻ bí mật, bảo đảm sẽ thành công: Nguyên tắc chính để được may mắn thành công là thành công nhờ may mắn. Thực tại là tài không hơn được mệnh. Cho nên đọc cái bí quyết làm giàu từ hai bàn tay trắng của những tên triệu phú may mắn dưới đây để giải trí cho đỡ buồn chứ không nhờ may mắn đó chúng nó làm nên. Không mã (phát) đồ ả làm nên?

35. Bí quyết làm giàu từ hai bàn tay trắng của triệu phú

Grant Cardone là tác giả của nhiều cuốn sách kinh doanh, đồng thời ông cũng là nhà kinh doanh, chuyên gia tư vấn cho nhiều công ty nằm trong danh sách Fortune 500 (các công ty hàng đầu tại Mỹ.) Những chia sẻ của ông dưới đây được coi là bí quyết “gối đầu giường” cho những ai mơ ước trở nên giàu có.

Có người nào đó khẳng định, “Tiền sẽ không làm cho bạn hạnh phúc,” hay “Tất cả những người giàu đều tham lam.” Grant Cardone khẳng định rằng những người đó không phải là những người giàu có. Bởi vì những câu nói đó không hề tồn tại trong suy nghĩ của người giàu có. Tôi cũng xin khẳng định thêm, “Có tiền mua Tiên cũng được” và “người nghèo mới tham thực, cực thân.” Những người có tư tưởng chủ bại, bị quan yểm thế không bao giờ thành công trên bất cứ lãnh vực nào trên đời cũng như đạo. Những người luôn lạc quan cho dù họ chưa có tất cả những điều họ mong muốn thì ít nhất họ cũng có được lạc quan.

Những bí quyết sau đây của Grant Cardone không phải để chỉ cho chúng ta cách để tích lũy của cải cả một đời để hưởng thụ khi về già mà còn giúp chúng ta tạo ra hàng triệu đô la và tận hưởng chúng ngay trong quá trình lao động của mình.



Điều 1: Quyết định để trở thành một nhà triệu phú

Trước tiên phải xác định mục tiêu ưu tiên nhất của mình là gì, là trở thành một triệu phú làm giàu từ hai bàn tay trắng.

Điều 2: Thoát ra khỏi suy nghĩ nghèo nàn

Để trở thành triệu phú, phải chấm dứt những suy nghĩ nghèo nàn và tiêu cực. Nếu đắm chìm trong đó thì không thể nào làm giàu.

Điều 3: Việc làm giàu được xem là một nghĩa vụ

Những người nỗ lực làm giàu từ hai bàn tay trắng không chỉ vì tiền mà còn vì nhu cầu được xã hội công nhận năng lực và những đóng góp của mình.

Điều 4: Học theo con đường của người giàu.

Cần phải biết những người giàu có đã làm như thế nào để tạo ra tiền bạc và làm theo người ta: Họ đã đọc sách gì? Họ đầu tư vào đâu? Điều gì thúc đẩy Họ? Làm thế nào để động lực làm việc luôn có trong họ?...Rồi thì bắt chước y như họ.

Điều 5: Làm việc như một người giàu có

Người giàu có cách quản lý thời gian hoàn toàn khác. Trong khi những người ít tiền hơn phải bán đi thời gian của mình thì người giàu có họ mua thời gian.

Điều 6: Chuyển từ thói quen chi tiêu sang đầu tư

Người giàu họ đầu tư có tính toán, không chi tiền vô tội vạ.

Điều 7: Tạo ra thu nhập từ nhiều nguồn

Những người giàu có họ không bao giờ phải phụ thuộc vào một nguồn thu nhập duy nhất.

Cuối cùng, những người giàu có họ muốn nhiều người cùng giàu có như mình. Bản thân những người giàu họ tự cho rằng họ không có gì quá khác biệt và luôn cho rằng của cải sẽ thuộc về bất cứ ai biết nỗ lực và kiên trì. Đó là hạnh bố thí và vô ngã trong những người thật sự thành công giàu có trên đời.

36. Những bí mật để có được mọi thứ trên đời

Triết lý Phật Giáo là triết lý của vũ trụ đầy tính chất khoa học lẫn của nhân sinh quan. Đức Thế Tôn đã ngộ ra và giảng dạy những chân lý này hơn 2600 năm về trước chứ không phải ngài sáng tạo ra. Con người ở đâu trên cõi Ta Bà này, dù là không biết gì đến Phật Giáo cũng cùng tâm, cùng ý, cùng suy nghĩ tương tự. Những kinh nghiệm sống và những triết lý trên đời của những bậc thiện tri thức Âu Mỹ mà tôi mạo muội giải thích dưới đây qua lăng kính Phật Giáo, khoa học vật lý và Information Technology hiện đại có rất nhiều điểm rất tương đồng với những gì Đức Phật Thích Ca giảng dạy gần 3 ngàn năm về trước và đã được giải mã trong những kinh điển Phật Giáo.

Những điều mà tôi trình bày này thuộc về siêu hình học nó có vẻ huyền bí, thậm chí như là mê tín dị đoan vì khoa học tâm lý tuy đã từng nghiên cứu, công nhận nhưng chưa hoàn toàn giải thích hay chứng minh được. Những bí quyết này nghe như không tưởng, điên rồ nhưng thật sự nó đã được áp dụng thành công bởi nhiều người trong xã hội Âu Mỹ. Những bậc bồ tát trá hình này đã vô lượng ‘bố thí,’ thành tâm, rộng lượng chỉ lại cho những kẻ phàm tục, mê muội như chúng ta. Những bậc thánh nhân này coi thi ân như đôi dép bỏ, không cầu báo, không ích kỷ giữ lấy bí mật gia truyền. Họ là những người đã thành công giác ngộ và chúng ta cũng là những người sẽ giác ngộ thành công nếu biết bắt chước y như họ để làm chủ lấy định mệnh của chính mình.

Luật Hấp Dẫn (The Law of Attraction:) Luật Hấp Dẫn là năng lực được truyền vào vũ trụ, hấp dẫn những năng lực có sẵn khác với cùng một tần số (frequency,) cùng độ rung (vibration) và âm độ (resonance.) Khi mà Luật Hấp Dẫn hợp duyên với Luật Rung Động

(Law of Vibration) thì ‘phép màu’ (miracle) sẽ xảy ra. Theo Luật Rung Động, nguồn gốc của vạn vật trong vũ trụ đều từ năng lượng (energy.) Tuy nhiên vạn vật bao gồm cả chúng sinh và con người rất đặc thù (unique) với những tần số biệt lập và sở trụ bởi sức hút của trọng trường (Law of Gravity.) Sức hút này được định nghĩa: vạn vật có hấp lực lẫn nhau tạo thành vũ trụ. Gravity is a natural phenomenon by which all things attract each other including stars, planets, galaxies and even light, sound and sub-atomic particles. Gravity is responsible for a formation of the universe such as creating spheres of hydrogen, igniting them under pressure to form stars and grouping them in to galaxies.

Đức Thế Tôn nói về cái đặc thù, duy ngã độc tôn này: Chúng sinh tuy là một nhưng tâm trí bất đồng. Tôi mạo muội diễn giải lại ý Phật, vạn vật trong vũ trụ tùy đồng tâm nhưng khác tánh. Hay vạn vật đặc thù, nhất thể (unique) không có cái thứ hai (no alike,) bất nhị (nondualism.) Cho dù chúng ta có đúc (clone) nó, nó cũng đặc thù, khác biệt. Thấy giống như đúc mà không phải giống như đúc mà nó giống như vậy theo ý Bát Nhã.

Người có sức hấp dẫn làm cho người khác kính mến, ưa thân cận. Họ là những vĩ nhân, thánh nhân hay bậc giác ngộ; tự trong người họ tỏa hào quang (energy, Ki) làm những chúng sinh chung quanh cảm thấy an lạc khi được tiếp xúc với họ dù là trong viễn liên qua điện thoại hay internet lẫn trong niệm ý thức. Muốn hấp dẫn người hay vật thì trước tiên phải tập kiến giác (visualize) dùng con mắt trí tuệ để thấy (see with your mind’s eye) là bước đầu của muốn là được. Phải mơ thấy được những điều mình muốn.

“Visualize – The Law of Attraction. The first step to getting everything you want in your life is to visualize. Dream about the things you want – your lifestyle, job, family, and toys, all of it. It starts somewhere, in your mind. The Law of Attraction: Any energy that is broadcast into the universe attracts all other energies that exist on the same frequency, vibration, and resonance. When the law of attraction is paired with the Law of Vibration, the real magic occurs. The Law of Vibration says that all things in their purest form that exist in the universe are made up of energy which exists at specific patterns, or frequencies. (4 Secrets to Getting Everything You Want in Life, Chris Ankele)

“Our thoughts, our feelings, our dreams, our ideas are physical in the universe, if we dream something, that is a physical thrust towards realization that we can put into the universe.” Will Smith. Tương tự, Sắc (form, vật chất) do tâm tạo trong Phật Giáo. Vậy nếu đây là sự thật thì tại sao chúng ta thường cầu bất đắc, tâm ta chẳng tạo ra những điều mong muốn? Oái ăm hơn nữa, có những điều ta sắp đặt, thực hiện và mong đợi cứ gần như chắc chắn trong tầm tay nhưng chờ hoài không bao giờ đến, hay nó chưa đến thì đã đi, làm chúng ta thêm thất vọng ê chề, oán trời trách đất cho là con tạo trở trêu. Nói theo Phật Đà: Nhân duyên chưa đầy đủ để quả báo. Sự thật, không ai có thể giải thích được tất cả những trường hợp ở trên. Có thể, tại vì chúng ta không kiên trì hay vì kế hoạch chưa chu đáo và nhất là những điều ta mong cầu đó chưa đủ lực để đạt tới tần số có đủ âm độ rung động với hấp lực mãnh liệt trong khi cầu? Dễ dàng mà nói: Muốn mong cầu được ứng nghiệm thì chúng phải biết chính xác mình muốn cái gì rồi chú tâm vào nó rồi nó sẽ trở thành sự thật như mình mong muốn. Nên biết, mình không chọn cái gì sẽ xảy ra mà vũ trụ sẽ chọn cho mình. Yêu cầu vũ trụ đều mình muốn, vũ trụ sẽ cho ta cái mà mình ít ngờ tới nhất. Tương tự như Google search for information/knowledge. Điều này cũng

áp dụng cho những gì mà mình không muốn trong đời. Hay như Google advance search with filter. Sở dĩ có “họa vô đơn chí” vì chúng ta thường quá quan tâm, bi quan, chủ bại, nghĩ đến cái trừ (negative.) Cho nên vũ trụ trả lời cho cái tha lực trừ đó, thí dụ: Tôi mong muốn hết nợ, hết khổ đau. Vũ trụ chỉ nghe nợ và khổ đau cho nên cho ta thêm khổ đau, thêm nợ thay vì mong muốn ‘tôi muốn giàu có và hạnh phúc.’ Phải mong muốn chính xác con số và hạnh phúc gì? Thí dụ, có 10,000,000 Đồng VN khác với \$10,000,000 USD tuy cùng là triệu phú. Mong cầu hạnh phúc được vợ thương cho ăn cơm hay hạnh phúc được ‘mèo’ thương cho ăn phở khác với được vợ cho ăn phở nóng, bị bỏ nhí cho ăn cơm nguội.

Phương cách thực hành: Biết rõ ràng mình mong muốn gì. Quan trọng nhất là biết chính xác, chi tiết của điều mình mong cầu. Mong muốn ngắn gọn, rõ ràng với số lượng hay phẩm lượng chính xác thì vũ trụ sẽ dễ dàng tìm ra cho ta từ thư viện vũ trụ (A Lại Da Thức.) Thí dụ, search for key words trên Google thay vì search cả trăm chữ, trăm câu, tràng giang đại hải vừa tiếng Việt, vừa tiếng Anh, tiếng Đức lẫn tiếng Tàu một lúc trong search box. Google sẽ cho mình rắc rối. Như đã nói ở trên, tập kiên giác bằng cách nhắm mắt, thở bằng bụng nghĩ tới những điều mà mình mong muốn, tưởng tượng tới âm độ rung của cùng tần số để thu hút và thấy nó hiển hiện ra trong tâm ý của mình. Thấy được nó rồi thì nó sẽ hiện ra cho mình.

Đó là ý nghĩa của ‘Nhất thiết từ Tâm tạo’ trong kinh điển Phật Giáo. Chúng ta đang thu hút, hấp dẫn những điều mà mình muốn tạo ra từ kho trời vô tận (A Lại Da Thức) như nam châm hút lấy nó, như vương tay ra lấy cuốn sách trí tuệ trên kệ sách hay một cái click của search trên computer. Phép lạ sẽ xảy ra và vật hay điều mình mong muốn sẽ bị hấp dẫn bởi sức hút của tha lực, phải bay đến với mình.

The Law of Reciprocity (Hạnh Bồi Thí:) Luật Cho và Nhận tương tự như Luật Cung Cầu (Demand & Supply) liên kết chặt chẽ với luật nhân quả (Law of Cause and Effect) trong vũ trụ. Muốn được hạnh phúc cho mình thì trước nhất phải ‘bồi thí’ cho tha nhân với lòng từ bi (cho thương, cho vui.) Những hành động bồi thí này dù nhỏ nhặt hay to lớn đến đâu nó cũng đều được ghi nhận bởi vũ trụ và được vũ trụ trả lại những cái khác cho mình. Càng cho nhiều càng nhận nhiều; vô lượng công đức.

Phương cách thực hành: Làm những điều thiện nhỏ trong khả năng của mình rồi nó sẽ tích tụ thành điều thiện lớn. Những điều này đều được ghi nhận bởi vũ trụ và được vũ trụ trả lại những cái khác cho mình. Đó là ý nghĩa của vô lượng trong Phật Giáo.

Gieo Nhân Gặt Quả (Law of Growth:) Cái luật này thì đa số chúng ta ai cũng đã biết rồi, nó đi đôi với luật nhân duyên. Nếu chúng ta cứ tiếp tục sáng tạo vật trong vũ trụ thì vũ trụ sáng tạo trong ta. Just as you create things in the universe, the universe creates things in you.

Phương cách thực hành: Luôn luôn có đầu óc lạc quan (positive mental states) và dám tuyên bố tham vọng và kế hoạch đạt được tham vọng của mình rồi phải hành động. Hay âm thầm làm mà không nói. Chúng ta có thể thay đổi tất cả mà bắt đầu từ chính mình, rồi tới tha nhân và ngoại cảnh. Tha nhân, xã hội, thương trường, chính trường, chiến trường

là những môi trường, đấu trường cho những tham vọng của con người. Không có những môi trường này thì không có gì để mà chứa đựng mong cầu nữa hay chứng minh được quả thành công. Nếu chúng ta là con người độc nhất còn sống sót trên thế gian thì cầu danh vọng, cầu giàu, cầu sang, cầu đẹp có cần thiết nữa không?

Hành Động (Law of Action:.) Không cho gì vũ trụ thì vũ trụ sẽ không cho lại gì mình. If you do not give anything to the universe it will not give anything back. Trong Lợi Ích Của Sự Niệm Phật, *Hòa thượng Tịnh Khônggiảng*: ‘Có [bố] thí thì mới có tài;’ bố thí tài thì được giàu sang, càng bố thí thì càng giàu; bố thí pháp thì được thông minh trí huệ; bố thí vô úy (làm cho không lo sợ) thì được khoẻ mạnh sống lâu. Cho nên giàu sang, thông minh trí huệ, và khoẻ mạnh sống lâu có được đều nhờ vào thực hành hạnh bố thí.

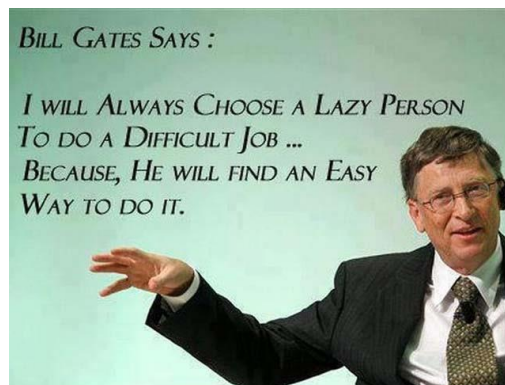
Lời nói phải đi đôi với hành động, có tiên kiến mà không thực hành thì chỉ là mộng tưởng. “Vision without action is a dream” Joel Barker. Đa số những gì xảy ra cho mình, muốn hay không muốn, mà mình không làm chủ được nó là vì mình đang hành động vô ý thức hàng ngày. Mình đang vô tình hay cố ý gởi vào vũ trụ những rác rưởi, tham sân si, khổ đau cho mình, cho người mà cứ tưởng là không làm điều gì gian ác rồi than thân sao mà số tôi cứ nghèo, cứ khổ hoài. Cho nên khi đã biết mục đích của mong muốn, cần thận thảo ra phương cách, kế hoạch và thời gian thì phải hành động tức khắc không được khát lần (procrastinate.) Nếu chúng ta cần đến 10000 phút để đạt được mục đích của mình thì phải đếm ngược từ 10000, 10000 -1, 10000 -2, 10000 -n (count down) chứ không đến thuận (count up) từ 1 cho tới 10000 phút. Đếm và nghĩ tới từng sátna cho đến khi đắc đạt. Nếu chưa muốn vội thì nghĩ và đếm xuống chừng 18 phút một ngày cho đến khi nó trở thành 0 phút. Tổng số 18 của Lục Căn, Lục Trần và Lục Thức chính là toàn bộ cái gọi là thế giới vũ trụ trong kinh Phật và được hiện tượng hóa thành Thập Bát La Hán (?)



Lưu ý, chúng ta thường nhìn thấy trong xã hội ngày nay, những người bỏ công, tiền mất tật mang, mua những cuốn sách dạy cách làm giàu đó rồi chỉ đọc khen hay chứ không mấy ai làm giàu được như tác giả. Tác giả nói không sai, những người viết sách và thuyết trình này càng ngày càng giàu thêm vì được nhiều người mua và trả tiền đi nghe giảng thuyết về làm giàu, thành công, hạnh phúc. Họ đã chứng minh những điều họ muốn chia sẻ là đúng, qua kinh nghiệm bản thân của họ và càng đúng hơn, qua bán được nhiều sách và nhận tiền thuyết trình. Đúng với họ nhưng chưa chắc ứng cho chúng ta.

Đừng tự ty mặc cảm rồi tự đổ thừa là mình chưa nỗ lực hết mình dù đã cố gắng rất khó nhọc để đạt được thành công như họ thay vì càng làm càng thất bại. Nên biết, đó không phải là lỗi tại mình cũng không phải là tại họ đã chỉ dạy cho mình sai. Chúng ta sẽ không

bao giờ thành công được nếu chưa từng trải qua kinh nghiệm thất bại ê chề của chính bản thân. “Thất bại là mẹ thành công!” Lúc rớt xuống tận cùng của đáy sâu là lúc mà chính mình tìm ra được cái chìa khóa bí mật mở tất cả các cửa trong vũ trụ. Không vào hang cọp thì làm sao mà bắt được cọp con là vậy. Rồi cũng vì vậy mà đa số ngầy thơ xúi nhau chọn con đường khó khăn, gian nan, khổ nhọc, làm việc vất vả, năng trao dồi kiến thức nghề nghiệp, tiết kiệm từng đồng, dựa vào tiền lương làm công cho người để rồi bị thất bại ê chề, không lối thoát. Thay vì thành công, tự chủ thoát khỏi những cái điều mà mình không mong muốn đó. Ngược lại, những kẻ đại phú, thành công lớn, họ làm việc thông minh chứ không làm việc khó nhọc (working smart, not working hard.) Mục đích của họ rất đơn giản: Làm ít mà hưởng nhiều! Ngồi mát ăn bát vàng! Họ quan niệm, “Người khôn học kinh nghiệm của người khác, người dại học kinh nghiệm của chính bản thân mình” dù kinh nghiệm của chính mình là kinh nghiệm nhớ đời, nhất là kinh nghiệm thất bại. Những người thành công lớn, những bậc anh hùng hào kiệt, những bậc lãnh tụ đạt được thành công vĩ đại là nhờ vào những người chung quanh giúp cho họ thành công. Họ biết chớp lấy thời cơ, xử dụng cái mãnh lực của tha lực này, dùng tha lực phục vụ cho tự lực của họ. Trong đời, nếu may mắn được quý nhơn giúp đỡ hay có người phò tá (tả phù hữu dật) thì đường đời mới dễ được đại hiển, đại phú, đại quý, bớt nhiều gian truân hơn là tự tận lực cánh sinh. Một người không thể cai trị cả thế giới, cả quốc gia, cả những công ty mà cần tới sự cộng tác và phụ tá của nhiều người trong cũng như ngoài. Đó là cái chân lý của đại thành công trên đời. Điều này có thể đưa đến kết luận là nhiều người cầu nguyện cho một mục đích chung có tha lực tâm linh mạnh hơn một người tự lực nguyện cầu cho tất cả chúng sinh. Nhiều người cầu nguyện cho mình có tác dụng tâm linh mạnh hơn tự mình cầu cho mình.



Bill Gates nói: Tôi luôn luôn chọn người biếng nhất để làm công việc khó khăn...Bởi vì, anh ta sẽ tìm con đường dễ dàng để làm việc.

Trong Niệm Phật Cảnh, Môn Tự Lực Tha Lực, Thích Minh Thành trả lời những câu hỏi: “Tu hành tự lực theo lời dạy trong kinh Phật, từ khi mới phát tâm trải qua một Đại A Tăng Kỳ Kiếp mới đến Sơ Địa. Lại tu hành trải qua Đại A Tăng Kỳ Kiếp nữa mới đến bậc Bồ Tát Bát Địa. Đây đều là tự lực.”

Trong Giải Về A-Tăng-Kỳ: Asankhaya, một hôm có vị Tỳ Khưu bạch với Đức Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, 1 A-tăng-kỳ là bao lâu? Phật giải rằng: Không thể nói là bao nhiêu năm được, chỉ ví dụ cho hiểu thôi.

Theo trong Tam Tạng (quyển 32 chương 86,) ví dụ như có 1 khối đá vuông vức 1 do tuần (16 cây số) trong 1 trăm năm có 1 vị Chư Thiên xuống, lấy tấm lụa thật mỏng quét khối đá ấy, rồi cách một trăm năm sau cũng quét như thế, cho tới khi nào khối đá ấy bằng mặt đất thì mới gọi là 1 A-tăng-kỳ. Hoặc ví dụ như 1 cái thùng vuông vức 1 do tuần đầy hột cải, trong 1 trăm năm mới có 1 vị Chư thiên tới lấy ra 1 hột, rồi cách 1 trăm năm sau lấy ra 1 hột nữa, lần lượt như thế cho đến khi lấy hết những hột cải trong thùng ấy mới gọi là A-tăng-kỳ.

Hay là viết 1 con số 1 rồi thêm 140 con số không (zéros) nữa cũng gọi là 1 A-tăng-kỳ, đây là A-tăng-kỳ của kiếp trái đất chứ không phải làm năm.

Kiếp (Kappa): Trong hệ thống tính thời gian của Phật Giáo, từ “kappa” có nghĩa là một “chu kỳ hay một aeon” được dùng để chỉ những giai đoạn thời gian hay thời kỳ nào đó theo thứ tự chu kỳ.

Tiếng Anh “aeon,” được dùng để dịch từ “kappa” của tiếng Pali, vốn có nguồn gốc từ tiếng La Tinh, có nghĩa là một khoảng thời gian, một thời kỳ dài vô tận, hơn bất kỳ con số hay sự tưởng tượng của con người. Và xưa nay người ta quen dùng từ “kiếp” để tạm dịch từ này qua tiếng Việt, mặc dù “kiếp” ở đây không phải có nghĩa như chỉ là một “kiếp người” vô cùng ngắn ngủi của chúng ta.

Chỗ nói kiếp có 4 là : Thành, Trụ, Hoại, Không

1) Bắt đầu từ khi quả địa cầu cấu tạo đầu tiên như bọt nước rồi dần dần đặc lại như bọt và cứng như đất thật lâu, không thể kể là bao nhiêu năm tháng nhưng chưa có ai ở (sinh) trên mặt địa cầu gọi là kiếp Thành.

2) Bắt đầu từ khi có 1 người đầu tiên sanh vào quả địa cầu cho tới khi người ta sanh ra vô số như hiện nay gọi là kiếp Trụ.

3) Bắt đầu từ khi trên mặt địa cầu không còn ai ở (sinh) nữa cho tới khi nước bể cả khô khan vì sức nóng của ánh thái dương rồi cháy luôn quả địa cầu đi gọi là kiếp Hoại.

4) Bắt đầu từ khi quả địa cầu đã tiêu hoại chỉ còn khí hư, u u, minh minh, không không vô cùng vô tận tạo nên quả địa cầu khác gọi là kiếp Không.

4 kiếp kể trên đây nhập lại thành 1 đại kiếp, mà chư Bồ-tát phải thực hành pháp Ba-la-mật cho đúng thời kỳ nhất định của những đại kiếp ấy.

Trong kinh A-di-đà nói, “Chúng sinh được sinh về đều là bậc Bất thối chuyển.” Đã là bậc Bất thối chuyển tức là Bồ Tát Bất Địa.

So sánh Tự Lực với Tha Lực, Thích Minh Thành viết tiếp: Tha Lực là theo pháp môn niệm Phật, mau thì một ngày, chậm thì bảy ngày, niệm Phật A Di Đà vắng sinh Tịnh Độ, tức là Bồ Tát Bất Địa. Tại sao? Vì nương sức mạnh bản nguyện của Phật A Di Đà.

Tự Lực giống như tôm tép, tha lực giống như rồng. Có những tôm tép ngậm vào vảy rồng, rồng mang tôm tép mau chóng vào biển cả. Do chúng sinh niệm Phật nên đem chúng sinh mau chóng đến Tây Phương.

Và lại, Tự Lực cũng giống như kẻ phàm phu bị què không thể đi mau. Tha Lực giống như Chuyển Luân Vương bay trên hư không, qua lại khắp tứ thiên hạ, vì nương vào sức mạnh của bánh xe báu. Nương vào nguyện lực của Phật cũng như thế, trong một khoảnh khắc liền được vãng sinh Tây Phương vào bậc Bất Thoái.

Các môn tu hành khác giống như đi bộ trên đất bằng; tu hành niệm Phật giống như ngồi trên thuyền lướt trên sông nước, đi nhanh vượt xa không chướng ngại. Niệm Phật vãng sinh cũng như thế, dụng công rất ít mà sớm chúng ngộ Bồ Đề.

Pháp môn niệm Phật do nương vào sức mạnh bản nguyện của Phật A Di Đà nên mau chóng thành Phật, vượt qua các môn khác gấp trăm ngàn vạn lần.”

Có thể vì lý do này mà Phật Đà trở thành một tôn giáo, Phật Giáo, sau khi Đức Thế Tôn nhập diệt? Đức Thế Tôn tâm đạo, giác ngộ qua bao nhiêu khó khăn thử thách vì tự lực. Ngài khuyên các đệ tử tự thấp đuốc mà đi vì ngài nghĩ họ đã có đủ khả năng tự lực giác ngộ sau khi theo học đạo với Ngài. Những bậc đệ tử này khi bắt đầu tu cũng phải dựa vào tha lực từ Đức Thế Tôn dẫn dắt, dạy dỗ, chỉ bảo, khai thị mới có được căn bản để tự lực sau này. Đối với những kẻ phàm phu tục tử, vô minh như chúng ta thì tu hành tự lực như Đức Thế Tôn không phải dễ dàng, khó chiến thắng thử thách, vượt nổi khó khăn để mà giác ngộ được.

Biết rằng, thắng người dễ hơn thắng chính mình. Trừ Đức Phật ra, chúng ta tự lực thì khó khăn hơn, chỉ thắng được mình, độ được chính mình nhưng dùng tha lực có thể dễ thắng được nhiều người, độ được nhiều người, thành công lớn hơn bởi được nhiều người tha trì, cộng tác, trợ giúp lẫn nhau. Cho nên, phải cứu độ mình trước rồi mới lo nỗi cứu độ những người khác nhưng phải thắng nhiều người trước, dễ dàng hơn, trước khi khó khăn hơn, thắng chính mình. Đó mới là khôn ngoan của kẻ tài trí.

Tất cả các tôn giáo của con người, ngay cả Phật Giáo Đại Thừa, Tịnh Độ, Mật Tông, ... cũng biết được năng lực của sự cầu nguyện nên đã khai triển và áp dụng vào sự tu tập để giúp mình, giúp người. Cái huyền diệu của Phật Pháp là khi mà chúng ta, những kẻ phàm phu, biết mối tương quan, sự liên hệ, biết nương theo (align) và dùng (utilize) cái năng lượng (energy,) thấy được ngũ uẩn, và những nguyên tố căn bản tạo ra vật chất trong vũ trụ này thì vũ trụ sẽ cho ta tất cả ngay cả du hí với bệnh, lão lẫn tử vong. Lúc đó, chúng ta sẽ ở ngoài vòng cương toả của sinh trụ hoại diệt trở thành Kim Cương Bất Hoại lúc đó lục căn, lục trần, lục thức không thể ảnh hưởng hay dính mắc được Tâm. Cái năng lực tối thượng này, Tâm ta đã sẵn có, không cần phải tu luyện hay hướng ngoại để tìm kiếm hay mong cầu nó đến với mình mà nó đã luôn luôn ‘sống’ (tự tại, exist, be, être) với mình. Nó như tự tính Như Lai, chưa bao giờ đến, chưa bao giờ đi nhưng vì vô minh nên ta không nhớ cách dùng nó cũng như đã có viên ngọc bảo Mani ở trong túi nhưng không biết lấy ra để soi sáng màng vô minh và để thấy lại lòng Bồ Đề, Phật Tính tự nhiên.

37. Hạnh Bồ Thí

Một người nghèo hỏi Đức Phật : “Tại sao con nghèo như thế?”

Phật nói : “Vì con chưa học được cách bố thí cho người khác.”

Người ấy nói : “Con không có thứ gì cả, thì lấy gì con bố thí.”

Đức Phật dạy : “Cho dù con hoàn toàn không có cái gì, con vẫn có thể thực hiện bố thí 7 điều này:

1. Nhan thí - Bồ thí nụ cười từ ái
2. Ngôn thí - Bồ thí ái ngữ, nói lời hay.
3. Tâm thí - Bồ thí tâm hòa ái, lòng biết ơn.
4. Nhân thí - Bồ thí ánh mắt nhìn thẳng hiền từ.
5. Thân thí - Bồ thí hành động nhân ái.
6. Tọa thí - Bồ thí nhường chỗ cho người cần.
7. Phòng thí - Bồ thí lòng bao dung

Nghèo đối với người nghèo là không tiền. Nghèo đối với Phật là không bố thí.

Câu hỏi nên đặt ngược lại: Tại sao Phật ‘giàu’ như thế?

Trong chương 11 Thí Phạn Chuyên Thắng (Sự Gia Tăng Của Công Đức Trong Việc Bố Thí Thức Ăn) của Tứ Thập Nhị Chương Kinh, "cúng dường một ngàn ức đức Tam Thế Chư Phật, không bằng cúng dường cho một đấng Vô Niệm, Vô Trụ, Vô Tu, Vô Chứng ăn." Chúng ta cúng dường thực vật cho một trăm tỷ đức Tam Thế Chư Phật, thì cũng không bằng cúng dường cho một Thánh Giả đã đạt tới cảnh giới "không nghĩ, không trụ, không tu, không chứng."

"Vô niệm" nghĩa là nghĩ mà không nghĩ; "vô trụ" nghĩa là ở mà không ở; "vô tu" nghĩa là tu mà không tu; "vô chứng" nghĩa là chứng mà không chứng. Đó là cảnh giới ở quả vị Viên Giác Sơ Địa. Các Thánh Giả "Vô Niệm, Vô Trụ, Vô Tu, Vô Chứng" này cũng chính là Pháp Thân Đại Sĩ; các ngài đều có thể thị hiện Bát Tướng Thành Đạo, và đều có năng lực "bách giới tác Phật," làm Phật trong một trăm thế giới.

Hành thiện có hàng vạn điều để làm nhưng tựu trung hạnh bố thí là hạnh cao nhất trong Phật Pháp, muốn bố thí chỉ cần có một chữ Xả mà thôi. Thượng Tọa Thích Trí Siêu đã định nghĩa chữ Xả trong, Quán Tâm Xả và Hạnh Phúc Xả Ly như sau, “Chữ Xả (upekkha, upeksha) và theo Thượng Tọa, trong tiếng Việt thường có nghĩa là tha thứ và bỏ qua, không cố chấp, tha thứ bỏ qua, nhưng Xả trong tiếng Anh và Pháp được dịch là bình đẳng (equanimity, équanimité) có nghĩa là tâm bình thân xem mọi sự việc như nhau, không ưa không ghét, không bám víu cũng không xua đuổi, biết chấp nhận sự việc như chúng là [như vậy] (accept things as they are.) Nhiều người cho danh từ "renunciation" dịch từ “nekkhamma” (Pali) tương đối gần nghĩa với chữ xả hơn. Nekkhamma (Sanskrit: नैष्काम्य) is a Pali word generally translated as "renunciation" or "the pleasure of renunciation" while also conveying more specifically "giving up the world and leading a holy life" or "freedom from lust, craving and desires." Barbara O'Brien, Buddhism

Expert, Being Content -- and Why That's Important: "Nekkhamma" literally means "to go forth to be freed from lust." In Buddhism, renunciation can be understood as a letting go of whatever binds us to ignorance and suffering. Chữ Xả cũng còn có nghĩa vô sở vô trụ như tôi đã định nghĩa chữ Xả ở những chương trên, Xả tương đương với 'không bám víu, vô sở vô trụ' (non-attach) một bước kế tiếp cao hơn sự từ bỏ, không chấp nhận, (detachment, rejection or renunciation.) Cái chữ Xả trong kệ của Thần Tú là quét sạch bụi bám, "Giờ giờ cần quét phủi, Chớ để vương trần ai." Trong khi đó chữ Xả của Huệ Năng là vô xả, không xả: Bỏ lại không một vật, Nào chỗ vương trần ai? Có thể cái nghĩa "Vô sở vô trụ," không có vật để sở để trụ, trong kinh Kim Cang còn thâm diệu hơn chữ gốc Nekkhamma nữa?

Thêm nữa, ý của Xả cũng không có nghĩa là vô trách nhiệm, dửng dưng mặc kệ không đếm xỉa tới, ngược lại ta vẫn cố gắng làm hết sức mình cho mọi việc tốt đẹp, nhưng nếu nó không xảy ra theo ý muốn thì ta bình thản chấp nhận. Xả ly giống như người, ăn cơm nhà vác ngà voi, mang gánh nặng trên vai mà đi nay bỏ được gánh nặng ngoại thân, không phải của mình, xuống thì cảm thấy nhẹ nhàng sung sướng vô cùng. Người tu cần tập xả ly, vì xả nhiều chừng nào thì nhẹ chừng nấy. Xả ly không có nghĩa là phải vứt bỏ hết tài sản, của cải hay bất cứ thứ gì mà ta đang có nhưng là không vương vís, không bám trụ, không bận tâm vào ngoại vật, ngoại cảnh, ngoại tình, ngoại thân như là một gánh nợ nặng nề không bao giờ buông bỏ nổi trừ khi chết đi. Bình thản chấp nhận là một lựa chọn có vẻ an phận nhưng đó là một thái độ ôn hòa, chính đáng. Không còn giải pháp nào thích hợp hơn vì bình thản chấp nhận hay không bình thản chấp nhận thì nó cũng như vậy. Xả gánh nặng để sống làm chúng ta nhẹ đi tuyệt vọng, giảm bớt khổ đau để phấn đấu với đời, hay bình tâm tu hành.

Chúng ta mong muốn cúng dường thì cần phải biết qua về đạo lý của hạnh bố thí cũng như những lợi ích đạt được từ sự cúng dường cho mỗi thành phần. Người am hiểu rõ ràng lý lẽ này thì trước tiên trong không sở chấp vào lục căn hay còn gọi là xả lục căn (nhãn, nhĩ, tì, thiệt, thân, ý,) ngoài xả lục trần (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp,) cùng phát tâm từ bi nguyện cứu độ chúng sinh thì nhất thiết những gì mình sở hữu không có gì là không xả được. Nếu không đạt tới trình độ có thể từ bi hỷ xả hết, thì nên tùy hỷ dùng tiền tài và của cải của mình mà bố thí và cúng dường. Đó là cái phương tiện thấp nhất của hạnh bố thí nhưng đa số chúng ta, kém trí tuệ, chỉ hiểu thiện cận tới đó là cùng.

Chúng ta nên gần gũi các bậc Thiện Tri Thức để học hỏi về những phương cách bố thí trên. Thân cận Ác Tri Thức thì sẽ bị tiêm nhiễm tà tri ác kiến, còn gần gũi Thiện Tri Thức thì sẽ học được chánh tri thiện kiến. Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng! Vì chúng ta không bố thí (hỷ xả) từ tận tâm, cúng dường đúng pháp, cho đúng cách cho nên chẳng có kết quả, chẳng có công đức gì mà chỉ làm giàu cho kẻ khác, làm cho kẻ nghèo ý lại vào lòng từ thiện vì vậy không có công quả nhiều tại mình vị kỷ, vị lợi, mong chờ quả báo đáp. Bố thí cho kẻ gian ác thì cũng như đồng lõa gây nên tội lỗi, còn cúng dường cho người thiện lương để họ làm điều thiện thì sẽ cùng được công đức.

Đa số chúng ta thường hay tài khôn, làm cố vấn không công, không trách nhiệm cho đề nghị của mình, ngạn ngữ có câu: thanh nhẫu đoán, thật thà hư, cho những kẻ khác rồi thì thường trách trời là mình luôn luôn mở lòng giúp đỡ người mà sao trời không phù hộ cho

mình được may mắn? Đây là điều tối quan trọng phải lưu tâm vì đa số chúng ta thường ‘bố thí nhầm’ cho nên chẳng được công đức gì mà chỉ vô tình tự tạo thêm ác nghiệp. Kết quả của nguyên nhân này là tự hại mình, vô ý hại người, và còn bị người ghét hơn bởi những lời cổ vấn ngu si của mình thay vì đội ơn. Đôi khi, im lặng, không ‘tài khôn’ hơn người cũng là một hành vi thiện; đó là thái độ vô ngã của kẻ trí chứ không phải vì mình thâm hiểm không muốn giúp người. Trong trường hợp này, không nên bố thí cũng chính là đã bố thí vậy.

Khác với phàm phu, Bồ Tát thực hành hạnh bố thí với tâm vô chấp, vô trụ, vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sinh tướng, vô thọ giả tướng. Đơn giản, Bồ Tát không mong bố thí và không chúng sinh nào mong được bố thí, đó mới là chân tâm bố thí.

38. Yếu tố may mắn

Chúng ta không hiểu tại sao có người cực kỳ may mắn hơn nhiều người khác. Có một số tin rằng thành công là do tự tài năng của mình mà yếu tố may mắn chỉ là một tỷ lệ nhỏ. Đa số cho may mắn và phép lạ (miracle) từ tha lực ban cho. Nhiều người còn tin rằng thành công của họ là hoàn toàn may mắn nhờ có cơ hội gặp mặt một quý nhân phò trợ, nắm bắt được một số cơ hội kinh doanh hay tình cờ nảy ra một ý tưởng độc đáo.

Theo nghiên cứu mới đây của thông tin xã hội social media LinkedIn cho thấy 84% trong số 7,000 người có công việc ổn định tin rằng may mắn sẽ giúp họ phát triển nghề nghiệp, đôi khi chỉ một cú điện thoại bất ngờ trong vài phút. Dĩ nhiên, khi xui xẻo thì dù có điện thoại cả ngàn lần cũng nghe toàn những lời từ chối.

May mắn là điều mà ai cũng mơ ước, mong cầu. Nhưng thực tế, may mắn rất trừu tượng, không phải là một môn khoa học chính xác, cũng không phải là một khái niệm dễ xác định mà đầy bí mật lẫn huyền bí. Chúng ta không thể dự đoán vận may sẽ đến với mình lúc nào, nhưng chắc chắn có cách để nuôi dưỡng hy vọng và cảm nhận được nó.

Dưới đây là một vài phân tích, bình luận và đề nghị phổ thông mong có thể giúp chúng ta luôn gặp may mắn và thuận lợi trong công việc, trong cuộc đời:

Hãy khiêm tốn

Để thường xuyên gặp may, hãy cố gắng gia tăng ảnh hưởng của mình và cách tốt nhất để làm điều đó là phát huy tính khiêm nhường, nhã nhặn và lịch sự. Mọi người có thể nhầm lẫn người khiêm tốn với người nhu nhược. Để tránh điều này, chúng ta cần giữ sự kiên định trong các quyết định và thể hiện sự khiêm tốn trong các mối quan hệ. Đơn giản, vui vẻ, khiêm tốn và thân thiện để đạt được cảm tình hơn trong đời. Trong Phật Giáo gọi là vô ngã, không tự tôn, kiêu ngạo với một tấm lòng từ bi hỷ xả.

Hăng hái làm việc

Theo kết quả điều tra của LinkedIn, gần 70% những người được khảo sát cho biết thái độ làm việc nghiêm túc và nhiệt tình mang lại nhiều may mắn, nhưng để làm việc hiệu quả, bạn cần có khả năng dò dào lẫn kinh nghiệm nghề nghiệp. Gần một nửa số người được hỏi trong cuộc khảo sát này cho biết, các kỹ năng đa dạng giúp họ thường xuyên gặp may mắn trong sự nghiệp. Điều này có vẻ đúng với những người thành công nhờ làm việc chăm chỉ hết mình mà nhất nghệ tinh nhất thân vinh có thể là vũ khí may mắn thành công của họ. Tự lực cánh sinh. Tự tu tự độ!

Hãy rộng lượng

Luôn giữ tinh thần rộng lượng và phát huy nó một cách hợp lý. Hãy sẵn lòng hướng dẫn và hỗ trợ những người xung quanh, tham gia các hoạt động xã hội, không nên tiết kiệm lời ơn và làm những việc mà không quá suy nghĩ đến lợi ích cho bản thân. Chúng ta hãy cho đi để nhận lại, và quan trọng nhất, rộng lượng giúp ta sống vui vẻ với người, với đời. Cho và nhận, giúp người rồi người khác sẽ giúp mình, tương tự như hạnh bố thí trong Phật Giáo.

Luôn sẵn sàng

Chúng ta không thể dự đoán khi nào may mắn sẽ đến, và để tận dụng dịp may hiếm có đó, nhưng chúng ta phải luôn luôn sẵn sàng để bắt giữ nó. Cơ hội trên đời chỉ đến một lần.

Tác giả Jim Collins viết trên tờ New York Times: Hàng ngàn người có thể làm điều tương tự như Bill Gates đã làm lúc ông mới khởi nghiệp, nhưng họ đã không kiên nhẫn hay không may mắn nên không nhiều người thay đổi được cuộc đời mình. Có những đêm Bill Gates gần như không ngủ, không để giờ ăn chiếm mất giờ làm việc, chống đối cha mẹ, bỏ học và chuyển tới Albuquerque để làm việc với Altair. Jim Collins kết luận: Đó không phải là may mắn mà là sẵn sàng tận dụng mọi cơ may. Jim Collins chỉ biết một phần rất nhỏ của người khác, ông ta đâu có phải là Bill Gates mà biết Bill Gates đã làm gì, đang nghĩ gì để nói dùm cho Bill Gates?

Những điều lo lắng gần như không ngủ, làm hăng hái làm việc quần quật quên cả gia đình, không có thì giờ ăn uống, chống đối cha mẹ, bỏ học, ... thiếu gì người đã làm mà đâu phải ai cũng thành công vĩ đại, đại phú do thiên như Bill Gates. Nếu chúng ta đọc qua cuộc đời của Bill Gates và những cộng tác viên thì ngoại trừ những tự lực trên của ông ta, Bill Gates là một trong những người rất hiếm hoi được may mắn nhất đời, không những trong tiền bạc mà trong đời sống gia đình. Cho nên quan niệm tài không qua khỏi mệnh mà may mắn vẫn là hàm số rất quan trọng của phương trình thành công trên đời.

Những điều dài dòng sau đây về thành công của Bill Gates và những tỷ phú khác chỉ tóm lại trong vài chữ: Đại phú do thiên, tiểu phú do cần! Tỷ phú do thiên lẫn cần mà may mắn là gạch nối giữa thiên và cần. Bài viết ngắn gọn, kết luận những kẻ tỷ phú này chẳng khác gì những người may mắn trúng số độc đắc dù họ có làm việc khó nhọc hay không khó nhọc. Những điều họ thuyết trình về chính sách quốc gia, nhân sinh xã hội, sự nghèo khó, bệnh hoạn...chưa chắc là họ biết họ nói gì, hay họ có kiến thức sâu rộng trong những vấn đề này bằng những kẻ có kiến thức chuyên nghiệp hơn họ nhưng không được

may mắn trên đời như họ. Nhưng vì họ là tỷ phú và những người đã thành công cho nên họ nói gì cũng có nhiều người cả tin bỏ tiền ra nghe họ nói. Nhưng dù cho họ có thật tình dạy mình được giàu như họ và dù cho mình có bắt chước đúng như họ thì cũng không chắc chắn là mình sẽ thành công trừ khi mình may mắn được họ đích thân giúp đỡ. Họ cũng như những người may mắn được đứng trên lầu cao thấy được xa hơn, biết được những gì như xe cộ đi tới lui hướng mình hay tẽ qua hướng khác mà đa số chúng ta vì kém may mắn đứng ở tầng thứ nhất cho nên cái kiến thức và lối nhìn bị hạn chế cho dù có thông minh cỡ nào cũng khó mà thấy và nghe xa vạn dặm. Chúng ta bị giới hạn, không phải bởi khả năng, nhưng bởi tầm nhìn. “We are limited, not by our abilities, but by our vision.” – Anonymous.

Tuy nhiên, chúng ta nên cảm phục và nên noi theo gương thành công của họ, thay vì ganh tỵ, dù họ có nói dối cũng hơn là bắt chước một kẻ thất bại xui xẻo dù họ có nói hay và đúng từ kinh nghiệm đắng cay của họ. Thói thường, nịnh người giàu sang, sợ kẻ quyền thế, khinh bỉ lánh xa kẻ nghèo khó, xui xẻo, thất bại trên đường đời là cái bản tính tự nhiên của rất nhiều người.

Những điều dưới đây từ Beat the Press xin tóm lược ý: Tất cả những điều gì xảy ra cho chúng ta đều do từ nghiệp quả và nhân duyên mà yếu tố may mắn là điều bất khả tư nghĩ. Chúng ta thành công, không phải vì thông minh, tài giỏi hơn người mà nhờ tình cờ may mắn. Chúng ta không chộp bắt được cơ hội mà cơ hội chộp bắt ta khi nhân duyên đã chín mùi thì kết quả sẽ tới không khác gì những người may mắn được trúng số độc đắc. Ngược lại, những điều này cũng áp dụng cho những trường hợp xui xẻo, bất hạnh, kém may mắn.

In Beat the Press, Unmentioned Myth About Billionaires, “The Washington Post treated us to “five myths about billionaires” this morning. Incredibly, they missed the most obvious one: that billionaires know anything special about what is good for the country and the world.

Most billionaires (at least those who didn't inherit the money) are probably smart and hard-working, but so are millions of other people. What most distinguishes someone like Bill Gates from the hundreds of thousands of other software entrepreneurs is luck and sharp elbows. Suppose IBM had refused to allow Gates to keep control of the DOS operating system? Gates might still be very rich, but certainly not the richest man in the world. Alternatively, if the government still enforced anti-trust laws Microsoft might have faced serious penalties for engaging in textbook anti-competitive practices to get and keep a near monopoly in operating systems, Gates also would not have the fortune he has today.

They Know Anything About Public Policy, Anyhow, there is no reason to think that Gates' luck and ruthlessness make him particularly competent to pass judgment on world poverty, education, or any of the other issues for which he is now viewed as an authority. The same applies to the other billionaire policy types cited in the piece. While these people obviously have the money to ensure that their views carry force in the world, there

is no more reason to think that these billionaires' judgments on public policy carry particular value than the judgments of people who win the lottery.”

Tin vào bản năng

Steve Jobs đã thú nhận: Tôi may mắn có được \$125 triệu Mỹ Kim lúc 25 tuổi. Dĩ nhiên, Steve Jobs cũng chứng minh tại sao tin tưởng vào bản năng của mình là cách tốt nhất để đảm bảo vận may trong tương lai. Tự tin vào bản năng của chính mình lẫn bản năng của ‘bất cứ gì’ mà chúng ta chưa thể giải thích được miễn là để thành công trước đã.

Trong bài phát biểu nổi tiếng của Jobs tại Đại học Stanford, ông nói: Tôi muốn nói với các bạn rằng, chúng ta không thể biết những điểm mốc có nối kết với nhau trong tương lai không, các bạn chỉ có thể biết những điều đó khi nhìn lại mà thôi. Vì thế, các bạn hãy tin tưởng rằng, theo một cách nào đó, những điểm mốc sẽ nối kết với nhau trong tương lai của bạn. Các bạn cũng cần phải tin vào một số thứ khác như sự quyết tâm, vận mệnh, cuộc sống, nhân quả hoặc bất cứ cái gì. Phương pháp đó chưa bao giờ làm tôi thất vọng và nó đã tạo ra những thay đổi trong cuộc sống của tôi. Jobs tin ‘phương pháp đó’ là niềm tin cần thiết? Ngay cả chính ông ta cũng không biết nối kết những điểm mốc đó (connect the dots) nhưng ông thành thật khuyên phải tin vào bất cứ cái gì mà mình chưa biết tới. Hay có thể ông đã ngộ thấy nhưng không thể khả lậu cho những kẻ phàm phu vô minh được. Jobs thường hay thiên định cho nên những phát biểu của ông đầy thiên tính bàng bạc Phật Pháp.

Luôn tin rằng mình là may mắn

Giáo Sư Richard Wiseman, một chuyên gia tâm lý học đã làm một cuộc nghiên cứu cực kỳ công phu trên 400 người từ 18-84 tuổi trong suốt hơn 10 năm, để tìm hiểu về quy luật may mắn của con người. Ông đã nhiều năm làm công tác giảng dạy và nghiên cứu tại Trường Đại học Tổng hợp Hertfordshire (Anh Quốc,) từ năm 1994, ông bắt đầu công trình nghiên cứu về hiện tượng may rủi sau những lần tự thấy mình cũng là một người may mắn. Một nghiên cứu gần đây của ông tại Đại học Hertfordshire đã phát hiện ra, chỉ cần tin rằng mình may mắn thì chúng ta có thể tạo ra kết quả tích cực. Tin là có, muốn là được. Phật Giáo gọi: Vạn vật từ Tâm tạo!

Ông chia hai nhóm khảo sát: một nhóm tự nhận mình "may mắn" và nhóm khác tự coi mình "không may." Ông cho hai nhóm một tờ báo và yêu cầu tất cả mọi người đếm số hình ảnh có trong báo càng nhanh càng tốt. Những người may mắn trở lại với câu trả lời chỉ trong vài giây, nhanh hơn nhiều hơn so với nhóm không may mắn.

Tại sao? Vì trên trang hai của tờ báo là một quảng cáo có dòng chữ "Dừng đếm - Có 43 bức ảnh trong tờ báo này." Wiseman kết luận: "Những người không may mắn bỏ lỡ cơ hội bởi vì họ quá tập trung tìm kiếm một cái gì đó. Khi đi tiệc, họ chỉ tập trung tìm một người họ tổng hoàn hảo bỏ lỡ cơ hội làm quen với những người bạn tốt. Họ đọc báo để kiểm một công việc hay một quảng cáo nhất định và kết quả là bỏ lỡ các thông tin giá trị khác. Những người may mắn thoải mái và cởi mở hơn nên họ quan tâm tới tất cả và những gì đang có, chứ không chỉ tìm kiếm những gì họ dự định."

Tôi xin góp thêm ý kiến, nếu Wiseman cố tình cho sai số bức ảnh trong mục quảng cáo "Đừng đếm - Có 42, bức ảnh trong tờ báo này." Thì những người tự cho mình may mắn là những người nhanh nhẩu đoán may mắn hư, ưa đi đường tắc. Còn những người tự biết mình không có may mắn chịu khó đếm lâu hơn một chút mà trả lời chính xác số ảnh trên trang báo, ăn chắc mặc bền. Kết luận trên của Wiseman chỉ đúng một nửa thay vì nên kết luận: Có gan làm giàu, có chí làm quan! Mà được thành công hay không cũng phải dựa vào yếu tố may mắn. Đây là yếu tố bí mật đầy huyền bí nếu muốn dùng toán học để giải: X= Giàu; Y = Quan, nhưng Gan, Chí và May Mắn là những con số tưởng tượng, số ảo (imaginary j) nên nhìn vào (quán tự tại) để tìm thấy thay vì như Wiseman và những khoa học gia khác hướng ngoại, cố tâm, tìm tòi nghiên cứu, thí nghiệm mất công, tốn tiền mà chẳng tìm ra cái gì mới lạ cả.

Scientist Brad Watson, author of the booklet, There Are No Coincidences - there is synchronism, design and alignment. Watson has produced the following equation for his Theory of Luck.

Luck 100 = [karma 4 + modesty 1] x [desire 4 + actions 4 + abilities 4 + contribution 4 + blessings 4]

Đầu năm 2003, Wiseman cho ra đời cuốn sách Luck Factor (Yếu tố may mắn) để đúc kết tất cả những nghiên cứu của ông về hiện tượng may rủi sau tám năm miệt mài nghiên cứu và thực nghiệm. Dưới đây mới chỉ là phần đầu trong công trình mà ông nguyện sẽ theo đuổi suốt đời "Luck Project" (Dự án may mắn.) Dự án này do ông đề xướng với sự hợp tác của hai tiến sĩ khoa học là Mathew Smith và Peter Harris, được quỹ Leverhulme Trust tài trợ. Nội dung chính của dự án là tìm ra những quy luật, nguyên tắc chung trong tâm lý của những người thường gặp may, từ đó xây dựng các phương pháp rèn luyện khả năng gặp may mắn. Qua nghiên cứu này, ông đã rút ra được khá nhiều kết quả lý thú và hữu ích cho tất cả mọi người muốn mình trở nên may mắn hơn.

Theo quan điểm của Richard Wiseman, số phận không thể định sẵn cho con người cái may, cái rủi. Khi gặp may, ít ai hỏi tại sao mình ở chỗ đó, đúng vào thời điểm đó để đón cái may. Rồi những người hay cá cược hoặc ưa chơi xổ số thì rõ ràng đã phải suy nghĩ, tính toán rất nhiều khi quyết định con số cho mình. Rõ ràng, đó là một quy trình làm việc nghiêm túc của tư duy dựa trên những nguyên tắc, phương pháp vận hành nào đó của não bộ. Sau khi xác định phương hướng nghiên cứu, Wiseman cùng các công sự viên mời hàng trăm người có tiếng là may mắn cũng như không may mắn tham gia dự án. Kết quả là các nhà khoa học dự án "Luck Project" đã nêu ra được bốn nguyên tắc cơ bản làm tiền đề cho sự may mắn.

Sau khi đúc kết những nguyên tắc may mắn để làm tiền đề và thiết kế một số bài luyện tập theo từng nguyên tắc từ một số người vốn thường bị xui xẻo vận dụng. Một tháng sau, có tới 80% người tình nguyện vận dụng trả lời rằng họ cảm thấy hạnh phúc hơn, yêu đời hơn có lẽ là vì... ít bị xui hơn! Đặc biệt, có tới 25% thấy may mắn hẳn. Theo Giáo Sư Richard Wiseman, may mắn là nhờ vào tự lực nhờ vào nỗ lực của sự làm việc nghiêm túc.

Theo tôi, những kết quả của những thí nghiệm này có vẻ hạn chế, tương đối, tạm thời và có vẻ tình cờ, may mắn hơn là tự lực. Những phương pháp thực tập của ông có thể tạo nên công suất cao hơn nhưng đó chỉ là những thành công nhỏ bé và tạm thời. Chẳng hạn, nếu người trúng số độc đắc (với xác suất 1/100000000?) hay một mình thoát nạn, sống sót thì phải giải thích làm sao cho ổn thỏa? Tôi xin ngắn gọn lạm bàn, tha lực tự lực nó tương tự như luật nhân quả, trong nhân có quả, trong quả có nhân trùng trùng điệp điệp như sóng đại dương, vô thủy vô chung. Ta tự (lực) mua vé số, số độc đắc lớn hay nhỏ là nhờ vào tha lực của cộng đồng (cộng lực,) ta trúng số/không trúng số nhờ vào xui xẻo/may mắn mà may mắn /xui xẻo này từ nhân duyên nghiệp quả đưa đến hành động của tha lực lẫn tự lực ở trên. Dĩ nhiên, tự lực mua vé số để hy vọng trúng số, còn cầu xin vào tha lực để được trúng là điều tuyệt đại đa số chúng ta đều cùng cầu cho chính mình chứ không ai cầu cho người khác trúng số. Một mình sống sót/chết cũng lý luận tương tự như vậy.

Những công trình nghiên cứu của Giáo Sư Richard Wiseman và những nhà tâm lý khác chỉ chú trọng đến tự lực hơn là tha lực. Cho nên, bài học rút ra ở đây của ông ta thật sự chẳng có gì cao siêu, mới lạ cả. Đại khái, muốn được may mắn, hãy tự sắp hàng với những người có “số hên.” Phải kiên trì săn tìm cơ hội thay vì thụ động chờ đợi may mắn. Hãy luôn suy nghĩ lạc quan, tích cực, phải tự tin rằng những may mắn đến với mình là do mình nỗ lực làm ra và xứng đáng được hưởng. Còn những xui xẻo chẳng qua là những thử thách trên đời giúp chúng ta cứng cõi, kinh nghiệm hơn mà thôi. Thất bại là mẹ thành công!

Chúng ta ăn những cái bánh vẽ an thần này nhiều lần rồi, trên lý thuyết thì rất hay ho nhưng trên thực tế thì nó chỉ đúng cho người chứ ít xảy ra cho chính mình. Ngày nào những nhà khoa học gia và những nhà tâm lý học này còn phân biệt nhị nguyên không học Phật Pháp để ngộ được lý bất nhị thì họ chỉ phí ngân sách, công sức, thì giờ nghiên cứu và thí nghiệm cả gần cả chục năm để đưa đến một kết luận ‘bù trừ,’ dễ nói, mà bất cứ một người bình thường nào cũng có thể biết và viết ra những kết quả này như tôi đang viết trong vài dòng, vài phút. Họ vẫn chưa biết yếu tố bí mật, ngôn ngữ của vũ trụ, để đưa vào trong phương trình khoa học của họ. Nếu không tu luyện thiền định thì họ còn lâu mới thấy được không gian thứ 4 nên chưa giải được toán học của không gian 4 chiều.

Theo Phật Giáo, cái nhân duyên nghiệp quả này nó đã có từ vô lượng kiếp chứ không phải chỉ trong đời này. Trong trường hợp trúng số độc đắc thì tài năng để đoán số trúng không có hoàn toàn liên quan gì nhiều với may mắn. Trong thí dụ dưới đây, nếu chúng ta tự lực, bỏ tiền mua hết 99% của các tấm vé số thì xác suất trúng số độc đắc là 99%, gần như chắc ăn 99%. Tuy nhiên cho dù trúng số thì chúng ta sẽ lỗ lớn vì lô độc đắc sẽ chỉ bằng 1/3 số tiền chúng ta bỏ ra, đó là chưa kể cái tỷ số 1% ta không thắng mà 1% thắng của kẻ may mắn khác. Đây là thí dụ điển hình của tài lực, 99% thành công trong thất bại hay bị ‘trúng tử độc đắc.’

Tôi xin tạm kết luận, dù cho có được 99% may mắn mà kết quả lại lọt vào 1% xui xẻo thì trở thành quá xui xẻo. Ngược lại, nếu được 99% xui xẻo nhưng kết quả lại lọt vào 1% may mắn thì đại may phước. Cho nên thần nhân hợp tác hay tha tự đồng hiệp lực là điều rất cần thiết cho cái xác suất 1% khó giải thích này. Kẻ dám chấp nhận thử thách, thích

phiêu lưu mạo hiểm, có tham vọng lớn thường đặt mình vào xác suất 1% này. Dĩ nhiên những kẻ liều mạng, không còn cái gì nữa để mà mất thì cũng đặt sinh mạng mình vào canh bạc 1% này, một sống hai chết. Theo thống kê, 1% những người này sẽ thành công, phát như lời dã. Họ là 1% của 7 tỷ người, thành công lớn, đại phú quý, giàu có nhất trên thế giới nếu chúng ta dùng chữ giàu có để đo đạt sự thành công. Đa số chúng ta chỉ cầu ăn chắc mặc bền, tiểu phú do cần, thì đặt cuộc đời mình trong xác suất 99% rồi thì cầu mong phép lạ của 1%.

Có lẽ, may mắn hay xui xẻo cũng chỉ là một khái niệm trừu tượng dựa vào quan điểm của mỗi cá nhân. Tự lực là những gì chúng ta có thể thay đổi phần nào nhưng tha lực là ngoại vi chúng ta không thể hoàn toàn kiểm soát được. Cho nên, giải pháp “Thần-Nhân hợp tác” cùng “Tự-Tha đồng hiệp lực” có thể được xem là kế sách dung hòa, thích hợp cho tâm lý chung của đại đa số nhân sinh, lạc quan lẫn bi quan hay an phận thủ thường. Nếu không muốn cầu xin tha lực, tin vào may mắn thì tự lực cánh sinh, hy vọng là điều rất cần thiết cho cuộc sống đấu tranh đầy vất vả của con người. Khi hy vọng tới, đó là may mắn, khi giữ được may mắn đó là tài năng. Khi cả hy vọng lẫn may mắn cùng đi một lúc, đó gọi là nhân duyên lẫn nghiệp quả và có thể đưa đến khổ đau nếu không nhận thấy đời sống chỉ là một trò chơi vô thường, giả tạo. Cái đau khổ nhất không phải là mình không có hay chưa có mà là cái mà mình đã mất. Cho nên phải tự lực bằng cách kiên nhẫn, quyết tâm, trì chí hành động, không bỏ cuộc nửa chừng trong lúc may mắn, thành công chưa tới. Lúc xui xẻo, thất bại hay khi thành công đến muộn, đi mau thì cũng đừng thất vọng, nản chí thái quá mà có hại cho sức khỏe. Thua keo này, bày keo khác! Không chừng, tái ông thất mã, mất cái này lại được cái khác tốt hơn.

Những bí quyết trên và dưới đây được đúc kết từ kinh nghiệm sống của rất nhiều người chứ không phải chỉ là lý thuyết suông. Vấn đề không phải là tin hay không tin, đồng ý hay không đồng ý mà đó là sự lựa chọn tùy theo hoàn cảnh thích hợp của mỗi cá nhân. Đây là thực tế, là con đường nhập thế của đời chứ không phải xuất thế của đạo. Thuận dòng đời mà bơi còn đuối thì ngược dòng đạo mà tu còn khó khăn hơn nhiều. Thành công nhờ tự lực nhưng cũng phải dựa vào tha lực, ít hay nhiều. Chúng ta không thể thành công một mình mà phải cùng thành công với những người khác. Yếu tố may mắn bất cứ từ đâu tới, hay tìm ở đâu ra, tại sao mà có được, vì nguyên nhân nào mà ra là yếu tố quan trọng nhất trên đời của tất cả chúng sinh.

39. Thập nhị nhân duyên của may mắn

Jimmy Buffett khuyên nên khôi hài một chút, bớt quan trọng hóa, nhất là trong lúc bị trở ngại. Tin vào linh tính của chính mình, luôn tiêu ngạo, sáng tạo với may mắn thì thành công cũng đến. Humor has bailed me out of more tight situations than I can think of. If you go with your instincts and keep your humor, creativity follows. With luck, success comes, too. – Jimmy Buffett

Cầu nguyện được may mắn mà không nỗ lực tạo ra may mắn cũng trở nên vô ích và không có kết quả khả quan. May mắn không thể do cầu nguyện hay ước muốn suông mà phải hành động để tạm thời có được may mắn trong đời.

Tôi rất tin tưởng ở may mắn và tôi tìm may mắn từ cánh sinh, càng khó nhọc làm, càng được may mắn nhiều hơn. “I’m a greater believer in luck, and I find the harder I work the more I have of it” – Thomas Jefferson

May mắn tốt nhất là tự mình tạo ra. “The best luck of all is the luck you make for yourself.” – Douglas MacArthur

Sau đây là 12 Bí mật của May Mắn bởi Alex Rovira & Fernando Trias de Bes

BÍ MẬT ĐẦU TIÊN

Hãy tạo ra những may mắn cho mình

Sự may mắn do tình cờ mà đến không thể kéo dài bởi vì bạn sẽ có khuynh hướng ý lại và trông chờ vào may mắn tiếp theo mà không muốn làm gì hết. Sự may mắn do chúng ta tự tạo ra mới là may mắn thật sự, và nó sẽ có thể ở với chúng ta lâu dài.

BÍ MẬT THỨ HAI

Biết theo đuổi may mắn

Ai cũng mong muốn có được may mắn và thành công. Nhưng chỉ có một số ít người quyết tâm theo đuổi nó.

BÍ MẬT THỨ BA

Dám thay đổi để tạo điều kiện tốt hơn

Nếu bây giờ bạn không may mắn thì rất có thể là bạn đang duy trì những điều kiện, môi trường cũ sẵn có. Để có được may mắn, bạn không nên chần chừ, phải thay đổi, phải tạo ra những điều kiện và môi trường tốt hơn.

BÍ MẬT THỨ TƯ

Biết chia sẻ, giúp đỡ người khác

Tìm kiếm những điều kiện tạo nên sự may mắn không có nghĩa là chỉ nhằm vào lợi ích của riêng mình. Khi bạn cho đi nghĩa là bạn đang nhận về. Vừa tìm kiếm để tìm ra những điều kiện của may mắn, vừa biết chia sẻ, giúp đỡ người khác sẽ khiến cho may mắn đến với bạn nhanh hơn.

BÍ MẬT THỨ NĂM

Đừng trì hoãn - hãy hành động ngay

Nếu bạn TRÌ HOÃN việc tạo ra những điều kiện mới thì may mắn có thể sẽ không bao giờ đến. Đôi khi tạo ra những điều kiện mới là một công việc thật nhọc nhằn nhưng hãy thực hiện nó ngay khi có thể.

BÍ MẬT THỨ 6

Biết quan tâm, để ý những điều nhỏ nhưng cần thiết

Đôi khi, trong những điều kiện tưởng như đầy đủ nhất - may mắn cũng vẫn không đến. Hãy thật sự tìm kiếm, quan tâm những điều kiện tưởng chừng như không quan trọng, những chi tiết nhỏ nhất nhưng cần thiết để tạo ra sự may mắn.

BÍ MẬT THỨ 7**Hãy dám tin vào điều bạn đã tạo ra**

Đối với những người chỉ tin vào vận may thì việc tạo ra những điều kiện để được may mắn xem chừng thật ngớ ngẩn. Còn với những ai dám tin, dám tạo ra các điều kiện của sự may mắn thì họ không tin vào những điều may rủi.

BÍ MẬT THỨ 8**May mắn không thể mua bán được**

Không ai có thể bán sự may mắn của mình. Và may mắn cũng không thể nào mua từ bất kỳ ai. May mắn phải do chính người đó tạo ra. Đừng tin vào những ai đang cố bán hay truyền nó cho bạn.

BÍ MẬT THỨ 9**Hãy giữ vững niềm tin**

Sau khi đã tạo ra tất cả những điều kiện cần thiết thì hãy nhẫn nại, đừng vội từ bỏ dù có bất kỳ điều gì xảy ra. Để đạt được may mắn, bạn phải có niềm tin và lòng kiên trì.

BÍ MẬT THỨ 10**Ai cũng có thể gặp may mắn**

Hiểu rằng tạo ra may mắn chính là chuẩn bị điều kiện lý tưởng cho những cơ hội khi nó đến. Mà cơ hội thì lại chẳng liên quan gì đến may mắn hay sự tình cờ: Nó đến với tất cả chúng ta.

BÍ MẬT THỨ 11**Cội nguồn của sự may mắn**

Vì ta chỉ có thể tạo ra may mắn bằng cách tạo ra các điều kiện, nên may mắn tùy thuộc vào chính bạn. Hãy bắt đầu ngay, bạn cũng có thể tạo ra may mắn cho chính mình.

BÍ MẬT THỨ 12**Không bao giờ là quá trễ...**

Không bao giờ là quá trễ để bạn có thể tạo ra may mắn cho chính mình. Và bạn có thể tìm được sự may mắn từ chính những bất hạnh, không may mắn của mình.

40. Phân tích của Takahashi về Cầu Bất Đắc Khổ

Đa số chúng ta đều cầu bất đắc khổ và đều biết mình bị dẫn vật bởi nỗi khổ cầu không ứng nghiệm này. Nỗi khổ này không quá khó hiểu vì mọi người đều kinh nghiệm hàng ngày, biết mùi vị đắng cay của nó và TƯỞNG là không ai hiểu nó hơn mình. Trên thực tế, nhiều người đã không thực sự hiểu về nỗi khổ này nên họ cứ khổ mãi cho tới cuối đời.

Những điều mà Takahashi giải thích về nỗi khổ và cách để thoát khỏi nỗi khổ bằng toán học dưới đây, đơn giản, là luật cung cầu của vũ trụ mà luật cân bằng (equilibrium,) cung = cầu, là giải pháp tương đối tốt nhất cho mọi vấn đề nhất là đau khổ.

Nỗi khổ này là do tham cầu nhiều hơn (>) hơn được (đắc)

$$\text{CẦU} > \text{ĐẮC}$$

Độ khổ còn tùy theo mức độ cầu và mức độ đắc của bạn, nên cho dù Cầu > Đắc nhưng cùng độ Cầu thì người nào có Đắc lớn hơn thì sẽ ít khổ hơn. Từ đó có thể đánh giá được độ khổ.

Công thức: Độ khổ bằng kết quả của (Cầu trừ Đắc) chia cho Cầu





$$\text{Độ khổ} = [(\text{Cầu} - \text{Đắc})/\text{Cầu}] \%$$

Ví dụ, bạn mong muốn kiếm \$ 100 Triệu Mỹ Kim nhưng mà kém may mắn chỉ kiếm được \$ 70 Triệu USD, thì độ khổ là: $\frac{100T - 70T}{100T} = 30\%$. Nếu bạn xui xẻo chỉ kiếm được \$ 30,000,000 USD thì độ khổ sẽ lên tới 70%. Đa số, những người độ khổ của họ là 100% vì Đắc = \$ 0 mà te tua.

Riêng tôi thì tôi mong chỉ được xui xẻo, khổ 90% với \$10,000,000 USD là sướng rồi. Tệ hơn, tôi rất đau khổ đến 99% phần trăm nếu chỉ được 1% nhưng tôi vẫn lấy 1% Đắc và tiếc cho 99% bất Đắc rồi thì thua keo này bày keo khác.

Điều này cho thấy đa số chúng ta suốt đời đau khổ đến 90% hay 99%, than van 90%, hay 99% nhưng 10% hay 1% còn lại cũng không nổi tẻ. Còn hơn đắc 0% để oán trời trách đất.

Cái này gọi là khổ mà sướng; có người thì cho là sướng mà khổ. Trong khổ có sướng, trong sướng có khổ. Cầu bất đắc khổ lẫn sướng; cầu sở đắc sướng lẫn khổ. Hay “méo mó nghề nghiệp.” Khổ tức là sướng; Sướng tức là khổ!

CÔNG THỨC CỦA TAKAHASHI		タカハシの式 Takahashi no shiki	
KHỔ:	CẦU > ĐẮC	苦しい:	求 > 得
KHÔNG KHỔ:	ĐẮC ≥ CẦU	苦しくない:	得 ≥ 求
ĐỘ KHỔ =	$\frac{\text{CẦU} - \text{ĐẮC}}{\text{CẦU}} (\%)$	苦度 =	$\frac{\text{求} - \text{得}}{\text{求}} (\%)$
			
Cầu và	Đắc	求と・・・	得
thế này thì khổ là đúng rồi còn kêu ca làm gì cho mất thời gian?		こんなになると苦は当然! いくら嘆いてもしょうがない!	
		www.saromalang.com	

Thuyết diệt dục và sai lầm

Theo Takahashi, nhiều người nghĩ rằng họ khổ là do mong Cầu, nghĩa là không có Cầu thì họ sẽ không khổ. Ta hãy dùng toán học phân tích xem thế nào. Giả sử Cầu = 0 và Đắc = 0 thì: Độ khổ = $\frac{0}{0} = \text{undefined}$

Về mặt toán học thì $\frac{0}{0}$ đây không phải ra số 0 (mà thực chất có thể là bất kỳ số nào, undefined), nghĩa là bạn không thể hết khổ được. Tôi sẽ chứng minh rằng Cầu không thể bằng 0, từ đó nếu Đắc = 0 thì chắc chắn bạn sẽ khổ 100%, tức "đủ khổ ải trên đời."

Ghi chú: Tỷ lệ $\frac{0}{0}$ là để chỉ sự không tồn tại trong toán học, một người chỉ đạt độ khổ $\frac{0}{0}$ khi họ không tồn tại, tức là họ đã chết. Việc này không cần đòi hỏi phần đầu mà chết đi là sẽ đạt $\frac{0}{0}$ thôi. Ngay cả zombie cũng không đạt được $\frac{0}{0}$.

Thế này, nếu bạn cần phải diệt dục để tới mức Cầu = 0 thì vẫn còn một dục (tức là Cầu,) đó chính là nhu cầu "diệt được dục" hay gọi là nhu cầu "không có nhu cầu." Ngày nào bạn cũng phải [dồn nén] chống lại nhu cầu tự nhiên của cơ thể bằng cách tự kỷ ám thị "dục vọng là nguồn gốc của khổ đau." Nghĩa là chắc chắn bạn có mong Cầu, do đó Cầu > 0. Mặt khác, vì quan niệm diệt dục nên bạn không nỗ lực vận động có thứ mình muốn, nên Đắc cũng xấp xỉ bằng 0.

Do đó: Độ khổ = $[(\text{Cầu} - \text{Đắc})/\text{Cầu}] \% \approx 100\%$

Đáng tiếc, bạn không thể bớt khổ bằng cách diệt dục [nhưng tiết dục.] Hãy suy nghĩ một chút, nếu bạn không đáp ứng đủ nhu cầu dinh dưỡng của cơ thể thì sao. Sau một thời gian, cơ thể sẽ sinh ra nhiều bệnh hiểm nghèo do thiếu chất đạm. Bạn sẽ chịu đau đớn về thể xác. Và bạn sẽ có niềm tin "đời là bể khổ," có thể còn đem tới nỗi khổ về tinh thần nữa.

Làm thế nào để giảm Cầu Bất Đắc Khổ

Ở trên, Takahashi đã lập công thức về độ khổ:

$$\text{Độ khổ} = [(\text{Cầu} - \text{Đắc})/\text{Cầu}]\%$$

(điều kiện Cầu \geq Đắc còn nếu Cầu $<$ Đắc thì Độ khổ = 0).

Để làm triệt tiêu nỗi khổ, bạn cần làm cho nhiều hay bằng Cầu: Đắc \geq Cầu. Thời điểm Đắc vượt quá Cầu thì bạn đạt được trạng thái không khổ, tức là thanh thân. Điều có thể làm bạn ngạc nhiên đó là giá trị tuyệt đối của Cầu lại không quan trọng mà giá trị tương đối giữa Đắc và Cầu mới quyết định độ khổ của bạn. Nghĩa là mong Cầu của bạn khá lớn nhưng vẫn nhỏ hơn số Đắc của bạn thì bạn hoàn toàn không khổ chút nào. Bí quyết để không khổ không phải là hạn chế Cầu, mà luôn duy trì Cầu ở mức nhỏ hơn Đắc (thường 10% tới 30%.)

Tại sao lại tăng Cầu?

Từ công thức trên, bạn sẽ nghĩ để giảm đau khổ thì càng giảm mong Cầu càng tốt, và càng tăng số Đắc càng tốt. Về toán học thì cũng đúng, nhưng không thay đổi gì vì độ khổ đã bằng 0 ở thời điểm Đắc bằng với Cầu rồi. Việc giảm Cầu là việc nguy hiểm sẽ khiến bạn khổ trong tương lai. Bởi vì, nếu bạn giảm Cầu thiết yếu, bạn sẽ bị ảnh hưởng về tinh thần và thể chất (ví dụ tiết kiệm quá mà suy dinh dưỡng, hay tiếc tiền quá mà làm bán thân lao lực dù không thực sự thiếu tiền,) dẫn tới một Cầu rất lớn trong tương lai (ví dụ bệnh hiểm nghèo phải chữa hay bệnh lao lực mãn tính.)

Bản thân nhu cầu về việc "giảm cầu" cũng tạo nên một Cầu mới và Cầu này có thể lớn lên rất nhanh khiến tổng Cầu của bạn tăng cao mà nếu không kiểm soát nổi bạn sẽ lại rơi vào trạng thái khổ.

Người khôn ngoan không có giảm Cầu mà để Cầu tăng theo nhu cầu tự nhiên (chỉ giảm những Cầu không có hiệu quả kinh tế hay hiệu quả thiết thực) và đồng thời tăng Đắc để luôn ở trên mức Cầu.

Cầu là động lực của Đắc

Đây là điều bạn cần nhớ. Giảm Cầu đồng nghĩa với giảm động lực của Đắc và thường sẽ dẫn tới suy giảm về Đắc. Giữ cho Cầu ở mức cao nghĩa là giữ động lực cho Đắc ở mức cao, từ đó có thể sẽ Đắc được nhiều thành quả hơn. Giữ Cầu đủ cao thì tốt, nhưng quá cao thì lại rơi vào vòng khổ đau nên giữ ở mức nào còn tùy thuộc vào khả năng của bạn có thể tăng Đắc tới đâu (tức là học tập nâng cao năng lực tới đâu.)

Làm thế nào để tăng Đắc?

Đây là một lĩnh vực rất giống với việc "làm thế nào để kiếm được nhiều tiền." Đắc của bạn chính là giá trị trên thị trường của bạn, mà giá trị này quyết định bởi tổng các kỹ

năng bạn có (mà xả hội cần) và không chỉ đơn thuần là phép tính cộng mà phải nhân thêm hệ số $(1 + \alpha)$ nữa, bởi vì 2 kỹ năng sẽ giúp bạn có năng lực cạnh tranh cao hơn là 2 người có kỹ năng riêng lẻ.

Việc quan trọng nhất trong tăng Đắc là "không ngừng học hỏi những kỹ năng mà xả hội cần" hay còn gọi là "không ngừng tiến hóa." Chỉ có cách nỗ lực học tập, làm việc, cải tiến bạn mới có thể tăng Đắc một cách chắc chắn. Và bạn cũng phải làm ăn chân chính thì Đắc mới lâu bền mãi mãi, tạo nền tảng cho một cuộc sống vui vẻ được. Nếu bạn làm ăn bất chính, tới lúc nào đó bạn sẽ không làm ăn được và từ đó cuộc đời bạn sẽ xuống dốc, nếu thế thì bạn nên tin "đời là bể khổ" và thực hành diệt dục đi là vừa.

Khổ riêng lẻ và khổ tổng hợp

Chúng ta cũng cần phải hiểu là bạn có thể khổ ở lĩnh vực này nhưng hoàn toàn không khổ ở lĩnh vực khác. Bệnh ta thán vốn là bệnh trầm kha của đa số nhân loại nên nếu họ khổ một lĩnh vực thì họ sẽ tương như họ khổ toàn tập và từ đó thực sự họ khổ toàn tập thật (chủ yếu do tinh thần yếu đuối và bệnh ta thán).

Takahashi phân tích khổ riêng lẻ và khổ tổng hợp để làm gì? Là vì bạn cần phải giải quyết riêng lẻ các nỗi khổ và cần nhận thức là bạn không thực sự quá khổ. Nếu bạn không có nhiều tiền thì bạn không có nỗi khổ phải lo giữ tiền.

Đây lại là một nghệ thuật tiêu tiền, tức là dùng tiền làm trung gian để chuyển hóa các nỗi khổ cho nhau, từ đó giảm những nỗi khổ lớn nhất xuống và hướng tới cuộc sống hoành tráng. Bởi vì việc kiếm tiền có thể không khổ gì với bạn (nếu bạn không ngừng học tập và có năng lực cao.) Từ đó mà bạn hết khổ.

Bạn hãy nghĩ 2 trường hợp sau:

Ông A kiếm rất nhiều tiền nhưng tiêu rất tàn tiện
Bà B kiếm tiền vừa phải và chi tiêu để có cuộc sống thoải mái.

Thế người nào sống tốt hơn? Đương nhiên là bà B rồi. Bởi vì kiếm tiền và tiêu tiền là 2 nghệ thuật thiết yếu mà chúng ta phải học để sống hoành tráng. Trên đời số người kiếm tiền giỏi rất nhiều, nhưng số người thực sự sống tốt lại khá hiếm. Vì họ không có kỹ năng tiêu tiền. Ngược lại, đa số có những người tiêu tiền rất giỏi nhưng lại kiếm tiền rất dở, hay xài tiền nhiều và nhanh hơn kiếm ra tiền hay tiết kiệm tiền, hiện tại thì họ có thể vui nhưng tương lai khốn khó và độ khổ rất cao. Bạn cần ý thức được việc học cả hai lĩnh vực này.

Đời không nhất định là sẽ khổ mà do chính bạn LỰA CHỌN cho bản thân! (Takahashi, Internet source)

Như tôi đây, có nhiều chuyện không thích đáng thì tôi dùng tiền để không phải mất công sức, thì giờ để làm. Thay vì phải làm, tôi thuê người khác làm cho mình. Nhờ tiền mà tôi làm được việc mình thích hợp với công xuất cao thay vì phải làm việc mình không thích

hợp, tốn nhiều thời gian với kết quả thấp. Việc quan trọng nhất là tăng Đắc tiền lên và biết cách tiêu tiền cho hợp lý, giúp mình lẫn giúp những người phục vụ mình tăng đắc tiền. Dĩ nhiên là phải có tiền mới thực hiện được những điều trên nhưng nếu luôn cầu mong nghĩ đến như vậy sẽ hy vọng được Đắc tiền. Xử dụng đồng tiền một cách thông minh (wisely) chính là hạnh bố thí đầy trí tuệ trong Phật Giáo.

Takahashi giải thích lý mong cầu dùng lý luận và toán học lẫn kinh nghiệm bản thân. Tôi xin dùng Phật Giáo để giải thích Tỷ lệ $\frac{\emptyset}{\emptyset} = \frac{\text{emptiness}}{\text{emptiness}} = ? = \text{bất khả tư nghì}$

Số \emptyset này không có nghĩa là zero (0) mà là emptiness (\emptyset .)

41. Tinh thần trách nhiệm

Những người thành công vĩ đại trên đời và nhất là bạch thủ hưng gia từ hai bàn tay trắng tự mình dựng lên sự nghiệp giàu sang đều có những suy nghĩ rất giác ngộ. Tất cả những gì họ đạt được, đa số là nhờ vào xã hội chứ không phải hoàn toàn nhờ từ vợ/chồng con cái hay cha mẹ, anh em bà con của mình. Cho nên họ thường nói phải trả lại phần nào cho xã hội thay vì để lại hết cho con cái. Đa số những bồ tát này đã ngộ được luật vay trả của tâm linh cũng như trong thương trường. Nước Mỹ giàu có hùng mạnh lâu nhất thế giới so với những đế quốc khác cũng vì nhờ chính phủ và lẫn nhiều dân Mỹ có lòng bố thí quăng đại cho nước mình và cho cùng thế giới so với những quốc gia khác. Càng viện trợ càng giàu mạnh, càng cho nhiều càng nhận nhiều. Dĩ nhiên, có nhiều người đa nghi, suy bụng ta ra bụng người, cho rằng người giàu cho tay này lấy lại bằng tay khác, không cho không, hay là họ mua bán cho quyền lợi của riêng họ. Những điều này cũng có thể đúng phần nào nhưng trước khi được cho và muốn nhận thì mình nên tự hỏi lòng là mình có xứng đáng được cho và được ưu tiên giúp đỡ hơn những người khác không? Người giàu có quyền lựa chọn cho ai với điều kiện hay vô điều kiện. Ngược lại, người nhận cũng có quyền tự ái cao, từ chối vô điều kiện, đâu phải bị bắt buộc nhận giúp đỡ?

Một quốc gia nghèo, không có uy tín quốc tế lẫn khả năng kinh tế, không thể mượn tiền ngân hàng quốc tế của những nước giàu vô điều kiện vì nợ khác với tiền chùa của viện trợ. Con nợ muốn vay nợ để làm gì thì làm, không có lý do chánh đáng, không phải trả lại cả vốn lẫn lời, vô điều kiện. Nếu đó là điều kiện của kẻ đi vay nợ thì chúng ta chưa thấy một ngân hàng nào trên thế giới lại chịu khách nợ đến như vậy trừ khi con nợ đã nợ thật nhiều trước đó mà chưa trả xong. Ngân hàng phải cẩn răng cho họ nợ tiếp không thì họ khai phá sản, xù nợ.

Người giàu nhất thế giới, Bill Gates từng tuyên bố sẽ chỉ để lại cho con 0.05% tổng số tài sản kếch xù của mình, còn lại làm từ thiện, giúp đỡ nhân loại lẫn chúng sinh. Báo chí hỏi tại sao lại như vậy, ông trả lời đại ý: Con tôi cũng như những người khác phải tự kiếm sống, không những phải có trách nhiệm kiếm sống để phục vụ chính bản thân và gia đình mình mà còn phải có nhiệm vụ đóng góp cho xã hội. Tất cả con người phải làm việc và sản xuất. Tại sao tôi phải cho không con tôi rất nhiều tiền? Đối với đa số những người bình thường như chúng ta thì chúng ta khó mà hiểu nổi Bill Gates. Có thể ông này điên hay ngu nhất đời?

Hoàng Tử Ả Rập Saudi Alwaleed Bin Talal hôm 1/7/2015 vừa tuyên bố sẽ dành toàn bộ khối tài sản 32 tỷ USD cho hội từ thiện Alwaleed Philanthropies. Ông hoàng 60 tuổi cho biết chính quỹ từ thiện của Bill & Melinda Gates Foundation, thành lập 1997, đã tạo cảm hứng cho quyết định bố thí tài sản của ông ta.

Cũng có những người con với lòng bô đề sẵn sàng từ chối thừa hưởng gia tài. Stephen Covey, người từng được tạp chí Times bầu chọn là 1 trong 25 nhân vật ảnh hưởng nhất thế giới, viết di chúc để lại tiền cho con và ra đi năm 2012. Cả 9 người con sau khi đọc di chúc của cha mình không ai nhận tiền thừa kế. Họ lý giải rất giản dị rằng họ là những người bình thường và hoàn toàn có thể tự lao động, tự kiếm sống được thay vì sống nhờ vào gia tài kết dư của cha mình để lại. Lại thêm 9 người con điên và ngu xuẩn nhất đời? Tự cô chí kim chưa bao giờ nghe tới.

Tương tự, tỉ phú Warren Buffett, sống rất đơn giản như người trung lưu, viết di chúc chỉ để lại 10% tài sản của mình cho con, còn lại là làm từ thiện. Tuy nhiên, ba người con, dù không phải quá giàu có, cũng từ chối và hứa sẽ dành luôn số tiền 10% thừa hưởng đó cho từ thiện nếu nay mai cha mình chết. Những người này là bô tát sống giữa chợ đời hay là những kẻ điên dại?

Những người cha kiên quyết không để lại tiền cho con hoặc những người con quyết liệt không nhận tài sản thừa kế chắc chắn không phải là những người không coi trọng đồng tiền, vì hơn ai hết họ đã phải đổ mồ hôi, công sức và trí tuệ cả đời để tạo dựng nên sản nghiệp. Mấy ông cha này ích kỷ, tàn ác và bần tiện làm ra tiền để cho vợ con hưởng thay vì cho người khác và lại có những đứa con đại khờ thay vì oán trách cha mình lại không tranh chấp gia tài? Kinh Phật đã chứng minh: chúng sinh tuy thấy giống nhau nhưng tâm trí bất đồng. Mà những trường hợp hãn hữu này thật là rất đặc thù, hy hữu. Chúng ta không phải là họ và chưa được một phần triệu lần của họ nên chưa hiểu nổi những điều họ nghĩ và làm. Như Phật nói: họ là những người ngược đời thay vì xuôi dòng như những kẻ phàm phu. Điều này cho thấy những kẻ thành công lớn đã giác ngộ, cái kiến tánh của họ khác xa những kẻ vô minh, thất bại.

Những điều họ làm không phải chúng ta không muốn làm nhưng chưa làm được đó thôi vì chúng ta cũng thường hay van vái: Lạy Trời lạy Phật, lạy Chúa cho con trúng số độc đắc thật giàu có, con sẽ giúp đỡ cha mẹ, anh em, bà con, làm điều thiện, bố thí cho kẻ nghèo lẫn hồi lộ Trời, Phật, Chúa bằng cách cúng nhiều tiền cho chùa, cho nhà thờ.

Nên nhớ đồng tiền tự mình cực khổ kiếm ra mà cho hết người ngoài khác với đồng tiền từ trúng số, cờ bạc, thừa tự trên trời rớt xuống, hai cái có này rất khác nhau. Nhưng Trời, Phật, Chúa thật bất công, mình cầu cho người mà trời, Phật, Chúa không ban cho mình?

Tỷ phú Hong Kong Yu Pang Lin vừa qua đời ở tuổi 93, để lại di chúc hiến toàn bộ tài sản trị giá khoảng 2 tỉ USD cho hoạt động từ thiện. Yu Pang Lin khẳng định: Nếu các con tôi giỏi hơn tôi thì chẳng cần phải để nhiều tiền cho chúng. Nếu chúng kém cỏi thì có cho nhiều tiền cũng chỉ có hại cho chúng nó mà thôi.”

Những người vĩ nhân này không phải họ không phải không để gì lại cho con cái mình. Họ để lại cho con mình những cái cao siêu hơn mà không ai lấy được. Họ biết có một thứ còn quý giá hơn tiền, quan trọng hơn tiền, đó chính là trách nhiệm, mà trước hết là trách nhiệm với chính mình, rồi trách nhiệm với gia đình, cộng đồng, xã hội, quốc gia và thế giới. Họ cũng ý thức được một cách sâu sắc ẩn họa của việc xài những đồng tiền không do chính mình làm ra nếu không có trách nhiệm.

Cho nên, cha mẹ nên để lại cho con cái 2 thứ quan trọng nhất đời trước khi giao lại gia tài, đó là: Tinh thần trách nhiệm bản thân và năng lực thực thi trách nhiệm.

Không để lại hết tiền cho con cái nhưng để lại cho con cái ý thức trách nhiệm và trang bị cho con mình năng lực để tự chịu trách nhiệm thông qua cách làm người, trách nhiệm trong đời sống, ấy là đã để lại một sản nghiệp tinh thần đồ sộ cho con cái rồi. Vì tôi chưa được giác ngộ như họ nên không hiểu “trách nhiệm” là cái quái gì mà nó đồ sộ như vậy? ‘Trách nhiệm’ có cầm ăn khi đói được không? Có thể vì những kẻ thua thiệt, phàm phu tục tử như chúng ta không bao giờ nghĩ tới, làm được như những bậc đại phú đại đức này vì vậy mà đa số chúng ta sẽ không bao giờ thành công và trở thành đại phú? Thà không làm đại phú còn hơn phải cúng hết gia tài của mình cho từ thiện, cho xã hội?

Cảnh Cáo: Nếu mình may mắn giàu có rồi đại đột quyết định để hết gia tài cho người ngoài thì phải phải xin phép vợ trước. Có thể vợ mình vô minh, không được như vợ của Bill Gates, cũng đồng ý với chủ trương của chồng? Thứ hai, là không thể nói ra cho con cái biết dự định của mình. Vì nói ra chỉ hại mình, hại nó, hại vợ trừ khi mình bắt chước Phật trốn nhà đi tu sau khi xả hết của cải. Tôi không cần phải khuyên quý vị nên làm hay không nên làm những điều trên vì chính tôi cũng chưa điên dại để làm như vậy. Dường như giác ngộ và bỏ thí không phải là hành động khôn ngoan tí nào cho những kẻ ưa thuận dòng như chúng ta? Không chừng một ngày nào đó khi mà chúng ta trở thành tỷ phú ở Mỹ thì có thể mình sẽ giác ngộ, bỏ thí, xả bỏ tất cả cho xã hội, cho nhân loại như họ. Dễ quá mà cứ phù hộ cho tôi thành tỷ phú rồi tôi sẽ giúp cả thế giới. Nhưng may mắn cho chúng ta vì chúng ta chưa được giàu như họ cho nên chúng ta chưa ngu muội, điên khùng xả hết tài sản của mình như họ được.

42. Trò chơi của Tâm Thức

Thực ra, tất cả chỉ là trò chơi của tâm thức (mind game,) chúng ta chỉ có sử dụng chưa tới 4% khả năng của não bộ. Có thể, nhà bác học Albert Einstein cũng đã chỉ sử dụng có 6% não của ông ta. Chúng ta chỉ cầu mong sử dụng được từ 6% cho tới 8% của não bộ là sẽ có được những khả năng phi thường rồi.

Để bớt khổ trong cuộc sống, chúng ta cần phải tràn hy vọng và nên đầy ước mơ cho dù ước mơ đó chưa thành sự thật. Vấn đề là chúng ta có lạc quan, dám quyết tâm và tự lực theo đuổi những ước mơ đó và kiên nhẫn làm bất cứ giá nào để đạt được nó.

Những người cầu nguyện hay quán tưởng, khi chú tâm mãnh liệt vào một mục đích nào đó thì sẽ phát ra những làn sóng cực mạnh, và nếu có nhiều người cùng cầu nguyện với

sự thành tâm hướng về một đối tượng chung thì những làn sóng này sẽ hòa vào nhau tạo ra một sự rung động cộng hưởng (resonance) và năng lực của nó mạnh vô song, có thể thay đổi sự rung động của vật chất, và từ đó làm thay đổi sự vật mà danh từ phổ thông gọi là "phép lạ," miracle.

Theo khoa học vật lý lượng tử (quantum physics) thì tất cả sự vật đều là những lượng tử rung động với tần số (frequency) khác nhau. Nếu biết thay đổi tần số rung động của lượng tử thì thay đổi được vật chất. Vạn vật lẫn ý thức có khả năng thay đổi tần số rung động. Vì tâm không phải là vật chất nên không ai có thể thấy được tâm ý, nhưng người ta có thể cảm và đo được điện sóng não tượng trưng cho sự hoạt động của tâm thức. Khi tâm ý suy nghĩ quá nhiều thì người ta đo được sóng não ở dạng beta (sóng beta có tần số từ 14 đến 30 Hz (Hertz) trong một giây.) Khi suy nghĩ bớt dần thì sóng não ở dạng alpha (sóng alpha có tần số từ 9 đến 13 Hz.) Khi lắng hơn nữa thì sóng ở dạng theta (sóng theta có tần số từ 4 đến 8 Hz.) Và khi tâm hoàn toàn yên lặng nghỉ ngơi thì sóng ở dạng delta (sóng delta có tần số từ 1 đến 3 Hz.)

Mong cầu đơn giản chỉ là một sự chú tâm như tia sáng laser của năng lực (energy) về một mục đích mong muốn. Nhưng đa số ý chí, tự lực hướng tâm của chúng ta rất yếu ớt thiếu tập trung nên không đủ tạo ra sức mạnh thay đổi sự vật cho nên chúng ta vẫn cần vào tha lực để hỗ trợ cho tự lực. Người tu thiền định hay thiền chỉ trên hình thức ngồi tham thiền cũng tương tự như người mong cầu là tập trung để định tâm. Khi sự hướng tâm hay định tâm tới mức cùng cực thì họ cũng có thể đạt được huệ là khả năng hay thần thông thay đổi sự vật tùy tâm.

"Tâm sinh các pháp sinh, tâm diệt các pháp diệt," nếu chúng ta không tu thiền hay nhập định được thì có thể cầu nguyện, và nếu cầu mong hết sức thành tâm thì phép lạ (huệ) có thể xảy ra. Tuy nhiên, theo luật của vũ trụ hay pháp giới nếu sự cầu mong mang tính chất vị ngã, ích kỷ, tham lam, sân hận, ngu si thì dù có thành tâm cách mấy đi nữa cũng không thành như ý mà sẽ đạt được cái mình không ngờ nhất.

Biết trò chơi của Tâm, thuận theo Tâm và làm được như vậy chúng ta sẽ cảm được cái tha lực của cầu mong. Nên nhớ, luôn luôn lạc quan, positive vì vũ trụ không biết bi quan lẫn negative. Vũ trụ tự nó không nhị nguyên (non-dualism,) cho nên vũ trụ chỉ cho ta những cái có, cộng (positive) trong vũ trụ chứ không cho ta cái không, trừ (negative) trong vũ trụ. Chẳng hạn, nếu chúng ta cầu mong 'không nợ,' vũ trụ không biết chữ 'không' nên sẽ cho ta 'nợ.' Nếu chúng ta mong cầu có 'nợ' thì tốt nhất là mong cầu bắt đắc. Tương tự, nếu chúng ta cầu mong 'không giàu' thì vũ trụ sẽ cho ta 'giàu,' cũng là cầu bắt đắc. Thử cầu mong, 'lạy trời, lạy Phật cho con không khổ đau, không nợ, thoát nạn, thoát bệnh' thử xem chúng ta được cái gì? Cái này gọi là cầu cái 'không' mà được cái 'có,' khô. Ngược lại, 'lạy trời, lạy Phật cho con khổ đau, nợ nần, hoạn nạn, bệnh hoạn' thử xem chúng ta được cái gì? Cầu bắt đắc, sướng? Hay thử mong cầu: khỏe mạnh, hạnh phúc, may mắn, giàu có, danh vọng, thành công, xem mình có được không? Người lạc quan tin tưởng mình sẽ được vũ trụ cho mình tất cả nếu cầu positive vì vũ trụ dư giả, đầy những thứ này để cho mình. Vũ trụ không có 'không' nên không thể cho mình cái không có.

Vì đây là trò chơi của con người mà lục căn và tham sân si không phải là tam độc và lục tặc như chúng ta thường nghe các tăng ni giảng giải theo kinh điển là phải diệt nó để được giác ngộ. Tam Độc và Lục Tặc chính là 6 thân thông và 3 thứ bửu bôi, những vũ khí hữu hiệu, động cơ thúc đẩy, và mãnh lực rất quan trọng cho sự thắng bại trong trò chơi tâm thức này. Biết dùng nó đúng cách, đúng lúc, và đúng chỗ, không thái quá sẽ tạo được những điều mình mong muốn trên đời cho mình, cho gia đình lẫn cho người rồi hãy mong cầu giác ngộ sau khi đã thành công mỹ mãn, sống đời đáng sống, hữu ích cho nhân quần và xã hội. Chỉ có những bậc thánh nhân hay bồ tát đã giác ngộ, quán tự tại mới kiến được cái ngũ uẩn giai không, không còn tham sân si để mà vô cầu. Họ là những bậc đã xuất thế gian không vướng bận với những trò chơi trần tục này.

43. Tâm Vô Cầu

Cầu không được khổ, cầu được cũng khổ, không cầu thì an lạc, “Cầu bất đắc khổ, cầu đắc diệc khổ, vô cầu nhi lạc.” Cho nên, “Nội vô sở đắc, ngoại vô sở cầu,” trong không chấp được, ngoài không chỗ cầu. Vô cầu là đã lìa tâm phan duyên, gần đạt tới tâm không. Hiểu được triết lý của Phật Giáo này thì đạt được tâm vô cầu.

Khi đã đạt được tâm vô cầu thì có thể làm chủ được bản thân, kiểm soát được ý nghĩ, hết vọng tưởng, hết nghi ngờ, không bị ngoại cảnh chi phối, tâm thức tĩnh lặng, xóa bỏ được nghiệp chướng cả tốt lẫn xấu. Người đạt được tâm vô cầu sẽ ở trong một trạng thái vô cùng trong sáng, thoải mái, hết mọi khổ đau, phiền não mà Phật Giáo gọi là Niết Bàn đó là mục đích gần như cuối cùng của bất cứ người xuất gia theo Đạo Phật nào trước khi thành Phật.

Trước khi đạt được tâm vô cầu thì chúng ta cũng sẽ đạt cầu chúng đắc hay muốn gì được nấy. Khi an tâm kiến tánh thì 6 căn cũng thanh tịnh chúng ta có thể nghe mọi âm thanh trong vũ trụ và nhìn xuyên không gian để thấy trước những duyên nghiệp sẽ đến, thấy được quang phổ từ màu đỏ đến màu tím. Sóng não có thể “bắt sóng” được những sắc chất ở tần số khác, ví dụ như sóng siêu ngắn (một loại sóng có thể xuyên qua vật cản, dùng trong thông tin vũ trụ,) với sức nhìn không hạn chế. Có khả năng biết được suy nghĩ và tư tưởng của kẻ khác thụ được sóng não của người khác và hiểu họ đang nghĩ gì xa hơn nữa có khả năng nhìn thấy hào quang của chúng sinh, biết được nhân duyên nghiệp quả của mình và của người khác đã được tàng trữ từ A Lại Da Thức tương tự như information technology ngày nay chẳng hạn tìm (search) những dữ kiện trên Google database, hay trên social media, Facebook, ... Có khả năng di chuyển tùy ý trong không gian không bị hạn chế, có thể tạo ra vật chất như internet, emails, cloud, smart phones, skype, teleconferences. TV, ... Khoa học ngày nay thừa nhận có sự tồn tại của chiều không gian thứ 4, người bước vào chiều không gian này có thể đi đến bất cứ đâu trong không gian 3 chiều, một niệm là tới. Khi chúng ta quán tự tại, biết thấy nghe được nguyên ủy của những gì sẽ đến sẽ đi, không đến không đi. Tức khắc niệm ngộ, chúng ta sẽ bất ngờ ngộ được hạnh mong vô cầu thay vì vẫn mong cầu. Cho nên, mong cầu là vô cầu. Vô cầu là mong cầu. Không có gì là huyền bí như ta nghĩ vì như đã nói trên, đây là những điều mà khoa học lẫn y học đã đạt được, đã tái khám phá với những kỹ thuật hiện đại như cloning, thay đổi DNA, thụ thai nhân tạo, radar, satellite, TV, radio, smart phone, internet, computer, phi thuyền, kính hiển vi, viễn vọng kính, đọc được những tín hiệu từ

não bộ, special digital camera chụp được energy, chứng minh thuyết big bang, tìm ra holographic universe, quantum entanglement, god particle, và tương lai sẽ là quantum computer technology. Tất cả những gì khoa học đã, đang và sẽ tái khám phá đã được Đức Thế Tôn nói đến từ hơn 2500 năm trước. Tất cả đã có sẵn trong vũ trụ và được lưu trữ trong thư viện (database) của A Lại Da Thức, không có cái gì là phát minh hay khám phá mới mẽ cả. Muốn tìm tòi, quan sát thì nó hiện hữu, không tìm tòi quan sát thì nó không hiện hữu. Đức Thế Tôn đã thuyết về Lý Không Tính này trong kinh điển Đại Thừa: Không có người quan sát, không có vật được quan sát. Tất cả do tâm tạo! Chân lý Phật Giáo còn tiến xa hơn nơi khoa học dừng lại bây giờ, từ 2600 năm trước và sẽ vượt qua khoa học tới hàng ngàn năm sau.

Khó hiểu hơn nữa là tại sao những khoa học gia tìm ra được những văn minh kỹ thuật trên? Câu trả lời logic là nhờ họ tìm tòi, học hỏi, thí nghiệm, kinh nghiệm rồi thì hiểu ra và phát minh, chế tạo, ứng dụng, và cải tiến làm cho đời sống đầy tiện nghi và văn minh hơn. Nhưng những cái kiến thức này của con người từ đâu mà có, ai dạy cho họ, tự nhiên thiên khiêu trời sinh mà có? Có thể tạm giải thích, những kiến thức này có được là từ những kinh nghiệm lịch sử hay của riêng từng cá nhân được tiếp nối từ quá khứ bởi duyên nghiệp. Phật Giáo gọi là luật nhân quả (cause & effect) và lý nhân duyên (12 causal conditions.) Đơn giản, gieo nhân bây giờ thì gặt quả tương lai, mong cầu thì xảy ra, sẽ làm được dù chưa chắc đúng như ý mình mong muốn vì nhân duyên có thể chưa kết đúng quả. Chúng ta dù có thể không hoàn toàn đồng ý với những câu trả lời một chiều trên nhưng cũng phiến phiến tạm chấp nhận vì nó có vẻ logic tuy chúng ta không thể khẳng định rằng nó có thật sự đúng như vậy?

Tuy nhiên, nếu tôi trình bày như sau đây thì chắc chắn đa số sẽ phản đối cho tôi là điên: Những kiến thức khoa học trên đây mà chúng ta biết được là từ tương lai mà có được. Chúng ta đang kinh nghiệm hay thừa hưởng những cái gì chúng ta chưa kịp mong muốn, chưa cầu đã đắc. Thí dụ, một nước chậm tiến muốn bắt kịp những văn minh kỹ thuật của một cường quốc trên thế giới phải mất đến rất nhiều năm mà khi đã học được những kỹ thuật của họ thì họ đã tiến bộ quá xa hơn mình. Những cái điều mà mình tự học từ họ đã lỗi thời mà có thể học sai lạc trừ khi chính họ dạy hay cho mình những kỹ thuật đó. Cách học tốt nhất là được họ thật tâm truyền lại cho mình hay học lóm, hay ăn cắp.

Những văn minh kỹ thuật hiện đại thay đổi vượt bậc từng 6 tháng nhất là trong ngành Information Technology. Lịch sử đã cho thấy, từ khi có con người đến bây giờ chưa bao giờ chúng ta tiến bộ quá nhanh như vậy trong vòng 80 năm nay và nhất là 40 năm vừa qua nếu không có sự giúp đỡ của chúng sinh ở nơi khác? Sau Đệ Nhị Thế Chiến, các nhà bác học của Đức Quốc Xã đã thú thật, sở dĩ nước Đức có những kỹ thuật cao hơn Đồng Minh là nhờ họ được sự giúp đỡ của “other side,” the aliens, time travelers? Nếu chấp nhận lý thuyết này thì chúng ta sẽ công nhận luật ‘quả xảy ra trước nhân.’ Ta tương lai đi ngược thời gian trở về quá khứ để dạy Ta trong quá khứ. Khoa học chưa tìm ra phương cách để đi về quá khứ lẫn tương lai nhưng các khoa học gia đều đồng ý là lý thuyết time travel này có thể thực hiện được (possible.) Phật Thích Ca có thể là Time Traveler và tất cả chúng ta cũng là Time Travelers. Cho nên Đức Thế Tôn đã dùng ngôn ngữ của 3000 năm về trước để nói cho chúng ta biết những điều này: Ta là Phật đã giác ngộ, chúng sinh là những Phật chưa giác ngộ. Chúng ta đã là Phật nhưng không biết (vô minh) vì đang sở trụ vào thế giới ảo mà tưởng là nơi hữu thường rồi mong muốn ở lại;

cho đến khi phải trở về bằng cách burót qua cửa vô môn quan, stargate hay cửa Tử mới ngộ ra là tất cả chỉ là ảo. Vô môn quan đứng giữa mong cầu và vô cầu. Chúng ta không thể mang cái mong cầu qua cửa Không. Sống chỉ là cõi tạm, chết mới là nơi về (sống gởi, thác về!)

Cái tư tưởng quả đã xảy ra trước nhân, effect preceded cause và lý nhân duyên đã chín quả trước khi đơm hoa này rất là mới lạ cho nhân sinh quan của thế kỷ thứ 21 này, ít có người đề cập tới. Nói theo danh từ của kỹ sư thì đó là reversed engineering, đi từ kết quả (outcome) trở về gốc (rootcause) để sửa trở ngại (fix problem.) Cho nên những điều Ta biết hay mong muốn là nhờ ‘Ta của tương lai’ trở lại hiện tại, hay từ tương lai trở lại quá khứ để chỉ cho ‘Ta hiện tại’ những kiến thức và dạy cho ta biết ứng dụng, thực hành và chế tạo ra những tiện nghi vật chất lần dạy cho ta những trí tuệ văn minh của tương lai. Những điều này thuộc không gian 4 chiều (4th Dimension) mà khoa học đã biết tới (time traveling, Ngã là alien của chính Ta.) Khoa học chưa thể chứng minh hay giải thích tới vì những khoa học gia này vẫn còn chấp niệm nguyên chỉ nghĩ đến vật chất, giới hạn, du hành thay vì tâm thức, không giới hạn, du hành. Họ chưa nghĩ ra không hẳn là họ không bao giờ có thể thực hiện được trong tương lai. Họ cũng đã hiểu được lý thuyết hợp tan của ngũ uẩn (information) khi vật chất đi qua wormhole. Tôi đã mạo muội, lạm bàn, đề cập, dẫn chứng lẫn chứng minh bằng toán học về những tư duy nữa điên nữa tỉnh bất khả thuyết này trong cuốn sách Vô Tự Kinh cũng như trong các bài viết khác về Phật Giáo trên Internet.

Như đã nói ở trên, vạn vật do tâm tạo! Vạn vật là energy; Energy là vạn vật! Chúng ta có khả năng cảm nhận, ngay cả thấy được energy nhưng chúng ta không để ý đây thôi. Cũng như chúng ta ít khi quán niệm hơi thở cho đến khi không thở được mới biết mình cần thở để sống. Khi kiến được nguyên tắc này, chúng ta có thể biết khi nào energy (ki, khí) nó đến, khi nào nó sẽ đi, nó ở đâu để đón bắt hay tránh đi. Khi những nghiệp chướng (xấu hay tốt) này đến với ta trong dạng thức của năng lượng (energy) nó hòa hợp với energy trong ta trở thành một, nhất nguyên (unity, force of one.) Không có sự phân biệt nhị nguyên (dualism,) energy của trong ta hay từ ngoài đến. Không có cái energy của ta hay energy của không ta mà energy là energy. Đó là Vô Ngã ! Cái nguồn năng lượng vô thủy vô chung, vô sanh vô diệt này như lửa tam muội có thể đốt cháy tâm can của ta hay có thể như nước Cam Lộ của Đức Quan Âm Bồ Tát làm cho tâm lòng ta thoải mái, an tịnh. Phật Giáo gọi là bất khả tư nghì, chúng ta chỉ thấy như vậy, nó là như vậy, có cái này thì có cái kia, do nghiệp quả, nhân duyên hợp rồi tan. Chúng sinh, trong đó có con người, vì do ngũ uẩn hội tụ từ energy trong vũ trụ mà hiện hữu cho nên không thể thoát khỏi được luật chi phối của vũ trụ. Khi lục căn tiếp xúc với lục trần thì nó sẽ xảy ra những nghiệp chướng như vậy dù có thần thông cũng không thoát, đón, bắt, tránh khỏi được luật sinh trụ hoại diệt của vũ trụ. Tuy nhiên đừng vội bi quan, chúng ta không cần sống lâu trăm tuổi nhưng chỉ cần đón, bắt, chụp, tránh những nghiệp chướng đó giữa chu kỳ vô thường của sinh và tử là chúng ta sẽ được vạn sự như ý, bắt được cái không, tránh được cái có, chộp được cái ảo. Được cái hữu thường trong vô thường. Một kiếp nhân sinh cho là 100 năm đó chính là một chu kỳ (life cycle) của sinh, lão, bệnh tử. Chúng ta đi qua cửa vô môn quan, cái vòng tử sinh, sinh tử này rất nhiều kiếp hay nói cách khác là chúng ta đã du hành trong vũ trụ từ vô lượng kiếp (từ 70,000 + nhưng chưa tới 84,000 kiếp.) Trong vòng 100 năm có 10 chu kỳ thịnh suy, mỗi tiểu chu kỳ này chừng 10 năm.

Biết được những chi tiết của vòng nhân duyên này là biết được định mệnh của chính mình lẫn tha nhân và ngay cả chúng sinh trên cõi Ta Bà.

Sắc là Năng lực; Năng lực là Sắc! Năng lực là Năng lực! Không có năng lực của ta hay năng lực của người/ngoại vật mà chỉ Năng lực. Tất cả là một, trống không của Vô Ngã nhưng đầy tràn cái trống không. Form is Energy; Energy is Form! Energy is Energy! There is neither energy of self nor energy of other forms but energy. All is part of a whole, Empty of no-self but full of emptiness. (Tru Le)

Làm sao đạt được Tâm vô cầu? Điều này bất khả tư nghì, không thể lạm bàn nhưng cũng có thể tạm giải thích: Để đạt Tâm vô cầu, không có gì hơn là phải Thiền nhưng cũng có những trường hợp ngoại lệ không cần tu thiền vẫn có được Tâm vô cầu. Trên lý thuyết thì có vẻ rất dễ dàng, chỉ cần diệt được Tham lam, Sân hận, Si ngu là đủ. Nhưng thực tế thì không hẳn như thế, trước tiên ta phải giảm thiểu cho đến từ bỏ 5 ham muốn phạm phu (Ngũ uẩn hay Năm ấm.) Kết hợp với quán chiếu tính Không của vạn vật vì tất cả là vô thường, hư ảo, được hôm nay, mai lại mất, không nên vương vấn, có thì tốt, không có thì thôi, chịu khó làm là có. Nghĩ được như thế là ta đã dẹp được tham lam rồi đó, khi Tham diệt thì Sân và Si cũng vơi đi ít nhiều, vì khi lòng Tham không được toại nguyện thì Sân nổi dậy rồi thì Si khởi, làm điều bông bột thiếu suy nghĩ. Để dẹp bỏ Sân thì trong khi thiền định phải Quán Từ Bi, trái lòng thương yêu mọi loài chúng sinh, kể cả hữu hình hay vô hình trong thế giới này hay thế giới khác. Quán Trí Tuệ, trong cuộc sống phải biết nhẫn nhịn, tri túc tiện túc đó hành động của bậc thánh nhân quân tử. Có được Phước Đức, thì nên hồi hướng vô lượng công đức cho chúng sinh. Chỉ cần dẹp bỏ Tham và Sân là chúng ta đã sáng suốt lắm rồi, cái Si không còn cơ hội tồn tại nữa. Khi Tham, Sân, Si bị tiêu diệt thì tâm vô cầu sẽ hiển lộ. Đó là bản lai diện mục, hay Phật tính của ta hiển lộ, chúng ta sẽ Tri Kiến Phật. Bản Tâm của chúng ta đã có Thần Thông, Từ Bi, Trí Tuệ. Nên nhớ chỉ cần 1 trong 5 ấm (Ngũ uẩn) nổi lên trong giây phút là công phu của ta giảm sút tức khắc vì thế phải biết minh tâm, chính tư duy để kèm chế tâm thân đặc biệt là buông Xả.

Buông xả - ngoại cảnh, sáu căn, sáu thức. Nếu buông xả hết ba cái đó thì sẽ có Tâm Vô Cầu. Tâm Vô Cầu là một phần trong Lòng Bồ Đề của Tri Kiến Phật. Nên nhớ, dù có tu có luyện được thần thông đến đâu mà chưa buông xả được cảnh, thân và tâm thức thì cũng chưa thoát khỏi sanh tử luân hồi, vẫn cầu bất đắc khổ.

44. Tâm Bất Nhị



Tâm bất nhị là tâm không, tâm Phật. Lý Tiểu Long đã ngộ được lý bất nhị của tính không, lòng bồ đề đầy từ bi hỷ xả với chúng sinh và quyền năng của tâm tạo ra sắc (vạn vật.) Ông ta đã biết áp dụng triết lý giác ngộ, bất khả bại này vào Đạo của Triệt Quyền

Đạo. "Voidness is that which stands right in the middle between this and that. The void is all-inclusive, having no opposite--there is nothing which it excludes or opposes. It is living void, because all forms come out of it and whoever realizes the void is filled with life and power and the love of all beings." Bruce Lee, Tao of Jeet Kune Do

Thí dụ khó hiểu hơn, nếu tôi là một nhân vật nổi danh, quả quyết là có thượng đế, có thiên đàng địa ngục thì trên thế giới này sẽ có chừng 5 tỷ người đồng ý với tôi và chừng 2 tỷ người cho tôi là ảo tưởng. Nếu tôi tuyên bố ngược lại, không có thượng đế, không có thiên đàng địa ngục thì cỡ 2 tỷ người đồng ý với tôi và chừng 5 tỷ cho tôi là vô thần, phạm thượng. Nhưng nếu tôi đổ thừa cho Phật, nói là Phật nói: Cả hai phân biệt nhị nguyên ở trên đều là Không của Không. Thì có thể có chừng vài triệu người, không bình thường như tôi, biết tôi nói gì và chừng 600,000,000 người tin tôi vì tưởng là tôi mượn ngôn ngữ của Phật? Số còn lại, hơn 6 tỷ người, không biết tôi nói gì để mà tranh luận cho một xác? Đây là vấn đề then chốt mà những đấng chân tu sau khi đạt giác ngộ họ không trở lại để dạy bảo chúng sinh trừ Đức Phật Thích Ca (Teaching Buddha.)

Liên tục thiền quán trong 7 tuần tại Bodha Gaya, Đức Thế Tôn đã đạt được vô thượng chánh đẳng, chánh giác, chứng được giáo lý có công năng mở cửa bất tử, diệt tận khổ đau và đem lại Niết Bàn an tịnh. Giáo lý mà Ngài chứng ngộ gọi là Pháp, là Qui luật, Giáo lý của sự giải thoát, không phải sự cứu rỗi do trung gian của thần quyền ngoại giới nào. Giáo pháp này thâm diệu, khó hiểu, khó ngộ cho nên Đức Phật do dự, đắn đo có nên im lặng muốn tịch diệt niết bàn hay giảng giáo pháp này cho chúng sinh cho tới khi nhận lời cầu thỉnh của Phạm thiên Shampati. Ngài trở lại Benares (Vườn Nai), giảng bài pháp đầu tiên "Chuyên Pháp Luân" (Dharmacakrapravartana Sutra) cho năm tu sĩ đã từng theo Ngài trước kia. Trong bài pháp ấy đề cập đến Tứ Diệu Đế và kể đến là bài pháp giảng về Vô Ngã (Anatman), nói lên tính chất vô ngã của tất cả hiện tượng vật thể: Không có Ngã và cũng không có gì thuộc về Ngã. Bài pháp tại Benares đã mở đầu cho cuộc du hóa của Phật suốt 45 năm sau này (531-486). Ngài đã đi khắp vùng Trung Ấn Hà để giảng giáo pháp, thuyết phục ngoại đạo, hóa độ đổ chúng vào Tăng đoàn. Tăng đoàn được Phật thành lập chỉ là một đoàn thể giống như những đoàn thể tôn giáo khác đang tồn tại lúc ấy.

Những thắc mắc của nhân sinh, có chứng đắc hay không có đắc chứng? Có giác ngộ hay không có ngộ giác? Có khổ đau hay không có đau khổ? Có cứu độ hay không có độ cứu? Có thật hay không có thật? Thuyết hay không thuyết? Phật Giáo giải quyết những công án này rất rõ ràng mạch lạc, rất logic và khoa học luận lý.

Chúng sinh, không cần phải là Phật Tử, quy y hay không quy y, muốn vào cửa vô môn quan của đạo Phật thì phải tu hành, hay thiền định mới biết được tâm bất nhị, mới kiến được tánh không, mới giác được tâm không, và mới ngộ được không của không. Còn những cái mong cầu, vô cầu, vô niệm lắm lắm không cần thiết để nhắc đến. Đạo Phật là đạo của vũ trụ của chúng sinh kể cả nhân sinh. Ai cũng tham khảo và học hỏi được mà không cần phải làm Phật Tử hay quy y. Điểm đặc thù của Phật Giáo là không bắt buộc chúng ta phải thành Phật vì tất cả chúng ta đã là Phật rồi nhưng vì vô minh nên chưa giác ngộ đầy thôi.

Khi mà vô sở vô trụ, minh tâm kiến tánh, vượt ngoài đối đãi nhị nguyên, thì mới chứng nhập được bản thể bất nhị, trở về với vũ trụ nguyên thủy, đó là bản tâm, là kỳ tâm, là lòng

Bồ Đề, là Tri Kiến Phật, là God hay là Không là gì cả, vô ngã. Đến đó, thì không có câu hỏi, không có câu trả lời, không còn lời gì để diễn tả luận bàn, không có đối tượng, không có chủ thể để mà thuyết pháp. Không có tự lực cầu xin, không có tha lực ban xin. Không tư duy cũng tự ngộ được Không của Không! (Emptiness of Emptiness!) Đó là Giác Ngộ được cái Ngộ Không, được cái Không Ngộ của Giác Ngộ. Ngộ Không, Không Ngộ!



Long Nữ Thọ Phật

Tôi xin ra bài kệ

Không - Có - Mê - Tỉnh!

*Mê Ngộ, Ngộ tướng Ngộ tỉnh Ngộ.
Tỉnh Ngộ, Ngộ tướng Ngộ mê ngộ,
Không Ngộ, Ngộ tướng Ngộ có ngộ.
Có Ngộ, Ngộ tướng Ngộ không ngộ,*

<i>Mê</i>	<i>Ngộ,</i>	<i>Ngộ</i>	<i>tướng</i>	<i>Ngộ</i>	<i>tỉnh</i>	<i>Ngộ</i>
<i>Tỉnh</i>	<i>Ngộ,</i>	<i>Ngộ</i>	<i>tướng</i>	<i>Ngộ</i>	<i>mê</i>	<i>Ngộ</i>
<i>Không</i>	<i>Ngộ,</i>	<i>Ngộ</i>	<i>tướng</i>	<i>Ngộ</i>	<i>có</i>	<i>Ngộ</i>
<i>Có</i>	<i>Ngộ,</i>	<i>Ngộ</i>	<i>tướng</i>	<i>Ngộ</i>	<i>không</i>	<i>Ngộ</i>

*Tỉnh mê có không,
Mê tỉnh không có.*

*

*Ngộ tỉnh mê không có,
Ngộ mê tỉnh có không.*

Ngộ có không mê tỉnh,
Ngộ không có tỉnh mê.

Ngộ	tỉnh	mê	không	có
Ngộ	mê	tỉnh	có	không
Ngộ	có	không	mê	tỉnh
Ngộ	không	có	tỉnh	mê

Tỉnh tỉnh mê mê,
Không không có có.

*

Ngộ mê tỉnh có không,
Ngộ tỉnh mê không có.
Ngộ không có mê tỉnh,
Ngộ có tỉnh không mê.

Ngộ	mê	tỉnh	có	không
Ngộ	tỉnh	mê	không	có
Ngộ	không	có	mê	tỉnh
Ngộ	có	tỉnh	không	mê

Mê mê mê mê,
Có có không không.

*

Mê Ngộ, Ngộ biết Ngộ mê ngộ.
Tỉnh Ngộ, Ngộ biết Ngộ tỉnh ngộ,
Không Ngộ, Ngộ biết Ngộ không ngộ.
Có Ngộ, Ngộ biết Ngộ có ngộ.

Mê	Ngộ,	Ngộ	biết	Ngộ	mê	Ngộ
Tỉnh	Ngộ,	Ngộ	biết	Ngộ	tỉnh	Ngộ
Không	Ngộ,	Ngộ	biết	Ngộ	không	Ngộ
Có	Ngộ,	Ngộ	biết	Ngộ	có	Ngộ

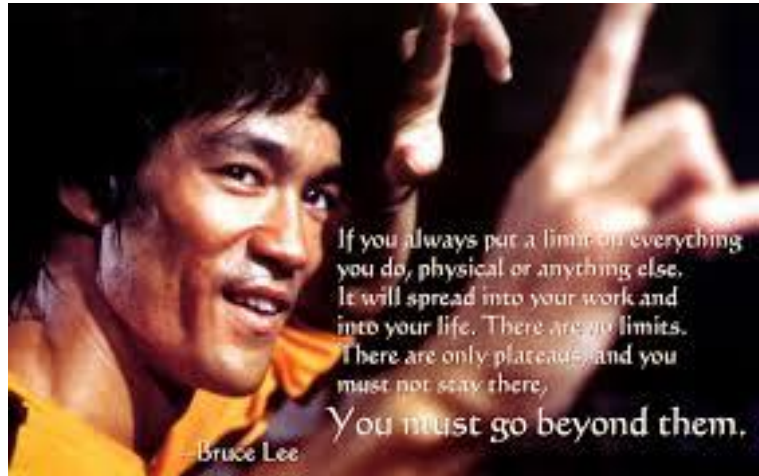
Mê tỉnh không có,
Mê tỉnh không có.
(Lê Huy Trứ)

(Chú thích: **Ngộ**, âm tiếng Tàu là Tôi và **Ngộ** cũng là giác ngộ. **Ngộ** là **Ngộ**!)

Bài thơ trên đây, đọc xuôi đọc ngược, đọc từ trái qua phải, từ phải qua trái, dưới lên trên, trên xuống dưới, dọc ngang gì cũng được. Tự nó không sở không trụ mà sanh tâm. “Ứng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm.”

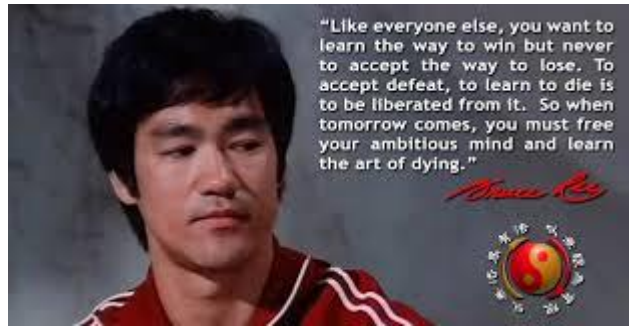
45. Vô Cầu tắc ứng nghiệm

Theo tôi, muốn cầu mong (desire, wish) nhưng không lạy lục van xin thì phải như lý, như pháp và như ý mà cầu thì nhất định cầu được. Như lý-pháp-ý là không phải hướng đến Phật và Bồ Tát mà cầu, mà là hướng đến bên trong (nội tâm;) không những chỉ nhìn vào để mà thấy không thôi mà phải nhìn **xuyên thấu qua bờ nội tâm tới bên ngoài Tâm** mà cầu.



Đừng hướng ra ngoài để cầu xin, mà hướng nội để biết tâm mình là chủ nhân. “If there is a God, he is within. You don't ask God to give you things; you depend on God for your inner theme.” Bruce Lee

Quán nơi tâm tánh mà cầu, không phải hướng bên ngoài mà cầu, phải **từ** (from) tâm tánh mà cầu. Cái chìa khóa bí mật của vấn đề là Tâm. Nội Tâm, Ngoại Tâm vẫn là lý luận nhị nguyên chưa phải là bất nhị. Tâm không sở trụ vào bờ vào bến vì không có bờ bến để Tâm sở, để Tâm trụ. Vậy thì Tâm là cái chi, tìm Tâm ở đâu để mà cầu? Tâm, vô thì vô chung, không ở trong ta (Ngã;) không ở ngoài ta mà ta ở trong Tâm. Tâm là Tâm! Kiến được Tâm Tánh thì cầu gì cũng được. Trước khi cầu cái có (hữu thường) thì phải cầu cái Không (emptiness) mới ngộ được cái ‘cầu có’ là cái chi chi? Đó là ý nghĩa của **“Không bao giờ có thể cầu được điều mình đã có!”** Tiếng Anh gọi là, Lost and Found (locate!) Phải mất trước mới tìm ra nó ở đâu. Mà muốn an được Tâm; kiến được Tánh thì trước nhất là phải **không** cầu vì Vô Cầu là Cầu thì lúc đó sẽ ‘nhi sanh kỳ tâm, Tri Kiến Phật.’ Cái chân lý của hạnh mong cầu là vô cầu. Ý nghĩa của bài luận này chỉ tóm gọn trong hai chữ **Vô Cầu** này thôi.



Tại Vạn Phật Thánh Thành, Hòa Thượng Tuyên Hóa đã làm bài kệ nói lên quyết tâm của mình:



Đông tử bất phan duyên,
 Ngạ tử bất hóa duyên,
 Cùng tử bất cầu duyên.
 Tùy duyên bất biến, bất biến tùy duyên,
 Bao định ngã môn tam đại tông chỉ.

*

Xả mạng vì Phật sự,
 Tạo mạng vì bốn sự,
 Chánh mạng vì Tăng sự.
 Tức sự minh lý, minh lý tức sự,
 Thối hành Tổ Sư nhất mạch tâm truyền.

Tạm dịch:

Dù rét chết, không phan duyên;
 Dù đói chết, không van nài;
 Dù nghèo chết, không cầu cạnh.
 Tùy duyên, không đòi; không đòi, tùy duyên;
 Ba Tông Chỉ ấy, ta phải giữ gìn.

*

Xả thân vì Phật sự,
 Tạo mạng vì bốn sự,
 Chánh mạng vì Tăng sự.
 Hiểu sự, rõ lý; rõ lý, hiểu sự;
 Lưu hành mạch phái Tổ Sư tâm truyền.

Ba tông chỉ trên của Hòa Thượng Tuyên Hóa là tông chỉ quyết tâm vì đạo của bất chân tu chứ không phải vì cái tôi đầy tự ái hão. Khác với đoạn đối thoại trích từ Hán văn cổ của Hàn Sơn hỏi Thập Đắc dưới đây:

“Trong thế gian có người phi báng ta, nhục mạ ta, chê cười ta, coi thường ta, chà đạp ta, vậy thì ta phải đối xử thế nào?”

Thập Đắc cười nói:

“Ta chỉ cần nhẫn hấn, nhịn hấn, nhường hấn, tránh hấn, cung kính hấn, đừng để ý đến hấn, chờ mấy năm sau hãy gặp lại hấn.”

Thập Đắc có thể có ý: Bất đại trượng phu đợi 10 năm sau trả thù cũng chưa muộn hay Người Mỹ cũng từng có câu: Đừng nóng giận hãy trả lại bằng như vậy (Don't get mad; get even!)

Tôi nghĩ, Thập Đắc có thể cũng có ý: Người quân tử đợi 10 năm sau gặp lại “hấn.” “Hấn” đây có thể là người hay chính Ta. Dĩ nhiên, 10 năm nữa mình phải thành công để đối diện với chính bản tâm của mình lần đối phó với người chứ vẫn thất bại, thua kém, trí tuệ không tiến bộ thì 100 năm nữa cũng nên trốn chui, trốn nhủi thay vì đối diện với mình với người.

Lời trả lời úp mở của Thập Đắc trong đoạn đối thoại trên quả thực đã bao hàm rất nhiều tính triết lý của cuộc đời, trong đó tha thứ là một loại triết học rất trọng yếu của đời người đối với bất hiền trí. Cả cuộc đời của mỗi cá nhân phải dùng tâm tha thứ cho ít nhất 2 người. Đó là, tha thứ cho mình và cho người. Tóm lại, sống trong thù hận, oán ghét chỉ làm hại sức khỏe của mình chứ không giết hại được ai cả. Cho nên dù là thánh hay phạm nhân thì phải hiểu cái nguyên lý nhân sinh quan này càng sớm càng tốt trước khi nó quá muộn trong cuộc đời đầy ngắn ngủi tạm bợ này. Tha thứ cho mình còn có nghĩa là sống cho chính mình; tha thứ cho người còn có nghĩa là không cần phải sống cho họ.

46. Mong cầu vô công đức

Phụng Sò, Bàn Thông, trong Tam Quốc Chí đã tự biện hộ cho cái tính diễn thuyết dài dòng khó hiểu, có khi thì bực trực hơi mất lòng của mình, “Nay thiên hạ đang đại loạn, đạo lý chân chính chẳng thấy đâu, người tốt thì ít, kẻ ác thì nhiều. Tôi muốn nêu tỏ đạo lý trước phong tục, để mọi người cùng xem trọng mà theo, nên tự nhiên phải bàn đến những điều đặc biệt với người khác, nếu không phải người để tâm xem xét sẽ lĩnh hội được ít, tôi có kể đủ 10 việc, giữa chừng có 5 việc rơi rụng, song nhìn chung còn được một nửa, đủ để đề cao giáo hoá xã hội, khiến kẻ có chí được khích lệ, chẳng phải là việc rất nên ư?”

Tôi không viết không viết! Tôi không biết ‘không biết!’ I don't know don't know! Tôi mạn phép bắt chước các Tổ đồ thừa là Phật dạy, tôi chỉ ‘như thị Ngã văn’ chép lại (cọp dê Phật) để cho mọi người dễ tin tưởng mà học đạo. Đôi khi, không nói thật cũng đã là

nương theo phương pháp ‘không nói thật’ của Phật thuyết trong những kinh điển (Diệu Pháp Liên Hoa, Hoa Nghiêm...) của Đại Thừa, lương y dùng thuốc ảo như là phương tiện để chữa gốc bệnh ảo của chúng sinh ảo. Phật Pháp vô biên cho nên trong Tây Du Ký, Tôn Ngộ Không, đánh cuộc với Phật, cân đầu vên trong nháy mắt cả ngàn dặm mà cũng không thoát khỏi lòng bàn tay của Phật Tổ, rồi thì ‘láu cá’ khi, tè vào lóng tay áp út của Phật để làm chứng là Phật ‘noái’ láo, hay Lão Tôn ‘noái’ thiệt.

Như đã nói, cầu mong cao quý nhất là trước cầu mong thành Phật sau phổ độ chúng sinh. Đối với chúng ta thì đó chỉ là mục đích tối thượng chứ vì chúng ta chưa đạt được tới quả bồ tát để mong cầu thành Phật và cứu độ chúng sinh. Vì cứu mình còn chưa xong mong gì cứu chúng sinh. Hơn nữa, thành Phật khó hơn làm người trần tục cho nên cầu thành Phật để cứu độ chúng sinh là vọng cầu, giả tưởng không thực tế dù có thành tâm phát nguyện. Cho nên, sống thật sự là thật sự sống cho/vì chúng sinh. Bruce Lee said, “Real living is living for others.”

Tôi không mong sống cho mình; tôi cũng không mong sống cho người. Tôi chỉ sống! Tôi không cần nhờ vào những triết lý của Lý Tiểu Long để chứng minh Phật Giáo trong bài Hạnh Mong Vô Cầu này. Ngược lại, Lý Tiểu Long phải nhờ tôi để được chứng minh cái triết lý và nhân sinh quan của ông ta qua quan niệm và lăng kính của Phật Giáo. Tôi viết xong bài Hạnh Mong Vô Cầu này trước khi đọc, và thêm thắc triết lý lẫn những dẫn chứng thích hợp của ông ta vào những đoạn văn trong bài viết này như tôi đã từng làm trong những bài triết lý Phật Giáo khác. Sau khi, tôi bỏ công tìm tòi, nhiên cứu để tái kiểm chứng từ những tài liệu tham khảo trong các kinh điển Phật Giáo Đại Thừa và từ các tư tưởng của các thiện tri thức, học giả, khoa học gia, và triết gia khác như là một ấn chứng (verify & validation) nhân duyên của kiến thức và trí tuệ.

Vậy thì, Tôi có tự cao tự đại, tự cho mình là duy Ngã độc tôn không? Như tôi đã thường đề cập đến cái tánh không của Vô Ngã trong những bài triết lý Phật Giáo trước nay – Tôi không viết một chữ, tôi chưa nói một lời. Tôi không là Ngã. Ngã không là Tôi. Vậy, Tôi là ai? Tôi là Tôi. Ngộ là Ngộ! Ngộ không là Nị, Nị không là Ngộ. Không Ngộ, Không Nị. Ngộ Không; Không Ngộ.

Lý Tiểu Long nói: Nếu tôi bảo anh là tôi giỏi thì anh sẽ nói tôi khoe khoang nhưng nếu tôi nói, tôi không giỏi thì anh sẽ biết là tôi nói láo. “If I tell you I'm good, probably you will say I'm boasting. But if I tell you I'm not good, you'll know I'm lying.” Bruce Lee

Đức Thế Tôn bảo: Nay Tu Bồ Đề, giả như một nam tử hay một nữ nhân nào đó thuộc gia đình cao quý đem tất cả các hành tinh của đại thiên hà này, một thiên hà gồm ngàn ngàn của một ngàn hành tinh có cư dân mà bao phủ tất cả chúng bằng bảy loại châu báu và dâng tặng chúng cho ai đó. Mặc khác, giả như nam tử hay nữ nhân nắm giữ một bài kệ bốn dòng của giáo lý đặc biệt này, và giải thích nó cho những người khác và giảng dạy nó một cách đúng đắn, thành tâm. Do thực hiện hành động thứ hai này, người ấy sẽ tạo ra nhiều công đức so với hành động trước mà việc thiện này chính là vô lượng công đức.

Trong Hành Trang Hạnh Phúc và Khổ Đau trên đường đời, "Taking happiness and suffering along the path" của Karmala Raja Dipa, trong quyển Kỳ yếu lễ Quán đánh

Thiên Thủ Quan Âm by Dalai Lama 24/9/05 ở New York City, Thích Trí Siêu dịch ra tiếng Việt:

“Nếu tôi khỏe mạnh, thì tôi vui mừng vì dùng sức khỏe để tích tụ phước đức. Nguyên cho an vui hạnh phúc tràn khắp bầu trời.

Nếu tôi đau khổ, thì tôi vui mừng vì tôi xin nhận tất cả khổ đau của chúng sinh. Nguyên cho biển khổ luân hồi mau khô cạn.

Nếu tôi bị bệnh, thì tôi vui mừng vì những nghiệp xấu đời trước đang tiêu mòn. Nguyên cho tất cả chúng sinh thoát ly bệnh khổ.

Nếu tôi chết, thì tôi vui mừng vì đó là dịp trở về Pháp Thân. Nguyên cho gốc rễ của sinh tử được chấm dứt.

Nếu tôi sống lâu, thì tôi vui mừng tích tụ phước huệ. Nguyên cho ước nguyện của tôi và mọi loài sớm thành tựu.

Đại ý 5 câu trên là trong bất cứ hoàn cảnh nào (khỏe mạnh, đau khổ, bệnh, chết, sống lâu) chúng ta đều tu được cả. Điều quan trọng là phải tinh thức chuyển hóa tâm ý của mình, lòng dạ lòng luôn vui mừng nhận ra được khía cạnh tốt và tích cực của sự vật.” (Thích Trí Siêu, 7/1/06)

Nguyên bản tiếng Anh:

1/ If I am well, I am happy for I dedicate my well being to accumulating virtue: May happiness and bliss fill the skies!

2/ If I suffer, I am happy for I take upon myself the suffering of all beings: May samsara's ocean of suffering be emptied!

3/ If I am sick, I am happy for I exhaust the bad karma of my many past lives: May all living beings be relieved from pain!

4/ If I die, I am happy for I die into the absolute nature: May the root of rebirth in the cycle of existences be severed!

5/ If I live long, I am happy: through the two accumulations: May both my aims and those of others be spontaneously accomplished!

Tỳ khuru Hộ Pháp, Dhammarakkhita Bhikkhu của Phật Giáo Nguyên Thủy cầu mong, “Phước thiện pháp thí thanh cao này, xin hồi hướng đến tất cả [chúng sinh lẫn] thân quyến của chúng con, từ kiếp hiện tại cho đến vô lượng kiếp trong quá khứ, cầu mong quý vị hoan hỷ thọ nhận phần phước thiện này để thoát khỏi cảnh khổ, được an lạc lâu dài.

Ichchitaṃ patthitaṃ amhaṃ, Khippameva samijjatu. Điều mong ước, ý nguyện của chúng con, Cầu mong sớm được thành tựu như ý.”

Kẻ hèn này không sợ tội nghiệp, không sợ tội nghiệt vì đã ‘nói ảo,’ không có tham vọng cao cầu, không cần tự cầu xin được ‘tâm tinh, thân linh,’ không đủ tư cách để giảng đạo, và không dám mong được công đức. Nếu phải mong cầu thì **tôi xin cầu được may mắn cho mình và cho người**. Nếu vô tình mà ngẫu nhiên có được chút công đức vì đã thành tâm chia sẻ những triết lý Phật Giáo này thì cũng xin hồi hướng tất cả công đức này lại cho chúng sinh.

Hết thấy chúng sinh, tất cả sinh vật, tất cả sinh linh.
Nguyện cầu tất cả, đều được an lành, không gặp ác hại.

Lời nguyện thực hành Bồ Tát Đạo định hướng mục đích cho những phương pháp thiền, tu tập, tụng niệm, cầu nguyện và những pháp tu tâm khác trong Phật giáo, kể cả cho những cư sĩ lẫn Phật Tử trong cuộc sống thường nhật. Bồ Tát nguyện là một lời nguyện thương yêu hết thấy chúng sinh, nó được phản ánh ở trong bài kệ sau:

Nguyện được giác ngộ
Lợi ích chúng sinh
Nguyện thấy mọi loài
Hoàn thành chánh giác
Công đức có được
Hồi hướng mọi loài
Thoát khỏi lìa mê
Cùng sống an lạc
*

Nguyện đem công đức này,
Hương về khắp tất cả,
Đệ tử và chúng sanh,
Đều trọn thành Phật đạo.

47. Tạm Kết

Chúng ta không thể mong cầu cái ‘khổ đau không có hay không có không khổ đau’ ngay cả cầu được khổ đau vì gốc vô minh cũng là ảo cho nên ngọn khổ đau cũng không thật. Có thể vì vậy mà chúng ta thường cầu bất đắc?

Cho nên, trước khi chúng ta cầu mong điều gì thì nên phải hiểu nghiệp nhân quả bao gồm Luật Hấp Dẫn. Những người Âu Mỹ thành công trên đời đã biết đến những điều gieo nhân gặt quả này rồi. “The Law of Attraction is a universal law that states that there is a cause and effect to everything we think and do. If we think about a particular thing, we end up getting it.”

Kể đến là Lý Nhân Duyên bao gồm tần số rung động của những nguyên tử tạo nên năng lượng trong vũ trụ. Muốn kiến được lý nhân duyên phải dùng tâm từ bi, quán tự tại để thấy cái kiến trúc cấu tạo của vũ trụ và quán cái âm rung động này. Nếu biết thuận theo năng lực của vũ trụ thì chúng ta sẽ nắm bắt được tất cả những gì mình mong muốn. “The Law of Vibration that everything in the universe, no matter what it may be, is energy. Energy makes up the entire universe. You place a particle under a very powerful

microscope and you will see molecules. These molecules are in a constant state of movement. If we looked inside a molecule we would see an atom. And inside this atom you will find a proton in the center with an electron circling around. This is energy vibrating. Everything vibrates at different rates or speeds. When the vibration is within our ability or frequency range, we can hear or see the vibrating source of energy. If we become aligned with the universe in vibration, we will be able to attract whatever the vibrations point to. But our thoughts, which go back to our conscious and subconscious, must vibrate in tune to the universe for us to achieve what we wish. This is why we must monitor our thoughts within our conscious and subconscious so as to make sure all input is in vibration or harmony with the universe."

Rồi thì cũng nên kiến được cái lý vô ngã (no-self) và luật vô thường (impermanent) để cầu đúng cánh, được đắc cầu từ vô cầu (không cầu.) Vô thường (non-permanent) diễn tả sự việc trong thế giới này không có cái gì hiện hữu trong một hình tướng luôn luôn cố định. Tất cả các sự vật (sắc, form, matter, nonmatter, dark matter, unknown matter) trong vũ trụ và ngay cả chính vũ trụ hiện hữu tuy vô sanh vô diệt nhưng tự nó đã, đang và sẽ luôn luôn biến thể [the form is neither created nor destroy but transformed] trong từng sátna, trong vòng sinh trụ hoại diệt, vô thủy vô chung, không có điểm khởi đầu hay chấm dứt. Vô ngã (không có cái Ta, không có cái tôi đáng ghét hay đáng thương) có nghĩa là không có cái nhân duyên tạm bợ gì trong vũ trụ này hiện hữu riêng biệt mà không liên hệ (interdependent) với các sự vật khác để mà chấp trước.

Trong Kinh Kim Cang:

"Nhược dĩ sắc kiến ngã,
dĩ âm thanh cầu ngã,
thị nhơn hành tà đạo,
Bất năng kiến Như Lai."

Tạm dịch: Do hình tướng mà thấy Ngã, nghe âm thanh mà cầu Ngã là người thực hành tà đạo, không thể thấy Như Lai được.

Như Lai chính là bản tâm. Chùng nào còn chấp vào hình tướng, âm thanh mà mong cầu cho riêng ta, còn chấp duy ngã độc tôn, thì không thể giác ngộ được. Ta cầu Ta là cầu bản tâm, cầu Như Lai chứ không cầu Ngã.

Gerry Zeitlin, US astrophysicist tuy không là Phật Tử nhưng của ngộ được triết lý của Phật Giáo: Matter is an illusion, full of emptiness. Atoms and quantum particles shows us that "solid matter" don't really exist. It is just an illusion. Tạm dịch, Sắc đầy Không! Vật chất không có thật chỉ là ảo. Vậy thì, nếu tất cả như điện như ảo thì tại sao chúng ta có thể sờ, thấy, cảm được? Đó là vì tất cả do Tâm tưởng. Tâm cũng là ảo cho nên mới sờ, ngửi, nghe, thấy, nếm và tưởng được cái ảo, cái không thực tướng đó và cũng từ đó sinh ra vọng tưởng.

Trong Kinh Kim Cang, Đức Phật có dạy, "Ly nhứt thiết thương, thị danh thực tướng." Áp dụng cho chủ đề của bài này có nghĩa là khi nào lìa bỏ được tất cả các hình tướng bên ngoài, không chấp vào nhân dáng thế này thế khác, chúng ta mới có thể nhận ra thực

tướng của tất cả vạn vật. Vạn vật đều có thực tướng đồng như nhau, chỉ vì nhân quả không đồng, duyên nghiệp khác nhau, cho nên hình tướng bên ngoài có khác. Thực tướng bất sanh bất diệt. Ngộ được thực tướng thì thoát ly sanh tử luân hồi, kiến tánh thành Phật.

“Cuộc đời ảo mộng: đối cảnh trái ý, vừa lòng, không ưa ghét, lấy bỏ, giữ tâm vắng lặng. Thân người ảo tưởng, không phải là ta: đối với bệnh chết, giữ tâm thanh tịnh. Các pháp ảo ảnh: khen chê, thị phi, như gió thoảng mây bay.” Quán ba cái ảo, Thích Trí Siêu

Tất cả vạn vật không có thực tướng (vô tướng) để ta có thể mong cầu. Hiểu được cái chân lý vô tướng vô cầu này thì khi cầu đắc (cầu được ứng nghiệm) cũng không nên sở trụ vào vô tướng hay khi cầu vô, không ứng nghiệm (cầu bất đắc,) cũng sẽ giảm bớt khổ đau cho mình, cho người. Không là được, được là không! Không được, được không!

Lời dài, ý ngắn! Như đã nói ở trên, tất cả giàu sang, thành công, hạnh phúc, khoẻ mạnh, sướng khổ trên đời của nhân sinh chỉ là trò chơi của Tâm. Tương tự, Lục Tổ Huệ Năng cũng đã nói: Tất cả phúc điền đều không rời tâm địa của con người, từ nơi tâm mình mà tìm cầu thì mọi sự đều được cảm ứng. Thuận dòng mà bơi thì nhẹ khổ thân xác lẫn bớt nhọc tâm trí. Hoàn cảnh của mỗi người mỗi khác nhau vì duyên nghiệp không đồng đều cho nên không ai có thể bảo đảm thảo ra được kế hoạch khả quan hay đường lối rõ ràng đầy chi tiết để đưa đến thành công hay thoát khổ cho người khác được trừ chính mình ra.

Tất cả những cái nhân trong vũ trụ đều chứa trong túi càn khôn. Những cái nhân này chẳng phải là sở hữu của duy ngã vì không có Ngã - Vô Ngã. Chúng ta - gần 7 tỷ cái Ta trong một guồng máy nhân sinh; diễn tả theo ý Phật: một cá nhân chỉ như một cọng lá trong 7 tỷ lá trên rừng, một cái lá không làm được rừng lá - chọn hạt để trồng như là ‘nhắm mắt’ (vô minh) bốc thăm, tương tự như trò chơi của may rủi, không ý kiến, không biết hạt nhân nào để chọn. Đa số, chúng ta, mỗi người một việc làm người, bốc thăm nhằm những hạt nhân mình không biết sẽ tạo ra quả gì cho nên thường thất vọng vì gặt được quả khác với ý mong cầu. Tuy nhiên, những điều mình không mong muốn cũng có thể là những điều mà nhiều người khác mong ước mà không may mắn được.

Cho nên, không phải những kiếp trước cái Ngã đã tạo ra những nghiệp quả cho hiện tại nhưng vì trước khi chúng ta tái sinh vào cuộc chơi ở đời, chúng ta chọn nhiều hạt nhân để gieo và dựa vào nhân duyên để thành quả. Nhưng vì đa số chúng ta không có chủ định, ưa trò đỏ đen may rủi, trong cuộc chơi của luân hồi vì vậy nên thường thất vọng với cái quả của mình. Đa số than là cầu bất đắc khổ. Dĩ nhiên, có rất nhiều điều khôn nạn không ai mong muốn cả nhưng nó vẫn lăn xả, xui xẻo, bám chặt vào thân. “Sự đời như cái lá Đa, đen như mồm chó, chém cha sự đời.” (Cao Bá Quát)

Những lý luận cá nhân trên đây với nhiều tài liệu tham khảo, kể cả trích từ kinh điển cũng vẫn chưa hoàn toàn đưa ra được một phương thức thực tiễn, hữu hiệu nhất cho tất cả nhân sinh. Câu hỏi vẫn là: Biết rồi nhưng phải làm sao để tạo ra được những điều mình mong muốn? Câu trả lời tốt nhất là lạc quan tin tưởng, phóng theo và thực hành những điều nhiều người kinh nghiệm, từng trải và thành công đã trình bày ở trên, đừng thối mắc ‘làm sao,’ bằng cách nào. ‘Làm sao’ là chuyện của TÂM. Chúng ta không cần phải lo nghĩ, ‘làm sao,’ Tâm sẽ chỉ đường hay làm cho mình. Nói theo Duy Lực Thiền, chúng ta

không quyết định gì cả mà Tâm Thức quyết định trước cho ta. Tâm quyết định khi nào đến, khi nào đi và làm gì trong lúc ở trong kiếp chúng sinh này chứ không phải nhục thể, trí não này làm chủ định mệnh. Vì vậy mà chúng ta không thể biết được lúc nào mình chết, chết cách nào, tại sao mà chết vì Tâm đã chuẩn bị mọi chuyện này rồi; Ta khỏi lo cho khổ xác.

Tuy nhiên, không ai có thể dạy mình bơi được nếu mình không tình nguyện nhảy xuống nước. ‘Làm sao’ bơi được không quan trọng trong khi mình phải ‘làm sao’ để không bị uống nước, không bị ngột thở, đang chết đuối vì tự mình nhảy xuống nước sâu, cần thiết hơn. Trong khi thập tử nhất sinh thì TÂM sẽ dạy Ta ‘làm sao’ để sống sót. Tâm sẽ không chỉ cho ta bơi vì ta đã là vô địch về bơi lội; Tâm chỉ nhắc nhở - ta đã có cái khả năng tự nhiên, thiên bẩm đó từ lâu nhưng quên mất đấy thôi. Dĩ nhiên, TÂM cũng sẽ chỉ Ta làm sao để chết... đuối, đó cũng là khả năng tự nhiên của ta. Chỉ có một con đường để chọn thôi - sống hay chết.



Tóm lại, hạnh mong vô cầu trong Phật Pháp chỉ đơn giản như vậy thôi, trước sau như một, như thị tri kiến. Nếu, chúng ta hiểu rõ nguyên lý này thì sẽ biết được cách hành trì, biết được lòng muốn gì, đương nhiên đạt được hiệu quả mong muốn. Cho nên, cầu Phật gia trì, Bồ Tát bảo hộ là vô minh, mê tín. Ngược lại, cầu Phật gia trì, Bồ Tát bảo hộ cũng là minh tâm, trí tuệ. Cùng một phương tiện nhưng khác mục đích và hiệu quả. Phật Pháp chú trọng ở chỗ giải rõ lý và thông đạt ý với phương tiện hành pháp. Phải chân thật ‘Hành Trì’ cho được. Hiểu được đạo lý này, hiểu được phương pháp trên mà làm không được thì vẫn chưa hiểu được chính pháp trong đạo, không đạt được cứu cánh giác ngộ. Tuy nhiên, những điều Phật Giáo dạy về hướng nội, tự lực mong cầu, thấy đơn giản nhưng không phải dễ gì mà làm được. Ngược lại, những nghi thức hướng ngoại để cầu xin tha lực mà các tôn giáo khác hứa hẹn cũng không dễ gì có được. Dù cho hiểu và biết sự thật là như vậy nhưng con người vẫn yếu tự tin và tự lực của mình thường dựa vào tha lực để mong cầu, nhất là những lúc bị trở ngại, đau khổ và tuyệt vọng. Trong chúng sinh, chỉ có con người là giống vật duy nhất biết mong cầu. Đó là tập tục vừa dễ thương vừa đáng thương từ hàng ngàn năm của con người bắt nguồn từ vô minh, sợ hãi thiên nhiên không thích bị đau khổ trừ khi họ giác ngộ thoát khỏi vòng sinh tử luân hồi, chiến thắng được khổ đau mới hết mong cầu. Cầu bắt đắc khổ hay cầu đắt sướng thì cả hai cái đặc này ‘rồi cũng sẽ chóng qua đi,’ vô thường như gió thoảng mây trôi, bóng (vó) câu cửa sổ, hay như điện như ảo.

Lời Nói Thêm

Tôi nghiên cứu đạo Phật do nhân duyên, tình cờ tự tìm thấy qua những triết lý của Phật Giáo Đại Thừa và các cư sĩ online. Tôi không cầu không muốn mà bị được hay may mắn Đắc. Có thể vì vậy mà tôi chưa hành trì chỉ vòng vòng trước vô môn quan. Vô sở vô trụ!

Thông thường, người muốn học Phật hay bỏ đi tu vì họ có lý do và mục đích riêng nhưng riêng tôi thì không mong cầu học Phật và nhất là biếng nhất không tu nôi. Nhưng không biết sao những cái Phật Pháp nầy nó cứ bám vào tâm, không viết ra không được mà viết ra rồi tưởng thoát nợ thì những ý niệm khác lại tới trong tâm trí, nên phải tổng nó ra. Có thể vô cầu mà đắc, ‘bị trúng tủ?’ Điều không giải thích được là những gì mình nghĩ nó trùng hợp kỳ lạ với những điều trong Phật Giáo sau khi kiểm chứng? Rồi thì ‘méo mó nghề nghiệp,’ trông gà hóa cuốc, nhìn gì cũng dùng Phật Pháp để diễn tả chứng minh. Cho nên những điều nói thêm dưới đây có thể cuồng ngôn, vọng tưởng, không dễ gì thấy được bởi những người mù sờ voi vì những điều này chỉ dành riêng cho voi nhìn thấy những người mù đang ‘xờ’ mình.

Như đã nói, mong muốn điều gì thì chúng ta phải cầu đúng Ý, đúng Pháp và đúng Lý mới mong được ứng nghiệm. Vậy câu hỏi chính mình phải tự đặt ra trước khi cầu là ‘ý chúng ta lý cầu cho ai – cho Ngã (Ta) hay cho chúng sinh?’ Rồi sau đó dùng Pháp mà cầu Tâm thì chắc chắn ứng nghiệm, cầu đắc ứng. Không hợp Lý-Pháp-Ý thì chắc chắn sẽ cầu bất đắc hay ghét của nào bị trao quả đó. Nhưng nếu không có cái Ta (vô ngã) thì cái gì đã tạo ra những nghiệp quả lẫn nhân duyên từ vô lượng kiếp trước, trong lúc này và trong vị lai? Hay ngược lại, những nhân quả mà ‘cái Ta khác lạ’ (duy ngã) đó đã, đang và sẽ làm không là Ta, không phải Ta làm, và không là quả của Ta thì tại sao Ta lại cầu ôm lấy nó rồi thì lo sợ nó mất hay than khổ, than đau vì vướng lấy nó nên cầu mong vứt bỏ nó đi?

Hơn nữa, những điều phạm tục mà chúng ta mong muốn có thể đã có sẵn ở trong ta thay vì nhọc công cầu tìm đâu xa. Bài phú "Cư Trần Lạc Đạo" của Sơ Tổ Trúc Lâm, cô đọng những gì Lục Tổ đã thấy và ứng dụng:

Cư trần lạc đạo thả tùy duyên Cơ tắc xan hề khốn tắc miên. Gia trung hữu bảo hưu tầm mịch Đối cảnh vô tâm mạc vấn thiên.	Ở đời vui đạo hãy tùy duyên Đói đến thì ăn, mệt ngủ liền. Trong nhà có báu, thôi tìm kiếm Đối cảnh không tâm chớ hỏi thiên.
---	--

Khi thấy được của báu sẵn có trong nhà chính như Lục Tổ Huệ Năng đại ngộ kêu lên, "Đâu ngờ tánh mình vốn tự thanh tịnh. Đâu ngờ tánh mình vốn không sanh diệt. Đâu ngờ tánh mình vốn tự đầy đủ. Đâu ngờ tánh mình vốn không dao động. Đâu ngờ tánh mình hay sanh muôn pháp." Một câu kết này đã bao gồm cả Vô Ngã Tướng, Vô Niệm Tướng, Vô Trụ Tướng, Vô Pháp Tướng. Thiên là đối cảnh vô sở vô trụ mà ngài Trúc Lâm Đầu Đà đã tri hành tuyệt diệu chỗ kiến giác của Nhị Tổ, chỗ đón ngộ và hành trì của Lục Tổ.

Tóm lại, chúng ta ai cũng có sẵn những điều ta muốn nhưng chưa biết đó thôi. Của báu chính là viên bảo ngọc Mani ở trong túi mà không biết ‘đại dụng’ cứ tìm kiếm đâu xa.

Đó là ý nghĩa của đoạn kết thúc trong bài phú Cư Trần Lạc Đạo, “Trong nhà có báu, thôi tìm kiếm” của Phật Hoàng Trần Nhân Tông, Sơ Tổ Trúc Lâm.

Lúc ngộ được những chân lý ở trên thì so với cái lòng vô cầu này của con người, nó quá nhỏ bé hơn cả triệu triệu lần của một hạt nguyên tử so với vũ trụ vô lượng. Cho nên không có để bàn đến, hay thấy được để mà cầu (It is irrelevant.) Đó là ý nghĩa chữ Không (không cầu không.) Tuy nhiên, tôi vẫn cầu mong, 3000 năm sau khi mà chúng sinh sẽ có được trí tuệ siêu phàm, đạt được tri kiến phật và khoa học nhân bản lúc đó đã tiến bộ vượt bậc, Đức Thế Tôn, ngã phật từ bi, sẽ trở lại cõi Ta Bà để giảng dạy cho chúng ta cái mớ kiến thức, cái ‘đám lá trên rừng’ này.

Trong lúc chờ đợi, pháp môn đơn giản mà Đức Phật dạy đó là Tứ Diệu Đế và Bát Chánh Đạo vẫn là phương thức thực tiễn nhất cho chúng sinh. Hai phương pháp căn bản này được xem là phương tiện cần thiết cấp thời và hữu hiệu nhất được Đức Thế Tôn ví như nắm lá trong tay mà ngài đang dạy để chữa tâm bệnh đau khổ khẩn thiết của con người. Sau khi thoát khỏi được khổ đau thì những rừng lá kiến thức đó không cần phải hỏi nữa, tự trí tuệ sẽ giác. Câu hỏi cho những kẻ phàm phu như chúng ta là nên chữa bệnh khổ đau cấp thời trước rồi sẽ tập ngộ sau hay nên tu để được giác ngộ trước thì khổ đau tự nó biến mất trên đời. không còn là vấn đề canh cánh trong lòng?

Giáo sư Rhys Davids, người Anh, chuyên môn về Đông Phương Học đã tâm sự, “Là Phật tử hay không phải là Phật tử tôi đã quan sát mọi hệ thống của các tôn giáo thế giới, tôi đã khám phá ra không một tôn giáo nào có thể vượt qua được vẻ đẹp và sự quán triệt Bát Chánh Đạo và Tứ Diệu Đế của Đức Phật. Tôi rất mãn nguyện đem ứng dụng cuộc đời tôi theo con đường đó.”

Tuy nhiên, mục đích của Đạo Phật không phải chỉ giúp cho mỗi cá nhân thoát khỏi đau khổ và giác ngộ mà còn là đạo của đại từ đại bi, cứu độ chúng sinh trong cõi Ta Bà. Thêm nữa, nếu như chúng ta tu hạnh bố thí, tất cả vì chúng sanh mà từ bi hỷ xả, bản thân chẳng mong cầu gì cả, thì chúng ta sẽ được vô lượng công đức.

Trong Liên Hoa hóa sanh,

Sự đáo vô tâm giai khả lạc,
Nhân đáo vô cầu phẩm tự cao.

*

Chẳng bận tâm thì lòng an vui,
Người vô cầu là bậc cao thượng.

Cũng vì vô minh cho nên chúng ta không biết là 7 tỷ cá nhân ngày nay tương tự như 7 tỷ bộ phận (7 billion subsystems tương tự như ‘Ta’ là một trong hàng tỷ tế bào trong một cơ thể cá nhân) của một guồng máy nhân sinh (human system, máy Tâm cơ) trên thế giới. Tất cả điều liên đới, có trách nhiệm lẫn nhau với những nhiệm vụ riêng biệt. Khi bộ phận này hư hỏng thì sẽ có bộ phận khác thay thế và vì system càng ngày càng văn minh trí tuệ hơn như computers, như internet, như robots cho nên càng phải cần thêm nhiều bộ phận thông minh hơn để thay thế để phục vụ cho nhu cầu chung của con người. Cho nên, mỗi

cá nhân có chết hay sống, vui hay khổ cũng không làm cho guồng máy nhân loại chấm dứt hoạt động vì Tâm (vũ trụ) đã tự chế tạo, sáng tạo, ra hệ thống “không Mợ thì chợ vẫn đông!”

Đó cũng là ý nghĩa của bài Hạnh Mong Vô Cầu này vì một cái tế bào trong thân thể một con người, một bọt sóng biển trong đại dương, một siêu nguyên tử trong vũ trụ không thể là một bản thể độc lập, một duy ngã độc tôn, để cầu mong cho chính nó. Hiểu được lý vô ngã này thì sẽ ngộ được cái **không ai** (không có cá nhân, không có cái duy ngã) tạo ra nghiệp quả, nhân duyên cho mỗi cái Ta từ vô lượng kiếp cả.



Tài Liệu Tham Khảo

1. Books by Bruce Lee
2. Tại sao bạn mong cầu mà không được như ý nguyện? Pháp Sư Tịnh Không
3. Kinh Phật Thuyết A Di Đà, Hoà Thượng Tuyên Hóa lược giải
4. Hữu Cầu Tắc Khổ, Nguyễn Kim Sơn
5. Lý Tiểu Long: Đừng mong cầu một cuộc sống dễ dàng, Nguyễn Vũ Tuấn Anh
6. Tham Ái Qua Lăng Kính Phật Giáo, Thích Trí Giải
7. Quán Vô Thường ĐỂ ĐOẠN TRỪ TÂM THAM ÁI, Trí Giải
8. Con đường Đức Phật: Sự Thật về Khổ, VietNam Dhamma Home
9. Lời Phật Dạy, Kinh Tạng Nikaya, Biên soạn: Thích Quảng Tánh
10. Diamond Cutter, Geshe Michael Roach
11. Khổng Minh Gia Cát Lượng đại truyện, Trần Văn Đức dịch thuật
12. Thần Thông, Lê Anh Chí
13. Thiên Tông Việt Nam Cuối Thế Kỷ 20, Thích Thanh Từ
14. Ý nghĩa của cầu nguyện, cầu an và cầu siêu, Thích Nhật Từ
15. Ý Nghĩa Lễ Cầu Nguyện, Tỳ-Khuru Thích-Chân-Tuệ
16. Bát Khổ là gì? Thích Thiện Tâm
17. Cõi Phật đâu xa, Đỗ Hồng Ngọc
18. The Powerful Human Mind, PSI TEK
19. Think and Grow Rich, Napoleon Hill
20. 14 Secrets to Getting Everything You Want in Life, Chris Ankele
21. Bí mật của may mắn, Alex Rovira & Fernando Trias de Bes
22. Đối Thoại Thiên, Giai Không
23. Năng Lực Cầu Nguyện, Thích Trí Siêu
24. Làm sao gặp Phật? Cư sĩ Chính Trực
25. Tịnh Độ Luận, Tha Lực và Tự Lực, Minh Đức - Thanh Lương trích
26. Hòa Thượng Tịnh Không giảng Liễu Phàm Tứ Huân, dịch giả Diệu Âm
27. Vận Mệnh con người có thay đổi được không? Phong Thủy Huyền Không
28. Học cách để gặp may mắn, Giáo Sư Wiseman
29. Tử Vi: Định Mạng hay Tự Do? Thu Giang, Nguyễn Duy Cần
30. Barbara O'Brien, Buddhism Expert, Being Content - and Why That's Important
31. Bi kịch của thiên tài, Đào Hiếu
32. Lại bàn thêm về Cầu Bất Đắc Khổ, Takahashi
33. Tử Bách Lão Nhân Tập, đại sư Tử Bách Đạt Quán đời Minh
34. Những Ảo Tưởng trong Việc Cầu Khẩn, Nguyễn Nhân Trí
35. Prayer in Buddhism (Cầu nguyện trong Phật giáo), G.R. Lewis
36. Bí Pháp Cầu Nguyện Trong Đạo Cao Đài
37. Lợi Ích Của Sự Niệm Phật, *Hòa thượng Tịnh Không*
38. Ngẫu Ích Đại sư- Hành trạng và Pháp ngữ, Thích Định Thông
39. Lục độ balamật – Tinh tấn, Trần Đình Hoàn
40. Năm Trong Hạt Cải, Nhật Chiêu
41. Phật Thuyết Tứ Thập Nhị Chương Kinh, Hoà Thượng Tuyên Hóa
42. Đức Phật A Di Đà là ai? Truyền Bình

43. Ngũ Uẩn Giai Không, Trương Hoàng Minh
44. Vài Nét Về: Phật Giáo & Khoa Học, Trần Chung Ngọc
45. Tự Lực và Tha Lực là những phương tiện để đạt được cứu cánh, Nguyệt Thanh
46. Mạn đàm về sự sợ hãi trong tôn giáo, Tâm Hiền TTC
47. Niệm Phật cảnh, Môn Tự Lực Tha Lực, Thích Minh Thành
48. Giải Về A-Tăng-Kỳ: Asankhaya
49. The First Universal Truth: You are the creator of your reality, Michael Brown
50. Đóng Góp Của Phật Giáo Cho Hạnh Phúc Nhân Loại, Truyền Bình
51. Bối thí với tâm vô cầu thì công đức vô lượng, Hòa Thượng Tịnh Không
52. Khởi Nguyên Tư Tưởng Tịnh Độ và Tha Lực, Phan Minh Đức
53. Tìm hiểu về giáo lý Duyên Khởi, TK. Minh Chơn
54. Đức Phật, Giáo Pháp và Tăng Già, Etienne Lamotte, Trí Nguyệt lược dịch
55. THERAVĀDA Phật Giáo Nguyên Thủy, Bài Kinh Cho Người Bệnh, Tỳ khưu Hộ Pháp, (Dhammarakkhita Bhikkhu), PL. 2550 - TL. 2006